


Số: 1459/BKHĐT-KTĐPLT

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2022

V/v Góp ý hồ sơ xây dựng Nghị quyết và hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về việc thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi:



Tại văn bản số 826/VPCP-QHĐP ngày 09 tháng 02 năm 2022 của Văn phòng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị, trong đó có nhiệm vụ xây dựng, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính và phân cấp quản lý cho tỉnh Khánh Hòa, bảo đảm tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước.

Ủy ban Pháp luật của Quốc hội đã có văn bản số 507/UBPL15 ngày 07 tháng 02 năm 2022 đề nghị Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư *“khẩn trương, chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan, nghiên cứu, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, báo cáo Chính phủ sớm trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2022 theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật để trình Quốc hội xem xét, quyết định”*.

Triển khai các nội dung nêu trên, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các Bộ ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, trình Chính phủ tại văn bản số 1398/TTr-BKHĐT ngày 07 tháng 3 năm 2022.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa tổ chức Hội nghị lấy ý kiến của các Bộ ngành để đánh giá tính khả thi của các cơ chế, chính sách đề xuất. Trên cơ sở đó, ngày 07 tháng 03 năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã gửi văn bản số 1905/TTr-UBND và hồ sơ kèm theo theo quy định tại Điều 58, Điều 59 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Chính phủ xem xét cho ý kiến về hồ sơ đề nghị, bổ sung vào chương trình xây dựng pháp

luật năm 2022 của Quốc hội khóa XV, đồng thời thông qua nội dung Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

Để có cơ sở tổng hợp báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về cơ chế chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa đúng thời hạn quy định, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý cơ quan có ý kiến góp ý về (1) Đề nghị, bổ sung vào chương trình xây dựng pháp luật năm 2022 của Quốc hội khóa XV đối với đề nghị thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa và (2) Nội dung dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

Ý kiến góp ý của Quý cơ quan đề nghị gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ) *trước ngày 15 tháng 3 năm 2022*; đồng thời, gửi file mềm văn bản góp ý về địa chỉ email: thoabm@mpi.gov.vn (Số điện thoại liên hệ: 096.518.3939).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư mong nhận được sự hợp tác của Quý Cơ quan./

Nơi nhận:

- Như trên (Danh sách kèm theo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Tỉnh Khánh Hòa: Tỉnh ủy, UBND, Sở KHĐT;
- Bộ KHĐT: Bộ trưởng (để b/c), Các đơn vị: Danh sách kèm theo (để xin ý kiến);
- Lưu: VT, Vụ KTĐPLT (MT).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Bích Ngọc

DANH SÁCH GỬI VĂN BẢN

I. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

1. Văn phòng Chính phủ
2. Bộ Tư pháp
3. Bộ Tài chính
4. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch
5. Bộ Công Thương
6. Bộ Nội vụ
7. Bộ Khoa học và Công nghệ
8. Bộ Xây dựng
9. Bộ Tài nguyên Môi trường
10. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11. Bộ Lao động – Thương binh và xã hội
12. Bộ Giao thông vận tải
13. Bộ Ngoại giao
14. Bộ Quốc phòng
15. Bộ Công an

II. Các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- 1 Vụ Pháp chế
- 2 Vụ Tài chính tiền tệ
- 3 Vụ Kinh tế dịch vụ
- 4 Vụ Kinh tế nông nghiệp
- 5 Vụ Kinh tế công nghiệp
- 6 Vụ Kinh tế đối ngoại
- 7 Vụ Quốc phòng an ninh
- 8 Vụ Khoa học, Giáo dục và Tài nguyên môi trường
- 9 Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân
- 10 Vụ Quản lý Quy hoạch
- 11 Vụ Quản lý các khu kinh tế
- 12 Cục Quản lý đấu thầu
- 13 Cục Đầu tư nước ngoài
- 14 Vụ Kết cấu Hạ tầng và đô thị
- 15 Viện nghiên cứu Quản lý KTTW
- 16 Viện Chiến lược phát triển.

Số: /TTr- BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045¹; Nghị quyết số /NQ-CP ngày của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/1/2022 của Bộ Chính trị, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao chủ trì, phối hợp với UBND tỉnh Khánh Hòa và các Bộ, ngành có liên quan xây dựng Đề án báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội ban hành Nghị quyết thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa (*Sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết của Quốc hội*) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Khánh Hòa là tỉnh ven biển Nam Trung bộ, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng của cả nước. Tỉnh Khánh Hòa nằm ở vị trí trung tâm của các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ, có diện tích tự nhiên 5.199,6 km², dân số 1,240 triệu người; gồm 09 đơn vị hành chính cấp huyện, có 03 vịnh lớn là Vịnh Nha Trang, Vịnh Vân Phong, Vịnh Cam Ranh; là địa phương có chiều dài bờ biển hơn 385 km, có thềm lục địa và vùng lãnh hải rộng lớn với gần 200 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó quần đảo Trường Sa có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng cả về quốc phòng và bảo vệ

¹ Bộ Chính trị giao: "Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo: (1) Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết. (2) Xây dựng, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, trong đó có tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư... và phân cấp quản lý cho tỉnh Khánh Hòa, bảo đảm tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước, phù hợp vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hòa trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trình Quốc hội khóa XV thông qua."

chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ đất nước; có mũi Đồi là điểm cực Đông trên đất liền của Tổ quốc; là cửa ngõ hướng biển, tâm điểm kết nối vùng giữa Tây Nguyên với Nam Trung bộ, trong đó Khu kinh tế Vân Phong từng được định hướng trở thành đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Khánh Hòa có mạng lưới giao thông khá thuận lợi, trên các trục giao thông đường bộ quan trọng của cả nước, có các cảng biển nước sâu, có sân bay quốc tế Cam Ranh với lưu lượng khách quốc tế đứng thứ 3 cả nước, là cửa ngõ giao thương quốc tế cho cả khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, lịch sử văn hóa đã tạo cho Khánh Hòa địa quân sự khá đặc biệt về quốc phòng và an ninh; là địa phương có tiềm năng rất lớn để phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhất là phát triển dịch vụ, du lịch và kinh tế biển, tạo động lực cho sự phát triển của khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên và cả nước.

Sau 10 năm thực hiện Kết luận số 53-KL/TW ngày 24/12/2012 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Khánh Hòa đã khai thác và phát huy tương đối tốt các tiềm năng, lợi thế, nhất là lợi thế về biển cho phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế tăng trưởng khá; thu ngân sách tăng nhanh, bảo đảm tự cân đối ngân sách địa phương và có điều tiết về Trung ương. Hệ thống đô thị ven biển được hình thành tương đối hiện đại. Khu kinh tế Vân Phong từng bước tác động tích cực đến phát triển kinh tế của tỉnh và vùng. Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Khánh Hòa là trung tâm du lịch biển quốc gia, có thương hiệu quốc tế; từng bước trở thành một cực tăng trưởng trong khu vực. Tỷ lệ hộ nghèo đạt mức thấp. Phát triển kinh tế - xã hội được kết hợp chặt chẽ với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc được bảo vệ vững chắc.

Tuy nhiên, tiềm năng, lợi thế của tỉnh chưa được khai thác hợp lý, phát huy hiệu quả, chưa tạo ra sự đột phá cho phát triển. Khánh Hòa chưa đạt được các tiêu chí để trở thành đô thị trực thuộc Trung ương; chưa thực sự trở thành đô thị hạt nhân, động lực phát triển, cửa ngõ chính ra Biển Đông của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Khu kinh tế Vân Phong phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Quy mô kinh tế còn khá nhỏ; cơ cấu kinh tế thiếu cân đối, phụ thuộc nhiều vào khu vực dịch vụ, sức chống chịu không cao. Trong hai năm vừa qua (2020 và 2021), Khánh Hòa là địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19, GRDP năm 2020 là - 10,5%, năm 2021 là - 5,58%. Du lịch phát triển chưa bền vững. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông chưa đồng bộ. Phát triển và quản lý đô thị còn nhiều bất cập. Thu nhập bình quân đầu người thấp, chênh lệch phát triển trong nội tỉnh còn cao; nguy cơ tái nghèo cao, nhất là tại những huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả hợp tác, liên kết với các địa phương khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên còn hạn chế.

Trong bối cảnh đó, xác định Khánh Hòa có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trung tâm kết nối vùng, cửa ngõ chính ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó đề ra yêu cầu phát huy mọi tiềm năng, lợi thế để phát triển tỉnh Khánh Hòa nhanh và bền vững, để đến năm 2030 “là thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở phát huy cao độ tiềm năng và lợi thế về biển, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; là nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc”; tầm nhìn đến năm 2045 là “thành phố đáng sống, thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực châu Á; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh”. Đồng thời, Bộ Chính trị đã giao “Ban cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo: (1) Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết; (2) Xây dựng, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, trong đó có tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư... và phân cấp quản lý cho tỉnh Khánh Hòa, bảo đảm tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước, phù hợp vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hòa trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trình Quốc hội khóa XV thông qua”.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa là cần thiết, nhằm thể chế hóa các quan điểm, định hướng phát triển nêu trong Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, khắc phục những hạn chế, yếu kém và tạo cơ chế đột phá để huy động mọi nguồn lực, khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, góp phần đạt được các mục tiêu mà Bộ Chính trị đã đề ra.

II. VỀ QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa được xây dựng trên các quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm tuân thủ quy định của Hiến pháp năm 2013; phù hợp với Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển

tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

2. Quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển Khánh Hòa thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với các quy định của luật hiện hành hoặc chưa quy định cụ thể.

3. Tăng cường phân cấp, tăng tính tự chủ, tăng trách nhiệm của chính quyền tỉnh Khánh Hòa, đồng thời đảm bảo nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân các cấp của Tỉnh. Việc ban hành các chính sách mới phải được đồng thuận của người dân và doanh nghiệp; bảo đảm sự ổn định và tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, không ảnh hưởng lớn đến môi trường đầu tư, kinh doanh.

4. Quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa phải phù hợp với bối cảnh thực tiễn phát triển của địa phương và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của Nhà nước, trên cơ sở huy động đa dạng các nguồn lực xã hội để tập trung vào phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, từng bước giải quyết các thách thức, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.

5. Các cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển tỉnh Khánh Hòa phải đảm bảo tính tương đồng với các chính sách của một số thành phố lớn khác trong cả nước.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Quá trình xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội:

Dự thảo Nghị quyết được nghiên cứu, xây dựng ngay sau khi Bộ Chính trị giao Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa trình Quốc hội xem xét, ban hành tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Thực hiện chỉ đạo nêu trên, Chính phủ² đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa và các Bộ, cơ quan liên quan khẩn trương hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa trình Chính phủ cho ý kiến và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội để trình Quốc hội cho ý kiến, thông qua tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV theo quy trình một kỳ họp.

²Tại Nghị quyết số /NQ-CP ngày / /2022 của Chính phủ về đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa và Công văn số 826/VPCP-QHĐP ngày 09/02/2022 của Văn phòng Chính phủ

Dự thảo Nghị quyết và hồ sơ liên quan đã được chuẩn bị theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, gồm: (1) Xây dựng Đề án cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa; (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết; (3) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị quyết; (4) Báo cáo đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (5) Tổ chức họp, lấy ý kiến và tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các Bộ, ngành liên quan và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp³ về dự thảo Nghị quyết.

Trên cơ sở đó, Chính phủ đã thống nhất và ban hành Nghị quyết số /NQ-CP ngày //thông qua dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa và có Tờ trình số .../TTr-CP ngày //2022 trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tiếp thu ý kiến Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Phiên họp thứ ... (tháng 4/2022)⁴ về dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, Chính phủ đã rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết với các nội dung như dưới đây.

2. Nội dung cơ chế, chính sách chủ yếu theo đề xuất của UBND tỉnh Khánh Hòa:

Tại văn bản số 1905/TTr-UBND ngày 07/3/2022, tỉnh Khánh Hòa đề xuất 16 chính sách trình Quốc hội ban hành thuộc các lĩnh vực: (i) Tài chính, ngân sách nhà nước (03 cơ chế, chính sách); (ii) Quy hoạch, quản lý đất đai (04 cơ chế, chính sách); (iii) Phát triển khu kinh tế Vân Phong (05 cơ chế, chính sách); (iv) Phát triển kinh tế biển (02 cơ chế, chính sách); (v) Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (02 cơ chế, chính sách).

Trên cơ sở đề xuất của tỉnh Khánh Hòa, ý kiến góp ý của các Bộ, ngành liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, tổng hợp, hoàn chỉnh Hồ sơ đối với 13 chính sách, bao gồm: (i) Tài chính, ngân sách nhà nước (03 cơ chế, chính sách); (ii) Quy hoạch, quản lý đất đai (04 cơ chế, chính sách); (iii) Phát triển khu kinh tế Vân Phong (05 cơ chế, chính sách); (iv) Phát triển kinh tế biển (01 cơ chế, chính sách) để đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

³ Báo cáo thẩm định số /BCTĐ-BTP ngày / / của Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

⁴ Thông báo số /TB-TTKQH ngày //của Tổng Thư ký Quốc hội.

IV. TÊN, ĐỐI TƯỢNG PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Tên gọi của Nghị quyết: Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối tượng áp dụng:

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
- Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết:

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi là Tỉnh) về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước; phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, môi trường, đầu tư; tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công; phát triển Khu kinh tế Vân Phong; và phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển.

V. BỐ CỤC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI

Dự thảo Nghị quyết bao gồm 10 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước
- Điều 4. Quản lý quy hoạch
- Điều 5. Quản lý đất đai
- Điều 6. Tách dự án hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư ra khỏi dự án đầu tư công
- Điều 7. Phát triển Khu kinh tế Vân Phong
- Điều 8. Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tại tỉnh Khánh Hòa
- Điều 9. Tổ chức thực hiện
- Điều 10. Điều khoản thi hành

VI. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH:

Để đạt được mục tiêu xây dựng và phát triển Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương như đã đặt ra tại Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ

Chính trị, Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa tập trung đề xuất 16 chính sách bao gồm: (i) Tài chính, ngân sách nhà nước; (ii) Quy hoạch; (iii) Đất đai; (iv) Tách hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng; (v) Phát triển khu kinh tế Vân Phong; và (vi) Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tại tỉnh Khánh Hòa.

1. Chính sách 01: Bổ sung có mục tiêu từ số tăng thu phân điều tiết ngân sách trung ương và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%

a) Mục tiêu chính sách:

Khuyến khích địa phương phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước, tăng đóng góp của tỉnh về ngân sách Trung ương trong giai đoạn sau, vừa hỗ trợ cho ngân sách địa phương có đủ nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhất là phát triển nhanh kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối các vùng, miền để tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương và là một cực tăng trưởng trung tâm của khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và của cả nước.

b) Nội dung chính sách:

Hàng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh không quá 70% số tăng thu ngân sách Trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương so với dự toán Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thưởng vượt thu theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước so với dự toán Chính phủ giao, nhưng không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

- Theo quy định khoản 5, khoản 6 Điều 19 Luật Ngân sách nhà nước, Quốc hội “quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương....” và “quyết định mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, bao gồm bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu”.

- Tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030, tỉnh Khánh Hòa là thành phố trực thuộc Trung ương, là một cực tăng trưởng trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây

Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghệ công nghiệp cao, khoa học công nghệ, du lịch. Đến năm 2045, tỉnh Khánh Hòa là đô thị thông minh, bền vững, mang bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á. Để phấn đấu đạt được mục tiêu đã được Bộ Chính trị đề ra việc đầu tư và hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, kết nối đồng bộ với các tỉnh, thành phố trong khu vực, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế để kêu gọi và thu hút các doanh nghiệp đầu tư...là mục tiêu được đặt lên hàng đầu và phải được triển khai nhanh, hiệu quả đáp ứng được mục tiêu phát triển.

Tỉnh Khánh Hòa đang là tỉnh tự cân đối, có điều tiết số thu về ngân sách trung ương⁵, tốc độ tăng trưởng bình quân thu ngân sách nhà nước của tỉnh giai đoạn 2012-2019 là 11%/năm, trong đó các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, các khoản thu NSTW hưởng 100% (tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước) chiếm tỷ trọng 67% trong tổng thu NSNN.

Tuy nhiên, năm 2020 và năm 2021 do tác động của dịch bệnh COVID-19, số thu NSNN trên địa bàn giảm sâu (*năm 2019 thu 19.074 tỷ đồng, năm 2020 thu 13.825 tỷ đồng, bằng 72% so với cùng kỳ và năm 2021 thu 14.076 tỷ đồng, tăng 1,8% so với cùng kỳ nhưng bằng 74% so với năm 2019*), bên cạnh đó địa phương đã huy động tất cả các nguồn lực tài chính hợp pháp của địa phương bao gồm Quỹ dự trữ tài chính, nguồn cải cách tiền lương, nguồn tiết kiệm chi, thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên từ dự toán với số tiền 1.500 tỷ đồng để thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh và hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng do dịch bệnh. Đồng thời, đã cắt giảm nhiệm vụ chi đầu tư từ dự toán để bù hụt thu, đảm bảo cân đối ngân sách địa phương.

Trước thực tiễn nguồn thu NSNN bị tác động do dịch bệnh, Chính phủ đã giao dự toán thu NSNN năm 2022 của tỉnh Khánh Hòa là 12.015 tỷ đồng, thấp hơn 5.245 tỷ đồng so với năm 2017 và thấp hơn 1.743 tỷ đồng so với năm 2021. Đồng thời, nguồn vốn ngân sách địa phương dành cho chi đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, các dự án, chương trình trọng điểm của tỉnh giai đoạn 2021-2025 chỉ đảm bảo được 29,4% nhu cầu (tổng nhu cầu vốn đầu tư công 70.140 tỷ đồng, tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Khánh Hòa là 21.116 tỷ đồng). Do đó, với nguồn lực hạn chế như hiện nay của tỉnh Khánh Hòa, để đạt được mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã được Bộ Chính trị đặt ra cho Tỉnh rất khó đạt được, rất cần có sự hỗ trợ từ ngân sách trung ương để địa phương có nguồn lực, động lực phát triển.

⁵ Từ năm 2004 đến nay, tỉnh Khánh Hòa là một trong các tỉnh tự cân đối ngân sách và có điều tiết số thu về ngân sách trung ương. Cụ thể, tỷ lệ ngân sách địa phương được hưởng giai đoạn 2011-2016 là 77%, giai đoạn 2017-2021 là 72%, năm 2022 là 98%.

Vì vậy, việc thực hiện chính sách bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho tỉnh Khánh Hòa vừa hỗ trợ cho ngân sách địa phương có nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế xã hội của tỉnh hoàn thành được mục tiêu tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị, vừa khuyến khích địa phương phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước, tăng đóng góp của tỉnh về ngân sách trung ương trong giai đoạn sau.

Hiện nay Quốc hội đã cho phép áp dụng chính sách tương tự đối với thành phố Hồ Chí Minh tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017, thành phố Cần Thơ tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và thành phố Hải Phòng tại Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021. Mặt khác, Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định yêu cầu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa bảo đảm tính tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

2. Chính sách 02: Nâng hạn mức dư nợ vay của ngân sách địa phương lên mức 60%

a) Mục tiêu chính sách:

Tạo điều kiện cho tỉnh Khánh Hòa huy động trước một phần nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng, phù hợp với điều kiện, khả năng cân đối ngân sách của địa phương, đảm bảo an toàn, bền vững nợ công, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng Khu kinh tế Vân Phong, các dự án trọng điểm, có tính kết nối, lan tỏa vùng, miền trên địa bàn để tỉnh Khánh Hòa phát huy vai trò là trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ chính ra Biển Đông, có vai trò trung tâm kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ với các vùng, miền trong cả nước, quốc tế theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022.

b) Nội dung chính sách:

Tỉnh Khánh Hòa được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho tỉnh vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách tỉnh hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Theo quy định tại Điều c Khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 về mức dư nợ vay của ngân sách địa phương: “*Đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương không vượt quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp*”. Khánh Hòa là tỉnh có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương nên mức dư nợ vay hiện nay của Tỉnh không vượt quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp.

Trong các nhiệm vụ, giải pháp Bộ Chính trị đề ra để xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022, có nhiệm vụ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại; hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số; làm cơ sở để Khánh Hòa phát huy vai trò là trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ chính ra Biển Đông, có vai trò trung tâm kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ với các vùng, miền trong cả nước, quốc tế; phát triển khu kinh tế Vân Phong trở thành động lực phát triển của tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ, Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế. Với mục tiêu phát triển là trung tâm kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ với các vùng, miền trong cả nước, quốc tế, phát triển khu kinh tế, khu đô thị sân bay, nhu cầu vốn để triển khai là rất lớn.

Tuy nhiên với nguồn lực còn hạn chế của địa phương sẽ không đảm bảo đủ nguồn để phát triển nhanh, đồng bộ nhiều ngành, nghề, lĩnh vực trong cùng một thời điểm. Vì vậy, cần thông qua phát hành trái phiếu địa phương, vay vốn các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho tỉnh vay lại để huy động trước nguồn lực để thực hiện, đồng thời sử dụng nguồn vốn vay như nguồn ngân sách nhà nước để dẫn dắt và thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư phát triển cho hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn.

Trên cơ sở các dự án đã ký thỏa thuận vay nợ, dự kiến dư nợ ngân sách tỉnh Khánh Hòa đến thời điểm 31/12/2022 là 766 tỷ đồng. Hạn mức dư nợ tối đa được huy động theo quy định hiện hành là 2.737 tỷ đồng. Đối với các dự án đã thực hiện ký thỏa thuận vay, trong giai đoạn 2021-2025, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt mức vay là 1.273 tỷ đồng⁶; đồng thời, tỉnh Khánh Hòa đang triển khai dự án Phát triển tổng hợp tỉnh Khánh Hòa với tổng mức đầu tư 4.000 tỷ đồng, trong đó vốn vay là 2.800 tỷ đồng (70%) từ nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới.

⁶ Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang; Sửa chữa và nâng cao an toàn đập; Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai; Nâng cao hiệu quả sử dụng nước tại các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán

Như vậy, nhu cầu vốn vay của Tỉnh Khánh Hòa đối với các dự án đang triển khai đã vượt hạn mức vay nợ tối đa theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Với định hướng phát triển Tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022, trong thời gian tới tỉnh Khánh Hòa cần huy động thêm nguồn lực tối thiểu 40.000 tỷ đồng⁷. Do đó, cần nâng hạn mức vay của tỉnh từ 30% lên 60%, theo đó hạn mức dư nợ vay tối đa của tỉnh Khánh Hòa 5.472 tỷ đồng (tính theo dự toán năm 2022), tăng 2.736 tỷ đồng so với quy định hiện hành sẽ bổ sung nguồn lực cho Tỉnh đáp ứng một phần nhu cầu vốn để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của Tỉnh nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị đã đề ra.

Nếu tỉnh sử dụng toàn bộ nguồn vốn vay này cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thì đây là nguồn lực rất có ý nghĩa với Khánh Hòa. Phân tích từ mô hình kinh tế lượng cho thấy, trong trường hợp Khánh Hòa có đủ năng lực thụ vốn, khả năng vay nợ và đảm bảo phù hợp với giới hạn về tỷ lệ nợ công do Quốc hội phê duyệt hàng năm, chính sách có tác động tích cực khá đáng kể tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2030. Cụ thể, nếu sử dụng hết hạn mức vay tối đa 60%, khả năng huy động vốn đầu tư toàn xã hội có thể tăng thêm 45%; tăng trưởng GRDP tăng thêm 1,8 điểm %; thu ngân sách nhà nước theo đó có cơ hội tăng thêm khoảng 25% mỗi năm so với trường hợp không áp dụng cơ chế đặc thù (kịch bản cơ sở). Với khả năng thu này, tỉnh có khả năng đảm bảo được nghĩa vụ trả nợ theo hạn mức vay mới; đồng thời hướng tới mục tiêu tăng dần tỷ lệ điều tiết. Như vậy, chính sách có nhìn chung tác động lan tỏa tích cực, tạo điều kiện giúp Khánh Hòa tiến gần hơn tới các mục tiêu đã đặt ra tại Nghị quyết 09.

Hiện nay Quốc hội đã đồng ý cho tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Nghệ An được vay với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 40% số thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp; Thành phố Hải Phòng, tỉnh Thanh Hóa được vay với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách tỉnh, thành phố được hưởng theo phân cấp. Mặt khác, Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định yêu cầu xây dựng, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính bảo đảm tính tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước, phù hợp với vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hòa.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

⁷ Bao gồm các dự án: Hạ tầng khu kinh tế Vân Phong khoảng 3.000 tỷ đồng, Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng 400 tỷ đồng; Bệnh viện sản nhi 745 tỷ đồng; Đường ven biển từ xã Vạn Lương huyện Vạn Ninh đến thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa 1.498 tỷ đồng; Đường liên vùng huyện Diên Khánh 844 tỷ đồng; Đường D25 và Kênh thoát lũ Vĩnh Trung 1.490,7 tỷ đồng; Đường Vĩnh Bình-Cù Hin 1.028 tỷ đồng; Mở rộng cầu Cam Hải 600 tỷ đồng; Chương trình phát triển đô thị 30.000 tỷ đồng;...

3. Chính sách 03: Về định mức phân bổ chi thường xuyên

a) Mục tiêu chính sách:

Bảo đảm nguồn lực cần thiết để tỉnh Khánh Hòa thực hiện có hiệu quả các ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội. Nguồn kinh phí tăng thêm do tăng định mức phân bổ chi thường xuyên sẽ tạo điều kiện để tỉnh tập trung cho các huyện miền núi và phát triển các đô thị; từng bước đạt được các mục tiêu mà Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra.

b) Nội dung chính sách:

Tỉnh Khánh Hòa được phân bổ thêm 45% theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số khi xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

- Theo quy định tại khoản 16 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022: Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có cơ chế chính sách đặc thù hoặc có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số như sau: Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được phân bổ thêm 80%. Các thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ được phân bổ thêm 70%. Các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Thừa Thiên Huế được phân bổ thêm 45%. Các tỉnh còn lại có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 40% trở lên được phân bổ thêm 60%; các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 15% đến dưới 40% được phân bổ thêm 50%; các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương còn lại được phân bổ thêm 40%. Theo quy định hiện hành, tỉnh Khánh Hòa được phân bổ thêm 40% số chi thường xuyên tính theo định mức dân số. Tuy nhiên năm 2022, tỉnh Khánh Hòa tiệm cận với địa phương nhận bổ sung từ ngân sách trung ương nên chưa xác định phân bổ phần tăng thêm này.

- Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa có 02 huyện miền núi Khánh Sơn và huyện Khánh Vĩnh thuộc diện huyện nghèo 30a theo phê duyệt của Chính phủ với tỷ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm đa số, tỷ lệ hộ nghèo: huyện Khánh Vĩnh 45,9%, huyện Khánh Sơn 47,4%, tỷ lệ hộ cận nghèo: huyện Khánh Vĩnh 12,7%, huyện Khánh Sơn 18,9%; cơ sở hạ tầng xã hội còn hạn chế, đời sống nhân dân còn khó khăn, hàng năm ngân sách địa phương luôn ưu tiên nguồn vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm tỷ lệ hộ nghèo qua từng năm. Tuy nhiên do nguồn lực ngân sách địa phương còn hạn chế, nguồn vốn hỗ trợ chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho hai huyện miền núi vươn lên thoát nghèo và phát

triển. Mặt khác, với mục tiêu phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 trở thành đô thị trực thuộc Trung ương nên nguồn lực để phát triển đô thị là rất lớn, tuy nhiên khả năng cân đối hàng năm còn khá hạn chế (khoảng 300 tỷ đồng/năm). Bên cạnh đó, một số chính sách do Trung ương ban hành nhưng chưa cân đối được hoặc chỉ cân đối một phần nguồn kinh phí thực hiện, phần còn lại do địa phương phải tự đảm bảo, dẫn đến áp lực rất lớn cho cân đối ngân sách địa phương hằng năm của tỉnh. Dự kiến trong thời gian tới với yêu cầu phát triển hiện nay sẽ đòi hỏi nhu cầu chi lớn hơn nữa cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Trong giai đoạn 2023-2025, trường hợp địa phương được phân bổ thêm 45% định mức theo dân số, dự kiến kinh phí tăng thêm khoảng 750 tỷ đồng/năm sẽ có thêm nguồn lực để địa phương hỗ trợ phát triển cho 02 huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh thoát khỏi diện huyện nghèo 30a, đạt được mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 đã đề ra, tăng tỷ lệ lao động có tay nghề và đầu tư phát triển đô thị với mục tiêu phát triển tỉnh Khánh Hòa trở thành đô thị trực thuộc Trung ương theo tinh thần của Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị.

Kết quả phân tích định lượng cho thấy, việc áp dụng cơ chế này có thể giúp huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tỉnh Khánh Hòa tăng thêm trung bình 5,1%; tăng trưởng GRDP cao hơn 0,2 điểm % và thu ngân sách địa phương tăng thêm 3,04 % so với kịch bản cơ sở - không áp dụng cơ chế đặc thù. Như vậy, có thể thấy, tác động của chính sách là khá rõ rệt, giúp cải thiện tăng trưởng kinh tế, vốn đầu tư và ngân sách trên địa bàn.

Đây là một đề xuất thay đổi so với quy định pháp luật hiện hành và thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, kiến nghị trình Quốc hội ban hành chính sách này ngay trong Nghị quyết của Quốc hội để đảm bảo hiệu lực pháp lý cũng như tính đồng bộ, thống nhất về cơ chế, chính sách, giúp đơn giản hóa trình tự, thủ tục, hồ sơ trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để địa phương có thể triển khai thực hiện ngay các cơ chế, chính sách đặc thù sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết, qua đó sớm cụ thể hóa và đưa Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị vào cuộc sống.

Hiện nay Quốc hội đã cho phép áp dụng chính sách tương tự đối với tỉnh Thừa Thiên Huế tại Nghị quyết số 38/2021/QH15 ngày 13/11/2021, tỉnh Nghệ An tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021, tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 37/2021/QH15. Mặt khác, Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định yêu cầu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa bảo

đảm tính tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước.

Cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

4. Chính sách 04: Phân cấp quản lý quy hoạch

a) Mục tiêu chính sách:

Tạo điều kiện rút ngắn thời gian, trình tự thủ tục điều chỉnh cục bộ quy hoạch nhằm rút ngắn thời gian hoàn thành các mục tiêu phát triển theo Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị và phù hợp với mô hình thí điểm chính quyền đô thị theo hướng phân cấp, tăng cường trách nhiệm cho UBND tỉnh Khánh Hòa; tạo lợi thế cho Tỉnh Khánh Hòa trở thành cực tăng trưởng, trung tâm của Vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước, một đô thị phát triển toàn diện và bền vững, đồng thời thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của tỉnh.

b) Nội dung chính sách:

Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Theo quy định tại Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị về trình tự tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị: Cơ quan có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị lập báo cáo về nội dung và kế hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, tổ chức xin ý kiến cộng đồng dân cư trong khu vực điều chỉnh quy hoạch và các khu vực xung quanh có ảnh hưởng trực tiếp và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét, quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị bằng văn bản trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị.

Theo quy định tại khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch: Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị đối với quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương, quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại I, quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại III trở lên và đô thị mới có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới hành chính của hai tỉnh trở lên.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch: Khu chức năng bao gồm khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao.

Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế, quy hoạch chung xây dựng khu công nghệ cao; quy hoạch chung xây dựng khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao cấp quốc gia.

Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu đến năm 2030 Khánh Hòa sẽ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là một cực tăng trưởng trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước. Trong đó: thành phố Nha Trang là đô thị hạt nhân; thành phố Cam Ranh là đô thị du lịch – logistics; huyện Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế; huyện Vạn Ninh trở thành đô thị du lịch biển cao cấp; thị xã Ninh Hòa là đô thị công nghiệp; huyện Diên Khánh là đô thị sinh thái, văn hóa truyền thống; huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh là các tiểu đô thị sinh thái núi rừng; huyện Trường Sa là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước, là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đồng thời, quá trình phát triển kinh tế - xã hội để triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, tỉnh Khánh Hòa kỳ vọng sẽ có những bước phát triển đột phá về hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị, hạ tầng xây dựng khu kinh tế, khu công nghiệp. Do vậy, cần thiết phải điều chỉnh cục bộ các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nhất là các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ (Quy hoạch chung thành phố Nha Trang, Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong,...) nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tiễn này.

Trong khi đó, thời gian thực hiện còn lại (08 năm) là tương đối ngắn trong khi khối lượng công việc để hoàn thành mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 09-NQ/TW là rất lớn. Việc phân cấp thẩm quyền cho UBND tỉnh Khánh Hòa tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chung đô thị theo trình tự thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định sẽ rút ngắn thời gian thực hiện điều chỉnh quy hoạch và góp phần tạo điều kiện thúc đẩy, thu hút một số dự án đầu tư phát triển hạ tầng trọng điểm của tỉnh.

Mặt khác, Quốc hội đã đồng ý cho thành phố Đà Nẵng áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020, thành phố Hải Phòng tại Nghị quyết số 35/2021/QH15, tỉnh Nghệ An tại Nghị quyết số 36/2021/QH15, tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày

13/11/2021 và thành phố Cần Thơ tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

5. Chính sách 05: Phân cấp thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng

a) Mục tiêu chính sách:

Tăng cường phân cấp, đảm bảo sự chủ động cho địa phương và rút ngắn thời gian chuyển đổi mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ so với quy định hiện hành. Hỗ trợ địa phương phản ứng nhanh với những yêu cầu cấp bách về nguồn lực đất đai; qua đó đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư toàn xã hội, đồng thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đưa vào khai thác các dự án đầu tư trên địa bàn.

b) Nội dung chính sách:

1. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha; quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 1.000 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ.

2. Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của chuyển đổi mục đích sử dụng và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa do Thủ tướng Chính phủ quy định.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có: “Văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên”.

Khoản 2 Điều 20 Luật Lâm nghiệp quy định: “Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng dưới 50 ha; rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới từ 20 ha đến dưới 50 ha; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển từ 20 ha đến dưới 500 ha; rừng sản xuất từ 50 ha đến dưới 1.000 ha”.

Thực tế triển khai một số dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nói chung, đặc biệt là các dự án thực hiện trên địa bàn thuộc các huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đưa 02 huyện này trở thành “các tiểu đô thị sinh thái núi rừng” theo mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, cần phải thực hiện trên diện tích đất có rừng và phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện. Tuy nhiên, thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất sang mục đích khác theo quy định thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, do đó địa phương và chủ đầu tư sẽ phải cần nhiều thời gian hơn để hoàn thiện trình tự, thủ tục dẫn đến có thể ảnh hưởng tiến độ của các dự án.

Mặt khác, quá trình thực hiện một số dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là một số dự án triển khai trong Khu Kinh tế Vân Phong có ảnh hưởng đến một số diện tích rừng cần phải chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, địa phương và chủ đầu tư sẽ phải mất nhiều thời gian để hoàn thiện trình tự, thủ tục, ảnh hưởng không nhỏ đến cơ hội, hiệu quả thu hút, thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở đó, đề nghị giao Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha; quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 1.000 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha; quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 1.000 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, Quốc hội đã đồng ý cho Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017, thành phố Hải Phòng tại Nghị quyết số 35/2021/QH15, tỉnh Nghệ An tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 và tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021, thành phố Cần Thơ tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

6. Chính sách 06: Thực hiện chuẩn bị thu hồi đất đối với các dự án có vốn ngoài ngân sách nhà nước

a) Mục tiêu chính sách:

Tạo điều kiện rút ngắn được thời gian triển khai dự án sau khi lựa chọn được nhà đầu tư, tạo thêm thời gian, giảm bớt áp lực về tiến độ thực hiện cho các nhà đầu tư trong việc triển khai dự án,... qua đó gián tiếp nâng cao chất lượng công trình, sớm đưa dự án vào hoạt động.

b) Nội dung chính sách:

(i) Đối với dự án ngoài ngân sách phù hợp với quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai và có quy mô từ 300ha trở lên, cho phép cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi.

(ii) Hội đồng nhân dân tỉnh được quyết định sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các nội dung quy định điểm (i) khoản này.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Đối với dự án đầu tư có vốn ngoài ngân sách nhà nước phù hợp với quy hoạch được duyệt thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai, việc bồi thường hỗ trợ tái định cư chỉ được thực hiện sau khi đã xác định được nhà đầu tư (thông qua hình thức đấu thầu hoặc chấp thuận nhà đầu tư), việc tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không thể thực hiện được như đối với dự án đầu tư công. Trong khi đó, để đẩy nhanh tiến độ, quá trình phục hồi và phát triển kinh tế tỉnh Khánh Hòa sau đại dịch COVID-19, rất cần triển khai sớm các công trình, dự án lớn, nhất là về hạ tầng khu công nghiệp và hạ tầng khu đô thị mới; đây cũng là mong muốn của các nhà đầu tư có năng lực, có cam kết đầu tư lâu dài tại tỉnh. Tuy nhiên, trình tự thực hiện công tác thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội được quy định tại Điều 69 Luật Đất đai mất nhiều thời gian: Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Căn cứ điều 40 Luật đất đai (sửa đổi tại điều 6 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch), nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã thể hiện đầy đủ chỉ tiêu các loại đất, ranh giới dự án được cụ thể hóa trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Việc thực hiện thu hồi đất phải được xây dựng đến kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện (trên cơ sở quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện). Việc thẩm định và phê duyệt quy

hoạch sử dụng đất cấp huyện thực hiện theo Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thì trình tự thủ tục thực hiện do UBND cấp huyện tổ chức lập quy hoạch, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt. Trường hợp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt trước nhưng không phù hợp với quy hoạch tỉnh được phê duyệt sau thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp với quy hoạch cấp cao hơn.

Trong quá trình thực hiện công tác thu hồi đất sẽ phát sinh các trường hợp: nếu người sử dụng đất bị thu hồi không phối hợp trong quá trình thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì phải quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo Điều 70 Luật Đất đai; nếu người có đất bị thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo Điều 71 Luật Đất đai. Với quy định nêu trên, dự án bị kéo dài thời gian thực hiện, tăng chi phí, phải thực hiện điều chỉnh dự án (nếu có), chậm đưa vào hoạt động, ảnh hưởng nguồn lực của xã hội, không kịp thời chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Để phục hồi và phát triển kinh tế của tỉnh, đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư toàn xã hội, cần thiết phải có các cơ chế đặc thù, linh hoạt nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đưa vào khai thác các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Việc triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thường mất rất nhiều thời gian, nhất là các dự án có quy mô lớn từ 300 ha trở lên. Nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện trước công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi, sẽ rút ngắn được thời gian triển khai dự án sau khi lựa chọn được nhà đầu tư, tạo thêm thời gian, giảm bớt áp lực về tiến độ thực hiện cho các nhà đầu tư trong việc triển khai dự án,... qua đó gián tiếp nâng cao chất lượng công trình, sớm đưa dự án vào hoạt động.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

7. Chính sách 07: Tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công

a) Mục tiêu chính sách:

Tạo điều kiện triển khai công tác giải phóng mặt bằng ngay sau khi phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án có phạm vi sử dụng đất rõ ràng, đẩy nhanh thời gian hoàn thiện dự án, giảm chi phí giải phóng mặt bằng và hạn chế

việc phải điều chỉnh dự án. Tạo điều kiện đẩy nhanh việc xây dựng khu tái định cư, tạo thêm thời gian cho các khâu đấu thầu, xây lắp. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, tính khả thi của các dự án, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế. Phân định, làm rõ trách nhiệm của từng cấp liên quan trong việc giải phóng mặt bằng của dự án, xác định đúng chủ thể liên quan trong việc áp dụng các chế tài xử lý, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, linh hoạt của các ngành, các cấp.

b) Nội dung chính sách:

(i) Cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể quyết định tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập (sau đây gọi là dự án giải phóng mặt bằng) khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư và Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng tại quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể.

(ii) Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng căn cứ chủ trương đầu tư dự án tổng thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng trong phạm vi mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm thực hiện dự án tổng thể. Trường hợp điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể trước khi điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng.

(iii) Quyết định đầu tư dự án giải phóng mặt bằng là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước để thực hiện, đồng thời là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất.

(iv) Nội dung nhiệm vụ thực hiện trong dự án giải phóng mặt bằng gồm: công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm; rà phá bom, mìn, vật nổ, di dời công trình hạ tầng kỹ thuật.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Theo quy định của Điều 5 Luật Đầu tư công, trong “Trường hợp thật sự cần thiết tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập, đối với dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội xem xét, quyết định; đối với dự án nhóm A do Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Việc tách riêng dự án độc lập được thực hiện khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A”.

Như vậy, việc tách hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư thành một dự án độc lập trong quá trình phê duyệt chủ trương đầu tư chưa được áp dụng đối với dự án đầu tư công nhóm B, C. Do đó, quy định này đang tạo ra một số vướng mắc, hạn chế trong triển khai, như gây kéo dài thời gian thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, tăng chi phí bồi thường, phải thực hiện điều chỉnh dự án; ảnh hưởng đến tính khả thi của việc thực hiện dự án khi một số nhà tài trợ nước ngoài yêu cầu dự án phải có mặt bằng sạch trước khi ký kết Hiệp định.

Do đó, cần thiết cho phép địa phương tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể đối với các dự án nhằm đẩy thời gian hoàn thiện dự án, giảm chi phí giải phóng mặt bằng và hạn chế việc phải điều chỉnh dự án. Tạo điều kiện đẩy nhanh việc xây dựng khu tái định cư, tạo thêm thời gian cho các khâu đấu thầu, xây lắp. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, tính khả thi của các dự án, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

8. Chính sách 08: Thu hút đầu tư trong khu Kinh tế Vân Phong

a) Mục tiêu chính sách:

Ban hành các cơ chế, chính sách hấp dẫn, vượt trội nhằm thu hút các nhà đầu tư chiến lược, là nhà đầu tư có năng lực tài chính, quản trị, có cam kết bằng văn bản về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao; cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực gắn bó lợi ích lâu dài với Khu kinh tế Vân Phong và có dự án đầu tư thuộc danh mục dự án ưu tiên vào Khu kinh tế Vân Phong, tạo động lực phát triển và thu hút các nhà đầu tư khác cùng tham gia đầu tư. Bên cạnh quyền lợi và ưu đãi vượt trội đối với các dự án, nhà đầu tư chiến lược phải có trách nhiệm hỗ trợ huy động nguồn lực giúp phát triển cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực của khu kinh tế.

b) Nội dung chính sách:

Thu hút nhà đầu tư chiến lược:

(i) Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư có cam kết bằng văn bản về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao; cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, gắn bó lợi ích lâu dài với Khu kinh tế Vân Phong; có dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu kinh tế Vân Phong quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Có vốn điều lệ từ 10.000 tỷ đồng trở lên hoặc có tổng tài sản từ 25.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 2, 3 và 7 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 4 và 6 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 5 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 1 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên.

(ii) Quyền của nhà đầu tư chiến lược:

- Được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên quy định tại Phụ lục của Nghị quyết này trong trường hợp dự án đầu tư chỉ có một nhà đầu tư chiến lược đề xuất hoặc có từ hai nhà đầu tư trở lên mà trong đó có một nhà đầu tư chiến lược đề xuất thực hiện. Trường hợp có hai nhà đầu tư chiến lược trở lên quan tâm đề xuất thực hiện cùng 01 dự án thì việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Được ưu tiên hỗ trợ thủ tục đầu tư kinh doanh và thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Được tham gia trong quá trình lập quy hoạch, xây dựng chính sách áp dụng tại Khu kinh tế Vân Phong.

- Được tổ chức, tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại Khu kinh tế Vân Phong.

(iii) Nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược:

- Tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Nhà đầu tư ứng trước kinh phí cho Nhà nước để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; ứng trước kinh phí cho Nhà nước thực hiện dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư, các công trình khác ngoài hàng rào dự án đầu tư của nhà đầu tư nhưng tối thiểu 200 tỷ đồng trong thời hạn không quá 01 năm kể từ khi dự án được cấp giấy chứng nhận đăng

ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại mục 2, 3, 6 và 7 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này. Khoản tiền ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án đầu tư mà nhà đầu tư phải nộp. Mức được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, số tiền còn lại (nếu có) được tính vào vốn đầu tư của dự án.

- Kể từ khi cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, thực hiện giải ngân không quá 05 năm đối với các dự án quy định tại mục 2, 3 và 7; không quá 03 năm đối với các dự án còn lại quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết này.

- Thành lập tổ chức kinh tế tại tỉnh Khánh Hòa để quản lý dự án tại Khu kinh tế Vân Phong.

- Hỗ trợ kinh phí để đào tạo nghề đối với lao động bị ảnh hưởng tại khu vực dự án; ưu tiên tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc tại dự án; thực hiện cam kết về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao (nếu có).

(iv) Các dự án quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này của nhà đầu tư chiến lược được hưởng các ưu đãi đầu tư sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 20 năm liên tục kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo, trừ các dự án đầu tư quy định tại mục 2, 3 và 7 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa 20 năm sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản nhưng không quá một nửa thời hạn sử dụng đất.

- Được hỗ trợ tiền điện trong một thời gian thích hợp theo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh Khánh Hòa.

(v) Nhà đầu tư chiến lược có dự án đầu tư tại Khu Kinh tế Vân Phong thuộc Phụ lục của Nghị quyết này được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Khu Kinh tế Vân Phong đáp ứng các điều kiện được hưởng chế độ Hải quan ưu tiên theo quy định của pháp luật Hải quan và thuế trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.

(vi) Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng các điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và các điều kiện khác về nhà đầu tư chiến lược thì Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong điều

chính ưu đãi đầu tư, các chính sách khác đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại Nghị quyết này. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình.

(vii) Căn cứ Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu Kinh tế Vân Phong theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm ban hành danh mục dự án cụ thể và thực hiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại khoản (ii) Điều này và pháp luật có liên quan.

Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu kinh tế Vân Phong:

1. Trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), công nghệ thông tin, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực đại dương, hàng hải, sinh học, dược liệu biển và sinh thái biển có quy mô vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên.

2. Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại – tài chính gắn với cảng biển, dịch vụ hậu cần cảng biển có quy mô vốn đầu tư từ 12.000 tỷ đồng trở lên;

3. Khu đô thị với quy mô theo diện tích đất từ 300 ha trở lên hoặc có quy mô dân số trên 50.000 người; Kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp có quy mô vốn đầu tư từ 25.000 tỷ đồng trở lên;

4. Đầu tư công nghiệp năng lượng sạch, dịch vụ logistics, công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, cơ khí chính xác, điện tử, du lịch chăm sóc sức khỏe có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng.

5. Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không, sân bay; Đầu tư bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.

6. Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu phi thuế quan có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

7. Xây dựng và kinh doanh dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có sân golf có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 30.000 tỷ đồng.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

- Theo khoản 1 Điều 13 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2020 quy định về mức ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian mười lăm năm đối với Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao. Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: nghiên

cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao,...; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; bảo vệ môi trường; dự án quy mô vốn đầu tư lớn.

- Theo khoản 1, 1a Điều 20 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2020 quy định về thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: “1. Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 13 của Luật này và doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được miễn thuế tối đa không quá bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo. Đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng miễn thuế tối đa không quá 06 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 13 năm tiếp theo”.

- Theo quy định hiện hành, khái niệm nhà đầu tư chiến lược chưa được định nghĩa thống nhất. Để đảm bảo thu hút được các nhà đầu tư coi là nhà đầu tư chiến lược thì cần phải xác định các tiêu chí đủ lớn, đặc biệt về quy mô dự án đầu tư và tiềm lực tài chính của nhà đầu tư, để lựa chọn được nhà đầu tư này tham gia vào hoạt động đầu tư phát triển tại Khu kinh tế Vân Phong, tránh tình trạng thu hút các nhà đầu tư năng lực yếu.

- Trong những năm qua, Khu kinh tế (KKT) Vân Phong đã được xác định là vùng động lực phát triển, là một trong ba vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Khánh Hòa. Tuy nhiên, đến nay KKT Vân Phong chưa được nằm trong nhóm các khu kinh tế ven biển được ưu tiên đầu tư, không được hưởng các cơ chế ưu đãi về vốn đầu tư hạ tầng nên nguồn vốn đầu tư hạ tầng từ Trung ương cho KKT Vân Phong thời gian qua rất thấp (giai đoạn từ 2012-2021 khoảng 1.280 tỷ đồng), không đáp ứng được nhu cầu đầu tư hạ tầng thiết yếu tại KKT Vân Phong theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Khu kinh tế cũng chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư tiềm năng để đầu tư các dự án quy mô lớn làm động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế của KKT Vân Phong nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung nếu so sánh với các Khu kinh tế Vân Đồn, Phú Quốc. Để thu hút nhà đầu tư chiến lược vào phát triển khu kinh tế Vân Phong cần phải tạo cơ chế, chính sách đặc biệt nhất là thông qua các chính sách ưu đãi về thuế, miễn giảm tiền sử dụng đất. Bên cạnh những ưu đãi về thuế cần phải có cơ chế cải cách thủ tục hành chính trong việc chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư chiến lược. Việc cải cách thủ tục này phải bảo đảm nhà đầu tư chiến lược được tiếp cận dự án và thực hiện tiến độ giải ngân nhanh, tránh tình trạng vướng mắc trong khâu lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

9. Chính sách 09: Bán hàng miễn thuế cho khách du lịch tại khu phi thuế quan

a) Mục tiêu chính sách:

Thị trường dịch vụ mới có tính đột phá và cạnh tranh quốc tế; góp phần nâng cao giá trị gia tăng các ngành dịch vụ, du lịch, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, thương mại, du lịch, thu hút nguồn lao động có chất lượng cao đến làm việc tại Khu kinh tế Vân Phong.

b) Nội dung chính sách:

(i) Khách du lịch là người nước ngoài được mua hàng miễn thuế tại khu phi thuế quan bằng hai lần định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh cho từng lần nhập cảnh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Một người được mua một lần trong 01 ngày và không quá 04 lần trong 30 ngày liên tục.

(ii) Hàng mua miễn thuế theo quy định tại điểm (i) nêu trên được nhận ở khu cách ly đối với khách du lịch bằng máy bay, tàu biển; trường hợp rời Khu phi thuế quan bằng đường bộ thì nhận hàng tại địa điểm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Hiện nay, Nghị định 100/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/8/2020 về Kinh doanh hàng miễn thuế chưa cho phép đối tượng khách du lịch được mua hàng miễn thuế tại Khu phi thuế quan. Bên cạnh đó, Điều 6 Nghị định 134/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/9/2016 về Miễn thuế đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh quy định định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh bằng hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp, có tổng trị giá hải quan không quá 10.000.000 đồng Việt Nam (rượu, thuốc lá có định mức riêng). Hiện nay, Luật Thuế giá trị gia tăng chưa cho phép hàng hóa miễn thuế nhập khẩu bán cho khách du lịch tại khu phi thuế quan là đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Để đẩy mạnh thu hút khách du lịch tới tỉnh Khánh Hòa nói chung và Khu kinh tế Vân Phong cần có chính sách bán hàng miễn thuế cho khách du lịch tại khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế. Chính sách này cũng sẽ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao giá trị gia tăng các ngành dịch vụ, du lịch, đẩy mạnh các

hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, thương mại, du lịch, thu hút nguồn lao động có chất lượng cao đến làm việc tại Khu kinh tế Vân Phong.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

10. Chính sách 10: Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại khu vực Bắc Vân Phong không phải dành một phần diện tích đất để xây dựng nhà ở xã hội. UBND tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội tương ứng ở vị trí phù hợp tại Khu kinh tế Vân Phong.

a) Mục tiêu chính sách:

Chính sách này sẽ tạo động lực thu hút các doanh nghiệp đầu tư dự án nhà ở thương mại phù hợp với định hướng phát triển trở thành đô thị du lịch biển cao cấp của huyện Vạn Ninh.

b) Nội dung chính sách:

Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại khu vực Bắc Vân Phong không phải dành một phần diện tích đất để xây dựng nhà ở xã hội. UBND tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội tương ứng ở vị trí phù hợp tại Khu kinh tế Vân Phong.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Khoản 2 Điều 16 Luật Nhà ở 2014 quy định “Tại các đô thị loại đặc biệt, loại 1, loại 2 và loại 3 thì chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của Chính phủ. Đối với các loại đô thị còn lại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương để yêu cầu chủ đầu tư phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội”.

Theo nội dung Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị thì huyện Vạn Ninh (khu vực phía Bắc Khu kinh tế Vân Phong) được định hướng trở thành khu đô thị du lịch biển cao cấp. Vì vậy, để tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư dự án khu đô thị tại khu vực Bắc Vân Phong phù hợp với định hướng của Nghị quyết số 09-NQ/TW, phần diện tích bố trí quy hoạch phát triển nhà ở xã hội đối với các dự án khu đô thị cần thiết phải bố trí ở khu vực khác để phù hợp với định hướng phát triển chung.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

11. Chính sách 11: Quy định về miễn thị thực tại khu vực Bắc Vân Phong

a) Mục tiêu chính sách:

Tăng sức hút, tính cạnh tranh của khu vực Bắc Vân Phong, chính sách quy định việc miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 60 ngày (cao hơn thời gian quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh và được thực hiện thí điểm trong thời gian 5 năm), cấp thị thực điện tử đối với người nước ngoài vào khu vực Bắc Vân Phong là một trong những chính sách đặc thù cần được ban hành, tạo điều kiện thuận lợi thu hút khách du lịch nước ngoài, các nhà đầu tư, nhà quản lý, chuyên gia người nước ngoài khi nhập cảnh vào khu vực Bắc Vân Phong để du lịch, làm việc, từ đó giúp tăng nguồn thu, thu hút đầu tư, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tại khu vực Bắc Vân Phong, góp phần phát triển kinh tế tại địa phương.

b) Nội dung chính sách:

(i) Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong được miễn thị thực với thời gian tạm trú tại khu vực Bắc Vân Phong không quá 60 ngày nếu hộ chiếu còn thời hạn sử dụng ít nhất 90 ngày; trường hợp có nhu cầu đến các địa phương khác ngoài khu vực Bắc Vân Phong thì phải được cơ quan kiểm soát xuất nhập cảnh cấp thị thực theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

(ii) Người nước ngoài nhập cảnh vào khu vực Bắc Vân Phong được tạm trú không quá 60 ngày tại khu vực Bắc Vân Phong trong các trường hợp sau đây:

- Thuộc diện miễn thị thực theo điều ước quốc tế mà thời hạn tạm trú dưới 60 ngày;

- Sử dụng thị thực, thẻ tạm trú, giấy miễn thị thực, thẻ doanh nhân APEC còn thời hạn dưới 60 ngày.

(iii) Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong thuộc diện phải có thị thực nhưng không thuộc Danh sách các nước có công dân được thí điểm cấp thị thực điện tử có thể được cấp thị thực điện tử theo quy định của Chính phủ.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Theo quy định Điều 12 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 ngày 16/6/2014 và Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14 ngày 25/11/2019; các trường hợp được miễn thị thực: “1. Theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; 2. Sử dụng thẻ thường trú, thẻ tạm trú theo quy định của Luật này; 3. Vào khu kinh tế cửa khẩu, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; 3a. Vào khu kinh tế

ven biển do Chính phủ quyết định khi đáp ứng đủ các điều kiện: có sân bay quốc tế, có không gian riêng biệt, có ranh giới địa lý xác định, cách biệt với đất liền, phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội và không làm phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam; 4. Theo quy định tại Điều 13 của Luật này; 5. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp và người nước ngoài là vợ, chồng, con của họ; người nước ngoài là vợ, chồng, con của công dân Việt Nam được miễn thị thực theo quy định của Chính phủ.”

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Luật Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019), chúng nhận tạm trú: “1. Người nước ngoài nhập cảnh không có thẻ thường trú, thẻ tạm trú còn giá trị sử dụng thì được cấp chứng nhận tạm trú tại cửa khẩu với thời hạn như sau: a) Thời hạn tạm trú cấp bằng thời hạn thị thực; trường hợp thị thực có ký hiệu DL thời hạn trên 30 ngày thì cấp tạm trú 30 ngày và được xem xét gia hạn tạm trú theo quy định tại Điều 35 của Luật này; b) Đối với người được miễn thị thực theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì thời hạn tạm trú cấp theo quy định của điều ước quốc tế, nếu điều ước quốc tế không quy định thời hạn tạm trú thì cấp tạm trú 30 ngày; c) Đối với công dân của nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực thì cấp tạm trú 15 ngày, nếu vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt hoặc khu kinh tế ven biển quy định tại khoản 3a Điều 12 của Luật này thì cấp tạm trú theo quy định tại điểm d khoản này; d) Đối với người không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này vào khu kinh tế cửa khẩu thì cấp tạm trú 15 ngày, vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt hoặc khu kinh tế ven biển quy định tại khoản 3a Điều 12 của Luật này thì cấp tạm trú 30 ngày.”

Theo quy định tại Điều 19a Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung năm 2019): “Điều 19a. Các nước có công dân được cấp thị thực điện tử và các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử. 1. Việc cấp thị thực điện tử áp dụng với công dân của nước có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này. 2. Chính phủ quyết định danh sách các nước có công dân được cấp thị thực điện tử; danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử.”

Như vậy, hiện nay chưa có quy định về việc miễn thị thực đối với người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong do chưa đáp ứng được các điều kiện theo quy định như có sân bay quốc tế, có không gian riêng biệt, có ranh giới địa lý xác định, cách biệt với đất liền để được Chính phủ

quyết định cho phép áp dụng chính sách miễn thị thực cho người nước ngoài nhập cảnh theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2019. Dự kiến trong thời gian tới, Khu kinh tế Vân Phong sẽ có sân bay chuyên dùng (sử dụng cho các chuyến bay charter và thủy phi cơ, trực thăng), đồng thời UBND tỉnh Khánh Hòa sẽ phối hợp cùng với các cơ quan chức năng để xác định, khu trú những khu vực có ranh giới địa lý xác định trong Khu kinh tế Vân Phong, bảo đảm an ninh, an toàn và việc thực hiện đúng chủ trương, chính sách theo quy định pháp luật. Hiện nay, Khu kinh tế Phú Quốc đã được Chính phủ ban hành Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 25/5/2020 cho phép áp dụng chính sách miễn thị thực cho người nước ngoài vào Khu kinh tế Phú Quốc theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2019. Đồng thời, theo tại Khoản 1 Điều 31 Luật Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019), người nước ngoài nhập cảnh vào khu kinh tế ven biển do Chính phủ quyết định được miễn thị thực với thời gian tạm trú 30 ngày, hiện nay Khu kinh tế Phú Quốc được áp dụng chính sách miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 30 ngày (Quyết định số 80/2013/QĐ-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang).

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

12. Chính sách 12: Phân cấp, ủy quyền tại Khu kinh tế Vân Phong

a) Mục tiêu chính sách:

- Tăng cường phân cấp, đảm bảo sự chủ động, gắn trách nhiệm của chính quyền địa phương và rút ngắn thời gian thực hiện so với thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ tại quy định hiện hành. Giao thẩm quyền cho chính quyền địa phương, tạo điều kiện cho chính quyền địa phương trong việc chủ động, giải quyết để thu hút các dự án đầu tư xây dựng cảng hàng không, sân bay; cảng biển có quy mô lớn để thúc đẩy phát triển kinh tế cho KKT Vân Phong nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung.

- Tạo điều kiện rút ngắn thời gian, trình tự thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế Vân Phong nhằm rút ngắn thời gian hoàn thành các mục tiêu phát triển theo Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị và phù hợp với mô hình thí điểm chính quyền đô thị theo hướng phân cấp, tăng cường trách nhiệm

cho Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong; tạo lợi thế cho Khu kinh tế Vân Phong trở thành động lực phát triển của tỉnh Khánh Hòa và khu vực Nam Trung Bộ.

- Phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (của cả doanh nghiệp và nhà thầu); cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động; xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động bảo đảm rút ngắn thời gian, trình tự thực hiện, tạo điều kiện Ban Quản lý nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục một cách nhanh chóng, thuận lợi, phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Nội dung chính sách:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và gửi quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo dõi, giám sát.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện các nội dung về chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (gồm cả doanh nghiệp và nhà thầu); cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động; xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định tại Bộ luật Lao động đối với các doanh nghiệp và nhà thầu, dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư:

Theo quy định tại Điểm b, d Khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội, dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. Theo quy định tại Điều 35 Luật Đầu tư và Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ, thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ là 47 ngày kể từ ngày nhận

được hồ sơ hợp lệ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, thực hiện thẩm định và trình Thủ Tướng phê duyệt theo quy định.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 33 Luật Đầu tư, thành phần hồ sơ, nội dung cần thẩm định để chấp thuận chủ trương thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh là giống nhau. Theo quy định tại Điều 36 Luật Đầu tư, thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh là 32 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Cơ quan đăng ký đầu tư (Ban Quản lý Khu kinh tế) là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan và thực hiện thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

Như vậy, việc thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I nếu áp dụng ở quy trình thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ hay thẩm quyền UBND tỉnh cũng đều phải thực hiện lấy ý kiến các cơ quan liên quan (ý kiến cơ quan địa phương và bộ ngành trong khoảng thời gian 15 ngày) và triển khai thẩm định theo các nội dung yêu cầu giống nhau. Do đó, trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sẽ tốn rất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến việc triển khai dự án của nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra, theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 34 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội thì việc phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, đối với các dự án cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I đã phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, việc phân cấp, ủy quyền cho UBND tỉnh Khánh Hòa chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án này là cần thiết để giảm thời gian thực hiện các thủ tục, giúp đẩy nhanh tiến độ đưa dự án đi vào hoạt động.

- Về thẩm quyền đối với vấn đề môi trường:

Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong đã có bộ máy chuyên môn về bảo vệ môi trường, có nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo đúng chuyên ngành và Ban đã có kinh nghiệm triển khai tốt các nhiệm vụ thẩm định đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong trong thời gian vừa qua. Do vậy, để đảm bảo giải quyết nhanh chóng các thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa, tại chỗ”, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư kinh doanh trong Khu kinh tế Vân Phong theo đúng tinh thần tại Nghị

quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước để Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tiếp tục được phân cấp, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo đúng quy định pháp luật.

- Về sử dụng lao động nước ngoài:

Đối với nội dung chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài của nhà thầu theo quy định tại Nghị định 152/2020/NĐ-CP thuộc thẩm quyền chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nhiệm vụ này chưa được ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện. Hiện nay các nhà thầu thực hiện dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong (dự án đã được Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong cấp Giấy chứng nhận đầu tư) thực hiện thủ tục đăng ký nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội là cơ quan tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh thực hiện thủ tục. Việc chưa phân cấp, ủy quyền đầy đủ cho Ban Quản lý KKT, KCN các nhiệm vụ trên ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về lao động tại KKT, KCN chưa được thống nhất, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tại KKT, KCN khi thực hiện các thủ tục liên quan. Do vậy, cần tạo điều kiện để Ban Quản lý nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về lao động một cách nhanh chóng, thuận lợi, phù hợp theo quy định của pháp luật.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

13. Chính sách 13: Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tại tỉnh Khánh Hòa

a) Mục tiêu chính sách:

Phát triển nghề nuôi trồng thủy sản tỉnh Khánh Hòa theo phương thức nuôi công nghiệp, hiện đại, quy mô lớn, đem lại hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hình thành vùng nuôi biển xa bờ vừa đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, vừa góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng.

Xây dựng mô hình thí điểm cho các địa phương khác trong cả nước học tập, áp dụng để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản trên biển xa bờ trước tỉnh

trạng ngành khai thác thủy sản đang dần cạn kiệt và đón đầu xu thế nuôi trồng thủy sản trên biển của các nước trong khu vực và trên thế giới.

b) Nội dung chính sách:

(i) Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển (sau đây gọi là nuôi biển) và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam trong khu vực biển ngoài 6 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý, thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa.

(ii) Miễn tiền sử dụng khu vực biển cho hoạt động nuôi biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động nuôi biển ngoài vùng biển 6 hải lý, vùng biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý.

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động nuôi biển của tổ chức có hoạt động nuôi biển ngoài vùng biển 6 hải lý, vùng biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý.

(iii) Miễn tiền sử dụng khu vực biển cho hoạt động nuôi biển 10 năm đầu và giảm 50% cho thời gian còn lại đối với hoạt động nuôi biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động nuôi biển trong vùng biển 3-6 hải lý.

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 10 năm đầu và giảm 50% cho thời gian còn lại đối với hoạt động nuôi biển của tổ chức có hoạt động nuôi biển trong vùng biển 3-6 hải lý.

(iv) Miễn lệ phí trước bạ đối với tàu, thuyền đăng ký tại tỉnh Khánh Hòa để phục vụ trực tiếp cho hoạt động nuôi biển.

(v) Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động làm việc trên lồng bè nuôi trồng thủy sản và trên các phương tiện phục vụ cho hoạt động nuôi biển; hỗ trợ 80% kinh phí mua bảo hiểm rủi ro thiên tai đối với đối tượng thủy sản nuôi trên biển trong khu vực biển ngoài 6 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý; 60% đối với vùng biển 3-6 hải lý.

(vi) Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành quy định tiêu chí, nguyên tắc, trình tự thủ tục thực hiện khoản (v) Điều này.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

- Về thẩm quyền giao khu vực biển, cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển:

Tại điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản 2017 quy định: “Bộ Tài nguyên và Môi trường giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản đối với trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 39 của Luật này”.

Tại khoản 2 Điều 39 Luật Thủy sản 2017 quy định: “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam trong khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý”.

- Về ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước cho hoạt động trồng thủy sản trên biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân:

Hiện nay chưa có quy định ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước cho hoạt động trồng thủy sản trên biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, quy định:

“1. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê trong các trường hợp sau:

a) Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

- Về ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động trồng thủy sản trên biển:

Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội:

“Điều 13. Ưu đãi về thuế suất

2. Áp dụng thuế suất 10% đối với:

d) Thu nhập của doanh nghiệp từ: trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; nuôi trồng lâm sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh chế muối, trừ sản xuất muối quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm”.

- Về ưu đãi lệ phí trước bạ đối với tàu, thuyền, phương tiện phục vụ trực tiếp cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển:

Tại Nghị định 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ không quy định về ưu đãi lệ phí trước bạ đối với tàu, thuyền, phương tiện phục vụ trực tiếp cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển.

Nghề nuôi trồng thủy sản trong đó có nuôi trồng thủy sản trên biển đóng vai trò quan trọng đối với lĩnh vực thủy sản của Việt Nam cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội tại Khánh Hòa⁸. Theo Quy hoạch phát triển ngành thủy sản tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035, tỷ trọng ngành thủy sản chiếm khoảng 60% – 63% cơ cấu ngành nông nghiệp, với giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 725 – 1.042 triệu USD, tăng trưởng bình quân khoảng 3% – 4%/năm. Tuy nhiên, hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển của Khánh Hòa nói riêng và Việt Nam nói chung hiện nay chủ yếu là nuôi gần bờ, quy mô nhỏ lẻ, vật liệu lồng bè nuôi bằng gỗ truyền thống độ bền thấp, không ổn định, sử dụng thức ăn tươi... đang gây ô nhiễm môi trường và chông chéo với việc sử dụng diện tích mặt nước với các ngành kinh tế khác dẫn tới hiệu quả không cao. Mặt khác, những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu làm cho các hiện tượng thời tiết, thiên tai cực đoan như mưa, gió, bão tố, lũ lụt, khô hạn, nắng nóng... xuất hiện thường xuyên hơn, chuyển biến theo chiều hướng cực đoan và khắc nghiệt hơn trước nên đã ảnh hưởng trực tiếp, nặng nề đến ngành nuôi trồng thủy sản.

Trên thế giới, nuôi trồng thủy sản trên biển đang có xu hướng chuyển từ các trại quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu sang nuôi trồng công nghiệp, quy mô lớn với công nghệ hiện đại; chuyển từ vùng nước ven bờ, với hệ sinh thái nhạy cảm và dễ chông lán với các hoạt động kinh tế khác, ra vùng biển xa bờ và tiến dần ra nuôi trên đại dương; chuyển từ quy mô hộ gia đình sang quy mô doanh nghiệp, với các chính sách khuyến khích và thu hút đầu tư; thiết lập quy hoạch phát triển nuôi biển quốc gia, tăng cường công cụ quản lý nhà nước và cơ chế đồng quản lý (PPP); xây dựng hệ thống cảnh báo, kiểm soát ô nhiễm môi trường, và cảnh báo, đảm bảo an ninh nuôi biển; đồng thời, thiết lập chuỗi giá trị, liên kết trại nuôi với hệ thống cung cấp thức ăn, giống, chế biến, tiêu thụ, phân phối, v.v...

Trung Quốc là một quốc gia nằm trong nhóm dẫn đầu về nuôi trồng thủy sản trên biển với sản lượng nuôi trồng vượt 50 triệu tấn (2018), xuất khẩu sản phẩm nuôi trồng thủy sản đứng đầu thế giới; có thể sản xuất 2 triệu tấn cá hồi/năm, vượt Na Uy (1,2 triệu tấn) và xác định phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển là quốc sách. Trung Quốc có kế hoạch thí điểm đóng 178 trại nuôi trồng thủy sản trên biển với các kiểu lồng thép cỡ lớn, được thả vào các vùng biển tranh chấp. Kết hợp nuôi trồng thủy sản trên biển với điện gió: phát triển hơn

⁸ Trong mục tiêu phát triển bền vững ngành thủy sản, Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu rõ “Phát triển thủy sản trên biển thành một lĩnh vực sản xuất hàng hóa, khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp và ở các vùng biển mở; tạo khối lượng sản phẩm lớn phục vụ chế biến xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

60.000 ha cỏ biển, lập các trại nuôi cá xa bờ cùng tuabin gió phát điện ngoài khơi...

Do đó, cần có cơ chế ưu đãi nhằm phát triển nghề nuôi trồng thủy sản tỉnh Khánh Hòa theo phương thức nuôi công nghiệp, hiện đại, quy mô lớn, đem lại hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái; hình thành vùng nuôi biển xa bờ vừa đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, vừa góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng.

Đây là một đề xuất thay đổi luật, cơ quan soạn thảo đã tiến hành đánh giá tác động đối với đề xuất chính sách này (*Báo cáo đánh giá tác động kèm theo*).

VII. CÁC NỘI DUNG XIN Ý KIẾN VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

.....

VIII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ quan chịu trách nhiệm thi hành:

a) Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện Nghị quyết này và chỉ đạo các Bộ, cơ quan liên quan phối hợp với tỉnh Khánh Hòa xây dựng các văn bản hướng dẫn trong quá trình thực hiện (nếu cần thiết), tạo điều kiện cho tỉnh Khánh Hòa có nguồn lực để phát huy mọi tiềm năng, lợi thế phát triển để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030 như chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 09-NQ/TW.

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa trong việc tổ chức triển khai thi hành Nghị quyết.

c) Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Được bố trí nguồn kinh phí để thực hiện các quy định trong Nghị quyết của Quốc hội, ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực từ cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội;

- Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Nghị quyết của Quốc hội;

- Sơ kết, tổng kết việc thí điểm thực hiện cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này, báo cáo Chính phủ để Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định;

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, giải thích quy định của Nghị quyết nhằm nâng cao ý thức của tổ chức, cá nhân; tăng sự đồng thuận, ủng hộ của nhân dân.

d) Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội Khánh Hòa và đại biểu Quốc hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Kinh phí để triển khai Nghị quyết bao gồm: kinh phí để xây dựng văn bản hướng dẫn Nghị quyết; kinh phí tổ chức triển khai Nghị quyết; kinh phí thực hiện tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết; kinh phí theo dõi thi hành Nghị quyết; kinh phí thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm; kinh phí phục vụ cho công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết; ...

- Nguồn kinh phí gồm: nguồn ngân sách Nhà nước, nguồn vốn từ các nhà tài trợ, tổ chức quốc tế và các nguồn kinh phí huy động hợp pháp khác.

IX. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH VÀ THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

Thời gian dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua đối với dự thảo Nghị quyết vào kỳ họp gần nhất của Quốc hội khóa XV theo trình tự một kỳ họp.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin gửi kèm Tờ trình này gồm:

(1) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng Nghị quyết;

(2) Báo cáo về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến xây dựng Nghị quyết;

(3) Báo cáo đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

(4) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các bộ, cơ quan trung ương; bản chụp ý kiến góp ý

(5) Đề cương dự thảo Nghị quyết;

(6) Đề án một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kiến nghị Chính phủ như sau:

- Xem xét thông qua đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

- Giao Bộ Tư pháp chủ trì thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ thực hiện trình tự, thủ tục báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội bổ sung vào Chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội khóa XV, cho ý kiến và thông qua Nghị quyết Quốc hội tại kỳ họp lần thứ ba (tháng 05 năm 2022) theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Trên đây là nội dung cơ bản đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Ngoại giao, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Xây dựng, Quốc phòng, Công an, Tài nguyên và Môi trường; Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Văn hóa Thể thao & Du lịch, Lao động, Thương binh và Xã hội, Giao thông vận tải;
- Tỉnh Khánh Hòa: Tỉnh ủy, UBND, Sở KHĐT;
- Các Vụ: PC, THKTQD, QLKKT, QLĐT, ĐTNN.
- Lưu: VT, KTĐPLT, (MT).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

Số: /TTr- BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2022

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế,
chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa**

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/1/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số /NQ-CP ngày của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/1/2022 của Bộ Chính trị; Ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại văn bản số .../TTKQH-PL ngày .../.../2022 của Tổng Thư ký Quốc hội và ý kiến chỉ đạo của ..., Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã khẩn trương chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Khánh Hòa và các Bộ, cơ quan liên quan đã hoàn thiện Hồ sơ xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) (có sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ nội dung Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa (*Sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết của Quốc hội*) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Khánh Hòa là tỉnh ven biển Nam Trung bộ, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng của cả nước. Tỉnh Khánh Hòa nằm ở vị trí trung tâm của các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ, có diện tích tự nhiên 5.199,6 km², dân số 1,240 triệu người; gồm 09 đơn vị hành chính cấp huyện, có 03 vịnh lớn là Vịnh Nha Trang, Vịnh Vân Phong, Vịnh Cam Ranh; là địa phương có chiều dài bờ biển hơn 385 km, có thêm lục địa và vùng lãnh hải rộng lớn với gần 200 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó quần đảo Trường Sa có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng cả về quốc phòng và bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ đất nước; có mũi Đồi là điểm cực Đông trên đất liền của Tổ quốc; là cửa ngõ hướng biển, tâm điểm kết nối vùng giữa

Tây Nguyên với Nam Trung bộ, trong đó Khu kinh tế Vân Phong từng được định hướng trở thành đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Khánh Hòa có mạng lưới giao thông khá thuận lợi, trên các trục giao thông đường bộ quan trọng của cả nước, có các cảng biển nước sâu, có sân bay quốc tế Cam Ranh với lưu lượng khách quốc tế đứng thứ 3 cả nước, là cửa ngõ giao thương quốc tế cho cả khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, lịch sử văn hóa đã tạo cho Khánh Hòa địa quân sự khá đặc biệt về quốc phòng và an ninh; là địa phương có tiềm năng rất lớn để phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhất là phát triển dịch vụ, du lịch và kinh tế biển, tạo động lực cho sự phát triển của khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên và cả nước.

Sau 10 năm thực hiện Kết luận số 53-KL/TW ngày 24/12/2012 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Khánh Hòa đã khai thác và phát huy tương đối tốt các tiềm năng, lợi thế, nhất là lợi thế về biển cho phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế tăng trưởng khá; thu ngân sách tăng nhanh, bảo đảm tự cân đối ngân sách địa phương và có điều tiết về Trung ương. Hệ thống đô thị ven biển được hình thành tương đối hiện đại. Khu kinh tế Vân Phong từng bước tác động tích cực đến phát triển kinh tế của tỉnh và vùng. Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Khánh Hòa là trung tâm du lịch biển quốc gia, có thương hiệu quốc tế; từng bước trở thành một cực tăng trưởng trong khu vực. Tỷ lệ hộ nghèo đạt mức thấp. Phát triển kinh tế - xã hội được kết hợp chặt chẽ với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc được bảo vệ vững chắc.

Tuy nhiên, tiềm năng, lợi thế của tỉnh chưa được khai thác hợp lý, phát huy hiệu quả, chưa tạo ra sự đột phá cho phát triển. Khánh Hòa chưa đạt được các tiêu chí để trở thành đô thị trực thuộc Trung ương; chưa thực sự trở thành đô thị hạt nhân, động lực phát triển, cửa ngõ chính ra Biển Đông của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Khu kinh tế Vân Phong phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Quy mô kinh tế còn khá nhỏ; cơ cấu kinh tế thiếu cân đối, phụ thuộc nhiều vào khu vực dịch vụ, sức chống chịu không cao. Trong hai năm vừa qua (2020 và 2021), Khánh Hòa là địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19, GRDP năm 2020 là - 10,5%, năm 2021 là - 5,58%. Du lịch phát triển chưa bền vững. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông chưa đồng bộ. Phát triển và quản lý đô thị còn nhiều bất cập. Thu nhập bình quân đầu người thấp, chênh lệch phát triển trong nội tỉnh còn cao; nguy cơ tái nghèo cao, nhất là tại những huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả hợp tác, liên kết với các địa phương khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên còn hạn chế.

Trong bối cảnh đó, xác định Khánh Hòa có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trung tâm kết nối vùng, cửa ngõ chính ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó đề ra yêu cầu phát huy mọi tiềm năng, lợi thế để phát triển tỉnh Khánh Hòa nhanh và bền vững, để đến năm 2030 “là thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở phát huy cao độ tiềm năng và lợi thế về biển, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; là nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc”; tầm nhìn đến năm 2045 là “thành phố đáng sống, thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực châu Á; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh”. Đồng thời, Bộ Chính trị đã giao “Ban cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo: (1) Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết; (2) Xây dựng, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, trong đó có tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư... và phân cấp quản lý cho tỉnh Khánh Hòa, bảo đảm tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước, phù hợp vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hòa trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trình Quốc hội khóa XV thông qua”.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa là cần thiết, nhằm thể chế hóa các quan điểm, định hướng phát triển nêu trong Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, khắc phục những hạn chế, yếu kém và tạo cơ chế đột phá để huy động mọi nguồn lực, khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, góp phần đạt được các mục tiêu mà Bộ Chính trị đã đề ra.

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI

1. Mục tiêu

Việc xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù tại dự thảo Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 nhằm tạo công cụ pháp lý hữu hiệu để phát huy mọi tiềm năng, lợi thế tạo đột phá về phát triển kinh tế - xã hội góp phần xây dựng

và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 như mục tiêu Bộ Chính trị đã đặt ra.

2. Quan điểm

Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa được xây dựng trên các quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc sau đây:

a) Bảo đảm tuân thủ quy định của Hiến pháp năm 2013; phù hợp với Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

b) Quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển Khánh Hòa thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với các quy định của luật hiện hành hoặc chưa quy định cụ thể.

c) Tăng cường phân cấp, tăng tính tự chủ, tăng trách nhiệm của chính quyền tỉnh Khánh Hòa, đồng thời đảm bảo nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân các cấp của Tỉnh. Việc ban hành các chính sách mới phải được đồng thuận của người dân và doanh nghiệp; bảo đảm sự ổn định và tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, không ảnh hưởng lớn đến môi trường đầu tư, kinh doanh.

d) Quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa phải phù hợp với bối cảnh thực tiễn phát triển của địa phương và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của Nhà nước, trên cơ sở huy động đa dạng các nguồn lực xã hội để tập trung vào phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, từng bước giải quyết các thách thức, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.

đ) Các cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển tỉnh Khánh Hòa phải đảm bảo tính tương đồng với các chính sách của một số thành phố lớn khác trong cả nước.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI

....

Tiếp thu ý kiến các Bộ, cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

IV. BỐ CỤC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI

1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết:

Dự thảo Nghị quyết bao gồm 10 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước
- Điều 4. Quản lý quy hoạch
- Điều 5. Quản lý đất đai
- Điều 6. Tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công
- Điều 7. Phát triển Khu kinh tế Vân Phong
- Điều 8. Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tại tỉnh Khánh Hòa
- Điều 9. Tổ chức thực hiện
- Điều 10. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết:

- **Về tên gọi của Nghị quyết:** Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

Do nội dung dự thảo Nghị quyết quy định 05 nhóm chính sách lớn về cơ chế chính sách để phát triển tỉnh (gồm: Tài chính, ngân sách nhà nước; Quy hoạch, quản lý đất đai; Phát triển khu kinh tế Vân Phong; Phát triển kinh tế biển; Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao) nên việc quy định tên gọi như dự thảo Nghị quyết là bao hàm đầy đủ các nội dung của Nghị quyết.

- **Về những quy định chung:** Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi là Tỉnh) về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước; phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, môi trường, đầu tư; tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công; phát triển Khu kinh tế Vân Phong; phát triển kinh tế biển và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (**Điều 1**). Đối tượng áp dụng là cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức, cá nhân khác có liên quan (**Điều 2**).

- **Về các cơ chế chính sách để phát triển tỉnh Khánh Hòa (quy định từ Điều 3 đến Điều 9):** Để đạt được mục tiêu xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa như đã đề cập ở trên, dự thảo Nghị quyết đề xuất 05 nhóm chính sách lớn: (1) Tài chính, ngân sách nhà nước; (2) Quy hoạch, quản lý đất đai; (3) Phát triển

khu kinh tế Vân Phong; (4) Phát triển kinh tế biển; (5) Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, với 16 chính sách cụ thể dưới đây:

a) Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước (Điều 3)

Khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết quy định:

“1. Hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Tỉnh không quá 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Tỉnh so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thường vượt thu theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i, và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, nhưng không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu.”

Theo quy định khoản 5, khoản 6 Điều 19 Luật Ngân sách nhà nước, Quốc hội “quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương....” và “quyết định mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, bao gồm bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu”.

Việc thực hiện chính sách bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho tỉnh Khánh Hòa vừa hỗ trợ cho ngân sách địa phương có nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế xã hội của tỉnh hoàn thành được mục tiêu tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị, vừa khuyến khích địa phương phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước, tăng đóng góp của tỉnh về ngân sách trung ương trong giai đoạn sau.

Hiện nay Quốc hội đã cho phép áp dụng chính sách tương tự đối với thành phố Hồ Chí Minh tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017, thành phố Cần Thơ tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và thành phố Hải Phòng tại Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021. Mặt khác, Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định yêu cầu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa bảo đảm tính tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước.

Khoản 2 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết quy định:

“2. Tỉnh Khánh Hòa được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho tỉnh vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách tỉnh hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.”

Theo quy định tại Điểm c Khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 về mức dư nợ vay của ngân sách địa phương: *“Đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương không vượt quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp”*. Khánh Hòa là tỉnh có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương nên mức dư nợ vay hiện nay của Tỉnh không vượt quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp.

Với định hướng phát triển Tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022, trong thời gian tới tỉnh Khánh Hòa cần huy động thêm nguồn lực tối thiểu 40.000 tỷ đồng. Do đó, cần nâng hạn mức vay của tỉnh từ 30% lên 60%, theo đó hạn mức dư nợ vay tối đa của tỉnh Khánh Hòa 5.472 tỷ đồng (tính theo dự toán năm 2022), tăng 2.736 tỷ đồng so với quy định hiện hành sẽ bổ sung nguồn lực cho Tỉnh đáp ứng một phần nhu cầu vốn để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của Tỉnh nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị đã đề ra.

Hiện nay Quốc hội đã đồng ý cho tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Nghệ An được vay với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 40% số thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp; Thành phố Hải Phòng, tỉnh Thanh Hóa được vay với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách tỉnh, thành phố được hưởng theo phân cấp. Mặt khác, Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định yêu cầu xây dựng, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính bảo đảm tính tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước, phù hợp với vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hòa.

Khoản 3 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết quy định:

“3. Tỉnh Khánh Hòa được phân bổ thêm 45% theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số khi xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này.”

Theo quy định tại khoản 16 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022: Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có cơ chế chính sách đặc thù hoặc có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số như sau: Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được phân bổ thêm 80%. Các thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ được phân bổ thêm 70%. Các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Thừa Thiên Huế được phân bổ thêm 45%. Các tỉnh còn lại có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 40% trở lên được phân bổ thêm 60%; các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 15% đến dưới 40% được phân bổ thêm 50%; các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương còn lại được phân bổ thêm 40%. Theo quy định hiện hành, tỉnh Khánh Hòa được phân bổ thêm 40% số chi thường xuyên tính theo định mức dân số. Tuy nhiên năm 2022, tỉnh Khánh Hòa tiệm cận với địa phương nhận bổ sung từ ngân sách trung ương nên chưa xác định phân bổ phần tăng thêm này.

Trong giai đoạn 2023-2025, trường hợp địa phương được phân bổ thêm 45% định mức theo dân số, dự kiến kinh phí tăng thêm khoảng 750 tỷ đồng/năm sẽ có thêm nguồn lực để địa phương hỗ trợ phát triển cho 02 huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh thoát khỏi diện huyện nghèo 30a, đạt được mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 đã đề ra, tăng tỷ lệ lao động có tay nghề và đầu tư phát triển đô thị với mục tiêu phát triển tỉnh Khánh Hòa trở thành đô thị trực thuộc Trung ương theo tinh thần của Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị.

Quốc hội đã cho phép áp dụng chính sách tương tự đối với tỉnh Thừa Thiên Huế tại Nghị quyết số 38/2021/QH15 ngày 13/11/2021, tỉnh Nghệ An tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021; tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021.

b) Về quản lý quy hoạch (Điều 4)

Dự thảo Nghị quyết quy định:

“Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.”

Theo quy định tại khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

37 luật có liên quan đến quy hoạch là: Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị đối với quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương, quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại I, quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại III trở lên và đô thị mới có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới hành chính của hai tỉnh trở lên.

Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu đến năm 2030 Khánh Hòa sẽ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là một cực tăng trưởng trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước. Trong đó: thành phố Nha Trang là đô thị hạt nhân; thành phố Cam Ranh là đô thị du lịch – logistics; huyện Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế; huyện Vạn Ninh trở thành đô thị du lịch biển cao cấp; thị xã Ninh Hòa là đô thị công nghiệp; huyện Diên Khánh là đô thị sinh thái, văn hóa truyền thống; huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh là các tiểu đô thị sinh thái núi rừng; huyện Trường Sa là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước, là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đồng thời, quá trình phát triển kinh tế - xã hội để triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, tỉnh Khánh Hòa kỳ vọng sẽ có những bước phát triển đột phá về hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị, hạ tầng xây dựng khu kinh tế, khu công nghiệp. Do vậy, cần thiết phải điều chỉnh cục bộ các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nhất là các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ (Quy hoạch chung thành phố Nha Trang, Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong,...) nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tiễn này.

Trong khi đó, thời gian thực hiện còn lại (08 năm) là tương đối ngắn trong khi khối lượng công việc để hoàn thành mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 09-NQ/TW là rất lớn. Việc phân cấp thẩm quyền cho UBND tỉnh Khánh Hòa tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chung đô thị theo trình tự thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định sẽ rút ngắn thời gian thực hiện điều chỉnh quy hoạch và góp phần tạo điều kiện thúc đẩy, thu hút một số dự án đầu tư phát triển hạ tầng trọng điểm của tỉnh.

Mặt khác, Quốc hội đã đồng ý cho thành phố Đà Nẵng áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020, thành phố Hải Phòng tại Nghị quyết số 35/2021/QH15, tỉnh Nghệ An tại Nghị quyết số 36/2021/QH15, tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 và thành phố Cần Thơ tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022.

c) Về quản lý đất đai (Điều 5)

Khoản 1 Điều 5 Dự thảo Nghị quyết quy định:

“1. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha; quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 1.000 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ.

Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của chuyển đổi mục đích sử dụng và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa do Thủ tướng Chính phủ quy định.”

Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có: “Văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên”.

Khoản 2 Điều 20 Luật Lâm nghiệp quy định: “Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng dưới 50 ha; rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới từ 20 ha đến dưới 50 ha; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển từ 20 ha đến dưới 500 ha; rừng sản xuất từ 50 ha đến dưới 1.000 ha”.

Thực tế triển khai một số dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nói chung, đặc biệt là các dự án thực hiện trên địa bàn thuộc các huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đưa 02 huyện này trở thành “các tiểu đô thị sinh thái núi rừng” theo mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, cần phải thực hiện trên diện tích đất có rừng và phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện. Tuy nhiên, thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất sang mục đích khác theo quy định thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, do đó địa

phương và chủ đầu tư sẽ phải cần nhiều thời gian hơn để hoàn thiện trình tự, thủ tục dẫn đến có thể ảnh hưởng tiến độ của các dự án.

Mặt khác, quá trình thực hiện một số dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là một số dự án triển khai trong Khu Kinh tế Vân Phong có ảnh hưởng đến một số diện tích rừng cần phải chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, địa phương và chủ đầu tư sẽ phải mất nhiều thời gian để hoàn thiện trình tự, thủ tục, ảnh hưởng không nhỏ đến cơ hội, hiệu quả thu hút, thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Quốc hội đã đồng ý cho Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017, thành phố Hải Phòng tại Nghị quyết số 35/2021/QH15, tỉnh Nghệ An tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 và tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021, thành phố Cần Thơ tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022.

Khoản 2 Điều 5 Dự thảo Nghị quyết quy định:

“2. Thực hiện chuẩn bị thu hồi đất

a) Đối với dự án ngoài ngân sách phù hợp với quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai và có quy mô từ 300ha trở lên, cho phép cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi.

b) Hội đồng nhân dân tỉnh được quyết định sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các nội dung quy định điểm a khoản này.”

Đối với dự án đầu tư có vốn ngoài ngân sách nhà nước phù hợp với quy hoạch được duyệt thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai, việc bồi thường hỗ trợ tái định cư chỉ được thực hiện sau khi đã xác định được nhà đầu tư (thông qua hình thức đấu thầu hoặc chấp thuận nhà đầu tư). Công tác thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội được quy định tại Điều 69 Luật Đất đai theo trình tự: Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Căn cứ điều 40 Luật đất đai (sửa đổi tại điều 6 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch), nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã thể hiện đầy đủ chỉ tiêu các loại đất, ranh giới dự án được cụ

thể hóa trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Việc thực hiện thu hồi đất phải được xây dựng đến kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện (trên cơ sở quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện). Việc thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thực hiện theo Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thì trình tự thủ tục thực hiện do UBND cấp huyện tổ chức lập quy hoạch, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt. Trường hợp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt trước nhưng không phù hợp với quy hoạch tỉnh được phê duyệt sau thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp với quy hoạch cấp cao hơn.

Trong quá trình thực hiện công tác thu hồi đất sẽ phát sinh các trường hợp: nếu người sử dụng đất bị thu hồi không phối hợp trong quá trình thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì phải quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo Điều 70 Luật Đất đai; nếu người có đất bị thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo Điều 71 Luật Đất đai. Với quy định nêu trên, dự án bị kéo dài thời gian thực hiện, tăng chi phí, phải thực hiện điều chỉnh dự án (nếu có), chậm đưa vào hoạt động, ảnh hưởng nguồn lực của xã hội, không kịp thời chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Để phục hồi và phát triển kinh tế của tỉnh, đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư toàn xã hội, cần thiết phải có các cơ chế đặc thù, linh hoạt nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đưa vào khai thác các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Việc triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thường mất rất nhiều thời gian, nhất là các dự án có quy mô lớn từ 300 ha trở lên. Nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện trước công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi, sẽ rút ngắn được thời gian triển khai dự án sau khi lựa chọn được nhà đầu tư, tạo thêm thời gian, giảm bớt áp lực về tiến độ thực hiện cho các nhà đầu tư trong việc triển khai dự án, ... qua đó gián tiếp nâng cao chất lượng công trình, sớm đưa dự án vào hoạt động.

d) Về tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công (Điều 6)

Dự thảo Nghị quyết quy định:

“1. Cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể quyết định tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập (sau đây gọi là dự án giải phóng mặt bằng) khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư và Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng tại quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể.

2. Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng căn cứ chủ trương đầu tư dự án tổng thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng trong phạm vi mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm thực hiện dự án tổng thể. Trường hợp điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể trước khi điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng.

3. Quyết định đầu tư dự án giải phóng mặt bằng là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước để thực hiện, đồng thời là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất.

4. Nội dung nhiệm vụ thực hiện trong dự án giải phóng mặt bằng gồm: công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm; rà phá bom, mìn, vật nổ, di dời công trình hạ tầng kỹ thuật.”

Theo quy định của Điều 5 Luật Đầu tư công, trong “Trường hợp thật sự cần thiết tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập, đối với dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội xem xét, quyết định; đối với dự án nhóm A do Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Việc tách riêng dự án độc lập được thực hiện khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A”.

Như vậy, việc tách hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư thành một dự án độc lập trong quá trình phê duyệt chủ trương đầu tư chưa được áp dụng đối với dự án đầu tư công nhóm B, C. Do đó, quy định này đang tạo ra một số vướng mắc, hạn chế trong triển khai, như gây kéo dài thời gian thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, tăng chi phí bồi thường, phải thực hiện điều chỉnh dự án; ảnh hưởng đến tính khả thi của việc thực hiện dự án khi một số nhà tài trợ nước ngoài yêu cầu dự án phải có mặt bằng sạch trước khi ký kết Hiệp định.

Do đó, cần thiết cho phép địa phương tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể đối với các dự án nhằm đẩy thời gian hoàn thiện dự án, giảm chi phí giải phóng mặt bằng và hạn chế việc phải điều chỉnh dự án. Tạo điều kiện đẩy nhanh việc xây dựng khu tái định cư, tạo thêm thời gian cho các khâu đấu thầu, xây lắp. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, tính khả thi của các dự án, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế.

đ) Về phát triển Khu kinh tế Vân Phong (Điều 7)

Khoản 1 Điều 7 Dự thảo Nghị quyết quy định:

“1. Thu hút nhà đầu tư chiến lược

a) Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư có cam kết bằng văn bản về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao; cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, gắn bó lợi ích lâu dài với Khu kinh tế Vân Phong; có dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu kinh tế Vân Phong quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Có vốn điều lệ từ 10.000 tỷ đồng trở lên hoặc có tổng tài sản từ 25.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 2, 3 và 7 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 4 và 6 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 5 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 1 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên.

b) Quyền của nhà đầu tư chiến lược:

- Được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên quy định tại Phụ lục của Nghị quyết này trong trường hợp dự án đầu tư chỉ có một nhà đầu tư chiến lược đề xuất hoặc có từ hai nhà đầu tư trở lên mà trong đó có một nhà đầu tư chiến lược đề xuất thực hiện. Trường hợp có hai

nhà đầu tư chiến lược trở lên quan tâm đề xuất thực hiện cùng 01 dự án thì việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Được ưu tiên hỗ trợ thủ tục đầu tư kinh doanh và thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Được tham gia trong quá trình lập quy hoạch, xây dựng chính sách áp dụng tại Khu kinh tế Vân Phong.

- Được tổ chức, tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại Khu kinh tế Vân Phong.

c) Nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược:

- Tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Nhà đầu tư ứng trước kinh phí cho Nhà nước để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; ứng trước kinh phí cho Nhà nước thực hiện dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư, các công trình khác ngoài hàng rào dự án đầu tư của nhà đầu tư nhưng tối thiểu 200 tỷ đồng trong thời hạn không quá 01 năm kể từ khi dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại mục 2, 3, 6 và 7 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này. Khoản tiền ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án đầu tư mà nhà đầu tư phải nộp. Mức được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, số tiền còn lại (nếu có) được tính vào vốn đầu tư của dự án.

- Kể từ khi cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, thực hiện giải ngân không quá 05 năm đối với các dự án quy định tại mục 2, 3 và 7; không quá 03 năm đối với các dự án còn lại quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết này.

- Thành lập tổ chức kinh tế tại tỉnh Khánh Hòa để quản lý dự án tại Khu kinh tế Vân Phong.

- Hỗ trợ kinh phí để đào tạo nghề đối với lao động bị ảnh hưởng tại khu vực dự án; ưu tiên tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc tại dự án; thực hiện cam kết về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao (nếu có).

d) Các dự án quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này của nhà đầu tư chiến lược được hưởng các ưu đãi đầu tư sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 20 năm liên tục kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế, miễn thuế 04 năm

và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo, trừ các dự án đầu tư quy định tại mục 2, 3 và 7 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa 20 năm sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản nhưng không quá một nửa thời hạn sử dụng đất.

- Được hỗ trợ tiền điện trong một thời gian thích hợp theo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh Khánh Hòa.

đ) Nhà đầu tư chiến lược có dự án đầu tư tại Khu Kinh tế Vân Phong thuộc Phụ lục của Nghị quyết này được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Khu Kinh tế Vân Phong đáp ứng các điều kiện được hưởng chế độ Hải quan ưu tiên theo quy định của pháp luật Hải quan và thuế trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.

e) Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng các điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và các điều kiện khác về nhà đầu tư chiến lược thì Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong điều chỉnh ưu đãi đầu tư, các chính sách khác đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại Nghị quyết này. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình.

g) Căn cứ Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu Kinh tế Vân Phong theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm ban hành danh mục dự án cụ thể và thực hiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này và pháp luật có liên quan.”

Theo khoản 1 Điều 13 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2020 quy định về mức ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian mười lăm năm đối với Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao. Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao.....; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; bảo vệ môi trường; dự án quy mô vốn đầu tư lớn.

Theo khoản 1, 1a Điều 20 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2020 quy định về thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: “1. Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 13 của Luật này và doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được miễn thuế tối đa không quá bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo. Đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng miễn thuế tối đa không quá 06 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 13 năm tiếp theo”.

Theo quy định hiện hành, khái niệm nhà đầu tư chiến lược chưa được định nghĩa thống nhất. Để đảm bảo thu hút được các nhà đầu tư coi là nhà đầu tư chiến lược thì cần phải xác định các tiêu chí đủ lớn, đặc biệt về quy mô dự án đầu tư và tiềm lực tài chính của nhà đầu tư, để lựa chọn được nhà đầu tư này tham gia vào hoạt động đầu tư phát triển tại Khu kinh tế Vân Phong, tránh tình trạng thu hút các nhà đầu tư năng lực yếu.

Trong những năm qua, Khu kinh tế (KKT) Vân Phong đã được xác định là vùng động lực phát triển, là một trong ba vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Khánh Hòa. Tuy nhiên, đến nay KKT Vân Phong chưa được nằm trong nhóm các khu kinh tế ven biển được ưu tiên đầu tư, không được hưởng các cơ chế ưu đãi về vốn đầu tư hạ tầng nên nguồn vốn đầu tư hạ tầng từ Trung ương cho KKT Vân Phong thời gian qua rất thấp (giai đoạn từ 2012-2021 khoảng 1.280 tỷ đồng), không đáp ứng được nhu cầu đầu tư hạ tầng thiết yếu tại KKT Vân Phong theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Khu kinh tế cũng chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư tiềm năng để đầu tư các dự án quy mô lớn làm động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế của KKT Vân Phong nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung nếu so sánh với các Khu kinh tế Vân Đồn, Phú Quốc. Để thu hút nhà đầu tư chiến lược vào phát triển khu kinh tế Vân Phong cần phải tạo cơ chế, chính sách đặc biệt nhất là thông qua các chính sách ưu đãi về thuế, miễn giảm tiền sử dụng đất. Bên cạnh những ưu đãi về thuế cần phải có cơ chế cải cách thủ tục hành chính trong việc chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư chiến lược. Việc cải cách thủ tục này phải bảo đảm nhà đầu tư chiến lược được tiếp cận dự án và thực hiện tiến độ giải ngân nhanh, tránh tình trạng vướng mắc trong khâu lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

Khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị quyết quy định:

“2. Bán hàng miễn thuế cho khách du lịch nước ngoài tại khu phi thuế quan:

a) Khách du lịch là người nước ngoài được mua hàng miễn thuế tại khu phi thuế quan bằng hai lần định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của

người nhập cảnh cho từng lần nhập cảnh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Một người được mua một lần trong 01 ngày và không quá 04 lần trong 30 ngày liên tục.

b) Hàng mua miễn thuế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được nhận ở khu cách ly đối với khách du lịch bằng máy bay, tàu biển; trường hợp rời Khu phi thuế quan bằng đường bộ thì nhận hàng tại địa điểm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.”

Hiện nay, Nghị định 100/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/8/2020 về Kinh doanh hàng miễn thuế chưa cho phép đối tượng khách du lịch được mua hàng miễn thuế tại Khu phi thuế quan. Bên cạnh đó, Điều 6 Nghị định 134/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/9/2016 về Miễn thuế đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh quy định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh bằng hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp, có tổng trị giá hải quan không quá 10.000.000 đồng Việt Nam (rượu, thuốc lá có định mức riêng). Hiện nay, Luật Thuế giá trị gia tăng chưa cho phép hàng hóa miễn thuế nhập khẩu bán cho khách du lịch tại khu phi thuế quan là đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Để đẩy mạnh thu hút khách du lịch tới tỉnh Khánh Hòa nói chung và Khu kinh tế Vân Phong cần có chính sách bán hàng miễn thuế cho khách du lịch tại khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế. Chính sách này cũng sẽ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao giá trị gia tăng các ngành dịch vụ, du lịch, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, thương mại, du lịch, thu hút nguồn lao động có chất lượng cao đến làm việc tại Khu kinh tế Vân Phong.

Khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị quyết quy định:

“3. Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại khu vực Bắc Vân Phong không phải dành một phần diện tích đất để xây dựng nhà ở xã hội. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội tương ứng ở vị trí phù hợp tại Khu Kinh tế Vân Phong.”

Khoản 2 Điều 16 Luật Nhà ở 2014 quy định “Tại các đô thị loại đặc biệt, loại 1, loại 2 và loại 3 thì chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của Chính phủ. Đối với các loại đô thị còn lại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương để yêu cầu chủ đầu tư phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội”.

Theo nội dung Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị thì huyện Vạn Ninh (khu vực phía Bắc Khu kinh tế Vân Phong) được định hướng trở thành khu đô thị du lịch biển cao cấp. Vì vậy, để tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư dự án khu đô thị tại khu vực Bắc Vân Phong phù hợp với định hướng của Nghị quyết số 09-NQ/TW, phân diện tích bố trí quy hoạch phát triển nhà ở xã hội đối với các dự án khu đô thị cần thiết phải bố trí ở khu vực khác để phù hợp với định hướng phát triển chung.

Khoản 4 Điều 7 dự thảo Nghị quyết quy định:

“4. Miễn thị thực tại khu vực Bắc Vân Phong

a) Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong được miễn thị thực với thời gian tạm trú tại khu vực Bắc Vân Phong không quá 60 ngày nếu hộ chiếu còn thời hạn sử dụng ít nhất 90 ngày; trường hợp có nhu cầu đến các địa phương khác ngoài khu vực Bắc Vân Phong thì phải được cơ quan kiểm soát xuất nhập cảnh cấp thị thực theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

b) Người nước ngoài nhập cảnh vào khu vực Bắc Vân Phong được tạm trú không quá 60 ngày tại khu vực Bắc Vân Phong trong các trường hợp sau đây:

- Thuộc diện miễn thị thực theo điều ước quốc tế mà thời hạn tạm trú dưới 60 ngày;

- Sử dụng thị thực, thẻ tạm trú, giấy miễn thị thực, thẻ doanh nhân APEC còn thời hạn dưới 60 ngày.

c) Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong thuộc diện phải có thị thực nhưng không thuộc Danh sách các nước có công dân được thí điểm cấp thị thực điện tử có thể được cấp thị thực điện tử theo quy định của Chính phủ.”

Theo quy định Điều 12 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 ngày 16/6/2014 và Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14 ngày 25/11/2019; các trường hợp được miễn thị thực: *“1. Theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; 2. Sử dụng thẻ thường trú, thẻ tạm trú theo quy định của Luật này; 3. Vào khu kinh tế cửa khẩu, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; 3a. Vào khu kinh tế ven biển do Chính phủ quyết định khi đáp ứng đủ các điều kiện: có sân bay quốc tế, có không gian riêng biệt, có ranh giới địa lý xác định, cách biệt với đất liền, phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội và không làm phương*

hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam; 4. Theo quy định tại Điều 13 của Luật này; 5. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp và người nước ngoài là vợ, chồng, con của họ; người nước ngoài là vợ, chồng, con của công dân Việt Nam được miễn thị thực theo quy định của Chính phủ.”

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019), chúng nhận tạm trú: *“1. Người nước ngoài nhập cảnh không có thẻ thường trú, thẻ tạm trú còn giá trị sử dụng thì được cấp chứng nhận tạm trú tại cửa khẩu với thời hạn như sau: a) Thời hạn tạm trú cấp bằng thời hạn thị thực; trường hợp thị thực có ký hiệu DL thời hạn trên 30 ngày thì cấp tạm trú 30 ngày và được xem xét gia hạn tạm trú theo quy định tại Điều 35 của Luật này; b) Đối với người được miễn thị thực theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì thời hạn tạm trú cấp theo quy định của điều ước quốc tế, nếu điều ước quốc tế không quy định thời hạn tạm trú thì cấp tạm trú 30 ngày; c) Đối với công dân của nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực thì cấp tạm trú 15 ngày, nếu vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt hoặc khu kinh tế ven biển quy định tại khoản 3a Điều 12 của Luật này thì cấp tạm trú theo quy định tại điểm d khoản này; d) Đối với người không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này vào khu kinh tế cửa khẩu thì cấp tạm trú 15 ngày, vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt hoặc khu kinh tế ven biển quy định tại khoản 3a Điều 12 của Luật này thì cấp tạm trú 30 ngày.”*

Theo quy định tại Điều 19a Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung năm 2019): *“Điều 19a. Các nước có công dân được cấp thị thực điện tử và các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử. 1. Việc cấp thị thực điện tử áp dụng với công dân của nước có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này. 2. Chính phủ quyết định danh sách các nước có công dân được cấp thị thực điện tử; danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử.”*

Như vậy, hiện nay chưa có quy định về việc miễn thị thực đối với người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào Khu kinh tế Vân Phong. Khu kinh tế Vân Phong là khu kinh tế ven biển được Thủ tướng Chính phủ thành lập, tuy nhiên do chưa đáp ứng được các điều kiện theo quy định như có sân bay quốc tế, có không gian riêng biệt, có ranh giới địa lý xác định, cách biệt với đất liền để được Chính phủ quyết định cho phép áp dụng chính sách miễn thị thực cho người nước ngoài nhập cảnh theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ

sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2019. Dự kiến trong thời gian tới, Khu kinh tế Vân Phong sẽ có sân bay chuyên dùng (sử dụng cho các chuyến bay charter và thủy phi cơ, trực thăng), đồng thời UBND tỉnh Khánh Hòa sẽ phối hợp cùng với các cơ quan chức năng để xác định, khu trú những khu vực có ranh giới địa lý xác định trong Khu kinh tế Vân Phong, bảo đảm an ninh, an toàn và việc thực hiện đúng chủ trương, chính sách theo quy định pháp luật. Hiện nay, Khu kinh tế Phú Quốc đã được Chính phủ ban hành Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 25/5/2020 cho phép áp dụng chính sách miễn thị thực cho người nước ngoài vào Khu kinh tế Phú Quốc theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2019. Đồng thời, theo tại Khoản 1 Điều 31 Luật Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019), người nước ngoài nhập cảnh vào khu kinh tế ven biển do Chính phủ quyết định được miễn thị thực với thời gian tạm trú 30 ngày, hiện nay Khu kinh tế Phú Quốc được áp dụng chính sách miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 30 ngày (Quyết định số 80/2013/QĐ-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang).

Khoản 5 Điều 7 dự thảo Nghị quyết quy định:

“5. Chính sách phân cấp, ủy quyền tại Khu kinh tế Vân Phong.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và gửi quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tới Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo dõi, giám sát.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện các nội dung về chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (gồm cả doanh nghiệp và nhà thầu); cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động; xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định tại

Bộ luật Lao động đối với các doanh nghiệp và nhà thầu, dự án đầu tư trong Khu Kinh tế Vân Phong.”

Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư: Theo quy định tại Điểm b, d Khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội, dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. Theo quy định tại Điều 35 Luật Đầu tư và Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ, thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ là 47 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, thực hiện thẩm định và trình Thủ Tướng phê duyệt theo quy định.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 33 Luật Đầu tư, thành phần hồ sơ, nội dung cần thẩm định để chấp thuận chủ trương thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh là giống nhau. Theo quy định tại Điều 36 Luật Đầu tư, thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh là 32 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Cơ quan đăng ký đầu tư (Ban Quản lý Khu kinh tế) là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan và thực hiện thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

Như vậy, việc thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I nếu áp dụng ở quy trình thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ hay thẩm quyền UBND tỉnh cũng đều phải thực hiện lấy ý kiến các cơ quan liên quan (ý kiến cơ quan địa phương và bộ ngành trong khoảng thời gian 15 ngày) và triển khai thẩm định theo các nội dung yêu cầu giống nhau. Do đó, trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sẽ tốn rất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến việc triển khai dự án của nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra, theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 34 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội thì việc phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, đối với các dự án cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu

từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I đã phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, việc phân cấp, ủy quyền cho UBND tỉnh Khánh Hòa chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án này là cần thiết để giảm thời gian thực hiện các thủ tục, giúp đẩy nhanh tiến độ đưa dự án đi vào hoạt động.

Về thẩm quyền đối với vấn đề môi trường: Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong đã có bộ máy chuyên môn về bảo vệ môi trường, có nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo đúng chuyên ngành và Ban đã có kinh nghiệm triển khai tốt các nhiệm vụ thẩm định đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong trong thời gian vừa qua. Do vậy, để đảm bảo giải quyết nhanh chóng các thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa, tại chỗ”, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư kinh doanh trong Khu kinh tế Vân Phong theo đúng tinh thần tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước để Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tiếp tục được phân cấp, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo đúng quy định pháp luật.

Về sử dụng lao động nước ngoài: Đối với nội dung chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài của nhà thầu theo quy định tại Nghị định 152/2020/NĐ-CP thuộc thẩm quyền chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nhiệm vụ này chưa được ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện. Hiện nay các nhà thầu thực hiện dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong (dự án đã được Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong cấp Giấy chứng nhận đầu tư) thực hiện thủ tục đăng ký nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội là cơ quan tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh thực hiện thủ tục. Việc chưa phân cấp, ủy quyền đầy đủ cho Ban Quản lý KKT, KCN các nhiệm vụ trên ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về lao động tại KKT, KCN chưa được thống nhất, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tại KKT, KCN khi thực hiện các thủ tục liên quan. Do vậy, cần tạo điều kiện để Ban Quản lý nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về lao động một cách nhanh chóng, thuận lợi, phù hợp theo quy định của pháp luật.

e) Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tại tỉnh Khánh Hòa (Điều 8)

Điều 8 Dự thảo Nghị quyết quy định:

“1. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển (sau đây gọi là nuôi biển) và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam trong khu vực biển ngoài 6 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý, thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa.

2. Miễn tiền sử dụng khu vực biển cho hoạt động nuôi biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động nuôi biển ngoài vùng biển 6 hải lý, vùng biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý.

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động nuôi biển của tổ chức có hoạt động nuôi biển ngoài vùng biển 6 hải lý, vùng biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý.

3. Miễn tiền sử dụng khu vực biển cho hoạt động nuôi biển 10 năm đầu và giảm 50% cho thời gian còn lại đối với hoạt động nuôi biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động nuôi biển trong vùng biển 3-6 hải lý.

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 10 năm đầu và giảm 50% cho thời gian còn lại đối với hoạt động nuôi biển của tổ chức có hoạt động nuôi biển trong vùng biển 3-6 hải lý.

4. Miễn lệ phí trước bạ đối với tàu, thuyền đăng ký tại tỉnh Khánh Hòa để phục vụ trực tiếp cho hoạt động nuôi biển.

5. Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động làm việc trên lồng bè nuôi trồng thủy sản và trên các phương tiện phục vụ cho hoạt động nuôi biển; hỗ trợ 80% kinh phí mua bảo hiểm rủi ro thiên tai đối với đối tượng thủy sản nuôi trên biển trong khu vực biển ngoài 6 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý; 60% đối với vùng biển 3-6 hải lý.

6. Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành quy định tiêu chí, nguyên tắc, trình tự thủ tục thực hiện điểm đ khoản này.”

Về thẩm quyền giao khu vực biển, cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển: Tại điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản 2017 quy định: “Bộ Tài nguyên và Môi trường giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản đối với trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 39 của Luật này”. Tại khoản 2 Điều 39 Luật Thủy sản 2017 quy định: “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam trong khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý”.

Về ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước cho hoạt động trồng thủy sản trên biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân: Hiện nay chưa có quy định ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước cho hoạt động trồng thủy sản trên biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, quy định:

“1. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê trong các trường hợp sau:

a) Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

Về ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động trồng thủy sản trên biển: Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội:

“Điều 13. Ưu đãi về thuế suất

2. Áp dụng thuế suất 10% đối với:

d) Thu nhập của doanh nghiệp từ: trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; nuôi trồng lâm sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh chế muối, trừ sản xuất muối quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm”.

Về ưu đãi lệ phí trước bạ đối với tàu, thuyền, phương tiện phục vụ trực tiếp cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển: Tại Nghị định 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ không quy định về ưu đãi lệ phí trước bạ đối với tàu, thuyền, phương tiện phục vụ trực tiếp cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển.

Nghề nuôi trồng thủy sản trong đó có nuôi trồng thủy sản trên biển đóng vai trò quan trọng đối với lĩnh vực thủy sản của Việt Nam cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội tại Khánh Hòa¹. Theo Quy hoạch phát triển ngành thủy sản tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035, tỷ trọng ngành thủy sản chiếm khoảng 60% – 63% cơ cấu ngành nông nghiệp, với giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 725 – 1.042 triệu USD, tăng trưởng bình quân

¹ Trong mục tiêu phát triển bền vững ngành thủy sản, Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu rõ “Phát triển thủy sản trên biển thành một lĩnh vực sản xuất hàng hóa, khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp và ở các vùng biển mở; tạo khối lượng sản phẩm lớn phục vụ chế biến xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

khoảng 3% – 4 %/năm. Tuy nhiên, hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển của Khánh Hoà nói riêng và Việt Nam nói chung hiện nay chủ yếu là nuôi gần bờ, quy mô nhỏ lẻ, vật liệu lồng bè nuôi bằng gỗ truyền thống độ bền thấp, không ổn định, sử dụng thức ăn tươi... đang gây ô nhiễm môi trường và chông chéo với việc sử dụng diện tích mặt nước với các ngành kinh tế khác dẫn tới hiệu quả không cao. Mặt khác, những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu làm cho các hiện tượng thời tiết, thiên tai cực đoan như mưa, gió, bão tố, lũ lụt, khô hạn, nắng nóng,... xuất hiện thường xuyên hơn, chuyển biến theo chiều hướng cực đoan và khắc nghiệt hơn trước nên đã ảnh hưởng trực tiếp, nặng nề đến ngành nuôi trồng thủy sản.

Trên thế giới, nuôi trồng thủy sản trên biển đang có xu hướng chuyển từ các trại quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu sang nuôi trồng công nghiệp, quy mô lớn với công nghệ hiện đại; chuyển từ vùng nước ven bờ, với hệ sinh thái nhạy cảm và dễ chông lấn với các hoạt động kinh tế khác, ra vùng biển xa bờ và tiến dần ra nuôi trên đại dương; chuyển từ quy mô hộ gia đình sang quy mô doanh nghiệp, với các chính sách khuyến khích và thu hút đầu tư; thiết lập quy hoạch phát triển nuôi biển quốc gia, tăng cường công cụ quản lý nhà nước và cơ chế đồng quản lý (PPP); xây dựng hệ thống cảnh báo, kiểm soát ô nhiễm môi trường, và cảnh báo, đảm bảo an ninh nuôi biển; đồng thời, thiết lập chuỗi giá trị, liên kết trại nuôi với hệ thống cung cấp thức ăn, giống, chế biến, tiêu thụ, phân phối, v.v...

Trung Quốc là một quốc gia nằm trong nhóm dẫn đầu về nuôi trồng thủy sản trên biển với sản lượng nuôi trồng vượt 50 triệu tấn (2018), xuất khẩu sản phẩm nuôi trồng thủy sản đứng đầu thế giới; có thể sản xuất 2 triệu tấn cá hồi/năm, vượt Na Uy (1,2 triệu tấn) và xác định phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển là quốc sách. Trung Quốc có kế hoạch thí điểm đóng 178 trại nuôi trồng thủy sản trên biển với các kiểu lồng thép cỡ lớn, được thả vào các vùng biển tranh chấp. Kết hợp nuôi trồng thủy sản trên biển với điện gió: phát triển hơn 60.000 ha cỏ biển, lập các trại nuôi cá xa bờ cùng tuabin gió phát điện ngoài khơi...

Do đó, cần có cơ chế ưu đãi nhằm phát triển nghề nuôi trồng thủy sản tỉnh Khánh Hoà theo phương thức nuôi công nghiệp, hiện đại, quy mô lớn, đem lại hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái; hình thành vùng nuôi biển xa bờ vừa đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, vừa góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng.

g) Về Tổ chức thực hiện (Điều 9)

Dự thảo Nghị quyết quy định:

“1. Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này sơ kết 03 năm việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2025; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2027.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Khánh Hòa và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.”

h) Về điều khoản thi hành (Điều 10)

Dự thảo Nghị quyết quy định:

“1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và được thực hiện trong 05 năm.

2. Đối với các dự án đầu tư công đã được quyết định chủ trương đầu tư trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể để thực hiện việc tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công theo quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này.

3. Các nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân đã thực hiện các hoạt động quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị quyết này trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đáp ứng các điều kiện và thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các Điều này được hưởng ưu đãi quy định tại Nghị quyết này cho thời gian hoạt động còn lại của dự án đầu tư, hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển.

4. Các dự án quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này cho đến hết thời gian thực hiện dự án.

5. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

6. Ngoài các ưu đãi đầu tư quy định tại Nghị quyết này, nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân được hưởng ưu đãi đầu tư khác tương ứng theo quy định của văn bản pháp luật hiện hành.”

Nội dung này phù hợp với quy định của Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật (điểm b khoản 2 Điều 15) quy định Quốc hội “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”.

VII. TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CÁC CƠ QUAN

.....

VIII. TIẾP THU, Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP

.....

Trên đây là nội dung cơ bản về dự thảo Nghị quyết về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, quyết định và giao Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình của Chính phủ đề trình Quốc hội cho ý kiến, thông qua tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV theo quy trình thông qua tại một kỳ họp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Ngoại giao, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Xây dựng, Quốc phòng, Công an, Tài nguyên và Môi trường; Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Văn hóa Thể thao & Du lịch, Lao động, Thương binh và Xã hội, Giao thông vận tải;
- Tỉnh Khánh Hòa: Tỉnh ủy, UBND, Sở KHĐT;
- Các Vụ: PC, THKTQD, QLKKT, QLĐT, ĐTNN.
- Lưu: VT, KTĐPLT, (MT).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

PHỤ LỤC**DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ TẠI KHU
KINH TẾ VÂN PHONG**

*(Phụ lục kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHĐT ngày tháng năm 2022 của Bộ
Kế hoạch và Đầu tư)*

1. Trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), công nghệ thông tin, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực đại dương, hàng hải, sinh học, dược liệu biển và sinh thái biển có quy mô vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên.
2. Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại – tài chính gắn với cảng biển, dịch vụ hậu cần cảng biển có quy mô vốn đầu tư từ 12.000 tỷ đồng trở lên;
3. Khu đô thị với quy mô theo diện tích đất từ 300 ha trở lên hoặc có quy mô dân số trên 50.000 người; Kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp có quy mô vốn đầu tư từ 25.000 tỷ đồng trở lên;
4. Đầu tư công nghiệp năng lượng sạch, dịch vụ logistics, công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, cơ khí chính xác, điện tử, du lịch chăm sóc sức khỏe có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng.
5. Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không, sân bay; Đầu tư bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.
6. Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu phi thuế quan có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.
7. Xây dựng và kinh doanh dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có sân golf có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 30.000 tỷ đồng.

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: /2022/QH15

DỰ THẢO

ĐỀ CƯƠNG NGHỊ QUYẾT

Về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 63/2020/QH14;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi là Tỉnh) về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước; phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, môi trường, đầu tư; tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công; phát triển Khu kinh tế Vân Phong và phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tại tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội.
- Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước

1. Hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách Tỉnh không quá 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Tỉnh so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thường vượt thu theo quy định tại khoản 4 Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i, và q

khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14 so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao, nhưng không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện thu năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu.

2. Tỉnh Khánh Hòa được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho tỉnh vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách tỉnh hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Tỉnh Khánh Hòa được phân bổ thêm 45% theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số khi xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Quản lý quy hoạch

Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

Điều 5. Quản lý đất đai

1. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha; quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 1.000 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ.

Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của chuyển đổi mục đích sử dụng và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa do Thủ tướng Chính phủ quy định.

2. Thực hiện chuẩn bị thu hồi đất

a) Đối với dự án ngoài ngân sách phù hợp với quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai và có quy mô từ 300ha trở lên, cho phép cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất

để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi.

b) Hội đồng nhân dân tỉnh được quyết định sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các nội dung quy định điểm a khoản này.

Điều 6. Tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công

1. Cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể quyết định tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập (sau đây gọi là dự án giải phóng mặt bằng) khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư và Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng tại quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể.

2. Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng căn cứ chủ trương đầu tư dự án tổng thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng trong phạm vi mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm thực hiện dự án tổng thể. Trường hợp điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể trước khi điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng.

3. Quyết định đầu tư dự án giải phóng mặt bằng là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước để thực hiện, đồng thời là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất.

4. Nội dung nhiệm vụ thực hiện trong dự án giải phóng mặt bằng gồm: công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm; rà phá bom, mìn, vật nổ, di dời công trình hạ tầng kỹ thuật.

Điều 7. Phát triển Khu kinh tế Vân Phong

1. Thu hút nhà đầu tư chiến lược

a) Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư có cam kết bằng văn bản về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao; cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, gắn bó lợi ích lâu dài với Khu kinh tế Vân Phong; có dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu kinh tế Vân Phong quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Có vốn điều lệ từ 10.000 tỷ đồng trở lên hoặc có tổng tài sản từ 25.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 2, 3 và 7 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 4 và 6 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại

mục 5 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 1 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên.

b) Quyền của nhà đầu tư chiến lược:

- Được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên quy định tại Phụ lục của Nghị quyết này trong trường hợp dự án đầu tư chỉ có một nhà đầu tư chiến lược đề xuất hoặc có từ hai nhà đầu tư trở lên mà trong đó có một nhà đầu tư chiến lược đề xuất thực hiện. Trường hợp có hai nhà đầu tư chiến lược trở lên quan tâm đề xuất thực hiện cùng 01 dự án thì việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Được ưu tiên hỗ trợ thủ tục đầu tư kinh doanh và thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Được tham gia trong quá trình lập quy hoạch, xây dựng chính sách áp dụng tại Khu kinh tế Vân Phong.

- Được tổ chức, tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại Khu kinh tế Vân Phong.

c) Nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược:

- Tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Nhà đầu tư ứng trước kinh phí cho Nhà nước để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; ứng trước kinh phí cho Nhà nước thực hiện dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư, các công trình khác ngoài hàng rào dự án đầu tư của nhà đầu tư nhưng tối thiểu 200 tỷ đồng trong thời hạn không quá 01 năm kể từ khi dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại mục 2, 3, 6 và 7 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này. Khoản tiền ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án đầu tư mà nhà đầu tư phải nộp. Mức được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, số tiền còn lại (nếu có) được tính vào vốn đầu tư của dự án.

- Kể từ khi cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, thực hiện giải ngân không quá 05 năm đối với các dự án quy định tại mục 2, 3 và 7; không quá 03 năm đối với các dự án còn lại quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết này.

- Thành lập tổ chức kinh tế tại tỉnh Khánh Hòa để quản lý dự án tại Khu kinh tế Vân Phong.

- Hỗ trợ kinh phí để đào tạo nghề đối với lao động bị ảnh hưởng tại khu vực dự án; ưu tiên tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc tại dự án; thực

hiện cam kết về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao (nếu có).

d) Các dự án quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này của nhà đầu tư chiến lược được hưởng các ưu đãi đầu tư sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 20 năm liên tục kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo, trừ các dự án đầu tư quy định tại mục 2, 3 và 7 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa 20 năm sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản nhưng không quá một nửa thời hạn sử dụng đất.

- Được hỗ trợ tiền điện trong một thời gian thích hợp theo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh Khánh Hòa.

đ) Nhà đầu tư chiến lược có dự án đầu tư tại Khu Kinh tế Vân Phong thuộc Phụ lục của Nghị quyết này được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Khu Kinh tế Vân Phong đáp ứng các điều kiện được hưởng chế độ Hải quan ưu tiên theo quy định của pháp luật Hải quan và thuế trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.

e) Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng các điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và các điều kiện khác về nhà đầu tư chiến lược thì Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong điều chỉnh ưu đãi đầu tư, các chính sách khác đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại Nghị quyết này. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình.

g) Căn cứ Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu Kinh tế Vân Phong theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm ban hành danh mục dự án cụ thể và thực hiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị quyết này và pháp luật có liên quan.

2. Bán hàng miễn thuế cho khách du lịch nước ngoài tại khu phi thuế quan:

a) Khách du lịch là người nước ngoài được mua hàng miễn thuế tại khu phi thuế quan bằng hai lần định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh cho từng lần nhập cảnh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Một người được mua một lần trong 01 ngày và không quá 04 lần trong 30 ngày liên tục.

b) Hàng mua miễn thuế theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được nhận ở khu cách ly đối với khách du lịch bằng máy bay, tàu biển; trường hợp rời Khu phi thuế quan bằng đường bộ thì nhận hàng tại địa điểm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3. Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại khu vực Bắc Vân Phong không phải dành một phần diện tích đất để xây dựng nhà ở xã hội. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội tương ứng ở vị trí phù hợp tại Khu Kinh tế Vân Phong.

4. Miễn thị thực tại khu vực Bắc Vân Phong

a) Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong được miễn thị thực với thời gian tạm trú tại khu vực Bắc Vân Phong không quá 60 ngày nếu hộ chiếu còn thời hạn sử dụng ít nhất 90 ngày; trường hợp có nhu cầu đến các địa phương khác ngoài khu vực Bắc Vân Phong thì phải được cơ quan kiểm soát xuất nhập cảnh cấp thị thực theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

b) Người nước ngoài nhập cảnh vào khu vực Bắc Vân Phong được tạm trú không quá 60 ngày tại khu vực Bắc Vân Phong trong các trường hợp sau đây:

- Thuộc diện miễn thị thực theo điều ước quốc tế mà thời hạn tạm trú dưới 60 ngày;

- Sử dụng thị thực, thẻ tạm trú, giấy miễn thị thực, thẻ doanh nhân APEC còn thời hạn dưới 60 ngày.

c) Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong thuộc diện phải có thị thực nhưng không thuộc Danh sách các nước có công dân được thí điểm cấp thị thực điện tử có thể được cấp thị thực điện tử theo quy định của Chính phủ.

5. Chính sách phân cấp, ủy quyền tại Khu kinh tế Vân Phong.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.

b) Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và gửi quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tới Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo dõi, giám sát.

c) Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện các nội dung về chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (gồm cả doanh nghiệp và nhà thầu); cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động; xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định tại Bộ luật Lao động đối với các doanh nghiệp và nhà thầu, dự án đầu tư trong Khu Kinh tế Vân Phong.

Điều 8. Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tại tỉnh Khánh Hòa

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển (sau đây gọi là nuôi biển) và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển

cho tổ chức, cá nhân Việt Nam trong khu vực biển ngoài 6 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý, thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa.

2. Miễn tiền sử dụng khu vực biển cho hoạt động nuôi biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động nuôi biển ngoài vùng biển 6 hải lý, vùng biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý.

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động nuôi biển của tổ chức có hoạt động nuôi biển ngoài vùng biển 6 hải lý, vùng biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý.

3. Miễn tiền sử dụng khu vực biển cho hoạt động nuôi biển 10 năm đầu và giảm 50% cho thời gian còn lại đối với hoạt động nuôi biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động nuôi biển trong vùng biển 3-6 hải lý.

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 10 năm đầu và giảm 50% cho thời gian còn lại đối với hoạt động nuôi biển của tổ chức có hoạt động nuôi biển trong vùng biển 3-6 hải lý.

4. Miễn lệ phí trước bạ đối với tàu, thuyền đăng ký tại tỉnh Khánh Hòa để phục vụ trực tiếp cho hoạt động nuôi biển.

5. Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động làm việc trên lồng bè nuôi trồng thủy sản và trên các phương tiện phục vụ cho hoạt động nuôi biển; hỗ trợ 80% kinh phí mua bảo hiểm rủi ro thiên tai đối với đối tượng thủy sản nuôi trên biển trong khu vực biển ngoài 6 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý; 60% đối với vùng biển 3-6 hải lý.

6. Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành quy định tiêu chí, nguyên tắc, trình tự thủ tục thực hiện khoản 5 Điều này.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này sơ kết 03 năm việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2025; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm 2027.

2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Khánh Hòa và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và được thực hiện trong 05 năm.

2. Đối với các dự án đầu tư công đã được quyết định chủ trương đầu tư trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, trường hợp cần thiết, cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể để thực hiện việc tách

dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công theo quy định tại Điều 6 của Nghị quyết này.

3. Các nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân đã thực hiện các hoạt động quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị quyết này trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành đáp ứng các điều kiện và thực hiện các nghĩa vụ quy định tại các Điều này được hưởng ưu đãi quy định tại Nghị quyết này cho thời gian hoạt động còn lại của dự án đầu tư, hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển.

4. Các dự án quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết này cho đến hết thời gian thực hiện dự án.

5. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

6. Ngoài các ưu đãi đầu tư quy định tại Nghị quyết này, nhà đầu tư, tổ chức, cá nhân được hưởng ưu đãi đầu tư khác tương ứng theo quy định của văn bản pháp luật hiện hành.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2022.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ

PHỤ LỤC

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ƯU TIÊN THU HÚT ĐẦU TƯ TẠI KHU KINH TẾ VÂN PHONG

1. Trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), công nghệ thông tin, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực đại dương, hàng hải, sinh học, dược liệu biển và sinh thái biển có quy mô vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên.

2. Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại – tài chính gắn với cảng biển, dịch vụ hậu cần cảng biển có quy mô vốn đầu tư từ 12.000 tỷ đồng trở lên;

3. Khu đô thị với quy mô theo diện tích đất từ 300 ha trở lên hoặc có quy mô dân số trên 50.000 người; Kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp có quy mô vốn đầu tư từ 25.000 tỷ đồng trở lên;

4. Đầu tư công nghiệp năng lượng sạch, dịch vụ logistics, công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, cơ khí chính xác, điện tử, du lịch chăm sóc sức khỏe có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng.

5. Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không, sân bay; Đầu tư bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.

6. Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu phi thuế quan có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

7. Xây dựng và kinh doanh dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có sân golf có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 30.000 tỷ đồng.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BÁO CÁO

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH TRONG
ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ
THÍ ĐIỂM MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ
PHÁT TRIỂN TỈNH KHÁNH HÒA**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHĐT ngày tháng năm 2022
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Hà Nội, tháng 3 năm 2022

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng cơ chế, chính sách

Khánh Hòa là tỉnh ven biển Nam Trung bộ, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng của cả nước. Tỉnh Khánh Hòa nằm ở vị trí trung tâm của các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ, có diện tích tự nhiên 5.199,6 km², dân số 1,240 triệu người; gồm 09 đơn vị hành chính cấp huyện, có 03 vịnh lớn là Vịnh Nha Trang, Vịnh Vân Phong, Vịnh Cam Ranh; là địa phương có chiều dài bờ biển hơn 385 km, có thềm lục địa và vùng lãnh hải rộng lớn với gần 200 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó quần đảo Trường Sa có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng cả về quốc phòng và bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ đất nước; có mũi Đồi là điểm cực Đông trên đất liền của Tổ quốc; là cửa ngõ hướng biển, tâm điểm kết nối vùng giữa Tây Nguyên với Nam Trung bộ, trong đó Khu kinh tế Vân Phong từng được định hướng trở thành đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Khánh Hòa có mạng lưới giao thông khá thuận lợi, trên các trục giao thông đường bộ quan trọng của cả nước, có các cảng biển nước sâu, có sân bay quốc tế Cam Ranh với lưu lượng khách quốc tế đứng thứ 3 cả nước, là cửa ngõ giao thương quốc tế cho cả khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Biển và tiềm năng kinh tế biển là những nét nổi bật của Khánh Hòa. Với khí hậu ôn hòa, biển xanh, cát trắng, nắng vàng, cảnh quan thiên nhiên phong phú, đa dạng, người dân hiền hòa, Khánh Hòa đã trở thành địa chỉ du lịch nổi tiếng mang tầm khu vực và quốc tế. Vị trí địa lý của tỉnh Khánh Hòa còn có ý nghĩa quan trọng về mặt quốc phòng, an ninh do nằm gần đường hàng hải quốc tế sôi động, có huyện đảo Trường Sa, khu căn cứ quân sự Cam Ranh. Bên cạnh đó, Khánh Hòa còn là vùng đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, kiên cường, dũng cảm trong kháng chiến chống ngoại xâm; là tỉnh miền Nam duy nhất được đón Bác Hồ trở lại kể từ khi Người rời Bến Nhà Rồng ra đi tìm đường, cứu nước. Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, lịch sử văn hóa đã tạo cho Khánh Hòa địa quân sự khá đặc biệt về quốc phòng và an ninh; là địa phương có tiềm năng rất lớn để phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhất là phát triển dịch vụ, du lịch và kinh tế biển, tạo động lực cho sự phát triển của khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên và cả nước.

Sau gần 10 năm thực hiện Kết luận số 53-KL/TW, ngày 24/12/2012 của Bộ Chính trị khoá XI về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hoà đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Khánh Hoà đã khai thác và phát huy tương đối tốt các tiềm năng, lợi thế, nhất là lợi thế về biển cho phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế tăng trưởng khá; thu ngân sách tăng nhanh, bảo đảm tự cân đối ngân sách địa phương và có điều tiết về Trung ương. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông được chú trọng đầu tư, nâng cấp. Hệ thống đô thị ven biển được hình thành tương đối hiện đại. Khu kinh tế Vân Phong từng bước tác động tích cực đến phát triển kinh tế của tỉnh và vùng. Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Khánh Hoà là trung tâm du lịch biển quốc gia, có thương hiệu quốc tế; từng bước trở thành một cực tăng trưởng trong khu vực. Tỷ lệ hộ

nghèo đạt mức thấp. Phát triển kinh tế - xã hội được kết hợp chặt chẽ với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc được bảo vệ vững chắc.

Tuy nhiên, tiềm năng, lợi thế của tỉnh chưa được khai thác hợp lý, phát huy hiệu quả, chưa tạo ra sự đột phá cho phát triển. Khánh Hoà chưa đạt được các tiêu chí để trở thành đô thị trực thuộc Trung ương; chưa thực sự trở thành đô thị hạt nhân, động lực phát triển, cửa ngõ chính ra Biển Đông của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Khu kinh tế Vân Phong phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Quy mô kinh tế còn khá nhỏ; cơ cấu kinh tế thiếu cân đối, phụ thuộc nhiều vào khu vực dịch vụ, sức chống chịu không cao. Trong hai năm vừa qua (2020 và 2021), Khánh Hoà là địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19, GRDP năm 2020 là - 10,5%, năm 2021 là - 5,58%. Du lịch phát triển chưa bền vững. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông chưa đồng bộ. Phát triển và quản lý đô thị còn nhiều bất cập. Thu nhập bình quân đầu người thấp, chênh lệch phát triển trong nội tỉnh còn cao; nguy cơ tái nghèo cao, nhất là tại những huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả hợp tác, liên kết với các địa phương khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên còn hạn chế.

Hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do nguyên nhân chủ quan, song Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị cũng chỉ ra có nguyên nhân là *“thiếu các cơ chế, chính sách đặc thù, nhất là về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý phù hợp để tạo ra động lực mới cho phát triển”*.

Bộ Chính trị cũng xác định *“xây dựng và phát triển Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trung tâm kết nối vùng, cửa ngõ chính ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ là nhiệm vụ chính trị quan trọng, có ý nghĩa nhiều mặt của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Khánh Hoà và cả nước”*. Đồng thời, giao nhiệm vụ cho Ban cán sự đảng Chính phủ *“xây dựng, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, trong đó có tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư... và phân cấp quản lý cho tỉnh Khánh Hoà, bảo đảm tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước, phù hợp vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hoà trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trình Quốc hội khoá XV thông qua”*.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hoà là cần thiết, nhằm thể chế hóa các quan điểm, định hướng phát triển nêu trong Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị (sau đây gọi là Nghị quyết 09), khắc phục những hạn chế, yếu kém và tạo cơ chế đột phá để huy động mọi nguồn lực, khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, góp phần đạt được các mục tiêu mà Bộ Chính trị đã đề ra.

2. Mục tiêu xây dựng cơ chế, chính sách

a) Mục tiêu tổng thể

Nghị quyết 09 đã xác định mục tiêu xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 “là thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở phát huy cao độ tiềm năng và lợi thế biển, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; là nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc”; tầm nhìn đến năm 2045 “là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; là thành phố đáng sống, nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; là một trong những địa phương đi đầu trong bảo vệ môi trường và việc thực hiện phát thải khí nhà kính về mức không”.

b) Mục tiêu cụ thể

Giai đoạn 2021-2025: Tăng trưởng GRDP đạt mức 7,1%/năm; tăng trưởng năng suất lao động đạt mức 6,1%/năm. Phân đầu thu ngân sách hàng năm đạt và vượt dự toán ngân sách Trung ương giao. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 354 nghìn tỷ đồng. Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm từ 1 - 1,5%/năm. Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người đạt 104 triệu đồng/người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 65%. Có 81,5% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; 40,2% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 10,9% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 77,97%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31%. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 46,5%; tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị, dân cư nông thôn đạt 70%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom là 90% và xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải là 80%.

Giai đoạn 2026-2030: Tăng trưởng GRDP đạt mức 8,8%/năm; tăng trưởng năng suất lao động đạt mức 7,8%/năm. Phân đầu thu ngân sách hàng năm đạt và vượt dự toán ngân sách Trung ương giao, từng bước tăng dần tỷ lệ điều tiết về ngân sách Trung ương. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 664 nghìn tỷ đồng. Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt 189 triệu đồng/người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 70%. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 81,91%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%. Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 46,5%; tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị, dân cư nông thôn đạt 100%; tỷ lệ chất

thải rắn sinh hoạt được thu gom là 100% và xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải là 90%.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. NHÓM CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VỀ TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (03 CHÍNH SÁCH)

1.1 Cơ chế, chính sách 1: Bổ sung có mục tiêu từ số tăng thu phần điều tiết ngân sách trung ương và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%

1.1.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định khoản 5, khoản 6 Điều 19 Luật Ngân sách nhà nước, Quốc hội quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương quy định tại Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước và quyết định mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, bao gồm bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu.

Tại Nghị quyết 09 đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030, tỉnh Khánh Hòa là thành phố trực thuộc Trung ương, là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghệ công nghiệp cao, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.... Đến năm 2045, tỉnh Khánh Hòa là đô thị thông minh, bền vững, mang bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á. Để phấn đấu đạt được mục tiêu đã được Bộ Chính trị đề ra việc đầu tư và hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, kết cấu hạ tầng đô thị, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế để kêu gọi và thu hút các doanh nghiệp đầu tư... phải được triển khai nhanh, hiệu quả đáp ứng được mục tiêu phát triển.

Tỉnh Khánh Hòa đang là tỉnh tự cân đối, có điều tiết số thu về ngân sách trung ương, tốc độ tăng trưởng bình quân thu ngân sách nhà nước của tỉnh giai đoạn 2012-2019 là 11%/năm, trong đó các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, các khoản thu NSTW hưởng 100% (tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước) chiếm tỷ trọng 67% trong tổng thu NSNN.

Tuy nhiên, năm 2020 và năm 2021 do tác động của dịch bệnh Covid-19, số thu NSNN trên địa bàn giảm sâu (*năm 2019 thu 19.074 tỷ đồng, năm 2020 thu 13.825 tỷ đồng, bằng 72% so với cùng kỳ và năm 2021 thu 14.076 tỷ đồng, tăng 1,8% so với cùng kỳ nhưng bằng 74% so với năm 2019*). Bên cạnh đó, địa phương đã huy động tất cả các nguồn lực tài chính hợp pháp của địa phương bao gồm Quỹ dự trữ tài chính, nguồn cải cách tiền lương, nguồn tiết kiệm chi, thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên từ dự toán với số tiền 1.500 tỷ đồng để thực hiện công tác phòng, chống dịch COVID-19 và hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng do dịch bệnh. Đồng thời, đã cắt giảm nhiệm vụ chi đầu tư từ dự toán để bù hụt thu, đảm bảo cân đối ngân sách địa phương.

Trước thực tiễn nguồn thu NSNN bị ảnh hưởng nặng nề do dịch bệnh, Chính phủ đã giao dự toán thu NSNN năm 2022 của tỉnh Khánh Hòa là 12.015 tỷ đồng, thấp hơn 5.245 tỷ đồng so với năm 2017 và thấp hơn 1.743 tỷ đồng so với năm 2021. Đồng thời, nguồn vốn ngân sách địa phương dành cho chi đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, các dự án, chương trình trọng điểm của tỉnh giai đoạn 2021-2025 chỉ đảm bảo được 29,4% nhu cầu (tổng nhu cầu vốn đầu tư công 70.140 tỷ đồng, tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Khánh Hòa là 21.116 tỷ đồng). Do đó, với nguồn lực hạn chế như hiện nay của tỉnh Khánh Hòa, để đạt được mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã được Bộ Chính trị đặt ra cho Tỉnh rất khó đạt được, rất cần có sự hỗ trợ từ ngân sách trung ương để địa phương có nguồn lực, động lực phát triển.

Vì vậy, việc thực hiện chính sách bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho Tỉnh Khánh Hòa vừa hỗ trợ cho ngân sách địa phương có nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế xã hội của tỉnh hoàn thành được mục tiêu tại Nghị quyết 09, vừa khuyến khích địa phương phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước, tăng đóng góp của tỉnh về ngân sách Trung ương trong giai đoạn sau.

Quốc hội đã cho phép áp dụng chính sách tương tự đối với thành phố Cần Thơ tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và thành phố Hải Phòng tại Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021.

1.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Khuyến khích địa phương phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước, tăng đóng góp của tỉnh về ngân sách Trung ương trong giai đoạn sau, vừa hỗ trợ cho ngân sách địa phương có đủ nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhất là phát triển nhanh kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối các vùng, miền để Tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương và là một cực tăng trưởng trung tâm của khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và của cả nước.

1.1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh không quá 70% số tăng thu ngân sách Trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương so với dự toán Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thưởng vượt thu theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước so với dự toán Chính phủ giao, nhưng không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu. Việc

xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu.

1.1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- *Tác động về kinh tế:* Không đủ nguồn lực đầu tư cần thiết để phát triển tỉnh Khánh Hòa theo các mục tiêu Bộ Chính trị đã đề ra tại Nghị quyết 09.

- *Tác động về mặt xã hội:* Ảnh hưởng tới mục tiêu giải quyết các vấn đề xã hội và phát triển tỉnh Khánh Hòa theo tinh thần Nghị quyết 09 do nguồn lực bị hạn chế.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- *Tác động về kinh tế:*

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh qua các năm, các giai đoạn đều có sự tăng trưởng, cụ thể: từ 58.546 tỷ đồng giai đoạn 2011-2015 lên 79.286 tỷ đồng giai đoạn 2016-2019; tăng bình quân 11%/năm và Tỉnh Khánh Hòa thuộc các tỉnh tự cân đối được chi ngân sách và có điều tiết về ngân sách Trung ương. Năm 2020 và năm 2021 do ảnh hưởng của dịch bệnh, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh giảm so với các năm trước (*năm 2019 thu 19.074 tỷ đồng, năm 2020 thu 13.825 tỷ đồng, bằng 72% so với cùng kỳ và năm 2021 thu 14.076 tỷ đồng, tăng 1,8% so với cùng kỳ nhưng bằng 74% so với năm 2019*).

Khi ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh số tăng thu ngân sách Trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương so với dự toán Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thường vượt thu theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước so với dự toán Chính phủ giao, sẽ khuyến khích địa phương phấn đấu tăng thu ngân sách hàng năm đồng thời bổ sung nguồn lực cho Tỉnh cùng với nguồn ngân sách địa phương đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông kết nối, phát huy được vị trí của địa phương là trung tâm vùng, đầu mối giao thông quan trọng, thực hiện thành công mục tiêu xây dựng và phát triển Tỉnh Khánh Hòa theo tại Nghị quyết 09 đã đề ra và thực sự trở thành động lực phát triển của duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

- *Tác động về mặt xã hội:* Giúp tỉnh Khánh Hòa tăng thêm nguồn lực, chủ động được nguồn vốn để đầu tư các dự án xây dựng cơ bản trong lĩnh vực môi

trường, cấp thoát nước, giao thông đô thị, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, nâng cao chất lượng đời sống của người dân, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển hướng tới xây dựng tỉnh Khánh Hòa là nơi đáng sống, nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa, hạnh phúc.

- *Tác động về vấn đề giới*: Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính*: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật*: (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

1.1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội)

1.2. Cơ chế, chính sách 2: Nâng hạn mức dư nợ vay của ngân sách địa phương lên mức 60%.

1.2.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định tại Điều c Khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 về mức dư nợ vay của ngân sách địa phương: “*Đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương không vượt quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp*”. Khánh Hòa là tỉnh có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương nên mức dư nợ vay hiện nay của Tỉnh không vượt quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp.

Trong các nhiệm vụ, giải pháp Bộ Chính trị đề ra để xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Nghị quyết 09, có nhiệm vụ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại; hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số; làm cơ sở để Khánh Hòa phát huy vai trò là trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ chính ra Biển Đông, có vai trò trung tâm kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ với các vùng, miền trong cả nước, quốc tế; phát triển khu kinh tế Vân Phong trở thành động lực phát triển của tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ, Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế. Với mục tiêu phát triển là trung tâm kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ với các vùng, miền trong cả nước, quốc tế, phát triển khu kinh tế, khu đô thị sân bay, nhu cầu vốn để triển khai là rất lớn.

Tuy nhiên với nguồn lực còn hạn chế của địa phương sẽ không đảm bảo đủ nguồn để phát triển nhanh, đồng bộ nhiều ngành, nghề, lĩnh vực trong cùng

một thời điểm. Vì vậy, cần thông qua phát hành trái phiếu địa phương, vay vốn các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho tỉnh vay lại để huy động trước nguồn lực để thực hiện, đồng thời sử dụng nguồn vốn vay như nguồn ngân sách nhà nước để dẫn dắt và thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư phát triển cho hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn.

Trên cơ sở các dự án đã ký thỏa thuận vay nợ, dự kiến dư nợ ngân sách tỉnh Khánh Hòa đến thời điểm 31/12/2022 là 766 tỷ đồng; hạn mức dư nợ tối đa được huy động theo quy định hiện hành là 2.737 tỷ đồng. Đối với các dự án đã thực hiện ký thỏa thuận vay, trong giai đoạn 2021-2025, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt mức vay là 1.273 tỷ đồng (Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang; Sửa chữa và nâng cao an toàn đập; Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai; Nâng cao hiệu quả sử dụng nước tại các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán); đồng thời, tỉnh Khánh Hòa đang triển khai dự án Phát triển tổng hợp tỉnh Khánh Hòa với tổng mức đầu tư 4.000 tỷ đồng, trong đó vốn vay là 2.800 tỷ đồng (70%) từ nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới. Như vậy, nhu cầu vốn vay của Tỉnh Khánh Hòa đối với các dự án đang triển khai đã vượt hạn mức vay nợ tối đa theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước

Với định hướng phát triển Tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết 09, trong thời gian tới tỉnh Khánh Hòa cần huy động thêm nguồn lực tối thiểu 40.000 tỷ đồng (gồm các dự án: Hạ tầng khu kinh tế Vân Phong khoảng 3.000 tỷ đồng, Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng 400 tỷ đồng; Bệnh viện sản nhi 745 tỷ đồng; Đường ven biển từ xã Vạn Lương huyện Vạn Ninh đến thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa 1.498 tỷ đồng; Đường liên vùng huyện Diên Khánh 844 tỷ đồng; Đường D25 và Kênh thoát lũ Vĩnh Trung 1.490,7 tỷ đồng; Đường Vĩnh Bình-Cù Hin 1.028 tỷ đồng; Mở rộng cầu Cam Hải 600 tỷ đồng; Chương trình phát triển đô thị 30.000 tỷ đồng;..).

Do đó, cần nâng hạn mức vay của tỉnh từ 30% lên 60%, theo đó hạn mức dư nợ vay tối đa của tỉnh Khánh Hòa 5.472 tỷ đồng (tính theo dự toán năm 2022), tăng 2.736 tỷ đồng so với quy định hiện hành sẽ bổ sung nguồn lực cho Tỉnh đáp ứng một phần nhu cầu vốn để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của Tỉnh nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết 09 đã đề ra.

Hiện nay Quốc hội đã đồng ý cho tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Nghệ An được vay với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 40% số thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp; Thành phố Hải Phòng, tỉnh Thanh Hóa được vay với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách tỉnh, thành phố được hưởng theo phân cấp. Mặt khác Nghị quyết 09 đã xác định yêu cầu xây dựng, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính bảo đảm tính tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước, phù hợp với vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hòa.

1.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tạo điều kiện cho tỉnh Khánh Hòa huy động trước một phần nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng, phù hợp với điều kiện, khả năng cân đối ngân sách của địa phương, đảm bảo an toàn, bền vững nợ công, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng Khu kinh tế Vân Phong, các dự án trọng điểm, có tính kết nối, lan tỏa vùng, miền trên địa bàn để tỉnh Khánh Hòa phát huy vai trò là trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ chính ra Biển Đông, có vai trò trung tâm kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ với các vùng, miền trong cả nước, quốc tế theo đúng định hướng của Bộ Chính trị tại Nghị quyết 09.

1.2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Tỉnh Khánh Hòa được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho tỉnh vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách tỉnh hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

1.2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- *Tác động về kinh tế:* Chưa tạo đủ nguồn lực tài chính cần thiết để huy động nguồn lực xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa theo mục tiêu Bộ Chính trị đã đề ra tại Nghị quyết 09, dẫn đến mục tiêu khó đạt được.

- *Tác động về mặt xã hội:* Mục tiêu xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa theo tinh thần Nghị quyết 09 khó đạt được, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- *Tác động về kinh tế:* Hỗ trợ tỉnh Khánh Hòa huy động trước nguồn lực để phát triển đồng bộ, kịp thời (bao gồm vay trong nước từ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay lại từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại và các khoản vay trong nước khác theo quy định của pháp luật), đảm bảo hoàn thành các mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết 09.

Nếu tình sử dụng toàn bộ nguồn vốn vay này cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thì đây là nguồn lực rất có ý nghĩa với Khánh Hòa. Phân tích từ mô hình kinh tế lượng cho thấy, trong trường hợp Khánh Hòa có đủ năng lực thụ vốn, khả năng vay nợ và đảm bảo phù hợp với giới hạn về tỷ lệ nợ công do Quốc hội phê duyệt hàng năm, chính sách có tác động tích cực khá đáng kể tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2030. Cụ thể, nếu sử dụng hết hạn mức vay tối đa 60%, khả năng huy động vốn đầu tư toàn xã hội có thể tăng thêm 45%; tăng trưởng GRDP tăng thêm 1,8 điểm %; thu ngân sách nhà nước theo đó có cơ hội tăng thêm khoảng 25% mỗi năm so với trường hợp không áp dụng cơ chế đặc thù (kịch bản cơ sở). Với khả năng thu này, tỉnh có khả năng đảm bảo được nghĩa vụ trả nợ theo hạn mức vay mới; đồng thời hướng tới mục tiêu tăng dần tỷ lệ điều tiết. Như vậy, chính sách có nhìn chung tác động lan tỏa tích cực, tạo điều kiện giúp Khánh Hòa tiến gần hơn tới các mục tiêu đã đặt ra tại Nghị quyết 09.

- *Tác động về mặt xã hội:* Giúp tỉnh Khánh Hòa tăng thêm nguồn lực, đảm bảo chủ động được nguồn vốn để đầu tư các dự án xây dựng cơ bản trong lĩnh vực môi trường, cấp thoát nước, giao thông, đô thị, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao... nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội hướng tới xây dựng tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; là nơi đáng sống, nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa, hạnh phúc.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

1.2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

1.3. Cơ chế, chính sách 3: Tỉnh Khánh Hòa được phân bổ thêm 45% theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số khi xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này.

1.3.1. Xác định vấn đề bất cập

- Theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Luật Ngân sách nhà nước thì Quốc hội quyết định chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách nhà nước.

- Theo quy định tại Khoản 5 Điều 20 Luật Ngân sách nhà nước thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân

bổ ngân sách nhà nước.

- Tại Khoản 16 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 quy định:

“Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có cơ chế chính sách đặc thù hoặc có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số như sau:

- 1. Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được phân bổ thêm 80%.*
- 2. Các thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ được phân bổ thêm 70%.*
- 3. Các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Thừa Thiên Huế được phân bổ thêm 45%.*
- 4. Các tỉnh còn lại có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 40% trở lên được phân bổ thêm 60%; các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 15% đến dưới 40% được phân bổ thêm 50%; các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương còn lại được phân bổ thêm 40%.”*

Năm 2022, tỉnh Khánh Hòa có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương là 2%. Theo quy định của Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, địa phương được phân bổ tăng thêm 40% theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số. Tuy nhiên, trên cơ sở nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, tỉnh Khánh Hòa phải nhận bổ sung từ ngân sách trung ương. Vì vậy, để tiếp tục duy trì là địa phương có số thu điều tiết về ngân sách trung ương, Bộ Tài chính không phân bổ thêm 40% số chi tính theo định mức dân số và bổ sung một phần kinh phí để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương. Do đó, trong năm 2022 tỉnh Khánh Hòa vừa là địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương đồng thời vừa nhận bổ sung từ ngân sách trung ương.

Tỉnh Khánh Hòa hiện có 02 huyện miền núi Khánh Sơn và huyện Khánh Vĩnh với tỷ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm đa số, là 02 huyện nghèo (tỷ lệ hộ nghèo: huyện Khánh Vĩnh 45,9%, huyện Khánh Sơn 47,4%, tỷ lệ hộ cận nghèo: huyện Khánh Vĩnh 12,7%, huyện Khánh Sơn 18,9%). Bên cạnh đó, nguồn lực để bố trí để phát triển đô thị, duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông, công cộng; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu còn rất hạn chế. Hiện nay, ngân sách địa phương chỉ bố trí cho 02 nội dung này khoảng 300 tỷ đồng/năm. Vì vậy, ảnh hưởng rất lớn đến khả năng thực hiện mục tiêu phát triển 02 huyện miền núi trở thành “các tiểu đô thị sinh thái núi rừng” và khắc phục hạn chế “chênh lệch phát triển trong nội tỉnh còn cao” đã nêu tại Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Trong giai đoạn 2023-2025, khi địa phương được phân bổ thêm 45% số chi tính theo định mức dân số như đề nghị (cùng tỷ lệ với các tỉnh Thanh Hóa,

Nghệ An và Thừa Thiên Huế), dự kiến kinh phí tăng thêm khoảng 750 tỷ đồng/năm, số kinh phí này dành để bổ sung nguồn lực sớm khắc phục tình trạng chênh lệch phát triển và mục tiêu đưa 02 huyện miền núi trở thành các tiêu đô thị sinh thái núi rừng.

Do đó, Tỉnh Khánh Hòa đề nghị cho áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù như sau: “Tỉnh Khánh Hòa được phân bổ thêm 45% số chi tính theo định mức dân số khi xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này”.

1.3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Bảo đảm nguồn lực cần thiết để tỉnh Khánh Hòa thực hiện có hiệu quả các ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội. Nguồn kinh phí tăng thêm do tăng định mức phân bổ chi thường xuyên sẽ tạo điều kiện để tỉnh tập trung cho 02 huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh nhằm từng bước đạt được các mục tiêu mà Nghị quyết 09 đã đề ra.

1.3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Tỉnh Khánh Hòa được phân bổ thêm 45% theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số khi xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này.

1.3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- **Tác động về kinh tế:** Không tạo đủ nguồn lực để xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa theo mục tiêu Bộ Chính trị đã đề ra tại Nghị quyết 09, dẫn đến mục tiêu khó đạt được.

- **Tác động về mặt xã hội:** Mục tiêu xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa theo tinh thần Nghị quyết 09 khó đạt được, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không phát sinh vấn đề giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** Áp dụng chính sách trên, dự kiến số kinh phí mỗi năm tăng thêm của tỉnh Khánh Hòa khoảng 750 tỷ đồng¹. Phần kinh phí tăng thêm sẽ tạo điều kiện để tỉnh Khánh Hòa tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, giảm tỷ lệ hộ nghèo, hỗ trợ phát triển cho 02 huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh thành các tiểu đô thị sinh thái núi rừng với mục tiêu đưa tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo tinh thần của Nghị quyết 09.

Kết quả phân tích định lượng cho thấy, việc áp dụng cơ chế này có thể giúp huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tỉnh Khánh Hòa tăng thêm trung bình 5,1%; tăng trưởng GRDP cao hơn 0,2 điểm % và thu ngân sách địa phương tăng thêm 3,04 % so với kịch bản cơ sở - không áp dụng cơ chế đặc thù. Như vậy, có thể thấy, tác động của chính sách là khá rõ rệt, giúp cải thiện tăng trưởng kinh tế, vốn đầu tư và ngân sách trên địa bàn.

- **Tác động về mặt xã hội:** Giúp cho tỉnh tăng thêm nguồn lực và nguồn vốn để duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng của hai huyện miền núi Khánh Sơn, huyện Khánh Vĩnh, tạo nguồn lực cần thiết nhằm bảo đảm phát triển hài hoà và cân đối giữa các vùng, miền; góp phần giảm chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội giữa thành thị với nông thôn và vùng miền núi, dân tộc; tạo nền tảng để tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 là thành phố trực thuộc Trung ương, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển; là nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc.

- **Tác động về vấn đề giới:** Không phát sinh vấn đề về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan; (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với pháp luật hiện hành nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

1.3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

- Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Luật Ngân sách nhà nước thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật

¹ Theo Nghị quyết về Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua.

Ngân sách nhà nước thì Quốc hội quyết định chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách nhà nước. Do đó, kiến nghị trình Quốc hội ban hành chính sách này ngay trong Nghị quyết của Quốc hội để đảm bảo hiệu lực pháp lý cũng như tính đồng bộ, thống nhất về cơ chế, chính sách, giúp đơn giản hóa trình tự, thủ tục, hồ sơ trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để địa phương có thể triển khai thực hiện ngay các cơ chế, chính sách đặc thù sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết, góp phần sớm hoàn thành các mục tiêu theo Nghị quyết 09.

2. NHÓM CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VỀ PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN ĐỂ TẠO ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI TRONG THỰC HIỆN THỦ TỤC QUY HOẠCH, QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI (04 CHÍNH SÁCH)

2.1. Cơ chế, chính sách 1: Phân cấp quản lý quy hoạch

2.1.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định tại Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị về trình tự tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị: Cơ quan có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị lập báo cáo về nội dung và kế hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, tổ chức xin ý kiến cộng đồng dân cư trong khu vực điều chỉnh quy hoạch và các khu vực xung quanh có ảnh hưởng trực tiếp và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét, quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị bằng văn bản trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị.

Theo quy định tại khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch: Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị đối với quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương, quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại I, quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại III trở lên và đô thị mới có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới hành chính của hai tỉnh trở lên.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch: Khu chức năng bao gồm khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao.

Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế, quy hoạch chung xây dựng khu công nghệ cao; quy hoạch chung xây dựng khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao cấp quốc gia.

Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 09 trong thời gian tới sẽ giúp tỉnh Khánh Hòa có bước phát triển đột phá về hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị, hạ tầng xây dựng khu kinh tế, khu công nghiệp, khu khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo....Do đó, cần thiết phải điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chung đô thị nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu

thực tiễn. Việc phân cấp thẩm quyền cho UBND tỉnh Khánh Hòa tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chung đô thị theo trình tự thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định sẽ rút ngắn thời gian thực hiện điều chỉnh quy hoạch và góp phần tạo điều kiện thúc đẩy, thu hút một số dự án đầu tư phát triển hạ tầng trọng điểm của tỉnh.

Quốc hội đã đồng ý cho thành phố Đà Nẵng áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020, thành phố Hải Phòng tại Nghị quyết số 35/2021/QH15, tỉnh Nghệ An tại Nghị quyết số 36/2021/QH15, tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 và thành phố Cần Thơ tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022.

2.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Tăng cường phân cấp, tạo sự chủ động cho địa phương và rút gọn thời gian, thủ tục lập điều chỉnh quy hoạch so với quy định hiện hành, góp phần thúc đẩy sớm thu hút một số dự án đầu tư trọng điểm có tính chất dẫn dắt, lan tỏa, thúc đẩy các ngành, lĩnh vực khác cùng phát triển, tạo bước phát triển đột phá về hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị, hạ tầng xây dựng khu kinh tế, khu công nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội thành phố theo mục tiêu Nghị quyết 09; tạo lợi thế cho Tỉnh Khánh Hòa trở thành cực tăng trưởng trung tâm của Vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước, một đô thị phát triển toàn diện và bền vững, đồng thời thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của tỉnh.

2.1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2:

Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho UBND tỉnh Khánh Hòa thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

2.1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- *Tác động về kinh tế:* Chưa tạo sự chủ động, linh hoạt cho địa phương trong việc điều chỉnh quy hoạch để triển khai thực hiện kịp thời các nhiệm vụ phát triển kinh tế, hạ tầng đô thị, có thể chậm trễ trong triển khai thực hiện và giải ngân vốn đối với các dự án đầu tư; tốc độ triển khai các dự án đầu tư ngoài

ngân sách có thể bị ảnh hưởng, kéo dài do phụ thuộc vào thời gian hoàn thành điều chỉnh quy hoạch, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế của địa phương.

- *Tác động về mặt xã hội:* Có thể ảnh hưởng đến các vấn đề xã hội trong trường hợp địa phương không kịp thời thực hiện các trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính nhưng; tuy nhiên, thời gian giải quyết các thủ tục liên quan cho các doanh nghiệp có dự án triển khai bị ảnh hưởng bởi việc điều chỉnh quy hoạch thường kéo dài, phụ thuộc vào thời gian hoàn thành điều chỉnh quy hoạch.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- *Tác động về kinh tế:* Tạo sự chủ động, linh hoạt cho địa phương trong việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị để triển khai kịp thời các nhiệm vụ phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng đô thị và đẩy nhanh tốc độ triển khai các dự án đầu tư tại địa phương.

- *Tác động về mặt xã hội:* Giúp tăng cường niềm tin của xã hội, của người dân, nhà đầu tư và cộng đồng doanh nghiệp vào năng lực quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tỉnh Khánh Hòa sẽ chủ động và kịp thời hơn trong công tác quản lý, điều hành, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho phát triển kinh tế - xã hội và hạ tầng đô thị của tỉnh.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Góp phần giảm một số bước trong quy trình, thủ tục về trình, thẩm định, phê duyệt. Nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương cũng như trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết công việc. Rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục liên quan cho các doanh nghiệp có dự án triển khai bị ảnh hưởng bởi việc điều chỉnh quy hoạch.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

(i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan; (ii) Đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch, Luật Quy hoạch, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

2.1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

2.2. Cơ chế, chính sách 2: Phân cấp thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, rừng

2.2.1. Xác định vấn đề bất cập

Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có: “*Văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên*”. Tuy nhiên, các diện tích đất này đã bố trí trong quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tỉnh đã được các bộ, ngành thẩm định trình Chính phủ phê duyệt nên việc căn cứ quy hoạch được duyệt và phải xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ gây nên sự chồng lấn trong thẩm quyền và thêm nhiều hồ sơ, thủ tục, thẩm định lại nên kéo dài thời gian thực hiện.

Khoản 2 Điều 20 Luật Lâm nghiệp quy định: “*Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng dưới 50 ha; rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới từ 20 ha đến dưới 50 ha; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển từ 20 ha đến dưới 500 ha; rừng sản xuất từ 50 ha đến dưới 1.000 ha*”. Theo quy định thì trình tự thực hiện phải qua nhiều bước (đối với thẩm quyền quyết định của Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ thì phải qua 07 bước, thời gian thực hiện là 55 ngày làm việc của địa phương và bộ, ngành, thời gian Thủ tướng trình Quốc hội và Quốc hội phê duyệt phụ thuộc vào quy chế làm việc của Chính phủ và Quốc hội; đối với thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh qua 5 bước, rút ngắn được 02 bước và thời gian thực hiện là 45 ngày). Việc phân cấp tạo điều kiện chủ động cho địa phương, đơn giản hóa hồ sơ và rút ngắn được các bước và thời gian thực hiện thủ tục.

Thực tế một số dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh nói chung, đặc biệt là các dự án thực hiện trên địa bàn thuộc các huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đưa 02 huyện này trở thành “*các tiểu đô thị sinh thái núi rừng*” theo mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, cần phải thực hiện trên diện tích đất có rừng và phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện. Tuy nhiên, thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất sang mục đích khác theo quy định thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, do đó địa phương và chủ đầu tư sẽ phải cần nhiều thời gian hơn để hoàn thiện trình tự, thủ tục dẫn đến có thể ảnh hưởng tiến độ của các dự án.

Mặt khác, quá trình thực hiện một số dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là một số dự án triển khai trong Khu Kinh tế Vân Phong có ảnh

hưởng đến một số diện tích rừng cần phải chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, địa phương và chủ đầu tư sẽ phải mất nhiều thời gian để hoàn thiện trình tự, thủ tục, ảnh hưởng không nhỏ đến cơ hội, hiệu quả thu hút, thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Cụ thể, quy hoạch thành lập Khu kinh tế Vân Phong được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 51/2005/QĐ-TTg ngày 11/3/2005 về việc phê duyệt Quy hoạch Khu kinh tế vịnh Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 với diện tích là 70.000 ha mặt đất và 80.000 ha mặt nước. Năm 2014, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 tại Quyết định số 380/QĐ-TTg ngày 17/3/2014, tỷ lệ diện tích quy hoạch phân khu chức năng được nâng lên thành 15% (*diện tích khoảng 10.000 ha*), tỷ lệ còn lại khoảng 85% nhưng diện tích đất lâm nghiệp nói chung khoảng 34.000 ha (thuộc quy hoạch rừng sản xuất và một phần diện tích hiện trạng là rừng tự nhiên). Phần lớn diện tích đất lâm nghiệp này sẽ không chuyển đổi mục đích, chỉ dự kiến chuyển đổi khoảng 6.800 ha thuộc khu vực Bán đảo Hòn Gốm, Đảo Hòn Lớn và cụm đảo Diệp Sơn. Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì thực hiện lập Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2021 - 2030 đã thống nhất định hướng đưa một phần diện tích đất rừng tại khu vực Bán đảo Hòn Gốm, Đảo Hòn Lớn sang mục đích rừng sản xuất, đối với khu vực rừng tự nhiên nghèo cây bụi, cây thấp thì được chuyển đổi theo quy hoạch các khu chức năng Khu kinh tế; phần diện tích chuyển đổi sẽ có phương án trồng rừng thay thế theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

Hiện do có nhiều nhà đầu tư chiến lược đã tiếp xúc và làm việc với tỉnh Khánh Hòa về nhu cầu đầu tư tại các Khu kinh tế, Khu công nghiệp, khu đô thị mới trên địa bàn tỉnh nên phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sang mục đích khác (Khu công nghiệp Dốc Đá Trắng (300ha), Khu công nghiệp Vạn Thắng (200ha), Khu công nghiệp Vạn Lương (200ha); Khu trung tâm tổng hợp Hòn Gốm (Khu phi thuế quan) (1.150ha); Khu đô thị và du lịch Tuần Lễ - Hòn Ngang (1.200ha); Khu đô thị Cổ Mã – Tu Bông (2.100ha); Khu du lịch cao cấp Hòn Lớn (1.500ha) Khu du lịch Diệp Sơn (200 ha); Khu đô thị dịch vụ Đông Bắc – Ninh Hòa (616,ha); Khu công nghiệp Ninh Hải (300ha); Khu chức năng công nghiệp Ninh Tịnh (600ha); Khu đô thị Ninh Đa (300ha); Khu công nghiệp Xuân Sơn (330ha); Khu công nghiệp Ninh Sơn (620ha); Khu công nghiệp Ninh Xuân (1.900ha); Khu công nghiệp Nam Cam Ranh (350ha); Khu công nghiệp Diên Thọ (538ha). Việc phân cấp cho tỉnh Khánh Hòa thẩm quyền phê duyệt nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư, giảm được thời gian thực hiện tiết kiệm được chi phí và nhà đầu tư tranh thủ được nhiều cơ hội, giảm thiểu được rủi ro và sớm đưa dự án vào hoạt động làm tăng hiệu quả kinh tế của dự án.

Quốc hội đã đồng ý cho Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017, thành phố Hải Phòng tại Nghị quyết số 35/2021/QH15, tỉnh Nghệ An tại Nghị quyết số

36/2021/QH15 và tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021, thành phố Cần Thơ tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022.

2.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để phục hồi và phát triển nền kinh tế của tỉnh, đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư toàn xã hội, cần thiết phải có các cơ chế đặc thù, linh hoạt nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đưa vào khai thác các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Hiện nay, nhiều nhà đầu tư chiến lược đã tiếp xúc và làm việc với tỉnh Khánh Hòa về nhu cầu đầu tư tại các Khu kinh tế, Khu công nghiệp, khu đô thị trên địa bàn tỉnh nên cần thiết phải chuyển mục sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất sang mục đích khác. Việc phân cấp cho tỉnh Khánh Hòa thẩm quyền phê duyệt nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư, góp phần sớm cơ cấu lại nền kinh tế, giúp tăng tỷ trọng công nghiệp, giảm phụ thuộc vào lĩnh vực dịch vụ.

2.2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha; quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 1.000 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ.

Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của chuyển đổi mục đích sử dụng và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa do Thủ tướng Chính phủ quy định.

2.2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- *Tác động về kinh tế:* Chưa tạo sự chủ động, linh hoạt cho địa phương trước những yêu cầu cấp bách về nguồn lực đất đai.

- *Tác động về mặt xã hội:* Có thể ảnh hưởng đến các vấn đề xã hội trong trường hợp địa phương không kịp thời thực hiện các trình tự, thủ tục cấp chuyển mục đích sử dụng đất.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- *Tác động về kinh tế:* Tạo điều kiện thuận lợi cho chính quyền địa phương trong việc chủ động, linh hoạt và phản ứng nhanh với những yêu cầu cấp bách về quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực đất đai, tài nguyên rừng, từ đó nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh trong việc thu hút các dự án đầu tư trên địa bàn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

- *Tác động về mặt xã hội:* Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng nguồn lực đất đai, tài nguyên rừng, hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu lao động, góp phần tạo ảnh hưởng tích cực đến các vấn đề xã hội của địa phương.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”(Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

2.2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

2.3. Cơ chế, chính sách 3: Thực hiện chuẩn bị thu hồi đất đối với các dự án ngoài ngân sách.

2.3.1. Xác định vấn đề bất cập

Hiện nay, vướng mắc trong giải phóng mặt bằng là “điểm nghẽn” rất lớn ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đối với tất cả các loại dự án có yêu cầu thu hồi và sử dụng đất. Tuy nhiên, công tác giải phóng mặt bằng là công tác rất khó khăn, nhạy cảm, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi, nơi ở và sinh kế của người dân có đất bị thu hồi, tiềm tàng các nguy cơ về trật tự, an toàn xã hội. Đối với dự án đầu tư kinh doanh sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do đặc thù của loại dự án này là đã có sẵn mặt bằng sạch (theo hình thức đấu giá) hoặc việc bồi thường hỗ trợ tái định cư chỉ được thực hiện sau khi đã xác định được nhà đầu tư (thông qua hình thức đấu thầu hoặc chấp thuận nhà đầu tư), việc tách công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư không thể thực hiện được như đối với dự án đầu tư công. Trong khi đó, để đẩy nhanh tiến độ, quá trình phục hồi và phát triển kinh tế tỉnh Khánh Hòa sau đại dịch COVID-19, rất cần triển khai sớm các công trình, dự án lớn, nhất là về hạ tầng khu công

nghiệp và hạ tầng khu đô thị mới²; đây cũng là mong muốn của các nhà đầu tư có năng lực, có cam kết đầu tư lâu dài tại tỉnh. Tuy nhiên, trình tự thực hiện công tác thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội được quy định tại Điều 69 Luật Đất đai mất nhiều thời gian: Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Căn cứ điều 40 Luật đất đai (sửa đổi tại điều 6 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch), nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã thể hiện đầy đủ chỉ tiêu các loại đất, ranh giới dự án được cụ thể hóa trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Việc thực hiện thu hồi đất phải được xây dựng đến kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện (trên cơ sở quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện). Việc thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thực hiện theo Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thì trình tự thủ tục thực hiện do UBND cấp huyện tổ chức lập quy hoạch, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt. Trường hợp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt trước nhưng không phù hợp với quy hoạch tỉnh được phê duyệt sau thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp với quy hoạch cấp cao hơn.

Trong quá trình thực hiện công tác thu hồi đất sẽ phát sinh các trường hợp: nếu người sử dụng đất bị thu hồi không phối hợp trong quá trình thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì phải quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo Điều 70 Luật Đất đai; nếu người có đất bị thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo Điều 71 Luật Đất đai.

Việc triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thường mất rất nhiều thời gian, nhất là các dự án có quy mô lớn từ 300 ha trở lên. Do đó, rất cần cơ chế đặc thù để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện trước công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi; từ đó sẽ rút ngắn được thời gian triển khai dự án, giảm bớt áp lực về tiến độ thực hiện cho các Nhà đầu tư trong việc triển khai dự án, góp phần đẩy nhanh tiến độ phục hồi kinh tế, tăng trưởng GRDP của tỉnh.

2.3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để phục hồi và phát triển kinh tế của tỉnh, đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư toàn xã hội, cần thiết phải có các cơ chế đặc thù, linh hoạt nhằm rút ngắn thời

²Như Khu đô thị dịch vụ Đông Bắc – Ninh Hòa (616ha); Khu công nghiệp Ninh Hải (300ha); Khu chức năng công nghiệp Ninh Tịnh (600ha); Khu đô thị Ninh Đa (300ha); Khu công nghiệp Xuân Sơn (330ha); Khu công nghiệp Ninh Sơn (620ha); Khu đô thị sân bay Cam Lâm (7.429ha)...

gian thực hiện các thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đưa vào khai thác các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Nếu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện trước công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi, sẽ rút ngắn được thời gian triển khai dự án sau khi lựa chọn được Nhà đầu tư, tạo thêm thời gian, giảm bớt áp lực về tiến độ thực hiện cho các Nhà đầu tư trong việc triển khai dự án,... Qua đó, giúp tỉnh Khánh Hòa đẩy nhanh quá trình phục hồi và phát triển kinh tế, sớm khắc phục ảnh hưởng nặng nề của dịch COVID-19 đối với tăng trưởng GRDP của tỉnh.

2.3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Cho phép thực hiện chuẩn bị thu hồi đất:

(i) Đối với dự án ngoài ngân sách phù hợp với quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai và có quy mô từ 300ha trở lên, cho phép cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi.

(ii) Hội đồng nhân dân tỉnh được quyết định sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các nội dung quy định điểm (i) khoản này.

2.3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- *Tác động về kinh tế:* Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng bị kéo dài ảnh hưởng đến tính khả thi, tiến độ thực hiện dự án; làm giảm cơ hội đầu tư của các nhà đầu tư, hiệu quả thu hút đầu tư, vị thế đàm phán của các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, nhất là các dự án đầu tư kinh doanh có nhu cầu xây dựng nhanh, tranh thủ cơ hội của thị trường, liên kết chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng...

- *Tác động về mặt xã hội:* Phát sinh các vướng mắc, rủi ro, tranh chấp mặt pháp lý, có thể tác động đến tâm lý, đời sống người dân bị ảnh hưởng, gây ra khiếu kiện kéo dài, ảnh hưởng đến niềm tin xã hội và tính chấp hành, kỷ cương của pháp luật.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- *Tác động về kinh tế:* Góp phần làm tăng tính khả thi, tiến độ thực hiện dự án; tăng cơ hội đầu tư của các nhà đầu tư, hiệu quả thu hút đầu tư, vị thế đàm phán của các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, nhất là các dự án đầu tư kinh doanh có nhu cầu xây dựng nhanh, tranh thủ cơ hội của thị trường, liên kết chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng...

- *Tác động về mặt xã hội:* Khi triển khai chính sách thời gian thực hiện dự án được rút ngắn, dự án sớm đi vào hoạt động, sẽ tạo động lực phát triển kinh tế xã hội trong khu vực, đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết đề quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”(Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

2.3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

2.4. Cơ chế, chính sách 4: Tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công

2.4.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định của Luật Đầu tư công, đối với dự án nhóm B, dự án nhóm C không được tách công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập tại bước quyết định chủ trương đầu tư như dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A. Việc giải phóng mặt bằng được triển khai tại bước thực hiện dự án, sau khi đã hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư).

Một số dự án đầu tư công nhóm B của tỉnh giai đoạn 2021-2025 bị vướng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng như: Hồ điều hòa khu vực phía Bắc thành phố Nha Trang; Kè bờ biển thị trấn Vạn Giã (giai đoạn 2); Kè và đường dọc bờ nam sông Cái, đoạn qua xã Diên An, huyện Diên Khánh; Kè và đường ven đầm Thủy Triều (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Yersin), huyện Cam Lâm; Kè Sông Cái (đoạn còn lại qua các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương); Đường Huỳnh Thúc Kháng (từ Quốc lộ 1A qua tuyến Tránh đến đường Võ Nguyên Giáp); Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.652B và ĐT.652D (đoạn từ đường ĐT.652 đến Quốc lộ 26B); Hồ chứa nước Sơn Trung; ... với tổng vốn đầu tư khoảng hơn 7.300 tỷ đồng. Việc không cho phép

tách riêng công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập tạo ra một số vướng mắc, hạn chế trong triển khai, cụ thể như sau:

- Chậm triển khai công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án có thể thực hiện giải phóng mặt bằng sớm, làm tăng chi phí bồi thường do cơ quan được giao thực hiện công tác giải phóng mặt bằng tại địa phương chưa có cơ sở tính toán, áp dụng khung giá đền bù.

- Theo quy định hiện hành, việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án đầu tư công chỉ được thực hiện sau khi dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư. Tuy nhiên, khoảng thời gian giữa lúc dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư cho đến khi được phê duyệt quyết định đầu tư thường mất nhiều thời gian do phải trải qua nhiều bước khác nhau.

Trong khoảng thời gian này có thể phát sinh những yếu tố làm tăng chi phí bồi thường (địa phương phê duyệt khung giá bồi thường mới, người dân yêu cầu mức bồi thường cao hơn khi biết được có dự án sắp triển khai, trực lợi chính sách...) làm tăng chi phí bồi thường đã được phê duyệt trong tổng mức đầu tư dự án, dẫn đến phải điều chỉnh dự án. Đồng thời, đối với các dự án có yêu cầu xây dựng khu tái định cư cho người dân, việc xây dựng khu tái định cư cần triển khai thực hiện như một dự án thông thường (phải thực hiện đầy đủ các bước hoàn thiện thủ tục đầu tư, tuyển chọn tư vấn, đấu thầu...), đồng thời việc di dời người dân chỉ có thể được thực hiện khi đã hoàn thiện khu tái định cư cũng là yếu tố gây kéo dài thời gian thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

Vấn đề này tạo ra “vòng lặp” trong quá trình thực hiện khi dự án vừa được phê duyệt đã phải điều chỉnh, thậm chí điều chỉnh nhiều lần do các nội dung phê duyệt không còn phù hợp với tình hình thực tế. Dự án được phê duyệt nhưng việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng chậm dần tới kéo dài thời gian thực hiện, tăng chi phí, phải thực hiện điều chỉnh dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư và lại gây ảnh hưởng đến công tác giải phóng mặt bằng. Như vậy, công tác giải phóng mặt bằng chậm – dự án tăng chi phí, đội vốn – phải điều chỉnh dự án – lại gây chậm trong công tác giải phóng mặt bằng.

- Đối với dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, việc nhận nguồn vốn vay về khi chưa bảo đảm các điều kiện để thực hiện dự án gây phát sinh các chi phí liên quan đến việc không giải ngân được nguồn vốn vay, gây ảnh hưởng đến uy tín của Việt Nam. Trong một số trường hợp còn ảnh hưởng đến tính khả thi của việc thực hiện dự án khi một số nhà tài trợ nước ngoài yêu cầu dự án phải có mặt bằng sạch trước khi ký kết Hiệp định.

2.4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Việc tách công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư không thể giải quyết toàn bộ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư nếu không xử lý được các bất cập của chính của công tác giải phóng

mặt bằng. Tuy nhiên, việc tách riêng công tác giải phóng mặt bằng sẽ đạt được một số lợi ích trong thực tế như:

- Tạo điều kiện triển khai công tác giải phóng mặt bằng ngay sau khi phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án có phạm vi sử dụng đất rõ ràng, thực hiện đồng thời với các bước khác, đẩy nhanh thời gian hoàn thiện dự án, giảm chi phí giải phóng mặt bằng và hạn chế việc phải điều chỉnh dự án.

- Tạo điều kiện đẩy nhanh việc xây dựng khu tái định cư, vốn về bản chất là một dự án với đầy đủ các quy trình, thủ tục cần thực hiện như dự án đầu tư xây dựng thông thường nhưng cần được đẩy nhanh để thực hiện trước một bước nhằm tạo điều kiện để triển khai tiếp các bước khác của công tác giải phóng mặt bằng như di dời người dân, thu hồi đất, hỗ trợ...

- Chủ đầu tư xác định rõ về khả năng thực hiện và giải ngân của dự án trong khoảng thời gian nhất định (trung hạn 5 năm hoặc hằng năm), có cơ sở đề xuất nhu cầu vốn chuẩn xác hơn, công tác chuẩn bị thực hiện dự án được chuẩn bị tốt hơn, tránh việc chiếm dụng vốn.

- Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện tách khỏi dự án đầu tư, không tính vào thời gian thực hiện dự án, giảm bớt áp lực về mặt thời gian và tiến độ thực hiện cho chủ đầu tư, tạo thêm thời gian cho các khâu đấu thầu, xây lắp...qua đó gián tiếp cải thiện, nâng cao chất lượng công trình.

- Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, tính khả thi của các dự án, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế đối với các dự án ODA có yêu cầu mặt bằng sạch và các cam kết của địa phương trong đóng góp vốn ngân sách nhà nước do mình quản lý trong thực hiện dự án.

- Phân định, làm rõ trách nhiệm của từng cấp liên quan trong việc giải phóng mặt bằng của dự án, xác định đúng chủ thể liên quan trong việc áp dụng các chế tài xử lý, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, linh hoạt của các ngành, các cấp.

2.4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2:

Tách hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư ra khỏi dự án đầu tư công, cụ thể:

(i) Cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể quyết định tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập (sau đây gọi là dự án giải phóng mặt bằng) khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư và Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng tại quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể.

(ii) Chủ đầu tư Dự án giải phóng mặt bằng căn cứ chủ trương đầu tư dự án tổng thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư, điều chỉnh Dự án giải phóng mặt bằng trong phạm vi mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm thực hiện dự án tổng thể. Trường hợp điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể trước khi điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng.

(iii) Quyết định đầu tư Dự án giải phóng mặt bằng là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước để thực hiện, đồng thời là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất.

(iv) Nội dung nhiệm vụ thực hiện trong Dự án giải phóng mặt bằng gồm: công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm; rà phá bom, mìn, vật nổ, di dời công trình hạ tầng kỹ thuật.

2.4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- *Tác động về kinh tế:* Vương mắc về công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến tính khả thi, tiến độ thực hiện dự án.

- *Tác động về mặt xã hội:* Phát sinh các vướng mắc, rủi ro, tranh chấp mặt pháp lý, có thể tác động đến tâm lý, đời sống người dân bị ảnh hưởng, gây ra khiếu kiện kéo dài, ảnh hưởng đến niềm tin xã hội và tính chấp hành, kỷ cương của pháp luật.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- *Tác động về kinh tế:*

+ Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện sớm, tạo thêm quỹ thời gian cho công tác xây lắp, giảm áp lực về thời gian bố trí vốn thực hiện dự án cho Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, gián tiếp cải thiện chất lượng công trình, dự án.

+ Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn vay đối với dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, tránh phát sinh các chi phí không cần thiết.

- *Tác động về mặt xã hội:* Khi triển khai chính sách thời gian thực hiện dự án được rút ngắn, dự án sớm đi vào hoạt động, sẽ tạo động lực phát triển kinh tế xã hội trong khu vực, đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội.

- *Tác động về vấn đề giới*: Không phát sinh vấn đề về giới.
- *Tác động về thủ tục hành chính*: Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật*: (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Ngân sách nhà nước nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”(Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

2.4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

3. NHÓM CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ VÂN PHONG (5 CHÍNH SÁCH)

3.1. Cơ chế, chính sách 1: Thu hút nhà đầu tư chiến lược

3.1.1. Xác định vấn đề bất cập

- Khu kinh tế (KKT) Vân Phong được Thủ tướng Chính phủ thành lập theo Quyết định số 92/2006/QĐ-TTg ngày 25/4/2006 với tổng diện tích khoảng 150.000 ha (70.000 ha mặt đất và 80.000 ha mặt nước) thuộc địa bàn huyện Vạn Ninh và thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Ngày 17/3/2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 380/QĐ-TTg phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng KKT Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 với tính chất: (i) là Khu kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực. Trong đó có cảng trung chuyển container quốc tế, công nghiệp lọc hóa dầu, trung chuyển dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ giữ vai trò chủ đạo, kết hợp phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ, công nghiệp, nuôi trồng hải sản và các ngành kinh tế khác; và (ii) là trung tâm kinh tế của tỉnh Khánh Hòa có vai trò đầu tàu thu hút đầu tư và là động lực phát triển kinh tế cho các vùng lân cận và cho cả nước.

Trong những năm qua, KKT Vân Phong được xác định là một trong ba vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Khánh Hòa (*gồm vịnh Cam Ranh, vịnh Nha Trang và vịnh Vân Phong*). Quá trình phát triển của KKT Vân Phong đã góp phần vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng của tỉnh theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Giai đoạn 2016-2020, đóng góp thu ngân sách trên địa bàn Khu kinh tế đạt khoảng 20.950 tỷ đồng, chiếm khoảng 26,6% của tỉnh; giá trị công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 32,9% của tỉnh; giải quyết việc làm cho khoảng trên 6.000 lao động; kim ngạch xuất khẩu chiếm khoảng 40% của tỉnh.

Mặc dù vậy, KKT Vân Phong cũng đang đứng trước nhiều điểm nghẽn và thách thức. Kết quả thu hút đầu tư thời gian qua chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế cạnh tranh nổi trội của KKT Vân Phong (*lũy kế đến nay, KKT*

Vân Phong thu hút được 155 dự án với tổng vốn khoảng 4 tỷ USD, tổng diện tích 4.211 ha, gồm 2.360 ha mặt đất và 1.851 ha mặt nước trên tổng số diện tích khoảng 10.000 ha mặt đất được quy hoạch). Trong đó, ngoài dự án Nhà máy điện BOT Vân Phong với tổng vốn đầu tư khoảng 2,58 tỷ USD thuộc dự án có quy mô lớn, còn lại hầu hết là các dự án quy mô vừa và nhỏ, nên chưa tạo động lực để phát triển KKT Vân Phong.

Ngày 24/12/2012, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 53-KL/TW về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó có giao cho tỉnh Khánh Hòa xây dựng Đề án thành lập Đặc khu hành chính – kinh tế Bắc Vân Phong. Khu vực Bắc Vân Phong thuộc KKT Vân Phong là 01 trong 3 khu vực được dự kiến hình thành đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt trong cả nước (*bên cạnh KKT Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh và KKT Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang*). Tuy nhiên, đến nay KKT Vân Phong chưa được nằm trong nhóm các khu kinh tế ven biển được ưu tiên đầu tư nên không được hưởng các cơ chế ưu đãi về vốn đầu tư hạ tầng nên nguồn vốn đầu tư hạ tầng từ Trung ương cho KKT Vân Phong thời gian qua rất thấp (*giai đoạn từ 2012-2021 khoảng 1.280 tỷ đồng, giai đoạn 2021-2025, dự kiến nhu cầu bố trí vốn để xây dựng công trình hạ tầng thiết yếu tại KKT Vân Phong khoảng 10.000 tỷ, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay mới bố trí khoảng 322 tỷ đồng*), không đáp ứng được nhu cầu đầu tư hạ tầng thiết yếu tại KKT Vân Phong theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nhìn chung, hạ tầng thiết yếu của KKT Vân Phong còn rất hạn chế; thiếu cả hạ tầng giao thông, điện, nước, xử lý nước thải,... Đây là điểm hạn chế lớn nhất của KKT Vân Phong, nếu không được sớm khắc phục thì sẽ khó thu hút được nhà đầu tư có năng lực để thực hiện các dự án quy mô lớn làm động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế của KKT Vân Phong nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung.

Vì vậy, để thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là nguồn lực từ khu vực kinh tế tư nhân để thực hiện các nhiệm vụ xây dựng KKT Vân Phong trở thành động lực phát triển kinh tế của tỉnh Khánh Hòa và khu vực Nam Trung Bộ theo đúng tinh thần tại Nghị quyết 09 và Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, cần thiết phải có các cơ chế ưu đãi vượt trội nhằm thu hút được sự tham gia của các nhà đầu tư chiến lược để tạo hiệu ứng “mỏ neo” giúp khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển của KKT Vân Phong.

- Hiện nay, khái niệm nhà đầu tư chiến lược được quy định tại một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Cụ thể:

Luật Chứng khoán có quy định: “*Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.*”

Theo Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BTC ngày 12/01/2016 của Bộ Tài chính về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì: “*Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước*

ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm”.

Như vậy, tùy theo mục đích của từng lĩnh vực, khái niệm nhà đầu tư chiến lược có thể được hiểu khác nhau. Để đảm bảo các nhà đầu tư được coi là nhà đầu tư chiến lược thì cần phải xác định các tiêu chí đủ lớn về quy mô và nguồn lực để có thể huy động các nhà đầu tư này tham gia vào hoạt động đầu tư tại KKT Vân Phong, tránh tình trạng thu hút các nhà đầu tư không có năng lực.

Hiện nay, quy định pháp luật hiện hành về ưu đãi đối với các khu kinh tế không tạo điều kiện để thu hút các nhà đầu tư chiến lược tham gia đầu tư và phát triển khu kinh tế. Vì vậy, không đáp ứng được mục tiêu đề ra của Nghị quyết 09 và không thúc đẩy Vân Phong trở thành một trong những khu vực tạo động lực vượt trội cho phát triển kinh tế tại tỉnh Khánh Hoà. Để thu hút nhà đầu tư chiến lược vào phát triển KKT Vân Phong cần phải tạo cơ chế, chính sách đặc biệt nhất là thông qua các chính sách ưu đãi về thuế, miễn giảm tiền sử dụng đất. Chính sách ưu đãi về thuế này có thể vượt khung hoặc thậm chí khác biệt so với quy định pháp luật thuế hiện hành. Bên cạnh đó, cần phải có cơ chế cải cách thủ tục hành chính trong việc chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư chiến lược. Việc cải cách thủ tục này phải bảo đảm nhà đầu tư chiến lược được tiếp cận dự án nhanh và thực hiện tiến độ giải ngân nhanh, tránh tình trạng vướng mắc trong khâu lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

3.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Ban hành các cơ chế, chính sách hấp dẫn, vượt trội nhằm thu hút các nhà đầu tư chiến lược, là nhà đầu tư có năng lực tài chính, quản trị, có cam kết bằng văn bản về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao; cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực gắn bó lợi ích lâu dài với KKT Vân Phong và có dự án đầu tư thuộc danh mục dự án ưu tiên vào KKT Vân Phong, tạo động lực phát triển và thu hút các nhà đầu tư khác cùng tham gia đầu tư. Bên cạnh quyền lợi và ưu đãi vượt trội đối với các dự án, nhà đầu tư chiến lược phải có trách nhiệm hỗ trợ huy động nguồn lực giúp phát triển cơ sở hạ tầng của khu kinh tế - vốn là điểm nghẽn trong phát triển KKT Vân Phong.

3.1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Thu hút nhà đầu tư chiến lược:

(i) Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư có cam kết bằng văn bản về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao; cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, gắn bó lợi ích lâu dài với Khu kinh

tế Vân Phong; có dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu kinh tế Vân Phong quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Có vốn điều lệ từ 10.000 tỷ đồng trở lên hoặc có tổng tài sản từ 25.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 2, 3 và 7 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 4 và 6 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 5 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 1 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên.

(ii) Quyền của nhà đầu tư chiến lược:

- Được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên quy định tại Phụ lục của Nghị quyết này trong trường hợp dự án đầu tư chỉ có một nhà đầu tư chiến lược đề xuất hoặc có từ hai nhà đầu tư trở lên mà trong đó có một nhà đầu tư chiến lược đề xuất thực hiện. Trường hợp có hai nhà đầu tư chiến lược trở lên quan tâm đề xuất thực hiện cùng 01 dự án thì việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Được ưu tiên hỗ trợ thủ tục đầu tư kinh doanh và thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Được tham gia trong quá trình lập quy hoạch, xây dựng chính sách áp dụng tại Khu kinh tế Vân Phong.

- Được tổ chức, tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại Khu kinh tế Vân Phong.

(iii) Nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược:

- Tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Nhà đầu tư ứng trước kinh phí cho Nhà nước để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; ứng trước kinh phí cho Nhà nước thực hiện dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư, các công trình khác ngoài hàng rào dự án đầu tư của nhà đầu tư nhưng tối thiểu 200 tỷ đồng trong thời hạn không quá 01 năm kể từ khi dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự

án quy định tại mục 2, 3, 6 và 7 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này. Khoản tiền ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án đầu tư mà nhà đầu tư phải nộp. Mức được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, số tiền còn lại (nếu có) được tính vào vốn đầu tư của dự án.

- Kể từ khi cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, thực hiện giải ngân không quá 05 năm đối với các dự án quy định tại mục 2, 3 và 7; không quá 03 năm đối với các dự án còn lại quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết này.

- Thành lập tổ chức kinh tế tại tỉnh Khánh Hòa để quản lý dự án tại Khu kinh tế Vân Phong.

- Hỗ trợ kinh phí để đào tạo nghề đối với lao động bị ảnh hưởng tại khu vực dự án; ưu tiên tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc tại dự án; thực hiện cam kết về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao (nếu có).

(iv) Các dự án quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này của nhà đầu tư chiến lược được hưởng các ưu đãi đầu tư sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 20 năm liên tục kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo, trừ các dự án đầu tư quy định tại mục 2, 3 và 7 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa 20 năm sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản nhưng không quá một nửa thời hạn sử dụng đất.

- Được hỗ trợ tiền điện trong một thời gian thích hợp theo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh Khánh Hòa.

(v) Nhà đầu tư chiến lược có dự án đầu tư tại Khu Kinh tế Vân Phong thuộc Phụ lục của Nghị quyết này được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Khu Kinh tế Vân Phong trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.

(vi) Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng các điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và các điều kiện khác về nhà đầu tư chiến lược thì Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong điều chỉnh ưu đãi đầu tư, các chính sách khác đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại Nghị quyết này. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình.

(vii) Căn cứ Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu Kinh tế Vân Phong theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm ban hành danh mục dự án cụ thể và thực

hiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại khoản (ii) Điều này và pháp luật có liên quan.

Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu kinh tế Vân Phong:

1. Trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), công nghệ thông tin, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực đại dương, hàng hải, sinh học, dược liệu biển và sinh thái biển có quy mô vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên.

2. Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại – tài chính gắn với cảng biển, dịch vụ hậu cần cảng biển có quy mô vốn đầu tư từ 12.000 tỷ đồng trở lên;

3. Khu đô thị với quy mô theo diện tích đất từ 300 ha trở lên hoặc có quy mô dân số trên 50.000 người; Kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp có quy mô vốn đầu tư từ 25.000 tỷ đồng trở lên;

4. Đầu tư công nghiệp năng lượng sạch, dịch vụ logistics, công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, cơ khí chính xác, điện tử, du lịch chăm sóc sức khỏe có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng.

5. Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không, sân bay; Đầu tư bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.

6. Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu phi thuế quan có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

7. Xây dựng và kinh doanh dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có sân golf có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 30.000 tỷ đồng.

3.1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- *Tác động về kinh tế:* chưa hấp dẫn các doanh nghiệp có quy mô lớn tham gia đầu tư vào Khu kinh tế Vân Phong.

- *Tác động về mặt xã hội:* mục tiêu thu hút đầu tư và phát triển Khu kinh tế Vân Phong khó đạt được, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Khánh Hòa.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- *Tác động về kinh tế:*

+ Thời gian qua, trên địa bàn KKT Vân Phong chủ yếu thu hút được các dự án quy mô nhỏ nên không tạo được động lực lan tỏa phát triển cho khu vực như kỳ vọng. Thực tế trước đây, KKT Vân Phong đã từng thu hút được nhiều nhà đầu tư vào các dự án quy mô lớn như Cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong – Giai đoạn khởi động, Tổ hợp lọc hóa dầu, Căn cứ dịch vụ hậu cần dầu khí, Khu đô thị - du lịch Tuần Lễ Hòn Ngang,... Tuy nhiên, trong quá trình triển khai, nhà đầu tư bị hạn chế về năng lực tài chính dẫn đến dự án không thực hiện được. Do đó, nếu giải pháp trên được chấp thuận, Nhà đầu tư chiến lược đáp ứng các điều kiện về vốn điều lệ và kinh nghiệm đầu tư thực hiện dự án tương tự nêu trên sẽ giúp sàng lọc nhanh các doanh nghiệp có năng lực tài chính, kinh nghiệm để đầu tư vào các dự án được ưu tiên thu hút đầu tư vào KKT Vân Phong; bảo đảm việc thực hiện thành công các dự án ưu tiên thu hút đầu tư đồng thời tạo hiệu ứng “mỏ neo” giúp thu hút nhiều nhà đầu tư khác tham gia đầu tư, góp phần tạo đột phá trong quá trình phát triển KKT Vân Phong nói riêng và cho tỉnh Khánh Hòa nói chung.

+ Nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn theo phương thức chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư. Đây là phương thức lựa chọn nhà đầu tư đã áp dụng trong một số trường hợp được quy định tại Luật Đầu tư để thúc đẩy nhanh quá trình lựa chọn nhà đầu tư và thực hiện dự án. Phương thức lựa chọn nhà đầu tư này đối với các dự án ưu tiên trong KKT Vân Phong nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi để thu hút Nhà đầu tư chiến lược đầu tư tại KKT Vân Phong bên cạnh cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền sử dụng đất, mặt nước. Trên thực tế, nhiều dự án từ khi có ý định triển khai cho đến khi được chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư phải mất hàng năm để thực hiện thủ tục này. Hiện nay, nếu thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư theo quy định Luật Đầu tư sẽ mất ít nhất 306 ngày, nếu thực hiện theo thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư sẽ rút ngắn được rất nhiều thời gian (thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ khoảng 47 ngày làm việc, thẩm quyền của UBND tỉnh hoặc của Ban Quản lý Khu kinh tế khoảng 32 ngày làm việc). Như vậy, việc áp dụng và thực hiện phương thức lựa chọn này trong KKT Vân Phong sẽ giúp rút ngắn thời gian lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án; giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án và mang lại hiệu quả kinh tế nhanh cho tỉnh Khánh Hòa nói chung và KKT Vân Phong nói riêng (*như việc đóng góp ngân sách Nhà nước, giải quyết việc làm, chuyển giao công nghệ...*).

+ Theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều thi hành của Luật Đất đai, điều kiện về năng lực tài chính để bảo đảm việc sử dụng đất theo tiến độ của dự án đầu tư có quy định vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án không thấp hơn 20% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất dưới 20 héc ta; không thấp hơn 15% tổng mức đầu tư đối với dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên. Việc quy định mức vốn điều lệ của nhà đầu tư chiến lược tương ứng với tổng mức đầu tư của các dự án thuộc danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư tại KKT Vân Phong đều ở mức 30-40% tổng mức đầu tư nên

việc cho phép nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án theo phương thức chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư mà không qua lựa chọn nhà đầu tư (*trừ trường hợp có hai nhà đầu tư chiến lược trở lên trở lên quan tâm đề xuất thực hiện cùng 01 dự án thì việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan*) là hoàn toàn khả thi. Nói cách khác, các nhà đầu tư chiến lược đã được đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm theo quy định tại Điều 13 Nghị định 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020, góp phần rút ngắn được chi phí và thời gian thực hiện thủ tục hành chính của Nhà đầu tư.

+ Các quy định về ngành nghề và quy mô vốn đối với dự án ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu kinh tế Vân Phong được đề xuất dựa trên các quy định tại Điều 20 Luật Đầu tư (*các dự án được ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt gồm: dự án trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên; dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 30.000 tỷ đồng trở lên*) và danh mục các ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Đồng thời các dự án này cũng tham khảo Danh mục ngành, nghề ưu tiên phát triển tại Đặc khu Bắc Vân Phong theo Phụ lục II dự thảo Luật Đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt đã được Chính phủ xem xét, trình Quốc hội và cập nhật một số lĩnh vực ưu tiên phát triển nêu trong Nghị quyết 09. Việc xác định các dự án ưu tiên thu hút đầu tư sẽ giúp Khu kinh tế Vân Phong phát triển một cách tập trung, phù hợp với định hướng Nghị quyết 09-NQ/TW đề ra.

+ Việc khuyến khích nhà đầu tư chiến lược tham gia lập, điều chỉnh quy hoạch, xây dựng cơ chế chính sách; tổ chức, tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại KKT Vân Phong là phù hợp với thực tế phát triển nhằm nâng cao chất lượng quy hoạch và đảm bảo tính khả thi khi triển khai dự án. Điều này cho thấy thiện chí, cam kết lâu dài của chính quyền trong công tác kêu gọi, thu hút và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư lớn. Đồng thời, các nhà đầu tư chiến lược là kênh xúc tiến đầu tư hiệu quả để thu hút các nhà đầu tư khác vào KKT Vân Phong.

+ Các nhà đầu tư chiến lược thường gắn với những dự án đầu tư quy mô lớn, có thể gây ảnh hưởng môi trường, an sinh xã hội. Do đó, bên cạnh những quyền lợi và ưu đãi đầu tư được hưởng, việc gắn trách nhiệm, nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược với thời hạn giải ngân vốn (*trong vòng 3-5 năm kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư*) và các nghĩa vụ như thành lập tổ chức kinh tế tại tỉnh Khánh Hòa để đóng góp vào nguồn thu thuế của tỉnh, hỗ trợ kinh phí cho ngân sách nhà nước để đầu tư công trình hạ tầng thiết yếu tại khu kinh tế (*dự kiến sẽ thu được khoảng từ 2.000 – 4.000 tỷ đồng từ nguồn ứng trước của nhà đầu tư chiến lược khi thực hiện đầu tư dự án thuộc mục 2,3,6 và 7 của phụ lục danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư tại KKT Vân Phong*), đào tạo nghề, cam kết chuyển giao công nghệ, ... sẽ giúp đẩy nhanh quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng, tăng tỷ lệ sử dụng lao động địa phương, góp phần phát triển kinh tế xã hội KKT Vân Phong nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung.

+ Chính sách ưu đãi thuế, tiền thuê đất vượt trội đối với nhà đầu tư chiến lược thực hiện các dự án lớn ưu tiên phát triển trong KKT Vân Phong sẽ đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, thương mại, du lịch, giúp nâng cao giá trị gia tăng các ngành công nghiệp - dịch vụ, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng nguồn thu NSNN về thuế GTGT, thuế TTĐB các nguồn thu khác khi dự án đi vào hoạt động. Khi hết thời giảm thuế sẽ tiếp tục tăng nguồn thu NSNN từ thuế TNDN; tiền thuê thuế đất. Do thời gian đầu hoạt động của các dự án lớn thường chưa sinh lợi, việc miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thuê mặt đất nhiều hơn đối với các dự án ưu tiên thu hút đầu tư tại KKT Vân Phong là cơ chế cần thiết để khuyến khích các nhà đầu tư chiến lược tham gia đăng ký đầu tư.

Theo Luật Ngân sách nhà nước và tỷ lệ điều tiết được áp dụng với tỉnh Khánh Hòa, mức ưu đãi được đề xuất chủ yếu có ảnh hưởng tới ngân sách của tỉnh, không làm ảnh hưởng đáng kể đến nguồn thu ngân sách trung ương. Tuy nhiên, các mức ưu đãi này không quá cao so với các quy định hiện hành³ và ưu đãi này chỉ áp dụng đối với một số ít các dự án của nhà đầu tư chiến lược, không áp dụng đại trà đối với các dự án còn lại trên địa bàn KKT Vân Phong.

Ngoài ra, mức thuế suất giảm theo đề xuất chính sách nói trên sẽ góp phần thu hút các nhà đầu tư chiến lược đến KKT Vân Phong và mang lại nhiều hiệu ứng tích cực:

- Tạo tác động lan tỏa, thu hút nhiều doanh nghiệp khác đến đầu tư vào các dự án trong khu kinh tế, tạo động lực cho phát triển bền vững kinh tế của địa phương nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung;
- Trong dài hạn, nguồn thu thuế cũng như các nguồn lợi kinh tế khác gia tăng, đảm bảo vị thế của Khánh Hòa là một địa phương có khả năng tự cân đối thu chi, đóng góp ngày càng tăng vào ngân sách trung ương;
- Các hoạt động kinh tế nói chung được kích thích bởi các hoạt động đầu tư mới, đặc biệt là khu vực tư nhân, làm giảm áp lực đối với ngân sách nhà nước ở địa phương cũng như ngân sách trung ương.
- Ngoài các cơ sở hạ tầng được nâng cấp, các dịch vụ được định hướng là mũi nhọn phát triển kinh tế của địa phương sẽ thu hút dòng vốn, đặc biệt là dòng vốn quốc tế, đảm bảo cho nền kinh tế hiện đại.

³ Theo quy định hiện hành, mức ưu đãi cao nhất về thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm và thời hạn miễn tiền thuê đất là 17 năm đối với các dự án đầu tư mới (*trừ một số dự án được hưởng mức ưu đãi đầu tư đặc biệt*) trên địa bàn Khu kinh tế Vân Phong (Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính và Nghị định số 35/2017/NĐ-CP của Chính phủ). Mức đề xuất tại chính sách này cũng phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 19 Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính: “Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm b, c Khoản 1 Điều này có quy mô lớn, công nghệ cao hoặc mới cần đặc biệt thu hút đầu tư thì thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi 10% có thể kéo dài thêm nhưng tổng thời gian áp dụng thuế suất 10% không quá 30 năm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ căn cứ theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính”.

- *Tác động về mặt xã hội:*

+ Việc nhanh chóng lựa chọn nhà đầu tư chiến lược sẽ thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn, có sức lan tỏa, tạo động lực cho nền kinh tế từ đó tác động lan tỏa thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng, tạo việc làm cho người lao động, thúc đẩy xã hội phát triển. Với phương thức quản lý của các nhà đầu tư lớn, các hệ thống tiêu chuẩn quốc tế (ISO) về quản lý môi trường, an toàn xã hội, quản lý chất lượng sẽ được áp dụng.

+ Nhà đầu tư chiến lược là các doanh nghiệp có quy mô lớn được hưởng các cơ chế, chính sách ưu đãi trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh sẽ có ý thức nâng cao trách nhiệm xã hội, trách nhiệm với cộng đồng.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:*

(i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

3.1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

3.2. Cơ chế, chính sách 2: Bán hàng miễn thuế cho khách du lịch nước ngoài tại khu phi thuế quan

3.2.1. Xác định vấn đề bất cập

Khoản 1 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: “*Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam trong định mức phù hợp với điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; hàng hóa trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế của người xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế.*”

Hiện nay, Nghị định 100/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/8/2020 về Kinh doanh hàng miễn thuế chưa cho phép đối tượng khách du lịch được mua hàng miễn thuế tại Khu phi thuế quan. Bên cạnh đó, Điều 6, Nghị định 134/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/9/2016 về Miễn thuế đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh quy định định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh bằng hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp, có tổng trị giá hải quan không quá 10.000.000 đồng Việt Nam (rượu, thuốc lá có

định mức riêng). Như vậy, có thể nói đối tượng và hạn mức mua hàng nhập khẩu miễn thuế ở Việt Nam theo quy định hiện hành khá hạn chế.

Để đẩy mạnh thu hút khách du lịch nước ngoài tới tỉnh Khánh Hòa nói chung và Khu kinh tế Vân Phong cần có chính sách bán hàng miễn thuế cho khách du lịch nước ngoài tại khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế. Chính sách này cũng sẽ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao giá trị gia tăng các ngành dịch vụ, du lịch, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, thương mại, du lịch, thu hút nguồn lao động có chất lượng cao đến làm việc tại Khu kinh tế Vân Phong.

3.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Thí điểm bổ sung mô hình mua sắm miễn thuế mới tại khu phi thuế quan trong Khu kinh tế Vân Phong có tính đột phá và cạnh tranh quốc tế.

3.2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Bán hàng miễn thuế cho khách du lịch nước ngoài tại khu phi thuế quan

(i) Khách du lịch là người nước ngoài được mua hàng miễn thuế tại khu phi thuế quan bằng hai lần định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh cho từng lần nhập cảnh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Một người được mua một lần trong 01 ngày và không quá 04 lần trong 30 ngày liên tục.

(ii) Hàng mua miễn thuế theo quy định tại điểm (i) nêu trên được nhận ở khu cách ly đối với khách du lịch bằng máy bay, tàu biển; trường hợp rời Khu phi thuế quan bằng đường bộ thì nhận hàng tại địa điểm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

3.2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- *Tác động về kinh tế:* Chưa thúc đẩy được phát triển du lịch, kinh tế tại tỉnh Khánh Hòa nói chung và tại Khu kinh tế Vân Phong nói riêng.

- *Tác động về mặt xã hội:* Hạn chế nhu cầu mua sắm của khách du lịch nước ngoài.

- *Tác động về vấn đề giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- *Tác động về kinh tế:* Theo quy hoạch chung xây dựng KKT Vân Phong đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tại khu vực Bán đảo Hòn Gốm có quy hoạch phát triển Khu phi thuế quan gắn với Cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong. Do đó, việc xây dựng các cơ chế cho Khu phi thuế quan sẽ góp phần thúc đẩy phát triển cho Khu phi thuế quan và cả cảng trung chuyển quốc tế sau này. Khách du lịch nước ngoài được mua sắm miễn thuế tại khu phi thuế quan trong KKT Vân Phong sẽ thúc đẩy phát triển du lịch, kinh tế địa phương; tăng được nguồn thu ngoại tệ; hạn chế “chảy máu ngoại tệ”. Đồng thời, khu phi thuế quan là khu vực có địa hình tương đối biệt lập, cách biệt với các khu dân cư và theo quy định có hàng rào cứng. Vì vậy, các du khách ra vào khu mua sắm miễn thuế tại khu phi thuế quan sẽ được cơ quan hải quan quản lý theo quy trình, quy định của pháp luật.

- *Tác động về mặt xã hội:* Đáp ứng được nhu cầu mua sắm của khách du lịch nước ngoài.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Thuế xuất, Thuế nhập khẩu nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

3.2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

3.3. Cơ chế, chính sách 3: Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại khu vực Bắc Vân Phong không phải dành một phần diện tích đất để xây dựng nhà ở xã hội. UBND tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội tương ứng ở vị trí phù hợp tại Khu kinh tế Vân Phong.

3.3.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo nội dung Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị thì huyện Vạn Ninh (khu vực phía Bắc Khu kinh tế Vân Phong) được định hướng trở thành khu đô thị du lịch biển cao cấp. Vì vậy, để tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư dự án khu đô thị cao cấp tại khu vực Bắc Vân Phong phù hợp với định hướng của Nghị quyết số 09-NQ/TW, phần diện tích bố trí quy hoạch phát triển nhà ở xã hội đối với các dự án khu đô thị cần thiết phải bố trí ở khu vực khác để phù hợp với định hướng phát triển chung.

Quá trình áp dụng Luật Nhà ở 2014 cho thấy, nhiều vấn đề bất cập đã phát sinh, được phản hồi từ nhiều chuyên gia và được Bộ Xây dựng tiếp thu trong quá trình rà soát, sửa đổi Luật Nhà ở nằm trong kế hoạch xây dựng luật của năm 2022-2023, cụ thể:

+ Quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội chưa có sự phân định rõ ràng trên khía cạnh nhu cầu và khả năng của người sử dụng, dẫn đến những tác động mang tính cào bằng không phù hợp. Đối tượng sử dụng đất hoàn toàn khác nhau đối với nhà ở thương mại và nhà ở xã hội. Đối với nhà ở xã hội, mục tiêu của phân khúc thị trường này là giành cho những người có thu nhập thấp, khả năng thanh toán cho cả những nhu cầu sử dụng hạ tầng xã hội và các tiện ích là không lớn. Do vậy, quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội phải có đặc điểm là giá trị thấp nhất có thể, thậm chí không phải nộp tiền sử dụng đất và chênh lệch giá đất thực tế trước và sau khi thực hiện dự án nhà ở xã hội cũng thấp nhất để hạn chế biến tướng dự án nhà ở xã hội thành nhà ở thương mại hoặc sai đối tượng sử dụng.

+ Trong vai trò chủ đầu tư khi phát triển dự án nhà ở thương mại, khu đô thị trung, cao cấp, không gian, kiến trúc, cảnh quan cần được bố trí, thiết kế phù hợp với nhóm đối tượng khách hàng hướng tới. Quy định buộc dành 20% diện tích đất trong dự án nhà ở thương mại để xây dựng nhà ở xã hội khiến cảnh quan, kiến trúc, không gian chung của dự án khó có khả năng đồng bộ, ngoài ra khập khiễng trong giai đoạn quản lý vận hành.

+ Với người mua nhà ở xã hội, khi ở dự án nhà ở thương mại là khu vực đô thị phân khúc cao hơn nhu cầu, vô hình trung gây ra khó khăn về thuế, phí dịch vụ trở thành gánh nặng.

Đối với định hướng phát triển huyện Vạn Ninh (khu vực phía Bắc của KKT Vân Phong) trở thành khu đô thị du lịch biển cao cấp thì nhu cầu về không gian kiến trúc đồng bộ, hiện đại là ưu tiên cần được đáp ứng. Việc bố trí quỹ đất để xây dựng Nhà ở xã hội hoàn toàn là không phù hợp, có thể làm ảnh hưởng đến kiến trúc, cảnh quan và các khu chức năng khác tại khu vực này. Do đó, trên cơ sở không làm thay đổi những chỉ tiêu quy hoạch trong phạm vi của tỉnh, việc đề xuất các khu vực khác trong KKT Vân Phong để tạo lập quỹ đất phát triển nhà ở xã hội là phù hợp và vẫn đảm bảo những yêu cầu cốt lõi của Luật Nhà ở trong vấn đề này, đồng thời tạo cơ sở chính sách nền tảng cho bước phát triển đột phá của địa phương.

3.3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Không quy định việc bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội đối với các dự án khu đô thị tại khu vực Bắc Vân Phong. Quỹ đất này sẽ được bố trí tương ứng ở khu vực khác trong KKT Vân Phong. Chính sách này sẽ tạo động lực thu hút các doanh nghiệp đầu tư dự án nhà ở thương mại phù hợp với định hướng phát triển trở thành đô thị du lịch biển cao cấp của huyện Vạn Ninh.

3.3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại khu vực Bắc Vân Phong không phải dành một phần diện tích đất để xây dựng nhà ở xã hội. UBND tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội tương ứng ở vị trí phù hợp tại Khu kinh tế Vân Phong.

3.3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- *Tác động về kinh tế:* Chưa phù hợp với định hướng phát triển của huyện Vạn Ninh trở thành đô thị du lịch biển cao cấp theo nội dung của Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- *Tác động về mặt xã hội:* Người lao động có thu nhập thấp có thể tiếp cận nhà ở xã hội trong các dự án nhà ở thương mại cao cấp. Tuy nhiên có khả năng người có thu nhập thấp sẽ chuyển nhượng lại nhà ở xã hội cho các đối tượng khác không phù hợp với mục đích sử dụng do không đủ khả năng chi trả các khoản thuế/phí trong các dự án nhà ở thương mại cao cấp.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- *Tác động về kinh tế:* Tạo động lực thu hút các doanh nghiệp đầu tư dự án nhà ở thương mại cao cấp phù hợp với định hướng phát triển trở thành đô thị du lịch biển cao cấp của huyện Vạn Ninh. Việc bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội tại vị trí khác trong KKT Vân Phong cũng đảm bảo cho người có thu nhập thấp có thể tiếp cận nhà ở xã hội ngoài các dự án nhà ở thương mại cao cấp.

- *Tác động về mặt xã hội:* Hạn chế cơ hội tiếp cận nhà ở xã hội của người lao động có thu nhập thấp trong các dự án nhà ở thương mại. Tuy nhiên, người có thu nhập thấp có thể tiếp cận dự án nhà ở xã hội tại khu vực khác được quy hoạch đồng bộ và có mức chi trả về thuế/phí phù hợp hơn.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Nhà ở nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc

hội trong việc ban hành Nghị quyết đề quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”(Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

3.3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

3.4. Cơ chế, chính sách 4: Quy định về miễn thị thực tại khu vực Bắc Vân Phong

3.4.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định Điều 12 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 ngày 16/6/2014 và Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14 ngày 25/11/2019; các trường hợp được miễn thị thực: “1. Theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; 2. Sử dụng thẻ thường trú, thẻ tạm trú theo quy định của Luật này; 3. Vào khu kinh tế cửa khẩu, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; 3a. Vào khu kinh tế ven biển do Chính phủ quyết định khi đáp ứng đủ các điều kiện: có sân bay quốc tế, có không gian riêng biệt, có ranh giới địa lý xác định, cách biệt với đất liền, phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội và không làm phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam; 4. Theo quy định tại Điều 13 của Luật này; 5. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp và người nước ngoài là vợ, chồng, con của họ; người nước ngoài là vợ, chồng, con của công dân Việt Nam được miễn thị thực theo quy định của Chính phủ.”

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Luật Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019), chúng nhận tạm trú: “1. Người nước ngoài nhập cảnh không có thẻ thường trú, thẻ tạm trú còn giá trị sử dụng thì được cấp chứng nhận tạm trú tại cửa khẩu với thời hạn như sau: a) Thời hạn tạm trú cấp bằng thời hạn thị thực; trường hợp thị thực có ký hiệu DL thời hạn trên 30 ngày thì cấp tạm trú 30 ngày và được xem xét gia hạn tạm trú theo quy định tại Điều 35 của Luật này; b) Đối với người được miễn thị thực theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì thời hạn tạm trú cấp theo quy định của điều ước quốc tế, nếu điều ước quốc tế không quy định thời hạn tạm trú thì cấp tạm trú 30 ngày; c) Đối với công dân của nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực thì cấp tạm trú 15 ngày, nếu vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt hoặc khu kinh tế ven biển quy định tại khoản 3a Điều 12 của Luật này thì cấp tạm trú theo quy định tại điểm d khoản này; d) Đối với người không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này vào khu kinh tế cửa khẩu thì cấp tạm trú 15 ngày, vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt hoặc khu kinh tế ven biển quy định tại khoản 3a Điều 12 của Luật này thì cấp tạm trú 30 ngày.”

Theo quy định tại Điều 19a Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung năm 2019): “*Điều 19a. Các nước có công dân được cấp thị thực điện tử và các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử. 1. Việc cấp thị thực điện tử áp dụng với công dân của nước có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này. 2. Chính phủ quyết định danh sách các nước có công dân được cấp thị thực điện tử; danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử.*”

Như vậy, hiện nay chưa có quy định về việc miễn thị thực đối với người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong do chưa đáp ứng được các điều kiện theo quy định như có sân bay quốc tế, có không gian riêng biệt, có ranh giới địa lý xác định, cách biệt với đất liền để được Chính phủ quyết định cho phép áp dụng chính sách miễn thị thực cho người nước ngoài nhập cảnh theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2019. Dự kiến trong thời gian tới, Khu kinh tế Vân Phong sẽ có sân bay chuyên dùng (sử dụng cho các chuyến bay charter và thủy phi cơ, trực thăng), đồng thời UBND tỉnh Khánh Hòa sẽ phối hợp cùng với các cơ quan chức năng để xác định, khu trú những khu vực có ranh giới địa lý xác định trong Khu kinh tế Vân Phong, bảo đảm an ninh, an toàn và việc thực hiện đúng chủ trương, chính sách theo quy định pháp luật. Hiện nay, Khu kinh tế Phú Quốc đã được Chính phủ ban hành Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 25/5/2020 cho phép áp dụng chính sách miễn thị thực cho người nước ngoài vào Khu kinh tế Phú Quốc theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2019. Đồng thời, theo tại Khoản 1 Điều 31 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019), người nước ngoài nhập cảnh vào khu kinh tế ven biển do Chính phủ quyết định được miễn thị thực với thời gian tạm trú 30 ngày, hiện nay Khu kinh tế Phú Quốc được áp dụng chính sách miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 30 ngày (Quyết định số 80/2013/QĐ-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang).

3.4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để tăng sức hút, tính cạnh tranh của khu vực Bắc Vân Phong, chính sách quy định việc miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 60 ngày (cao hơn thời gian quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh và được thực hiện thí điểm trong thời gian 5 năm), cấp thị thực điện tử đối với người nước ngoài vào khu vực Bắc Vân Phong là một trong những chính sách đặc thù cần được ban hành, tạo điều kiện thuận lợi thu hút khách du lịch nước ngoài, các nhà đầu tư, nhà quản lý, chuyên gia người nước ngoài khi nhập cảnh vào khu vực Bắc Vân Phong để du lịch, làm việc, từ đó giúp tăng nguồn thu, thu hút đầu tư, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tại Khu kinh tế Vân Phong, góp phần phát triển kinh tế tại địa phương.

3.4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2: Quy định về miễn thị thực tại khu vực Bắc Vân Phong

(i) Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong được miễn thị thực với thời gian tạm trú tại khu vực Bắc Vân Phong không quá 60 ngày nếu hộ chiếu còn thời hạn sử dụng ít nhất 90 ngày; trường hợp có nhu cầu đến các địa phương khác ngoài khu vực Bắc Vân Phong thì phải được cơ quan kiểm soát xuất nhập cảnh cấp thị thực theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

(ii) Người nước ngoài nhập cảnh vào khu vực Bắc Vân Phong được tạm trú không quá 60 ngày tại khu vực Bắc Vân Phong trong các trường hợp sau đây:

- Thuộc diện miễn thị thực theo điều ước quốc tế mà thời hạn tạm trú dưới 60 ngày;
- Sử dụng thị thực, thẻ tạm trú, giấy miễn thị thực, thẻ doanh nhân APEC còn thời hạn dưới 60 ngày.

(iii) Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong thuộc diện phải có thị thực nhưng không thuộc Danh sách các nước có công dân được thí điểm cấp thị thực điện tử có thể được cấp thị thực điện tử theo quy định của Chính phủ.

3.4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- *Tác động về kinh tế:* Chưa tạo điều kiện cho du khách quốc tế đến tham quan, du lịch và làm việc tại khu vực Bắc Vân Phong.

- *Tác động về mặt xã hội:* làm giảm sức hút của khu vực Bắc Vân Phong đối với du khách quốc tế.

- *Tác động về vấn đề giới:* Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- *Tác động về kinh tế:*

+ Việc miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 60 ngày tạo điều kiện cho khách du lịch, nhà đầu tư, nhà quản lý, chuyên gia người nước ngoài vào du lịch, làm việc tại khu vực Bắc Vân Phong đảm bảo quyền cư trú theo quy định pháp luật Việt Nam; hạn chế số lần xin, gia hạn thị thực làm giảm thời gian và chi phí gia hạn, xin cấp thị thực và thu hút khách du lịch cũng như nhà đầu tư, nhà quản lý, chuyên gia người nước ngoài, đặc biệt là với các khách du lịch đến từ các nước Châu Âu với thói quen du lịch dài ngày và mức chi tiêu cao; giúp tăng thêm nguồn thu cho tỉnh, KKT Vân Phong.

+ Đơn giản hóa thủ tục nhập cảnh đang là xu hướng chung trên thế giới. Việc thực hiện cấp visa điện tử cho người nước ngoài không nằm ngoài xu thế chung của thế giới, giúp thu hút lượng lớn khách du lịch đến khu vực Bắc Vân Phong, tăng doanh thu và các dịch vụ du lịch khác cũng có cơ hội phát triển hơn.

+ Chính sách xuất nhập cảnh, đi lại và tạm trú nhanh chóng và thông thoáng còn giúp thu hút các công ty du lịch có quy mô và tầm cỡ trên thế giới, kéo theo phát triển các mô hình du lịch mới và cao cấp tại khu vực Bắc Vân Phong.

+ Chính sách miễn thị thực mặc dù làm giảm 1 phần thu ngân sách nhà nước về phí cấp thị thực⁴, tuy nhiên khoản phí miễn thị thực này sẽ được bù đắp bằng nguồn thu ngân sách từ hoạt động đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh của các dự án có vốn đầu tư nước ngoài có sử dụng lao động người nước ngoài (*nộp ngân sách của các dự án đầu tư nước ngoài đang xây dựng, hoạt động kinh doanh tại KKT Vân Phong trong năm 2021 đạt 45,11 triệu USD*).

+ Tuy nhiên, việc áp dụng chính sách này cần có chi phí đầu tư hệ thống cấp thị thực điện tử đồng bộ. Ngoài ra, việc các công ty du lịch phát triển các mô hình du lịch mới có thể ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của các công ty du lịch trong nước. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội để ngành du lịch trong nước cải tiến chất lượng, nâng cao sức cạnh tranh, đặc biệt đối với những doanh nghiệp đang áp dụng mô hình tổ chức đã lỗi thời.

- Tác động về mặt xã hội:

+ Tạo điều kiện thuận lợi và ổn định cho nhà đầu tư, nhà quản lý, người lao động là chuyên gia nước ngoài khi làm việc tại khu vực Bắc Vân Phong. Đồng thời, việc đơn giản hóa thủ tục cũng như kéo dài thời gian tạm trú phù

⁴ Theo quy định tại Thông tư 25/2021/TT-BTC ngày 07/4/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam, mức phí cấp thị thực có giá trị 1 lần là 25USD/chiếc, phí cấp thị thực có giá trị nhiều lần có thời hạn trên 03 tháng đến 06 tháng là 95USD/chiếc. Ước tính với số lượng nhà đầu tư, nhà quản lý, chuyên gia người nước ngoài tới làm việc, công tác tại Khu kinh tế Vân Phong hàng năm khoảng 200 người (chưa được cấp thẻ tạm trú), phí miễn thị thực khoảng 19.000 USD/năm.

hợp với xu hướng chung của thế giới, nâng cao vị thế của ngành du lịch so với các nước khác.

+ Việc cấp thị thực điện tử bảo đảm công khai, minh bạch, thuận lợi và tiết kiệm trong việc cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh vào khu vực Bắc Vân Phong, thu hút người nước ngoài vào khu vực Bắc Vân Phong du lịch, khảo sát thị trường, tìm cơ hội đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế- xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch.

+ Việc thực hiện các chính sách này sẽ thu hút một lượng khách du lịch cũng như các nhà đầu tư, nhà quản lý, người lao động là chuyên gia nước ngoài đến sinh sống và làm việc tại khu vực Bắc Vân Phong. Tuy nhiên, điều này sẽ tạo ra một thách thức trong việc ngăn chặn các tệ nạn, ảnh hưởng đến đời sống của người dân địa phương và cũng là thách thức đối với hoạt động quản lý của chính quyền địa phương về quốc phòng, an ninh và đối ngoại, nhất là trong điều kiện tình hình thế giới hiện nay đang có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Cần có hệ thống hỗ trợ và các thông tin về thủ tục cấp thị thực điện tử trực tuyến rõ ràng và dễ sử dụng, phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và phù hợp với các cá nhân đến từ các nước khác nhau trên thế giới. Việc này đòi hỏi chi phí xây dựng và đào tạo nguồn nhân lực bài bản và chuyên nghiệp.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, của người nước ngoài tại Việt Nam nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

3.4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

3.5. Cơ chế, chính sách 5: Chính sách phân cấp, ủy quyền tại Khu kinh tế Vân Phong

3.5.1. Xác định vấn đề bất cập

Ban Quản lý KKT Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa (Ban Quản lý) được thành lập theo Quyết định số 998/QĐ-TTg ngày 24/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ, là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với KKT Vân Phong và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; quản lý và tổ chức thực hiện chức năng cung ứng dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến

hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh cho nhà đầu tư trong KKT Vân Phong và KCN trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Ban Quản lý đang tập trung thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” đảm bảo công khai, minh bạch, đúng thời gian quy định.

Theo quy định tại Điểm b, d Khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội, dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. Theo quy định tại Điều 35 Luật Đầu tư và Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ, thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ là **47 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ**. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, thực hiện thẩm định và trình Thủ Tướng phê duyệt theo quy định.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 33 Luật Đầu tư, thành phần hồ sơ, nội dung cần thẩm định để chấp thuận chủ trương thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh là giống nhau. Theo quy định tại Điều 36 Luật Đầu tư, thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh là **32 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ**. Cơ quan đăng ký đầu tư (Ban Quản lý Khu kinh tế) là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan và thực hiện thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

Như vậy, việc thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I nếu áp dụng ở quy trình thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ hay thẩm quyền UBND tỉnh cũng đều phải thực hiện lấy ý kiến các cơ quan liên quan (ý kiến cơ quan địa phương và bộ ngành trong khoảng thời gian 15 ngày) và triển khai thẩm định theo các nội dung yêu cầu giống nhau. Do đó, trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sẽ tốn rất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến việc triển khai dự án của nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra, theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 34 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội thì việc phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, đối với các dự án cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I đã phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, việc phân cấp, ủy quyền cho UBND tỉnh Khánh Hòa chấp thuận

chủ trương đầu tư các dự án này là cần thiết để giảm thời gian thực hiện các thủ tục, giúp đẩy nhanh tiến độ đưa dự án đi vào hoạt động.

Đối với lĩnh vực môi trường, nhiệm vụ thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư trong KKT Vân Phong theo Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đã được UBND tỉnh Khánh Hòa ủy quyền cho Ban Quản lý thực hiện từ năm 2008⁵. Tuy nhiên, kể từ ngày 01/7/2019, Ban Quản lý đã tạm ngừng tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định đánh giá tác động môi trường. Nguyên nhân là do Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ đã bỏ nội dung ủy quyền thẩm định cho các Ban Quản lý thực hiện nhiệm vụ trên. Quy định này gây khó khăn cho Ban Quản lý trong việc tập trung thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa, tại chỗ”.

Ngoài ra, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư. Những nhiệm vụ này chưa phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý thực hiện.

Đối với lĩnh vực lao động, hiện nay theo quy định Bộ luật Lao động, Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; các thủ tục về chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài; cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động; xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động chưa được phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế, Khu công nghiệp thực hiện quản lý nhà nước về lao động nước ngoài trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp mà được thực hiện dưới hình thức ủy quyền. Riêng đối với nội dung chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (doanh nghiệp, nhà thầu) chưa được ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế, Khu công nghiệp.

Việc chưa phân cấp, ủy quyền đầy đủ cho Ban Quản lý các nhiệm vụ trên ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về môi trường, lao động tại Khu kinh tế chưa được thống nhất, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục liên quan.

Do đó, nhằm mục tiêu xây dựng cơ chế và phân cấp quản lý đặc thù, phù hợp để thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là của khu vực kinh tế tư nhân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, phát triển KKT Vân Phong trở thành động lực phát triển của tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ theo Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về việc xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030,

⁵ Theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 29/8/2008 và Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 14/3/2014 của UBND tỉnh Khánh Hòa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tỉnh Khánh Hòa.

tầm nhìn đến năm 2045, cần có cơ chế phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực môi trường, lao động của các dự án do Ban Quản lý quản lý.

3.5.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

- Tăng cường phân cấp, đảm bảo sự chủ động, gắn trách nhiệm của chính quyền địa phương và rút ngắn thời gian thực hiện so với thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ tại quy định hiện hành. Giao thẩm quyền cho chính quyền địa phương, tạo điều kiện cho chính quyền địa phương trong việc chủ động, giải quyết đề thu hút các dự án đầu tư xây dựng cảng hàng không, sân bay; cảng biển có quy mô lớn để thúc đẩy phát triển kinh tế cho KKT Vân Phong nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung.

- Về môi trường, việc phân cấp cho Ban Quản lý thực hiện thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn KKT Vân Phong nhằm hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường theo cơ chế “một cửa, tại chỗ” khi triển khai dự án. Việc phân cấp phù hợp với mục tiêu xây dựng cơ chế, phân cấp quản lý đặc thù theo Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Về lao động, phân cấp cho Ban Quản lý thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (của cả doanh nghiệp và nhà thầu); cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động; xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động bảo đảm rút ngắn thời gian, trình tự thực hiện, tạo điều kiện Ban Quản lý nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục một cách nhanh chóng, thuận lợi, phù hợp theo quy định của pháp luật.

3.5.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) Giải pháp 2:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và gửi quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo dõi, giám sát.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện các nội dung về chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (gồm cả doanh nghiệp và nhà thầu); cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động; xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định tại Bộ luật Lao động đối với các doanh nghiệp và nhà thầu, dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong.

3.5.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- *Tác động về kinh tế:* Thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư dài, không tạo được cơ chế hấp dẫn đối với nhà đầu tư. Chưa tạo sự chủ động, linh hoạt cho Ban Quản lý KKT Vân Phong trước những yêu cầu cấp bách về thủ tục liên quan đến môi trường theo cơ chế “một cửa” tại Ban Quản lý. Các doanh nghiệp, nhà đầu tư tại KKT Vân Phong phải thực hiện các thủ tục về lao động ở nhiều nơi, tốn kém thời gian và chi phí.

- *Tác động về mặt xã hội:* có thể ảnh hưởng đến các vấn đề xã hội trong trường hợp địa phương không kịp thời thực hiện các trình tự, thủ tục liên quan đến môi trường; ảnh hưởng đến tâm lý của nhà đầu tư, chuyên gia nước ngoài khi việc thực hiện các thủ tục không được thuận lợi, qua nhiều cấp.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- *Tác động về kinh tế:*

+ Việc phân cấp cho UBND tỉnh thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính, nhà đầu tư tranh thủ được nhiều cơ hội và sớm hoàn thành các thủ tục đưa dự án đi vào hoạt động, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế của KKT Vân Phong cũng như của tỉnh Khánh Hòa.

+ Về môi trường, khi thực hiện nhiệm vụ thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư trong KKT Vân Phong theo ủy quyền của UBND tỉnh Khánh Hòa, tính đến thời điểm ngày 30/6/2019, Ban Quản lý đã tổ chức thẩm định và phê duyệt 95 báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án. Công tác thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ban Quản lý thực hiện đúng thủ tục, nội dung đảm bảo chất lượng, tổng thời gian thẩm định và phê duyệt do Ban Quản lý thực hiện khoảng 28 ngày so với tổng thời gian quy định thủ tục hành chính của tỉnh Khánh Hòa là 50 ngày. Đối với các dự án do Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và phê duyệt với tổng thời gian quy định là 65 ngày (*không phân cấp, ủy quyền cho địa phương*).

Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, thời gian thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là từ 50 - 65 ngày, cấp giấy phép môi trường là từ 15 - 40 ngày đối với dự án thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường; đối với dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh thì thời gian thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường là 50 ngày, cấp giấy phép môi trường là từ 15 - 30 ngày.

Hiện có nhiều nhà đầu tư đã tiếp xúc và làm việc với tỉnh Khánh Hòa về nhu cầu đầu tư tại địa bàn KKT Vân Phong nên việc phân cấp cho Ban Quản lý thực hiện thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn Khu kinh tế đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường theo cơ chế “một cửa, tại chỗ”, nhà đầu tư không phải đến nhiều nơi, nhiều cơ quan khi thực hiện thủ tục liên quan đến dự án mà chỉ đến “một nơi, một cơ quan” để được giải quyết các thủ tục và góp phần tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư kinh doanh trong KKT Vân Phong theo đúng tinh thần tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.

Tuy nhiên, khi phân cấp cho Ban Quản lý thực hiện nhiệm vụ thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao; đồng thời gắng với trách nhiệm trong nhiệm vụ. Hiện nay, nhân sự về lĩnh vực môi trường của Ban Quản lý về số lượng, kinh nghiệm chỉ mới đáp ứng thực hiện nhiệm vụ đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường thì cần được đào tạo, hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm trong thực tiễn. Vì vậy, để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ liên quan về lĩnh vực môi trường khi được phân cấp cho Ban Quản lý, cần được bổ sung về số lượng công chức, đồng thời cần hỗ trợ, đào tạo, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan.

+ Về lao động, việc phân cấp cho Ban Quản lý thẩm quyền thực hiện nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính, nhà đầu tư tranh thủ được nhiều cơ hội và sớm hoàn thành các thủ tục cho các nhà quản lý, chuyên gia nước ngoài tham gia làm việc tại dự án, góp phần cho dự án, doanh nghiệp hoạt động hiệu quả. Cụ thể, thủ tục chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài của doanh nghiệp sẽ được rút ngắn khoảng 3-4 ngày làm việc⁶; thủ

⁶ Theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thì thủ tục chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài của doanh nghiệp do Bộ Lao

tục chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài của nhà thầu sẽ được rút ngắn khoảng 5-6 ngày làm việc⁷.

Theo số liệu thống kê, trong năm 2021, Ban Quản lý đã thực hiện cấp, cấp lại, xác nhận không thuộc diện cấp GPLĐ cho 287 trường hợp, tham mưu UBND tỉnh chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài cho 479 vị trí. Số lượng thủ tục hành chính này dự kiến sẽ tăng gấp ba lần trong 5 năm tới khi KKT Vân Phong thu hút được các dự án quy mô lớn đầu tư. Do đó, cơ chế này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thu hút chuyên gia và người lao động kỹ thuật cao đến làm việc tại KKT Vân Phong nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung.

- *Tác động về mặt xã hội:* Khi triển khai chính sách, thời gian thực hiện dự án được rút ngắn, dự án sớm đi vào hoạt động, sẽ tác động đến đời sống xã hội của cư dân trong vùng, người dân sớm hưởng thụ được kết quả của dự án mang lại. Thời gian thực hiện thủ tục về lao động được rút ngắn, tác động đến tích cực đến tâm lý của nhà đầu tư, chuyên gia nước ngoài gắn bó, đóng góp cho sự phát triển của doanh nghiệp.

- *Tác động về vấn đề giới:* Không phát sinh vấn đề về giới.

- *Tác động về thủ tục hành chính:* Không phát sinh thủ tục hành chính.

- *Tác động đối với hệ thống pháp luật:* (i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác về cùng vấn đề so với Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Bộ luật Lao động nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*”(Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

3.5.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

4. NHÓM CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN TẠI TỈNH KHÁNH HÒA (01 CHÍNH SÁCH)

4.1. Xác định vấn đề bất cập

Khánh Hoà có chiều dài đường bờ biển 385 km với 200 hòn đảo lớn nhỏ, nhiều đầm eo vịnh kín gió cùng với các cảng nước sâu nên rất thuận lợi cho

động – Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện trong thời hạn 10 ngày làm việc.

⁷ Theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam thì thủ tục chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài của nhà thầu có thời hạn 15 ngày làm việc.

phát triển thủy sản trong đó có nuôi trồng thủy sản. Theo nghiên cứu đánh giá của Viện Nuôi trồng Thủy sản – Trường Đại học Nha Trang thì Khánh Hòa cùng với Quảng Ninh và Kiên Giang là 3 địa phương có tiềm năng, lợi thế để phát triển nuôi biển ở Việt Nam.

Nghề nuôi trồng thủy sản trong đó có nuôi biển đóng vai trò đối với lĩnh vực thủy sản của Việt Nam cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội tại Khánh Hòa. Diện tích nuôi biển của Việt Nam khoảng 8.000 m³ lồng (bao gồm: 3.800 m³ lồng nuôi cá biển; 4.600 m³ lồng nuôi tôm hùm) với tổng sản lượng gần 650 nghìn tấn/năm góp phần mang lại kim ngạch xuất khẩu năm 2021 ước đạt 8.89 tỷ USD. Khánh Hòa có trên 74.500 lồng nuôi trồng thủy sản với sản lượng thủy sản nuôi hàng năm của tỉnh đạt từ 16.000 – 18.000 tấn đã tạo việc làm cho trên 4.000 lao động nông thôn, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân ven biển góp phần nâng cao tỷ trọng giá trị sản xuất ngành thủy sản. Các đối tượng nuôi chính trên biển tại địa phương là cá chẽm, cá bớp, cá chim vây vàng, tôm hùm...trong đó tôm hùm là đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao được khách du lịch và các thị trường nhập khẩu nước ngoài ưa thích. Theo quy hoạch phát triển ngành thủy sản tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035, tỷ trọng ngành thủy sản chiếm khoảng 60% – 63% của cơ cấu ngành nông nghiệp trong đó nuôi trồng thủy sản chiếm 40% tổng sản lượng thủy sản, với giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 725 – 1.042 triệu USD, tăng trưởng bình quân khoảng 3% – 4%/năm.

Tuy nhiên, hoạt động nuôi biển của Khánh Hòa nói riêng và Việt Nam nói chung hiện nay chủ yếu là nuôi gần bờ trong khu vực biển 3 hải lý, chưa có hoạt động nuôi biển nằm ngoài khu vực 3 hải lý; nuôi với quy mô nhỏ lẻ, vật liệu lồng bè nuôi bằng gỗ truyền thống độ bền thấp, không ổn định, sử dụng thức ăn tươi... đang gây ô nhiễm môi trường và chông chéo với việc sử dụng diện tích mặt nước với các ngành kinh tế khác dẫn tới hiệu quả không cao; mặt khác, những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu làm cho các hiện tượng thời tiết, thiên tai cực đoan như mưa, gió, bão tố, lũ lụt, khô hạn, nắng nóng... xuất hiện thường xuyên hơn, chuyển biến theo chiều hướng cực đoan và khắc nghiệt hơn trước nên đã ảnh hưởng trực tiếp, nặng nề đến ngành nuôi trồng thủy sản. Cụ thể: Toàn bộ lồng bè nuôi trồng thủy sản đã bị phá hủy hoàn toàn do cơn bão số 12 (năm 2017) gây thiệt hại hơn 7.000 tỷ đồng. Cơn bão số 9 (năm 2021) đã làm thiệt hại hơn 2.592 lồng nuôi tôm hùm sử dụng vật liệu truyền thống, ước thiệt hại hơn 200 tỷ đồng.... Bên cạnh đó, hiện nay chưa có chính sách bảo hiểm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển nên khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh thì người nuôi trồng phải chịu toàn bộ tổn thất.

Tại Khánh Hòa, có trại nuôi của Trung tâm nuôi biển công nghệ cao – Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 1 áp dụng lồng nuôi vật liệu HDPE đảm bảo hiệu quả, bền vững và an toàn trong điều kiện bất thường của thời tiết (sản lượng khoảng 200 tấn/vụ nuôi; không dùng kháng sinh, sử dụng 100% thức ăn công nghiệp, tỷ lệ hao hụt thấp...). Nhìn chung về cơ bản, kỹ thuật nuôi các đối tượng và công nghệ chế tạo vật liệu mới, tiên tiến theo tiêu chuẩn Châu Âu để sử dụng nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam đã chủ động được, hiện nay còn

thiếu cơ chế chính sách để khuyến khích doanh nghiệp và hộ dân đầu tư chuyển đổi công nghệ để tiến tới nuôi ở các vùng biển mở và xa bờ.

Trên thế giới, nuôi biển đang có xu hướng chuyển từ các trại nuôi biển quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu sang nuôi biển công nghiệp, quy mô lớn với công nghệ hiện đại; chuyển từ vùng nước ven bờ, với hệ sinh thái nhạy cảm và dễ chông lán với các hoạt động kinh tế khác, ra vùng biển xa bờ và tiến dần ra nuôi trên đại dương; chuyển từ nuôi biển do hộ gia đình sang doanh nghiệp nuôi biển, với các chính sách khuyến khích và thu hút đầu tư; thiết lập quy hoạch phát triển nuôi biển quốc gia, tăng cường công cụ quản lý nhà nước và cơ chế đồng quản lý; xây dựng hệ thống cảnh báo, kiểm soát ô nhiễm môi trường, và cảnh báo, đảm bảo an ninh nuôi biển; đồng thời, thiết lập chuỗi giá trị, liên kết trại nuôi với hệ thống cung cấp thức ăn, giống, chế biến, tiêu thụ, phân phối, v.v... đã đem lại hiệu quả kinh tế cao, từng bước cung cấp sản phẩm thay thế cho hoạt động khai thác thủy sản.

Với mục tiêu phát triển bền vững ngành thủy sản Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu rõ “*Phát triển thủy sản trên biển thành một lĩnh vực sản xuất hàng hóa, khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp và ở các vùng biển mở; tạo khối lượng sản phẩm lớn phục vụ chế biến xuất khẩu và tiêu thụ nội địa*”.

Quyết định số 1664/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định mục tiêu: “*Phát triển nuôi biển trở thành một ngành sản xuất hàng hóa quy mô lớn, công nghiệp, đồng bộ, an toàn, hiệu quả, bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái; tạo ra sản phẩm có thương hiệu, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu; giải quyết việc làm, cải thiện điều kiện kinh tế xã hội và nâng cao thu nhập cho cộng đồng cư dân ven biển; góp phần tham gia bảo vệ an ninh, quốc phòng vùng biển đảo của Tổ quốc*”.

Việc phát triển các mô hình nuôi biển xa bờ cũng góp phần thực hiện chủ trương “*gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững chủ quyền biển đảo quốc gia*” nêu trong Nghị quyết 09.

Do đó, cần thiết phải có chính sách đặc thù đối với nuôi biển nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, hộ dân đầu tư phát triển nuôi biển theo hướng công nghiệp, gia tăng giá trị, thân thiện môi trường ở các vùng biển mở, xa bờ tại Khánh Hoà để làm mẫu cho việc phát triển nuôi biển trên cả nước nhằm đạt mục tiêu của Bộ Chính trị đề ra tại Nghị quyết số 09: “*Phát triển mạnh kinh tế biển theo hướng: Nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, nhất là nuôi biển công nghệ cao, thân thiện với môi trường*”.

Về thẩm quyền giao khu vực biển, cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển: Tại điểm b Khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản 2017 quy định: “*Bộ Tài nguyên và Môi trường giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản đối với trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 39 của Luật này*”. Tại Khoản 2 Điều 39 Luật

Thủy sản 2017 quy định: “*Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam trong khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý*”.

Về ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước cho hoạt động nuôi biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân: Hiện nay chưa có quy định. Tuy nhiên tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, quy định:

“*Điều 19. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước*

1. *Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê trong các trường hợp sau:*

a) *Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.*”

Về ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động nuôi biển: Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội:

“*Điều 13. Ưu đãi về thuế suất*

2. *Áp dụng thuế suất 10% đối với:*

d) *Thu nhập của doanh nghiệp từ: trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; nuôi trồng lâm sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh chế muối, trừ sản xuất muối quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm;*”

4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Phát triển nghề nuôi trồng thủy sản tỉnh Khánh Hòa theo phương thức nuôi công nghiệp, hiện đại, quy mô lớn, đem lại hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hình thành vùng nuôi biển xa bờ vừa đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, vừa góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng, chủ quyền biển đảo quốc gia.

Thành công của nuôi biển công nghiệp tại Khánh Hòa sẽ làm tiền đề cho các địa phương khác trong cả nước học tập, áp dụng để phát triển ngành nuôi biển trước tình trạng ngành khai thác thủy sản đang dần cạn kiệt và đón đầu xu thế nuôi biển của các nước trong khu vực và trên thế giới.

4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

a) **Giải pháp 1:** Giữ nguyên như hiện trạng, không quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa mà thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

b) **Giải pháp 2:** Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tại tỉnh Khánh Hòa

(i) Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển (sau đây gọi là nuôi biển) và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam trong khu vực biển ngoài 6 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý, thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa.

(ii) Miễn tiền sử dụng khu vực biển cho hoạt động nuôi biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động nuôi biển ngoài vùng biển 6 hải lý, vùng biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý.

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động nuôi biển của tổ chức có hoạt động nuôi biển ngoài vùng biển 6 hải lý, vùng biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý.

(iii) Miễn tiền sử dụng khu vực biển cho hoạt động nuôi biển 10 năm đầu và giảm 50% cho thời gian còn lại đối với hoạt động nuôi biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động nuôi biển trong vùng biển 3-6 hải lý.

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 10 năm đầu và giảm 50% cho thời gian còn lại đối với hoạt động nuôi biển của tổ chức có hoạt động nuôi biển trong vùng biển 3-6 hải lý.

(iv) Miễn lệ phí trước bạ đối với tàu, thuyền đăng ký tại tỉnh Khánh Hòa để phục vụ trực tiếp cho hoạt động nuôi biển.

(v) Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động làm việc trên lồng bè nuôi trồng thủy sản và trên các phương tiện phục vụ cho hoạt động nuôi biển; hỗ trợ 80% kinh phí mua bảo hiểm rủi ro thiên tai đối với đối tượng thủy sản nuôi trên biển trong khu vực biển ngoài 6 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý; 60% đối với vùng biển 3-6 hải lý.

(vi) Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành quy định tiêu chí, nguyên tắc, trình tự thủ tục thực hiện khoản (v) Điều này.

4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1:

- ***Tác động về kinh tế:*** Hoạt động nuôi trồng thủy sản ven biển vẫn diễn ra bình thường, luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro và ngày một chùng chèo, xung đột với các ngành kinh tế khác; không có cơ chế để tạo được động lực để thu hút nguồn lực đầu tư phát triển ngành nuôi trồng thủy sản tại các vùng biển xa bờ, vùng biển mở theo định hướng của Đảng và Chính phủ về phát triển kinh tế biển.

- ***Tác động về mặt xã hội:*** Không ảnh hưởng đến các vấn đề xã hội.

- ***Tác động về vấn đề giới:*** Không phát sinh vấn đề giới.

- ***Tác động về thủ tục hành chính:*** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:** Không tác động tới hệ thống pháp luật.

b) Giải pháp 2:

- **Tác động về kinh tế:** Chính sách được ban hành và đi vào cuộc sống sẽ tạo điều kiện thuận lợi, chủ động cho địa phương trong việc giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam nhằm thu hút, khuyến khích các nguồn lực đầu tư vào nuôi biển xa bờ để từng bước chuyển đổi nuôi trồng thủy sản truyền thống, nhỏ lẻ, gần bờ, chông chéo việc sử dụng diện tích mặt nước với các ngành kinh tế khác hiện nay sang nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghiệp, hiện đại, quy mô lớn, đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, đem lại hiệu quả kinh tế cao, phục vụ cho sự phát triển của địa phương hướng tới thực hiện thành công mục tiêu mà Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra.

- **Tác động về mặt xã hội:** Tạo thêm nhiều việc làm cho người dân tại tỉnh Khánh Hòa. Doanh nghiệp và người dân được tiếp cận với công nghệ và phương pháp nuôi tiên tiến của khu vực và thế giới, có chính sách bảo hiểm đảm bảo an toàn cho hoạt động đầu tư tại các vùng biển xa bờ. Tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân từng bước chuyển đổi các ngành nghề khai thác ven bờ, nghề cầm... sang nuôi trồng thủy sản tại các vùng biển mở đem lại hiệu quả kinh tế, nâng cao đời sống cho người dân tại địa phương; góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo của tổ quốc.

- **Tác động về vấn đề giới:** Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không có sự phân biệt về giới.

- **Tác động về thủ tục hành chính:** Không phát sinh thủ tục hành chính.

- **Tác động đối với hệ thống pháp luật:**(i) Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan; (ii) Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với các Luật, Nghị định có liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định “*Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành*” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Kiến nghị lựa chọn giải pháp 2 (Thẩm quyền ban hành chính sách là của Quốc hội).

C. Ý KIẾN VÀ THAM VẤN

Báo cáo đánh giá tác động đã được lấy ý kiến của các bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh Khánh Hòa và các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước đang thực hiện tư vấn lập quy hoạch chung của tỉnh Khánh Hòa và điều chỉnh

quy hoạch Khu kinh tế Vân Phong. Cơ quan đánh giá tác động đã tiếp thu và hoàn chỉnh nội dung Báo cáo đánh giá tác động.

D. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Sau khi Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa được ban hành:

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian xử lý các vấn đề chưa phân cấp, phân quyền cho tỉnh Khánh Hòa;

b) Chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết này để báo cáo Quốc hội và đề xuất hoàn thiện hệ thống pháp luật về các cơ chế, chính sách đã thực hiện thí điểm theo quy định.

2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư sơ kết, tổng kết việc thực hiện thí điểm các cơ chế, chính sách mới, có tính đột phá, đặc thù quy định tại Nghị quyết này, báo cáo Chính phủ để Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

3. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Khánh Hòa và đại biểu Quốc hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Nghị quyết sẽ có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày được thông qua và được thực hiện trong 05 năm.

5. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng theo quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định./.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ

PHÁT TRIỂN TỈNH KHÁNH HÒA

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHĐT ngày tháng năm 2022
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Hà Nội, tháng 3 năm 2022

ĐỀ ÁN
MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ
PHÁT TRIỂN TỈNH KHÁNH HÒA

A. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã giao Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo: (1) Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết. (2) Xây dựng, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, trong đó có tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư... và phân cấp quản lý cho tỉnh Khánh Hòa, bảo đảm tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước, phù hợp vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hòa trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trình Quốc hội khóa XV thông qua.

- Nghị quyết số ngày của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với UBND tỉnh Khánh Hòa và các Bộ, ngành có liên quan xây dựng Đề án báo cáo Chính phủ để trình Quốc hội ban hành Nghị quyết cho phép tỉnh Khánh Hòa thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, trong đó có tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư và phân cấp quản lý.

B. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ

I. MỤC TIÊU

Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị đã xác định mục tiêu xây dựng và phát triển Khánh Hòa đến năm 2030 “*là thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở phát huy cao độ tiềm năng và lợi thế về biển, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công*

nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; là nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc”; tầm nhìn đến năm 2045 là “thành phố đáng sống, thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực châu Á; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh”.

Giai đoạn 2021 – 2025: Tăng trưởng GRDP bình quân đạt mức 7,1%/năm; tăng trưởng năng suất lao động đạt mức 6,1%/năm. Phần đầu thu ngân sách hàng năm đạt và vượt dự toán ngân sách trung ương giao. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 354 nghìn tỉ đồng. Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm từ 1 - 1,5%/năm. Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người đạt 104 triệu đồng/người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 65%. Có 81,5% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40,2% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10,9% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 77,97%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31%. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 46,5%; tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị, dân cư nông thôn đạt 70%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom là 90% và xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải là 80%.

Giai đoạn 2026-2030: Tăng trưởng GRDP đạt mức bình quân 8,8%/năm; tăng trưởng năng suất lao động đạt mức 7,8%/năm. Phần đầu thu ngân sách hàng năm đạt và vượt dự toán ngân sách Trung ương giao, từng bước tăng dần tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 664 nghìn tỉ đồng. Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt 189 triệu đồng/người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 70%. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 81,91%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%. Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 46,5%; tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị, dân cư nông thôn đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom là 100% và xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải là 90%.

II. QUAN ĐIỂM

1. Các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa phải phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 09-NQ/TW, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật hiện hành và tương thích với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đồng thời phải phù hợp với thông lệ quốc tế và đảm bảo tính khả thi.

2. Đề xuất một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với các quy định của pháp luật hiện hành hoặc chưa được quy định cụ thể để xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa thành trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ.

3. Việc đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa phải dựa trên cơ sở lý luận, thực tiễn, khoa học, pháp lý đầy đủ và tình hình thực tế của tỉnh nhằm thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là từ khu vực kinh tế tư nhân cho phát triển các trung tâm kinh tế động lực, các trụ cột tăng trưởng¹.

C. MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ PHÁT TRIỂN TỈNH KHÁNH HÒA TRÌNH QUỐC HỘI BAN HÀNH

I. Cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách nhà nước

1. Cơ chế, chính sách 1: Bổ sung có mục tiêu từ số tăng thu phần điều tiết ngân sách trung ương và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%

1.1. Nội dung cơ chế, chính sách

Hàng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh không quá 70% số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương so với dự toán Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thương vượt thu theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước so với dự toán Chính phủ giao, nhưng không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu.

1.2. Sự cần thiết ban hành cơ chế, chính sách

1.2.1. Cơ sở pháp lý, quy định hiện hành

Theo quy định khoản 5, khoản 6 Điều 19 Luật Ngân sách nhà nước, Quốc hội quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách

¹ 03 trung tâm kinh tế động lực: Khu vực vịnh Vân Phong, thành phố Nha Trang, khu vực vịnh Cam Ranh. 05 trụ cột tăng trưởng gồm: kinh tế biển (bao gồm du lịch, dịch vụ logistics, các ngành kinh tế biển mới); công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, thân thiện với môi trường; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; y tế, phát triển hạ tầng.

địa phương quy định tại Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước và quyết định mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, bao gồm bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu.

1.2.2. Cơ sở thực tiễn, lý do đề xuất

a) Về nhu cầu vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030, tỉnh Khánh Hòa là thành phố trực thuộc Trung ương, là một cực tăng trưởng trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghệ công nghiệp cao, khoa học công nghệ, du lịch. Đến năm 2045, tỉnh Khánh Hòa là đô thị thông minh, bền vững, mang bản sắc, ngang tầm khu vực châu Á. Để phấn đấu đạt được mục tiêu đã được Bộ Chính trị đề ra việc đầu tư và hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, kết nối đồng bộ với các tỉnh, thành phố trong khu vực, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế để kêu gọi và thu hút các doanh nghiệp đầu tư... là mục tiêu được đặt lên hàng đầu và phải được triển khai nhanh, hiệu quả đáp ứng được mục tiêu phát triển.

b) Về khả năng cân đối ngân sách

Tỉnh Khánh Hòa đang là tỉnh tự cân đối, có điều tiết số thu về ngân sách trung ương², tốc độ tăng trưởng bình quân thu ngân sách nhà nước của tỉnh giai đoạn 2012-2019 là 11%/năm, trong đó các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, các khoản thu NSTW hưởng 100% (tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước) chiếm tỷ trọng 67% trong tổng thu NSNN.

Năm 2020 và năm 2021, do tác động của dịch bệnh COVID-19, số thu NSNN trên địa bàn giảm sâu³, bên cạnh đó địa phương đã huy động tất cả các nguồn lực tài chính hợp pháp của địa phương bao gồm Quỹ dự trữ tài chính, nguồn cải cách tiền lương, nguồn tiết kiệm chi, thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên từ dự toán với số tiền 1.500 tỷ đồng để thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh và hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng do dịch bệnh. Đồng thời, đã cắt giảm nhiệm vụ chi đầu tư từ dự toán để bù hụt thu, đảm bảo cân đối ngân sách địa phương.

²Từ năm 2004 đến nay, tỉnh Khánh Hòa là một trong các tỉnh tự cân đối ngân sách và có điều tiết số thu về ngân sách trung ương. Cụ thể, tỷ lệ ngân sách địa phương được hưởng giai đoạn 2011-2016 là 77%, giai đoạn 2017-2021 là 72%, năm 2022 là 98%.

³Năm 2019 thu 19.074 tỷ đồng, năm 2020 thu 13.825 tỷ đồng, bằng 72% so với cùng kỳ và năm 2021 thu 14.076 tỷ đồng, tăng 1,8% so với cùng kỳ nhưng bằng 74% so với năm 2019.

Trước thực tiễn nguồn thu NSNN bị tác động do dịch bệnh Covid-19, Chính phủ đã giao dự toán thu NSNN năm 2022 của tỉnh Khánh Hòa là 12.015 tỷ đồng, thấp hơn 5.245 tỷ đồng so với năm 2017 và thấp hơn 1.743 tỷ đồng so với năm 2021. Đồng thời, nguồn vốn ngân sách địa phương dành cho chi đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, các dự án, chương trình trọng điểm của tỉnh giai đoạn 2021-2025 chỉ đảm bảo được 29,4% nhu cầu (tổng nhu cầu vốn đầu tư công 70.140 tỷ đồng, tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Khánh Hòa là 21.116 tỷ đồng). Do đó, với nguồn lực hạn chế như hiện nay của tỉnh Khánh Hòa, mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã được Bộ Chính trị đặt ra cho Tỉnh rất khó đạt được, rất cần có sự hỗ trợ từ ngân sách trung ương để địa phương có nguồn lực, động lực phát triển.

Vi vậy, việc thực hiện chính sách bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho tỉnh Khánh Hòa vừa hỗ trợ cho ngân sách địa phương có nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế xã hội của tỉnh hoàn thành được mục tiêu tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị, vừa khuyến khích địa phương phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước, tăng đóng góp của tỉnh về ngân sách trung ương trong giai đoạn sau.

1.2.3. Cơ chế, chính sách tương đồng của các tỉnh, thành phố

- **Thành phố Hồ Chí Minh:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách tương tự tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017.

- **Thành phố Hải Phòng:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách tương tự tại Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021.

- **Thành phố Cần Thơ:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách tương tự đối với thành phố Cần Thơ tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022.

1.3. Đánh giá tác động của cơ chế, chính sách

Khi ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh số tăng thu ngân sách trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương so với dự toán Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thường vượt thu theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước so với dự toán Chính phủ giao, sẽ khuyến khích địa phương phấn đấu tăng thu ngân sách hàng năm, đồng thời bổ sung nguồn lực cho Tỉnh cùng với nguồn ngân sách địa phương đầu tư phát triển

hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông kết nối, phát huy được vị trí của địa phương là trung tâm vùng, đầu mối giao thông quan trọng, thực hiện thành công mục tiêu xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa theo tại Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra và thực sự trở thành động lực phát triển của duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên và hướng tới xây dựng tỉnh Khánh Hòa là nơi đáng sống, nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa, hạnh phúc.

2. Cơ chế, chính sách 2: Nâng hạn mức dư nợ vay của ngân sách địa phương

2.1. Nội dung cơ chế, chính sách

Tỉnh Khánh Hòa được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho tỉnh vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách tỉnh hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2.2. Sự cần thiết ban hành cơ chế, chính sách

2.2.1. Cơ sở pháp lý, quy định hiện hành

Theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 về mức dư nợ vay của ngân sách địa phương: “Đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương không vượt quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp”.

Khánh Hòa là tỉnh có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương nên mức dư nợ vay hiện nay của Tỉnh không vượt quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp

2.2.2. Cơ sở thực tiễn, lý do đề xuất

Tốc độ tăng thu ngân sách giai đoạn 2012-2019 của tỉnh Khánh Hòa bình quân hằng năm đạt 11%/năm. Theo phân cấp thu ngân sách nhà nước, số thu ngân sách địa phương có xu hướng tăng dần theo các giai đoạn đã góp phần tăng cường tính tự chủ cho ngân sách địa phương.

Trong thời gian tới, để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045,

nhu cầu vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội là rất lớn. Đặc biệt, nhu cầu vốn để đầu tư phát triển hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại; hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số; làm cơ sở để Khánh Hòa phát huy vai trò là trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ chính ra Biển Đông, có vai trò trung tâm kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ với các vùng, miền trong cả nước, quốc tế; phát triển khu kinh tế Vân Phong trở thành động lực phát triển của tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ, Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế.

Tuy nhiên, với nguồn lực còn hạn chế của địa phương sẽ không đảm bảo đủ nguồn để phát triển nhanh, đồng bộ nhiều ngành, nghề, lĩnh vực trong cùng một thời điểm, vì vậy, cần thông qua phát hành trái phiếu địa phương, vay vốn các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho tỉnh vay lại để huy động trước nguồn lực để thực hiện, đồng thời sử dụng nguồn vốn vay như nguồn lực để dẫn dắt và thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư phát triển cho hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn. Theo quy định hiện hành, mức dư nợ vay tối đa không quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp của tỉnh Khánh Hòa chưa đáp ứng được nhu cầu vốn đầu tư phát triển của tỉnh, cụ thể là:

- Trên cơ sở các dự án đã ký thỏa thuận vay nợ, dự kiến dư nợ ngân sách tỉnh Khánh Hòa đến thời điểm 31/12/2022 là 766 tỷ đồng; Hạn mức dư nợ tối đa được huy động theo quy định hiện hành là 2.737 tỷ đồng.

- Đối với các dự án đã thực hiện ký thỏa thuận vay, trong giai đoạn 2021-2025, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt mức vay là 1.273 tỷ đồng (Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang; Sửa chữa và nâng cao an toàn đập; Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai; Nâng cao hiệu quả sử dụng nước tại các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán); đồng thời, tỉnh Khánh Hòa đang triển khai dự án Phát triển tổng hợp tỉnh Khánh Hòa với tổng mức đầu tư 4.000 tỷ đồng, trong đó vốn vay là 2.800 tỷ đồng (70%) từ nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới. Như vậy, dự kiến nhu cầu vốn vay của Tỉnh Khánh Hòa đối với các dự án đang triển khai và dự án đã ký thỏa thuận vay là 4.073 tỷ đồng, đã vượt hạn mức vay nợ tối đa theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó, với định hướng phát triển tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022, trong thời gian tới tỉnh Khánh Hòa cần huy động thêm nguồn lực tối thiểu 40.000 tỷ đồng (gồm các dự án: Hạ tầng khu kinh tế Vân Phong khoảng 3.000 tỷ đồng, Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng 400

tỷ đồng; Bệnh viện sản nhi 745 tỷ đồng; Đường ven biển từ xã Vạn Lương huyện Vạn Ninh đến thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa 1.498 tỷ đồng; Đường liên vùng huyện Diên Khánh 844 tỷ đồng; Đường D25 và Kênh thoát lũ Vĩnh Trung 1.490,7 tỷ đồng; Đường Vĩnh Bình-Cù Hin 1.028 tỷ đồng; Mở rộng cầu Cam Hải 600 tỷ đồng; Chương trình phát triển đô thị 30.000 tỷ đồng;..).

Do đó, cần nâng hạn mức vay của tỉnh từ 30% lên 60%, theo đó hạn mức dư nợ vay tối đa của tỉnh Khánh Hòa 5.472 tỷ đồng (tính theo dự toán năm 2022), tăng 2.736 tỷ đồng so với quy định hiện hành sẽ bổ sung nguồn lực cho Tỉnh đáp ứng một phần nhu cầu vốn để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của Tỉnh nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị đã đề ra. Trường hợp chỉ áp dụng mức vay 40% thì dư nợ vay tối đa là 3.648 tỷ đồng, chưa đủ đáp ứng nhu cầu vốn vay đối với các dự án đang triển khai và dự án đã ký thỏa thuận vay.

2.2.3. Cơ chế, chính sách tương đồng của các tỉnh, thành phố

- **Tỉnh Thừa Thiên Huế:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách nêu trên tại Nghị quyết số 38/2021/QH15 ngày 13/11/2021, với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 40% số thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp (Khoản 1 Điều 3).

- **Tỉnh Nghệ An:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách nêu trên tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021, với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 40% số thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp (Khoản 1 Điều 3).

- **Thành phố Đà Nẵng:** được Chính phủ cho phép áp dụng cơ chế, chính sách nêu trên tại Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016, với mức dư nợ vay không quá 40% (Khoản 1 Điều 3). Tuy nhiên, hiện nay Bộ Tài chính đang trình Chính phủ xem xét sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 144/2016/NĐ-CP trong đó đề xuất cho thành phố Đà Nẵng được tăng mức dư nợ vay lên 60%.

- **Thành phố Hải Phòng:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách tương tự tại Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021, tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách Tỉnh được hưởng theo phân cấp (Khoản 1 Điều 3).

- **Tỉnh Thanh Hóa:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách tương tự tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 29/11/2021, với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách Tỉnh được hưởng theo phân cấp (Khoản

1 Điều 3).

- **Thành phố Cần Thơ:** được Quốc hội đã cho phép áp dụng cơ chế, chính sách tương tự tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022, với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp (Khoản 1 Điều 3).

- **Thành phố Hà Nội:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách nêu trên tại Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 với mức dư nợ vay không quá 90% (Khoản 1 Điều 5).

- **Thành phố Hồ Chí Minh:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách nêu trên tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017 với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 90% (Khoản 1 Điều 5).

2.3. Đánh giá tác động của cơ chế, chính sách

Nếu được thực hiện cơ chế, chính sách nêu trên, sẽ tạo điều kiện cho tỉnh huy động trước nguồn lực, với khả năng huy động vốn vay hàng năm dự kiến 5.472 tỷ đồng, để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng, phù hợp với điều kiện, khả năng cân đối ngân sách của địa phương, đảm bảo an toàn, bền vững nợ công, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhất là phát triển nhanh kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối các vùng, miền, các cực tăng trưởng để tỉnh Khánh Hòa phát huy vai trò là một cực tăng trưởng mới theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 09-NQ/TW.

Nếu tỉnh sử dụng toàn bộ nguồn vốn vay này cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thì đây là nguồn lực rất có ý nghĩa với Khánh Hòa. Phân tích từ mô hình kinh tế lượng cho thấy, trong trường hợp Khánh Hòa có đủ năng lực thụ vốn, khả năng vay nợ và đảm bảo phù hợp với giới hạn về tỷ lệ nợ công do Quốc hội phê duyệt hàng năm, chính sách có tác động tích cực khá đáng kể tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2030. Cụ thể, nếu sử dụng hết hạn mức vay tối đa 60%, khả năng huy động vốn đầu tư toàn xã hội có thể tăng thêm 45%; tăng trưởng GRDP tăng thêm 1,8 điểm %; thu ngân sách nhà nước theo đó có cơ hội tăng thêm khoảng 25% mỗi năm so với trường hợp không áp dụng cơ chế đặc thù (kịch bản cơ sở). Với khả năng thu này, tỉnh có khả năng đảm bảo được nghĩa vụ trả nợ theo hạn mức vay mới; đồng thời hướng tới mục tiêu tăng dần tỷ lệ điều tiết. Như vậy, chính sách có nhìn chung tác động lan tỏa tích cực, tạo điều kiện giúp Khánh Hòa tiến gần hơn tới các mục tiêu đã đặt ra tại Nghị quyết 09.

3. Cơ chế, chính sách 3: Tỉnh Khánh Hòa được phân bổ thêm 45% theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số khi xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này.

3.1. Nội dung cơ chế, chính sách

Đối với chi thường xuyên, tỉnh Khánh Hòa được phân bổ thêm 45% theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số khi xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này nhằm bảo đảm nguồn lực thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh theo Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị.

3.2.1. Cơ sở pháp lý, quy định hiện hành

- Theo quy định tại khoản 16 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022: Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có cơ chế chính sách đặc thù hoặc có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số như sau: Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được phân bổ thêm 80%. Các thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ được phân bổ thêm 70%. Các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Thừa Thiên Huế được phân bổ thêm 45%. Các tỉnh còn lại có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 40% trở lên được phân bổ thêm 60%; các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 15% đến dưới 40% được phân bổ thêm 50%; các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương còn lại được phân bổ thêm 40%.

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Ngân sách nhà nước thì Quốc hội quyết định chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách nhà nước.

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Luật Ngân sách nhà nước thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước.

3.2.2. Cơ sở thực tiễn, lý do đề xuất

- Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa có 02 huyện miền núi Khánh Sơn và huyện Khánh Vĩnh thuộc diện huyện nghèo 30a theo phê duyệt của Chính phủ với tỷ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm đa số, tỷ lệ hộ nghèo: huyện Khánh Vĩnh 45,9%, huyện Khánh Sơn 47,4%, tỷ lệ hộ cận nghèo: huyện Khánh Vĩnh 12,7%, huyện Khánh Sơn 18,9%; cơ sở hạ tầng xã hội còn hạn chế, đời sống nhân dân còn

khó khăn, hàng năm ngân sách địa phương luôn ưu tiên nguồn vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm tỷ lệ hộ nghèo qua từng năm. Tuy nhiên do nguồn lực ngân sách địa phương còn hạn chế, nguồn vốn hỗ trợ chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho hai huyện miền núi vươn lên thoát nghèo và phát triển. Mặt khác, với mục tiêu phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 trở thành đô thị trực thuộc Trung ương nên nguồn lực để phát triển đô thị là rất lớn, tuy nhiên khả năng cân đối hàng năm còn khá hạn chế (khoảng 300 tỷ đồng/năm). Bên cạnh đó, một số chính sách do Trung ương ban hành nhưng chưa cân đối được hoặc chỉ cân đối một phần nguồn kinh phí thực hiện, phần còn lại do địa phương phải tự đảm bảo, dẫn đến áp lực rất lớn cho cân đối ngân sách địa phương hàng năm của tỉnh. Dự kiến trong thời gian tới với yêu cầu phát triển hiện nay sẽ đòi hỏi nhu cầu chi lớn hơn nữa cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Theo quy định hiện hành, tỉnh Khánh Hòa được phân bổ thêm 40% số chi thường xuyên tính theo định mức dân số. Tuy nhiên năm 2022, tỉnh Khánh Hòa tiệm cận với địa phương nhận bổ sung từ ngân sách trung ương nên chưa xác định phân bổ phần tăng thêm này. Trong giai đoạn 2023-2025, trường hợp địa phương được phân bổ thêm 45% định mức theo dân số, dự kiến kinh phí tăng thêm khoảng 750 tỷ đồng/năm sẽ có thêm nguồn lực để địa phương hỗ trợ phát triển cho 02 huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh thoát khỏi diện huyện nghèo 30a, đạt được mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 đã đề ra, tăng tỷ lệ lao động có tay nghề và đầu tư phát triển đô thị với mục tiêu phát triển tỉnh Khánh Hòa trở thành đô thị trực thuộc Trung ương theo tinh thần của Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị. Do đó, việc đề nghị mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước bảo đảm tính tương đồng như các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Thừa Thiên Huế là rất cần thiết.

3.2.3. Cơ chế, chính sách tương đồng của các tỉnh, thành phố:

- **Tỉnh Thừa Thiên Huế:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách nêu trên tại Nghị quyết số 38/2021/QH15 ngày 13/11/2021.

- **Tỉnh Nghệ An:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách nêu trên tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021.

- **Tỉnh Thanh Hóa:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách tương tự tại Nghị quyết số 37/2021/QH15.

3.3. Đánh giá tác động của cơ chế, chính sách

Việc tăng thêm định mức kinh phí sẽ tạo điều kiện để tỉnh Khánh Hòa tập trung đầu tư phát triển kinh tế - xã hội để hỗ trợ phát triển các huyện miền núi; tạo nguồn lực cần thiết nhằm bảo đảm phát triển hài hoà và cân đối giữa các vùng, miền; góp phần giảm chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội giữa thành thị với nông thôn và vùng miền núi, dân tộc; tạo nền tảng để tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 là thành phố trực thuộc Trung ương là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển; là nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc.

Kết quả phân tích định lượng cho thấy, việc áp dụng cơ chế này có thể giúp huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tỉnh Khánh Hòa tăng thêm trung bình 5,1%; tăng trưởng GRDP cao hơn 0,2 điểm % và thu ngân sách địa phương tăng thêm 3,04 % so với kịch bản cơ sở - không áp dụng cơ chế đặc thù. Như vậy, có thể thấy, tác động của chính sách là khá rõ rệt, giúp cải thiện tăng trưởng kinh tế, vốn đầu tư và ngân sách trên địa bàn.

II. Cơ chế, chính sách về phân cấp, ủy quyền để tạo điều kiện thuận lợi trong thực hiện thủ tục quy hoạch, quản lý đất đai

1. Cơ chế, chính sách 1: Phân cấp điều chỉnh quy hoạch

1.1. Nội dung cơ chế, chính sách

Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho UBND tỉnh Khánh Hòa thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

1.2. Sự cần thiết ban hành cơ chế, chính sách

1.2.1. Cơ sở pháp lý, quy định hiện hành

- Theo quy định tại Luật Quy hoạch đô thị, trường hợp quy hoạch đô thị đã được đánh giá đầy đủ mức độ tác động của các điều kiện điều chỉnh quy hoạch đô thị theo quy định tại Điều 47 Luật Quy hoạch đô thị, cơ quan tổ chức lập quy hoạch cần thực hiện điều chỉnh quy hoạch theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 50, Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị.

- Theo quy định tại Điều 50 Luật Quy hoạch đô thị về trình tự tiến hành **điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị** là: Cơ quan có trách nhiệm lập quy hoạch đô thị báo cáo cơ quan thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị để xin chấp nhận về chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận về chủ trương, việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch điều chỉnh tổng thể các quy hoạch đô thị, công bố quy hoạch đô thị đã được điều chỉnh thực hiện theo quy định tại các điều có liên quan của Luật này.

- Theo quy định tại Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị về trình tự tiến hành **điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị** là: Cơ quan có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị lập báo cáo về nội dung và kế hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, tổ chức xin ý kiến cộng đồng dân cư trong khu vực điều chỉnh quy hoạch và các khu vực xung quanh có ảnh hưởng trực tiếp và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét, quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị bằng văn bản trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị.

- Theo quy định tại khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch là: Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị đối với quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương, quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại I, quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại III trở lên và đô thị mới có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới hành chính của hai tỉnh trở lên.

- Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch là: Khu chức năng bao gồm khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao.

- Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch thì: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế, quy hoạch chung xây dựng khu công nghệ cao; quy hoạch chung xây dựng khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao cấp quốc gia.

1.2.2. Cơ sở thực tiễn, lý do đề xuất

Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu đến năm 2030 Khánh Hòa sẽ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là một cực tăng trưởng

trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước. Trong đó: thành phố Nha Trang là đô thị hạt nhân; thành phố Cam Ranh là đô thị du lịch – logistics; huyện Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế; huyện Vạn Ninh trở thành đô thị du lịch biển cao cấp; thị xã Ninh Hòa là đô thị công nghiệp; huyện Diên Khánh là đô thị sinh thái, văn hóa truyền thống; huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh là các tiểu đô thị sinh thái núi rừng; huyện Trường Sa là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước, là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đồng thời, quá trình phát triển kinh tế - xã hội để triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, tỉnh Khánh Hòa kỳ vọng sẽ có những bước phát triển đột phá về hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị, hạ tầng xây dựng khu kinh tế, khu công nghiệp. Do vậy, cần thiết phải điều chỉnh cục bộ các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nhất là các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ (Quy hoạch chung thành phố Nha Trang, Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong,...) nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tiễn này.

Trong khi đó, thời gian thực hiện còn lại (08 năm) là tương đối ngắn trong khi khối lượng công việc để hoàn thành mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 09-NQ/TW là rất lớn. Việc phân cấp thẩm quyền cho UBND tỉnh Khánh Hòa tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chung đô thị theo trình tự thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định sẽ rút ngắn thời gian thực hiện điều chỉnh quy hoạch và góp phần tạo điều kiện thúc đẩy, thu hút một số dự án đầu tư phát triển hạ tầng trọng điểm của tỉnh.

1.2.3. Cơ chế, chính sách tương đồng của các tỉnh, thành phố

- **Thành phố Đà Nẵng:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020.

- **Thành phố Hải Phòng:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021.

- **Tỉnh Nghệ An:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021.

- **Tỉnh Thanh Hóa:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021.

- **Thành phố Cần Thơ:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022.

1.3. Đánh giá tác động của cơ chế, chính sách

Cơ chế, chính sách được cho phép áp dụng sẽ tạo sự chủ động, linh hoạt cho tỉnh Khánh Hòa trong việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị. Giúp tăng cường niềm tin của xã hội, của người dân, nhà đầu tư và cộng đồng doanh nghiệp vào năng lực quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tỉnh Khánh Hòa sẽ chủ động và kịp thời hơn trong công tác quản lý, điều hành, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho phát triển kinh tế - xã hội và hạ tầng đô thị của tỉnh. Góp phần giảm một số bước trong quy trình, thủ tục về trình, thẩm định, phê duyệt. Nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương cũng như trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết công việc.

2. Cơ chế, chính sách 2: Phân cấp thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng

2.1. Nội dung cơ chế, chính sách

1. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha; quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 1.000 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ.

2. Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của chuyển đổi mục đích sử dụng và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa do Thủ tướng Chính phủ quy định.

2.2. Sự cần thiết ban hành cơ chế, chính sách

2.2.1. Cơ sở pháp lý, quy định hiện hành

Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có: “Văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên”.

Khoản 2 Điều 20 Luật Lâm nghiệp quy định: “Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng dưới 50 ha; rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới từ 20 ha đến dưới 50 ha; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển từ 20 ha đến dưới 500 ha; rừng sản xuất từ 50 ha đến dưới 1.000 ha”.

2.2.2. Cơ sở thực tiễn, lý do đề xuất

Thực tế triển khai một số dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nói chung, đặc biệt là các dự án thực hiện trên địa bàn thuộc các huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đưa 02 huyện này trở thành “các tiểu đô thị sinh thái núi rừng” theo mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, cần phải thực hiện trên diện tích đất có rừng và phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện. Tuy nhiên, thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất sang mục đích khác theo quy định thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, do đó địa phương và chủ đầu tư sẽ phải cần nhiều thời gian hơn để hoàn thiện trình tự, thủ tục dẫn đến có thể ảnh hưởng tiến độ của các dự án.

Mặt khác, quá trình thực hiện một số dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là một số dự án triển khai trong Khu Kinh tế Vân Phong có ảnh hưởng đến một số diện tích rừng cần phải chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, địa phương và chủ đầu tư sẽ phải mất nhiều thời gian để hoàn thiện trình tự, thủ tục, ảnh hưởng không nhỏ đến cơ hội, hiệu quả thu hút, thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Theo quy hoạch thành lập Khu kinh tế Vân Phong được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 51/2005/QĐ-TTg ngày 11/3/2005 về việc phê duyệt Quy hoạch Khu kinh tế vịnh Vân Phong, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 với diện tích là 70.000 ha mặt đất và 80.000 ha mặt nước; trong đó, diện tích theo hiện trạng với diện tích đất rừng sản xuất và đất rừng khác chiếm gần 50% diện tích đất Khu kinh tế Vân Phong, nên việc chuyển đổi theo quy hoạch xây dựng các khu chức năng Khu kinh tế trong thời gian tới là rất lớn, phần diện tích chuyển đổi có phương án trồng rừng thay thế theo quy định của Luật Lâm nghiệp.

Hiện do có nhiều nhà đầu tư chiến lược đã tiếp xúc và làm việc với tỉnh Khánh Hòa về nhu cầu đầu tư tại các Khu kinh tế, Khu công nghiệp, khu đô thị mới trên địa bàn tỉnh nên phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sang mục đích khác (Khu công nghiệp Dốc Đá Trắng (300ha), Khu công nghiệp Vạn Thắng

(200ha), Khu công nghiệp Vạn Lương (200ha); Khu trung tâm tổng hợp Hòn Gốm (Khu phi thuế quan) (1.150ha); Khu đô thị và du lịch Tuần Lễ - Hòn Ngang (1.200ha); Khu đô thị Cổ Mã – Tu Bông (2.100ha); Khu du lịch cao cấp Hòn Lớn (1.500ha) Khu du lịch Diệp Sơn (200 ha); Khu đô thị dịch vụ Đông Bắc – Ninh Hòa (616,ha); Khu công nghiệp Ninh Hải (300ha); Khu chức năng công nghiệp Ninh Tĩnh (600ha); Khu đô thị Ninh Đa (300ha); Khu công nghiệp Xuân Sơn (330ha); Khu công nghiệp Ninh Sơn (620ha); Khu công nghiệp Ninh Xuân (1.900ha); Khu công nghiệp Nam Cam Ranh (350ha); Khu công nghiệp Diên Thọ (538ha). Việc phân cấp cho tỉnh Khánh Hòa thẩm quyền phê duyệt nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư, giảm được thời gian thực hiện tiết kiệm được chi phí và nhà đầu tư tranh thủ được nhiều cơ hội, giảm thiểu được rủi ro và sớm đưa dự án vào hoạt động làm tăng hiệu quả kinh tế của dự án.

2.2.3. Cơ chế, chính sách tương đồng của các tỉnh, thành phố

- **Thành phố Hồ Chí Minh:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017.

- **Thành phố Hải Phòng:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021.

- **Tỉnh Nghệ An:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021.

- **Tỉnh Thanh Hóa:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021.

- **Thành phố Cần Thơ:** được Quốc hội cho phép áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022.

2.3. Đánh giá tác động của cơ chế, chính sách

Cơ chế, chính sách được cho phép áp dụng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho chính quyền địa phương chủ động, linh hoạt và phản ứng nhanh với những yêu cầu cấp bách về quản lý, khai thác, sử dụng nguồn lực đất đai, tài nguyên rừng, từ đó nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh trong việc thu hút các dự án đầu tư trên địa bàn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại.

3. Cơ chế, chính sách 3: Thực hiện chuẩn bị thu hồi đất đối với các dự án có vốn ngoài ngân sách nhà nước

3.1. Nội dung cơ chế, chính sách

Cho phép thực hiện chuẩn bị thu hồi đất:

(i) Đối với dự án ngoài ngân sách phù hợp với quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai và có quy mô từ 300ha trở lên, cho phép cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi.

(ii) Hội đồng nhân dân tỉnh được quyết định sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các nội dung quy định điểm (i) khoản này.

3.2. Sự cần thiết ban hành cơ chế, chính sách

3.2.1. Cơ sở pháp lý, quy định hiện hành

Đối với dự án đầu tư có vốn ngoài ngân sách nhà nước phù hợp với quy hoạch được duyệt thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai, việc bồi thường hỗ trợ tái định cư chỉ được thực hiện sau khi đã xác định được nhà đầu tư (thông qua hình thức đấu thầu hoặc chấp thuận nhà đầu tư), việc tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không thể thực hiện được như đối với dự án đầu tư công.

Căn cứ điều 40 Luật đất đai (sửa đổi tại điều 6 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch), nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã thể hiện đầy đủ chỉ tiêu các loại đất, ranh giới dự án được cụ thể hóa trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Việc thực hiện thu hồi đất phải được xây dựng đến kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện (trên cơ sở quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện). Việc thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thực hiện theo Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thì trình tự thủ tục thực hiện do UBND cấp huyện tổ chức lập quy hoạch, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt. Trường hợp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt trước nhưng không phù hợp với quy hoạch tỉnh được phê duyệt sau thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp với quy hoạch cấp cao hơn.

Hiện vấn đề này quy định pháp luật chưa rõ ràng, cụ thể hoặc một số vấn đề chưa có quy định (đối với dự án đầu tư kinh doanh vốn ngoài ngân sách); Công tác thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội được quy định tại Điều 69 Luật Đất đai theo trình tự: Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc,

kiểm đếm; Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3.2.2. Cơ sở thực tiễn, lý do đề xuất

Trong quá trình thực hiện công tác thu hồi đất sẽ phát sinh các trường hợp: nếu người sử dụng đất bị thu hồi không phù hợp trong quá trình thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì phải quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo Điều 70 Luật Đất đai; nếu người có đất bị thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo Điều 71 Luật Đất đai.

Với quy định nêu trên, dự án bị kéo dài thời gian thực hiện, tăng chi phí, phải thực hiện điều chỉnh dự án (nếu có), chậm đưa vào hoạt động, ảnh hưởng nguồn lực của xã hội, không kịp thời chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Để phục hồi và phát triển kinh tế của tỉnh, đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư toàn xã hội, cần thiết phải có các cơ chế đặc thù, linh hoạt nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đưa vào khai thác các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Việc triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thường mất rất nhiều thời gian, nhất là các dự án có quy mô lớn từ 300 ha trở lên. Nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện trước công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi, sẽ rút ngắn được thời gian triển khai dự án sau khi lựa chọn được nhà đầu tư, tạo thêm thời gian, giảm bớt áp lực về tiến độ thực hiện cho các nhà đầu tư trong việc triển khai dự án,... qua đó gián tiếp nâng cao chất lượng công trình, sớm đưa dự án vào hoạt động đối với một số dự án lớn của tỉnh đang kêu gọi đầu tư như Khu đô thị dịch vụ Đông Bắc – Ninh Hòa (616,ha); Khu công nghiệp Ninh Hải (300ha); Khu chức năng công nghiệp Ninh Tịnh (600ha); Khu đô thị Ninh Đa (300ha); Khu công nghiệp Xuân Sơn (330ha); Khu công nghiệp Ninh Sơn (620ha); Khu đô thị sân bay Cam Lâm (7.429ha)....

3.2.3. Cơ chế, chính sách tương đồng của các tỉnh, thành phố

Chưa có. Cơ chế, chính sách xin thí điểm thực hiện tại tỉnh Khánh Hòa.

3.3. Đánh giá tác động của cơ chế, chính sách

Cơ chế, chính sách được áp dụng góp phần làm tăng tính khả thi, tiến độ thực hiện dự án; tăng cơ hội đầu tư của các nhà đầu tư, hiệu quả thu hút đầu tư, vị thế đàm phán của các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, nhất là các dự án đầu tư kinh doanh có nhu cầu xây dựng khẩn trương, tranh thủ cơ hội của thị trường, liên kết chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng.

4. Cơ chế, chính sách 4: Tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công

4.1. Nội dung cơ chế, chính sách

(i) Cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể quyết định tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập (sau đây gọi là dự án giải phóng mặt bằng) khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư và Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng tại quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể.

(ii) Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng căn cứ chủ trương đầu tư dự án tổng thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng trong phạm vi mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm thực hiện dự án tổng thể. Trường hợp điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể trước khi điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng.

(iii) Quyết định đầu tư dự án giải phóng mặt bằng là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước để thực hiện, đồng thời là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất.

(iv) Nội dung nhiệm vụ thực hiện trong dự án giải phóng mặt bằng gồm: công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm; rà phá bom, mìn, vật nổ, di dời công trình hạ tầng kỹ thuật.

4.2. Sự cần thiết ban hành cơ chế, chính sách

4.2.1. Cơ sở pháp lý, quy định hiện hành

Theo quy định của Điều 5 Luật Đầu tư công, trong “Trường hợp thật sự cần thiết tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập, đối với dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội xem xét, quyết định; đối

với dự án nhóm A do Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Việc tách riêng dự án độc lập được thực hiện khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A”.

4.2.2. Cơ sở thực tiễn, lý do đề xuất

Hiện nay, theo Luật Đầu tư công, việc tách hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư thành một dự án độc lập trong quá trình phê duyệt chủ trương đầu tư chưa được áp dụng đối với dự án đầu tư công nhóm B, C. Việc giải phóng mặt bằng được triển khai tại bước thực hiện dự án, sau khi đã hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư). Một số dự án đầu tư công nhóm B của tỉnh giai đoạn 2021-2025 bị vướng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng như: Hồ điều hòa khu vực phía Bắc thành phố Nha Trang; Kè bờ biển thị trấn Vạn Giã (giai đoạn 2); Kè và đường dọc bờ nam sông Cái, đoạn qua xã Diên An, huyện Diên Khánh; Kè và đường ven đầm Thủy Triều (đoạn từ đường Lê Lợi đến đường Yersin), huyện Cam Lâm; Kè Sông Cái (đoạn còn lại qua các xã Vĩnh Trung, Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Phương); Đường Huỳnh Thúc Kháng (từ Quốc lộ 1A qua tuyến Tránh đến đường Võ Nguyên Giáp); Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.652B và ĐT.652D (đoạn từ đường ĐT.652 đến Quốc lộ 26B); Hồ chứa nước Sơn Trung; ... với tổng vốn đầu tư khoảng hơn 7.300 tỷ đồng. Việc không cho phép tách riêng công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập tạo ra một số vướng mắc, hạn chế trong triển khai, cụ thể như sau:

- Chậm triển khai công tác giải phóng mặt bằng đối với các dự án có thể thực hiện giải phóng mặt bằng sớm, làm tăng chi phí bồi thường do cơ quan được giao thực hiện công tác giải phóng mặt bằng tại địa phương chưa có cơ sở tính toán, áp dụng khung giá đền bù.

- Theo quy định hiện hành, việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với dự án đầu tư công chỉ được thực hiện sau khi dự án đã được phê duyệt quyết định đầu tư. Tuy nhiên, khoảng thời gian giữa lúc dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư cho đến khi được phê duyệt quyết định đầu tư thường mất nhiều thời gian do phải trải qua nhiều bước khác nhau. Đồng thời, trong khoảng thời gian này có thể phát sinh những yếu tố làm tăng chi phí bồi thường (địa phương phê duyệt khung giá bồi thường mới, người dân yêu cầu mức bồi thường cao hơn khi biết được có dự án sắp triển khai, trực lợi chính sách...) làm tăng chi phí bồi thường đã được phê duyệt trong tổng mức đầu tư dự án, dẫn đến phải điều chỉnh dự án. Ngoài ra, đối với các dự án có yêu cầu xây dựng khu tái định cư cho người dân,

việc xây dựng khu tái định cư cần triển khai thực hiện như một dự án thông thường (phải thực hiện đầy đủ các bước hoàn thiện thủ tục đầu tư, tuyển chọn tư vấn, đấu thầu...), đồng thời việc di dời người dân chỉ có thể được thực hiện khi đã hoàn thiện khu tái định cư cũng là yếu tố gây kéo dài thời gian thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

Vấn đề này tạo ra “vòng lặp” trong quá trình thực hiện khi dự án vừa được phê duyệt đã phải điều chỉnh, thậm chí điều chỉnh nhiều lần do các nội dung phê duyệt không còn phù hợp với tình hình thực tế. Dự án được phê duyệt nhưng việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng chậm dần tới kéo dài thời gian thực hiện, tăng chi phí, phải thực hiện điều chỉnh dự án, điều chỉnh chủ trương đầu tư và lại gây ảnh hưởng đến công tác giải phóng mặt bằng. Như vậy, công tác giải phóng mặt bằng chậm – dự án tăng chi phí, đội vốn – phải điều chỉnh dự án – lại gây chậm trong công tác giải phóng mặt bằng.

- Đối với dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, việc nhận nguồn vốn vay về khi chưa bảo đảm các điều kiện để thực hiện dự án gây phát sinh các chi phí liên quan đến việc không giải ngân được nguồn vốn vay, gây ảnh hưởng đến uy tín của Việt Nam. Trong một số trường hợp còn ảnh hưởng đến tính khả thi của việc thực hiện dự án khi một số nhà tài trợ nước ngoài yêu cầu dự án phải có mặt bằng sạch trước khi ký kết Hiệp định.

Việc tách công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư không thể giải quyết toàn bộ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư nếu không xử lý được các bất cập của chính của công tác giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, việc tách riêng công tác giải phóng mặt bằng sẽ đạt được một số lợi ích trong thực tế như: (i) Tạo điều kiện triển khai công tác giải phóng mặt bằng ngay sau khi phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án có phạm vi sử dụng đất rõ ràng, thực hiện đồng thời với các bước khác, đẩy nhanh thời gian hoàn thiện dự án, giảm chi phí giải phóng mặt bằng và hạn chế việc phải điều chỉnh dự án; (ii) Tạo điều kiện đẩy nhanh việc xây dựng khu tái định cư, vốn về bản chất là một dự án với đầy đủ các quy trình, thủ tục cần thực hiện như dự án đầu tư xây dựng thông thường nhưng cần được đẩy nhanh để thực hiện trước một bước nhằm tạo điều kiện để triển khai tiếp các bước khác của công tác giải phóng mặt bằng như di dời người dân, thu hồi đất, hỗ trợ...; (iii) Chủ đầu tư xác định rõ về khả năng thực hiện và giải ngân của dự án trong khoảng thời gian nhất định (trung hạn 5 năm hoặc hằng năm), có cơ sở đề xuất nhu cầu vốn chuẩn xác hơn, công tác chuẩn bị thực hiện dự án được chuẩn bị tốt hơn, tránh việc chiếm dụng vốn; (iv) Giúp giảm bớt áp lực về mặt thời gian và

tiến độ thực hiện cho chủ đầu tư, tạo thêm thời gian cho các khâu đấu thầu, xây lắp...qua đó gián tiếp cải thiện, nâng cao chất lượng công trình; (v) Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, tính khả thi của các dự án, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế đối với các dự án ODA có yêu cầu mặt bằng sạch và các cam kết của địa phương trong đóng góp vốn ngân sách nhà nước do mình quản lý trong thực hiện dự án; (vi) Phân định, làm rõ trách nhiệm của từng cấp liên quan trong việc giải phóng mặt bằng của dự án, xác định đúng chủ thể liên quan trong việc áp dụng các chế tài xử lý, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, linh hoạt của các ngành, các cấp.

4.2.3. Cơ chế, chính sách tương đồng của các tỉnh, thành phố:

Chưa có. Cơ chế, chính sách xin thí điểm áp dụng tại tỉnh Khánh Hòa.

4.3. Đánh giá tác động của cơ chế, chính sách

Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện sớm, tạo thêm quỹ thời gian cho công tác xây lắp, giảm áp lực về thời gian bố trí vốn thực hiện dự án cho Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, gián tiếp cải thiện chất lượng công trình, dự án. Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn vay đối với dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, tránh phát sinh các chi phí không cần thiết. Tiến độ dự án được rút ngắn, dự án sớm đi vào hoạt động, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội trong khu vực, đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội

III. Cơ chế, chính sách phát triển khu kinh tế Vân Phong

1. Chính sách 1: Thu hút dự án đầu tư của nhà đầu tư chiến lược

1.1. Nội dung cơ chế, chính sách

1. Thu hút nhà đầu tư chiến lược

(i) Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư có cam kết bằng văn bản về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao; cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, gắn bó lợi ích lâu dài với Khu kinh tế Vân Phong; có dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu kinh tế Vân Phong quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Có vốn điều lệ từ 10.000 tỷ đồng trở lên hoặc có tổng tài sản từ 25.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 2, 3 và 7 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 4 và 6 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 5 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 1 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên.

(ii) Quyền của nhà đầu tư chiến lược:

- Được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên quy định tại Phụ lục của Nghị quyết này trong trường hợp dự án đầu tư chỉ có một nhà đầu tư chiến lược đề xuất hoặc có từ hai nhà đầu tư trở lên mà trong đó có một nhà đầu tư chiến lược đề xuất thực hiện. Trường hợp có hai nhà đầu tư chiến lược trở lên quan tâm đề xuất thực hiện cùng 01 dự án thì việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Được ưu tiên hỗ trợ thủ tục đầu tư kinh doanh và thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Được tham gia trong quá trình lập quy hoạch, xây dựng chính sách áp dụng tại Khu kinh tế Vân Phong.

- Được tổ chức, tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại Khu kinh tế Vân Phong.

(iii) Nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược:

- Tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Nhà đầu tư ứng trước kinh phí cho Nhà nước để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; ứng trước kinh phí cho Nhà nước thực hiện dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư, các công trình khác ngoài hàng rào dự án đầu tư của nhà đầu tư nhưng tối thiểu 200 tỷ đồng trong thời hạn không quá 01 năm kể từ khi dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại mục 2, 3, 6 và 7 của

Phụ lục kèm theo Nghị quyết này. Khoản tiền ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án đầu tư mà nhà đầu tư phải nộp. Mức được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, số tiền còn lại (nếu có) được tính vào vốn đầu tư của dự án.

- Kể từ khi cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, thực hiện giải ngân không quá 05 năm đối với các dự án quy định tại mục 2, 3 và 7; không quá 03 năm đối với các dự án còn lại quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết này.

- Thành lập tổ chức kinh tế tại tỉnh Khánh Hòa để quản lý dự án tại Khu kinh tế Vân Phong.

- Hỗ trợ kinh phí để đào tạo nghề đối với lao động bị ảnh hưởng tại khu vực dự án; ưu tiên tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc tại dự án; thực hiện cam kết về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao (nếu có).

(iv) Các dự án quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này của nhà đầu tư chiến lược được hưởng các ưu đãi đầu tư sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 20 năm liên tục kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo, trừ các dự án đầu tư quy định tại mục 2, 3 và 7 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa 20 năm sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản nhưng không quá một nửa thời hạn sử dụng đất.

- Được hỗ trợ tiền điện trong một thời gian thích hợp theo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh Khánh Hòa.

(v) Nhà đầu tư chiến lược có dự án đầu tư tại Khu Kinh tế Vân Phong thuộc Phụ lục của Nghị quyết này được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Khu Kinh tế Vân Phong trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.

(vi) Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng các điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và các điều kiện khác về nhà đầu tư chiến lược thì Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong điều chỉnh ưu đãi

đầu tư, các chính sách khác đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại Nghị quyết này. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình.

(vii) Căn cứ Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu Kinh tế Vân Phong theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm ban hành danh mục dự án cụ thể và thực hiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại khoản (ii) Điều này và pháp luật có liên quan.

Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu kinh tế Vân Phong:

1. Trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), công nghệ thông tin, nghiên cứu, sản xuất và chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực đại dương, hàng hải, sinh học, dược liệu biển và sinh thái biển có quy mô vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên.

2. Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại – tài chính gắn với cảng biển, dịch vụ hậu cần cảng biển có quy mô vốn đầu tư từ 12.000 tỷ đồng trở lên;

3. Khu đô thị với quy mô theo diện tích đất từ 300 ha trở lên hoặc có quy mô dân số trên 50.000 người; Kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp có quy mô vốn đầu tư từ 25.000 tỷ đồng trở lên;

4. Đầu tư công nghiệp năng lượng sạch, dịch vụ logistics, công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, cơ khí chính xác, điện tử, du lịch chăm sóc sức khỏe có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng.

5. Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không, sân bay; Đầu tư bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.

6. Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu phi thuế quan có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

7. Xây dựng và kinh doanh dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có sân golf có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 30.000 tỷ đồng.

1.2. Sự cần thiết ban hành cơ chế, chính sách

1.2.1. Cơ sở pháp lý, quy định hiện hành

a) Về nhà đầu tư chiến lược

- Theo Điều 4 Luật Chứng khoán “Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm”.

- Theo khoản 3 Điều 6 Nghị 126/2017/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công tư trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần quy định: “Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài có năng lực tài chính, có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về chuyển giao công nghệ mới, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực tài chính, quản trị doanh nghiệp, cung ứng nguyên vật liệu, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm”.

b) Về ưu đãi đối với các dự án ưu tiên

Luật Đất đai 2013 có quy định riêng về Đất sử dụng cho khu kinh tế cơ bản như sau:

“Người sử dụng đất trong khu kinh tế được đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở, kết cấu hạ tầng, được sản xuất, kinh doanh, hoạt động dịch vụ theo quy định và hưởng các ưu đãi liên quan đối với từng loại đất.”

Ngoài ra, theo Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao:

“Điều 8. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước

6. Mức miễn, giảm tiền thuê đất cụ thể như sau:

b) Miễn tiền thuê đất sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này):

- 13 năm đối với dự án không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.

- 17 năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.

c) Nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng trong Khu kinh tế được miễn tiền thuê đất sau thời gian

được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản quy định tại điểm a khoản này, cụ thể như sau:

- 15 năm nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.”

c) Theo Điểm a, Khoản 1, Điều 13 Văn bản hợp nhất Luật Thuế TNDN số 14/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 về Ưu đãi thuế suất: *“Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao”*.

- Hiện nay mức ưu đãi cao nhất theo Khoản 4, Điều 75 Luật Đầu tư 2020 là: *“Đối với các dự án đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Luật Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng miễn thuế tối đa không quá 06 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 13 năm tiếp theo”*.

- Khoản 6, Điều 20 Luật Đầu tư cũng quy định: *“Chính phủ trình Quốc hội quyết định áp dụng các ưu đãi đầu tư khác với ưu đãi đầu tư được quy định tại Luật này và các luật khác trong trường hợp cần khuyến khích phát triển một dự án đầu tư đặc biệt quan trọng hoặc đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt”*.

1.2.2. Cơ sở thực tiễn, lý do đề xuất

- Theo quy định hiện hành, khái niệm nhà đầu tư chiến lược chưa được định nghĩa thống nhất. Để đảm bảo thu hút được các nhà đầu tư coi là nhà đầu tư chiến lược thì cần phải xác định các tiêu chí đủ lớn, đặc biệt về quy mô dự án đầu tư và tiềm lực tài chính của nhà đầu tư, để lựa chọn được nhà đầu tư này tham gia vào hoạt động đầu tư phát triển tại Khu kinh tế Vân Phong, tránh tình trạng thu hút các nhà đầu tư năng lực yếu kém hoặc không đủ năng lực.

- Trong những năm qua, Khu kinh tế (KKT) Vân Phong đã được xác định là vùng động lực phát triển, là một trong ba vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Khánh Hòa. Quá trình phát triển của KKT Vân Phong đã góp phần vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng của tỉnh theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp. Giai đoạn 2016-2020, đóng góp thu ngân sách trên địa bàn Khu kinh tế đạt khoảng 20.950 tỷ đồng, chiếm khoảng 26,6% của tỉnh; giá trị công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 32,9% của tỉnh; giải quyết việc làm cho khoảng trên 6.000 lao động.

Mặc dù vậy, KKT Vân Phong cũng đang đứng trước nhiều thách thức. Khu vực Bắc Vân Phong thuộc KKT Vân Phong là một trong ba khu vực được dự kiến

hình thành đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt trong cả nước. Tuy nhiên, đến nay KKT Vân Phong chưa được nằm trong nhóm các khu kinh tế ven biển được ưu tiên đầu tư, không được hưởng các cơ chế ưu đãi về vốn đầu tư hạ tầng nên nguồn vốn đầu tư hạ tầng từ Trung ương cho KKT Vân Phong thời gian qua rất thấp (giai đoạn từ 2012-2021 khoảng 1.280 tỷ đồng), không đáp ứng được nhu cầu đầu tư hạ tầng thiết yếu tại KKT Vân Phong theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Khu kinh tế cũng chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư tiềm năng để đầu tư các dự án quy mô lớn làm động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế của KKT Vân Phong nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung nếu so sánh với các Khu kinh tế Vân Đồn, Phú Quốc.

Như vậy quy định pháp luật hiện hành về ưu đãi đối với Khu kinh tế không tạo điều kiện để thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào đầu tư và phát triển trong Khu kinh tế Vân Phong. Do đó, khó đáp ứng được mục tiêu đề ra của Nghị Quyết số 09/TW của Bộ Chính trị và không thúc đẩy Vân Phong trở thành một trong những khu vực tạo động lực vượt trội cho phát triển kinh tế tại tỉnh Khánh Hòa. Để thu hút nhà đầu tư chiến lược vào phát triển khu kinh tế Vân Phong cần phải tạo cơ chế, chính sách đặc biệt nhất là thông qua các chính sách ưu đãi về thuế, miễn giảm tiền sử dụng đất. Bên cạnh những ưu đãi về thuế cần phải có cơ chế cải cách thủ tục hành chính trong việc chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư chiến lược. Việc cải cách thủ tục này phải bảo đảm nhà đầu tư chiến lược được tiếp cận dự án và thực hiện tiến độ giải ngân nhanh, tránh tình trạng vướng mắc trong khâu lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

Trên cơ sở đó, để thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là của khu vực kinh tế tư nhân để thực hiện các nhiệm vụ phát triển Khu kinh tế Vân Phong trở thành động lực phát triển kinh tế của tỉnh Khánh Hòa và khu vực Nam Trung Bộ theo đúng tinh thần tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, cần thiết phải có các cơ chế ưu đãi vượt trội nhằm thu hút được sự tham gia của các nhà đầu tư chiến lược để tạo hiệu ứng lan tỏa, thu hút các nhà đầu tư hỗ trợ tạo thành hệ sinh thái phát triển, giúp khai thác tối đa tiềm năng phát triển của KKT Vân Phong.

1.2.3. Cơ chế, chính sách tương đồng của các tỉnh, thành phố:

Chưa có. Cơ chế, chính sách xin thí điểm áp dụng tại tỉnh Khánh Hòa.

1.3. Đánh giá tác động của cơ chế, chính sách

- Các điều kiện đối với nhà đầu tư chiến lược về vốn điều lệ và kinh nghiệm đầu tư các dự án tổng vốn đầu tư lớn đối với từng loại dự án quy định sẽ giúp sàng lọc nhanh chóng các doanh nghiệp có năng lực tài chính, kinh nghiệm quản trị để đầu tư vào các dự án được ưu tiên thu hút đầu tư vào KKT Vân Phong, tạo hiệu ứng “mỏ neo” giúp thu hút nhiều nhà đầu tư khác tham gia đầu tư, tạo đột phá trong quá trình phát triển KKT Vân Phong nói riêng và cho tỉnh Khánh Hòa nói chung.

- Nhà đầu tư chiến lược được lựa chọn để thực hiện dự án ưu tiên thu hút đầu tư tại KKT Vân Phong và được ưu tiên hỗ trợ thực hiện các thủ tục có liên quan đến dự án sẽ rút ngắn thời gian lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành, giúp đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án, mang lại hiệu quả kinh tế nhanh cho tỉnh Khánh Hòa nói chung và KKT Vân Phong nói riêng (như việc đóng góp ngân sách Nhà nước, giải quyết việc làm, chuyển giao công nghệ...). Việc khuyến khích nhà đầu tư chiến lược tham gia lập, điều chỉnh quy hoạch, xây dựng cơ chế chính sách; tổ chức, tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại KKT Vân Phong là phù hợp với thực tế phát triển nhằm đảm bảo tính khả thi khi triển khai và phát huy được sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp. Điều này cho thấy thiện chí, cam kết lâu dài của chính quyền trong công tác kêu gọi, thu hút và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư lớn. Đồng thời, tăng tính trách nhiệm, sự chia sẻ của cộng đồng doanh nghiệp.

- Bên cạnh những quyền lợi và ưu đãi đầu tư được hưởng, việc gắn trách nhiệm, nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược với thời hạn giải ngân vốn (trong vòng 3-5 năm kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư) và các nghĩa vụ như thành lập tổ chức kinh tế tại tỉnh Khánh Hòa để đóng góp vào nguồn thu thuế của tỉnh, hỗ trợ kinh phí cho ngân sách nhà nước để đầu tư công trình hạ tầng thiết yếu tại khu kinh tế, đào tạo nghề, cam kết chuyển giao công nghệ, ... sẽ giúp đẩy nhanh quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng, tăng tỷ lệ sử dụng lao động địa phương, giúp nền kinh tế của địa phương phát triển nhanh chóng.

- Chính sách ưu đãi thuế, tiền thuê đất vượt trội đối với nhà đầu tư chiến lược thực hiện các dự án lớn ưu tiên phát triển trong KKT Vân Phong sẽ đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, thương mại, du lịch, giúp nâng cao giá trị gia tăng các ngành công nghiệp - dịch vụ, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Do thời gian đầu hoạt động của các dự án lớn thường chưa có lợi nhuận, việc miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền thuê mặt đất cho các dự án vừa là cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, vừa không ảnh hưởng nhiều đến nguồn thu ngân sách.

- Trong cơ cấu nguồn thu theo Luật Ngân sách nhà nước và tỷ lệ điều tiết được áp dụng với tỉnh Khánh Hòa, các khoản thuế được đề xuất mức ưu đãi chủ yếu có tác động tới ngân sách của địa phương, không làm ảnh hưởng đáng kể đến nguồn thu ngân sách trung ương. Việc đề xuất mức ưu đãi cũng phù hợp với nguyên tắc tự chủ của ngân sách địa phương trong xây dựng kế hoạch và thực hiện các hoạt động ngân sách nhà nước.

- Mức thuế suất giảm theo đề xuất chính sách nói trên sẽ góp phần thu hút các dự án đầu tư có hiệu quả và mang lại nhiều hiệu ứng tích cực:

+ Thu hút nguồn vốn đầu tư tập trung xây dựng hạ tầng kỹ thuật, kết nối các hoạt động kinh tế - tài chính ở phạm vi vượt ra khỏi biên giới quốc gia, tạo thành động lực cho phát triển bền vững kinh tế của địa phương, nhất là Khu kinh tế Vân Phong;

+ Trong dài hạn, nguồn thu thuế cũng như các nguồn lợi kinh tế khác gia tăng, đảm bảo vị thế của Khánh Hòa là một địa phương có khả năng tự cân đối thu chi, đóng góp ngày càng tăng vào ngân sách trung ương;

+ Các hoạt động kinh tế nói chung được kích thích bởi các hoạt động đầu tư mới, đặc biệt là khu vực tư nhân, làm giảm áp lực đối với ngân sách nhà nước ở địa phương cũng như ngân sách trung ương.

+ Ngoài các cơ sở hạ tầng được nâng cấp, các dịch vụ được định hướng là mũi nhọn phát triển kinh tế của địa phương sẽ thu hút dòng vốn, đặc biệt là dòng vốn quốc tế, đảm bảo cho nền kinh tế hiện đại.

- Việc nhanh chóng lựa chọn nhà đầu tư chiến lược sẽ thu hút các dự án đầu tư quy mô lớn, có sức lan tỏa, tạo động lực cho nền kinh tế từ đó tác động lan tỏa thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng, tạo việc làm cho người lao động, thúc đẩy xã hội phát triển. Với phương thức quản lý của các nhà đầu tư lớn, các hệ thống tiêu chuẩn quốc tế (ISO) về quản lý môi trường, an toàn xã hội, quản lý chất lượng sẽ được áp dụng; nâng cao ý thức nâng cao trách nhiệm xã hội, trách nhiệm với cộng đồng.

2. Chính sách 2: Bán hàng miễn thuế cho khách du lịch tại khu phi thuế quan

2.1. Nội dung cơ chế, chính sách

(i) Khách du lịch là người nước ngoài được mua hàng miễn thuế tại khu phi thuế quan bằng hai lần định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh cho từng lần nhập cảnh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu,

thuế nhập khẩu. Một người được mua một lần trong 01 ngày và không quá 04 lần trong 30 ngày liên tục.

(ii) Hàng mua miễn thuế theo quy định tại điểm (i) nêu trên được nhận ở khu cách ly đối với khách du lịch bằng máy bay, tàu biển; trường hợp rời Khu phi thuế quan bằng đường bộ thì nhận hàng tại địa điểm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2.2. Sự cần thiết ban hành cơ chế, chính sách

2.2.1. Cơ sở pháp lý, quy định hiện hành

a) Khoản 1 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

“Điều 16. Miễn thuế

1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam trong định mức phù hợp với điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; hàng hóa trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế của người xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế.”

b) Khoản 1 Điều 6 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ:

“Điều 6. Miễn thuế đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh

1. Người nhập cảnh bằng hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu (trừ giấy thông hành dùng cho việc xuất cảnh, nhập cảnh), do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp, có hành lý mang theo người, hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyến đi được miễn thuế nhập khẩu cho từng lần nhập cảnh theo định mức như sau:

a) Rượu từ 20 độ trở lên: 1,5 lít hoặc rượu dưới 20 độ: 2,0 lít hoặc đồ uống có cồn, bia: 3,0 lít.

Đối với rượu, nếu người nhập cảnh mang nguyên chai, bình, lọ, can (sau đây viết tắt là chai) có dung tích lớn hơn dung tích quy định nhưng không vượt quá 01 lít thì được miễn thuế cả chai. Trường hợp vượt quá 01 lít thì phần vượt định mức phải nộp thuế theo quy định của pháp luật;

b) Thuốc lá điếu: 200 điếu hoặc thuốc lá sợi: 250 gam hoặc xì gà: 20 điếu;

c) Đồ dùng cá nhân với số lượng, chủng loại phù hợp với mục đích chuyến đi;

d) Các vật phẩm khác ngoài hàng hóa quy định tại các điểm a, b, và c khoản này (không nằm trong Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu hoặc nhập khẩu có điều kiện) có tổng trị giá hải quan không quá 10.000.000 đồng Việt Nam;

Trường hợp vượt định mức phải nộp thuế, người nhập cảnh được chọn vật phẩm để miễn thuế trong trường hợp hành lý mang theo gồm nhiều vật phẩm.”

c) Điều 3 Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế:

“Điều 3. Đối tượng và điều kiện mua hàng miễn thuế

1. Người xuất cảnh, quá cảnh sau khi hoàn thành thủ tục xuất cảnh, quá cảnh, hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam hoặc người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế.

a) Người xuất cảnh, quá cảnh qua các cửa khẩu đường bộ quốc tế; cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế, cửa khẩu cảng biển loại 1, cửa khẩu cảng hàng không dân dụng quốc tế được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế nằm trong khu vực cách ly;

b) Người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa. Hàng hoá miễn thuế được nhận tại quầy nhận hàng trong khu cách ly tại cửa khẩu quốc tế nơi hành khách xuất cảnh;

c) Khách du lịch là người nước ngoài theo đoàn bằng đường biển, có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế được mua hàng miễn thuế tại cửa khẩu cảng biển loại 1, cửa hàng miễn thuế trong nội địa. Trường hợp mua hàng miễn thuế trong nội địa thì khách du lịch được nhận hàng tại quầy nhận hàng trong khu cách ly tại cửa khẩu cảng biển loại 1 nơi khách du lịch xuất cảnh;

d) Ngoài địa điểm nhận hàng quy định tại khoản này, khách mua hàng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này (trừ khách mua hàng trên chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam) được nhận hàng ở nước ngoài.

2. Hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam được mua hàng miễn thuế trên tàu bay xuất cảnh. Hành khách trên các chuyến bay quốc tế đến Việt Nam được mua hàng miễn thuế trên tàu bay đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam.

3. Người nhập cảnh được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế đặt tại khu vực hạn chế của cảng hàng không dân dụng quốc tế ngay sau khi hoàn thành

thủ tục nhập cảnh, không được mua hàng miễn thuế sau khi đã ra khỏi khu vực hạn chế tại cảng hàng không dân dụng quốc tế.

4. Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa. Khi mua hàng miễn thuế cho tổ chức phải xuất trình sổ định mức hàng miễn thuế. Khi mua hàng miễn thuế cho cá nhân phải xuất trình sổ định mức hàng miễn thuế kèm chứng minh thư do Bộ Ngoại giao cấp hoặc hộ chiếu.

5. Đối tượng mua hàng là thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế (bao gồm tàu biển có quốc tịch nước ngoài và tàu biển có quốc tịch Việt Nam chạy tuyến quốc tế) được mua hàng miễn thuế tại cảng biển loại 1, cửa hàng miễn thuế trong nội địa phục vụ cho nhu cầu cá nhân, nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên để sử dụng trên tàu trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam và để sử dụng trên tàu ngoài lãnh hải Việt Nam sau khi tàu xuất cảnh.

a) Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân thuyền viên phải xuất trình hộ chiếu hoặc thẻ đi bờ của thuyền viên;

b) Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam, thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu có đơn đặt hàng kèm theo danh sách thuyền viên có thông tin về số hộ chiếu của từng thuyền viên, trên đơn phải ghi rõ thông tin về số hiệu tàu, ngày tàu nhập cảnh;

c) Trường hợp hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu của thuyền viên cho hành trình tiếp theo ngoài lãnh hải Việt Nam, thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu có đơn đặt hàng, trên đơn đặt hàng phải ghi rõ thông tin về số hiệu tàu, ngày tàu nhập cảnh, kèm theo danh sách thuyền viên có thông tin số hộ chiếu của từng thuyền viên. Hàng hóa phải được đưa vào kho chứa của tàu để cơ quan hải quan nơi tàu xuất cảnh niêm phong, xác nhận, giám sát cho đến khi tàu xuất cảnh.”

2.2.2. Cơ sở thực tiễn, lý do đề xuất

Để đẩy mạnh thu hút khách du lịch tới tỉnh Khánh Hòa nói chung và Khu kinh tế Vân Phong cần có chính sách bán hàng miễn thuế cho khách du lịch tại khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế. Chính sách này cũng sẽ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao giá trị gia tăng các ngành dịch vụ, du lịch, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, thương mại, du lịch, thu hút nguồn lao động có chất lượng cao đến làm việc tại Khu kinh tế Vân Phong.

2.2.3. Cơ chế, chính sách tương đồng của các tỉnh, thành phố:

Chưa có. Cơ chế, chính sách xin thí điểm áp dụng tại tỉnh Khánh Hòa.

2.3. Đánh giá tác động của cơ chế, chính sách

Thúc đẩy phát triển du lịch, tạo việc làm, tăng trưởng kinh tế địa phương; tăng được nguồn thu ngoại tệ; hạn chế “chảy máu ngoại tệ”. Đáp ứng được nhu cầu mua sắm của khách du lịch nước ngoài, trong nước và người dân địa phương.

3. Chính sách 3: Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại khu vực Bắc Vân Phong không phải dành một phần diện tích đất để xây dựng nhà ở xã hội. UBND tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội tương ứng ở vị trí phù hợp tại Khu kinh tế Vân Phong.

3.1. Nội dung cơ chế, chính sách

Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại khu vực Bắc Vân Phong không phải dành một phần diện tích đất để xây dựng nhà ở xã hội. UBND tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội tương ứng ở vị trí phù hợp tại Khu kinh tế Vân Phong.

3.2. Sự cần thiết ban hành cơ chế, chính sách

3.2.1. Cơ sở pháp lý, quy định hiện hành

Khoản 2 Điều 16 Luật Nhà ở 2014 quy định “Tại các đô thị loại đặc biệt, loại 1, loại 2 và loại 3 thì chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của Chính phủ. Đối với các loại đô thị còn lại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương để yêu cầu chủ đầu tư phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội”.

3.2.2. Cơ sở thực tiễn, lý do đề xuất

Theo nội dung Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị thì huyện Vạn Ninh (khu vực phía Bắc Khu kinh tế Vân Phong) được định hướng trở thành khu đô thị du lịch biển cao cấp. Vì vậy, để tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư dự án khu đô thị cao cấp tại khu vực Bắc Vân Phong phù hợp với định hướng của Nghị quyết số 09-NQ/TW, phần diện tích bố trí quy hoạch phát triển nhà ở xã hội đối với các dự án khu đô thị cần thiết phải bố trí ở khu vực khác để phù hợp với định hướng phát triển chung.

Quá trình áp dụng Luật Nhà ở 2014 cho thấy, nhiều vấn đề bất cập đã phát sinh, được phản hồi từ nhiều chuyên gia và được Bộ Xây dựng tiếp thu trong quá

trình rà soát, sửa đổi Luật Nhà ở nằm trong kế hoạch xây dựng luật của năm 2022-2023, cụ thể:

+ Quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội chưa có sự phân định rõ ràng trên khía cạnh nhu cầu và khả năng của người sử dụng, dẫn đến những tác động mang tính cào bằng không phù hợp. Đối tượng sử dụng đất hoàn toàn khác nhau đối với nhà ở thương mại và nhà ở xã hội. Đối với nhà ở xã hội, mục tiêu của phân khúc thị trường này là giành cho những người có thu nhập thấp, khả năng thanh toán cho cả những nhu cầu sử dụng hạ tầng xã hội và các tiện ích là không lớn. Do vậy, quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội phải có đặc điểm là giá trị thấp nhất có thể, thậm chí không phải nộp tiền sử dụng đất và chênh lệch giá đất thực tế trước và sau khi thực hiện dự án nhà ở xã hội cũng thấp nhất để hạn chế biến tướng dự án nhà ở xã hội thành nhà ở thương mại hoặc sai đối tượng sử dụng.

+ Trong vai trò chủ đầu tư khi phát triển dự án nhà ở thương mại, khu đô thị trung, cao cấp, không gian, kiến trúc, cảnh quan cần được bố trí, thiết kế phù hợp với nhóm đối tượng khách hàng hướng tới. Quy định buộc dành 20% diện tích đất trong dự án nhà ở thương mại để xây dựng nhà ở xã hội khiến cảnh quan, kiến trúc, không gian chung của dự án khó có khả năng đồng bộ, ngoài ra khắp khiếm trong giai đoạn quản lý vận hành.

+ Với người mua nhà ở xã hội, khi ở dự án nhà ở thương mại là khu vực đô thị phân khúc cao hơn nhu cầu, vô hình trung gây ra khó khăn về thuế, phí dịch vụ trở thành gánh nặng.

Đối với định hướng phát triển huyện Vạn Ninh (khu vực phía Bắc của KKT Vân Phong) trở thành khu đô thị du lịch biển cao cấp thì nhu cầu về không gian kiến trúc đồng bộ, hiện đại là ưu tiên cần được đáp ứng. Việc bố trí quỹ đất để xây dựng Nhà ở xã hội hoàn toàn là không phù hợp, có thể làm ảnh hưởng đến kiến trúc, cảnh quan và các khu chức năng khác tại khu vực này. Do đó, trên cơ sở không làm thay đổi những chỉ tiêu quy hoạch trong phạm vi của tỉnh, việc đề xuất các khu vực khác trong KKT Vân Phong để tạo lập quỹ đất phát triển nhà ở xã hội là phù hợp và vẫn đảm bảo những yêu cầu cốt lõi của Luật Nhà ở trong vấn đề này, đồng thời tạo cơ sở chính sách nền tảng cho bước phát triển đột phá của địa phương.

3.2.3. Cơ chế, chính sách tương đồng của các tỉnh, thành phố:

Chưa có. Cơ chế, chính sách xin thí điểm áp dụng tại tỉnh Khánh Hòa.

3.3. Đánh giá tác động của cơ chế, chính sách

Tạo động lực thu hút các doanh nghiệp đầu tư dự án nhà ở thương mại đúng với định hướng phát triển trở thành đô thị du lịch biển cao cấp của huyện Vạn Ninh.

4. Chính sách 4: Quy định về miễn thị thực tại khu vực Bắc Vân Phong

4.1. Nội dung cơ chế, chính sách

(i) Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong được miễn thị thực với thời gian tạm trú tại khu vực Bắc Vân Phong không quá 60 ngày nếu hộ chiếu còn thời hạn sử dụng ít nhất 90 ngày; trường hợp có nhu cầu đến các địa phương khác ngoài khu vực Bắc Vân Phong thì phải được cơ quan kiểm soát xuất nhập cảnh cấp thị thực theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

(ii) Người nước ngoài nhập cảnh vào khu vực Bắc Vân Phong được tạm trú không quá 60 ngày tại khu vực Bắc Vân Phong trong các trường hợp sau đây:

- Thuộc diện miễn thị thực theo điều ước quốc tế mà thời hạn tạm trú dưới 60 ngày;

- Sử dụng thị thực, thẻ tạm trú, giấy miễn thị thực, thẻ doanh nhân APEC còn thời hạn dưới 60 ngày.

(iii) Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong thuộc diện phải có thị thực nhưng không thuộc Danh sách các nước có công dân được thí điểm cấp thị thực điện tử có thể được cấp thị thực điện tử theo quy định của Chính phủ.

4.2. Sự cần thiết ban hành cơ chế, chính sách

4.2.1. Cơ sở pháp lý, quy định hiện hành

Theo quy định Điều 12 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 ngày 16/6/2014 và Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14 ngày 25/11/2019; các trường hợp được miễn thị thực: “1. Theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; 2. Sử dụng thẻ thường trú, thẻ tạm trú theo quy định của Luật này; 3. Vào khu kinh tế cửa khẩu, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; 3a. Vào khu kinh tế ven biển do Chính phủ quyết định khi đáp ứng đủ các điều kiện: có sân bay quốc tế, có không gian riêng biệt, có ranh giới địa lý xác định, cách biệt với đất liền, phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội và không làm phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam; 4. Theo quy định tại Điều 13 của Luật này; 5.

Người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp và người nước ngoài là vợ, chồng, con của họ; người nước ngoài là vợ, chồng, con của công dân Việt Nam được miễn thị thực theo quy định của Chính phủ.”

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019), chứng nhận tạm trú: “1. Người nước ngoài nhập cảnh không có thẻ thường trú, thẻ tạm trú còn giá trị sử dụng thì được cấp chứng nhận tạm trú tại cửa khẩu với thời hạn như sau: a) Thời hạn tạm trú cấp bằng thời hạn thị thực; trường hợp thị thực có ký hiệu DL thời hạn trên 30 ngày thì cấp tạm trú 30 ngày và được xem xét gia hạn tạm trú theo quy định tại Điều 35 của Luật này; b) Đối với người được miễn thị thực theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì thời hạn tạm trú cấp theo quy định của điều ước quốc tế, nếu điều ước quốc tế không quy định thời hạn tạm trú thì cấp tạm trú 30 ngày; c) Đối với công dân của nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực thì cấp tạm trú 15 ngày, nếu vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt hoặc khu kinh tế ven biển quy định tại khoản 3a Điều 12 của Luật này thì cấp tạm trú theo quy định tại điểm d khoản này; d) Đối với người không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này vào khu kinh tế cửa khẩu thì cấp tạm trú 15 ngày, vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt hoặc khu kinh tế ven biển quy định tại khoản 3a Điều 12 của Luật này thì cấp tạm trú 30 ngày.”

Theo quy định tại Điều 19a Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung năm 2019): “Điều 19a. Các nước có công dân được cấp thị thực điện tử và các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử. 1. Việc cấp thị thực điện tử áp dụng với công dân của nước có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này. 2. Chính phủ quyết định danh sách các nước có công dân được cấp thị thực điện tử; danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử.”

4.2.2. Cơ sở thực tiễn, lý do đề xuất

Hiện nay chưa có quy định về việc miễn thị thực đối với người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong do chưa đáp ứng được các điều kiện theo quy định như có sân bay quốc tế, có không gian riêng biệt, có ranh giới địa lý xác định, cách biệt với đất liền để được Chính phủ quyết định cho phép áp dụng chính sách miễn thị thực cho người nước ngoài nhập cảnh theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh,

quá cảnh, của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2019. Dự kiến trong thời gian tới, Khu kinh tế Vân Phong sẽ có sân bay chuyên dùng (sử dụng cho các chuyến bay charter và thủy phi cơ, trực thăng), đồng thời UBND tỉnh Khánh Hòa sẽ phối hợp cùng với các cơ quan chức năng để xác định, khu trú những khu vực có ranh giới địa lý xác định trong Khu kinh tế Vân Phong, bảo đảm an ninh, an toàn và việc thực hiện đúng chủ trương, chính sách theo quy định pháp luật. Hiện nay, Khu kinh tế Phú Quốc đã được Chính phủ ban hành Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 25/5/2020 cho phép áp dụng chính sách miễn thị thực cho người nước ngoài vào Khu kinh tế Phú Quốc theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2019. Đồng thời, theo tại Khoản 1 Điều 31 Luật Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019), người nước ngoài nhập cảnh vào khu kinh tế ven biển do Chính phủ quyết định được miễn thị thực với thời gian tạm trú 30 ngày, hiện nay Khu kinh tế Phú Quốc được áp dụng chính sách miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 30 ngày (Quyết định số 80/2013/QĐ-TTg ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang).

Để tăng sức hút, tính cạnh tranh của khu vực Bắc Vân Phong, chính sách quy định việc miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 60 ngày (cao hơn thời gian quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh và được thực hiện thí điểm trong thời gian 5 năm), cấp thị thực điện tử đối với người nước ngoài vào khu vực Bắc Vân Phong là một trong những chính sách đặc thù cần được ban hành, tạo điều kiện thuận lợi thu hút khách du lịch nước ngoài, các nhà đầu tư, nhà quản lý, chuyên gia người nước ngoài khi nhập cảnh vào khu vực Bắc Vân Phong để du lịch, làm việc, từ đó giúp tăng nguồn thu, thu hút đầu tư, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tại Khu kinh tế Vân Phong, góp phần phát triển kinh tế tại địa phương.

4.2.3. Cơ chế, chính sách tương đồng của các tỉnh, thành phố:

Chưa có. Cơ chế, chính sách xin thí điểm áp dụng tại tỉnh Khánh Hòa.

4.3. Đánh giá tác động của cơ chế, chính sách

Việc miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 60 ngày tạo điều kiện cho khách du lịch, nhà đầu tư, nhà quản lý, chuyên gia người nước ngoài vào du lịch, làm việc tại khu vực Bắc Vân Phong đảm bảo quyền cư trú theo quy định pháp luật Việt Nam; hạn chế số lần xin, gia hạn thị thực làm giảm thời gian và chi phí gia hạn, xin cấp thị thực và thu hút khách du lịch cũng như nhà đầu tư, nhà quản lý,

chuyên gia người nước ngoài, đặc biệt là với các khách du lịch đến từ các nước Châu Âu với thói quen du lịch dài ngày và mức chi tiêu cao; giúp tăng thêm nguồn thu cho tỉnh, KKT Vân Phong.

Chính sách này góp phần làm đơn giản hóa thủ tục nhập cảnh đang là xu hướng chung trên thế giới. Việc thực hiện cấp visa điện tử cho người nước ngoài không nằm ngoài xu thế chung của thế giới, giúp thu hút lượng lớn khách du lịch đến khu vực Bắc Vân Phong, tăng doanh thu và các dịch vụ du lịch khác cũng có cơ hội phát triển hơn. Chính sách xuất nhập cảnh, đi lại và tạm trú nhanh chóng và thông thoáng còn giúp thu hút các công ty du lịch có quy mô và tầm cỡ trên thế giới, kéo theo phát triển các mô hình du lịch mới và cao cấp tại khu vực Bắc Vân Phong. Chính sách miễn thị thực mặc dù làm giảm 1 phần thu ngân sách nhà nước về phí cấp thị thực, tuy nhiên khoản phí miễn thị thực này sẽ được bù đắp bằng nguồn thu ngân sách từ hoạt động đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh của các dự án có vốn đầu tư nước ngoài có sử dụng lao động người nước ngoài (nộp ngân sách của các dự án đầu tư nước ngoài đang xây dựng, hoạt động kinh doanh tại KKT Vân Phong trong năm 2021 đạt 45,11 triệu USD).

5. Chính sách 5: Chính sách phân cấp, ủy quyền tại Khu kinh tế Vân Phong

5.1. Nội dung cơ chế, chính sách

- Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và gửi quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo dõi, giám sát.

- Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện các nội dung về chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (gồm cả doanh nghiệp và nhà thầu); cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động; xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định tại Bộ luật Lao động đối với các doanh nghiệp và nhà thầu, dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong.

5.2. Sự cần thiết ban hành cơ chế, chính sách

5.2.1. Cơ sở pháp lý, quy định hiện hành

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư

Theo quy định tại Điểm b, d Khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội, dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. Theo quy định tại Điều 35 Luật Đầu tư và Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ, thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ là 47 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, thực hiện thẩm định và trình Thủ Tướng phê duyệt theo quy định.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 33 Luật Đầu tư, thành phần hồ sơ, nội dung cần thẩm định để chấp thuận chủ trương thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh là giống nhau. Theo quy định tại Điều 36 Luật Đầu tư, thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh là 32 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Cơ quan đăng ký đầu tư (Ban Quản lý Khu kinh tế) là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan và thực hiện thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.

Như vậy, việc thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I nếu áp dụng ở quy trình thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ hay thẩm quyền UBND tỉnh cũng đều phải thực hiện lấy ý kiến các cơ quan liên quan (ý kiến cơ quan địa phương và bộ ngành trong khoảng thời gian 15 ngày) và triển khai thẩm định theo các nội dung yêu cầu giống nhau. Do đó, trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sẽ tốn rất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến việc triển khai dự án của nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra, theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 34 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội thì việc phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, đối với các dự án cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng

thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I đã phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, việc phân cấp, ủy quyền cho UBND tỉnh Khánh Hòa chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án này là cần thiết để giảm thời gian thực hiện các thủ tục, giúp đẩy nhanh tiến độ đưa dự án đi vào hoạt động.

- Về thẩm quyền đối với vấn đề môi trường:

Luật Bảo vệ môi trường 2020 quy định thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường về thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư được quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 41; thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư được quy định tại khoản 3 Điều 35 và khoản 3 Điều 41.

Theo Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ Nhiệm vụ thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện từ năm 2008 theo Quyết định số 2169/QĐ-UBND ngày 29/8/2008 và Quyết định số 622/QĐ-UBND ngày 14/3/2014. Tính đến thời điểm ngày 30/6/2019, Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong đã tổ chức thẩm định và phê duyệt 95 báo cáo đánh giá tác động môi trường. Công tác thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện đúng thủ tục, nội dung đảm bảo chất lượng, 100% hồ sơ được thực hiện trả kết quả sớm hoặc đúng thời hạn quy định của pháp luật.

Kể từ ngày 01/7/2019, Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong đã tạm ngừng tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định đánh giá tác động môi trường. Nguyên nhân là do Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ đã bỏ nội dung ủy quyền thẩm định cho các Ban Quản lý thực hiện nhiệm vụ trên.

- Về sử dụng lao động nước ngoài:

Hiện nay theo quy định Bộ Luật Lao động, Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; các thủ tục về chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài; cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động; xác nhận người

lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động chưa được phân cấp cho Ban Quản lý KKT, KCN thực hiện quản lý nhà nước về lao động nước ngoài trong KKT, KCN mà được thực hiện dưới hình thức ủy quyền.

Đối với nội dung chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài của doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định 152/2020/NĐ-CP thuộc thẩm quyền chấp thuận của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thời gian giải quyết thủ tục chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài của doanh nghiệp là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

4.2.2. Cơ sở thực tiễn, lý do đề xuất

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư:

Tăng cường phân cấp, đảm bảo sự chủ động, gắn trách nhiệm của chính quyền địa phương và rút ngắn thời gian thực hiện so với thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ tại quy định hiện hành. Giao thẩm quyền cho chính quyền địa phương, tạo điều kiện cho chính quyền địa phương trong việc chủ động, giải quyết để thu hút các dự án đầu tư xây dựng cảng hàng không, sân bay; cảng biển có quy mô lớn để thúc đẩy phát triển kinh tế cho KKT Vân Phong nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung.

- Về thẩm quyền đối với vấn đề môi trường:

Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong đã có bộ máy chuyên môn về bảo vệ môi trường, có nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo đúng chuyên ngành và Ban đã có kinh nghiệm triển khai tốt các nhiệm vụ thẩm định đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong trong thời gian vừa qua. Do vậy, để đảm bảo giải quyết nhanh chóng các thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa, tại chỗ”, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư kinh doanh trong Khu kinh tế Vân Phong theo đúng tinh thần tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước để Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tiếp tục được phân cấp, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo đúng quy định pháp luật.

- Về sử dụng lao động nước ngoài:

Đối với nội dung chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài của nhà thầu theo quy định tại Nghị định 152/2020/NĐ-CP thuộc thẩm quyền chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thời gian giải quyết tối đa 02 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên và tối đa 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người lao động Việt Nam và 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 người lao động Việt Nam. Nhiệm vụ này chưa được ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện. Hiện nay các nhà thầu thực hiện dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong (dự án đã được Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong cấp Giấy chứng nhận đầu tư) thực hiện thủ tục đăng ký nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội là cơ quan tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh thực hiện thủ tục. Việc chưa phân cấp, ủy quyền đầy đủ cho Ban Quản lý KKT, KCN các nhiệm vụ trên ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về lao động tại KKT, KCN chưa được thống nhất, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tại KKT, KCN khi thực hiện các thủ tục liên quan.

4.2.3. Cơ chế, chính sách tương đồng của các tỉnh, thành phố:

Chưa có. Cơ chế, chính sách xin thí điểm áp dụng tại tỉnh Khánh Hòa.

4.3. Đánh giá tác động của cơ chế, chính sách

- Việc phân cấp cho UBND tỉnh thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính, nhà đầu tư tranh thủ được nhiều cơ hội và sớm hoàn thành các thủ tục đưa dự án đi vào hoạt động, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế của KKT Vân Phong cũng như của tỉnh Khánh Hòa.

Việc phân cấp cho Ban Quản lý KKT thẩm quyền thực hiện về thẩm định tác động môi trường và cấp phép môi trường sẽ rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục môi trường, giảm được thời gian, nhà đầu tư tranh thủ được nhiều cơ hội và sớm đưa dự án vào hoạt động làm tăng hiệu quả kinh tế của dự án; đồng thời góp phần rút ngắn thời gian hoàn thành các mục tiêu phát triển theo Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đối với Khu kinh tế Vân Phong và tỉnh Khánh Hòa.

Việc phân cấp cho Ban Quản lý KKT thẩm quyền liên quan đến sử dụng lao động nước ngoài sẽ rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính, nhà đầu tư tranh thủ được nhiều cơ hội và sớm hoàn thành các thủ tục cho các nhà quản lý, chuyên gia nước ngoài tham gia làm việc tại dự án, góp phần cho dự án, doanh nghiệp hoạt động hiệu quả. Thời gian thực hiện thủ tục về lao động được rút ngắn,

tác động đến tích cực đến tâm lý của nhà đầu tư, chuyên gia nước ngoài gắn bó, đóng góp cho sự phát triển của doanh nghiệp. Đồng thời, khi triển khai chính sách thời gian thực hiện dự án được rút ngắn, dự án sớm đi vào hoạt động, sẽ tác động đến đời sống xã hội của cư dân trong vùng, người dân sớm hưởng thụ được kết quả của dự án mang lại.

IV. Chính sách phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển tại tỉnh Khánh Hòa

1. Nội dung cơ chế, chính sách

(i) Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển (sau đây gọi là nuôi biển) và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam trong khu vực biển ngoài 6 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý, thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa.

(ii) Miễn tiền sử dụng khu vực biển cho hoạt động nuôi biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động nuôi biển ngoài vùng biển 6 hải lý, vùng biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý.

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động nuôi biển của tổ chức có hoạt động nuôi biển ngoài vùng biển 6 hải lý, vùng biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý.

(iii) Miễn tiền sử dụng khu vực biển cho hoạt động nuôi biển 10 năm đầu và giảm 50% cho thời gian còn lại đối với hoạt động nuôi biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động nuôi biển trong vùng biển 3-6 hải lý.

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 10 năm đầu và giảm 50% cho thời gian còn lại đối với hoạt động nuôi biển của tổ chức có hoạt động nuôi biển trong vùng biển 3-6 hải lý.

(iv) Miễn lệ phí trước bạ đối với tàu, thuyền đăng ký tại tỉnh Khánh Hòa để phục vụ trực tiếp cho hoạt động nuôi biển.

(v) Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động làm việc trên lồng bè nuôi trồng thủy sản và trên các phương tiện phục vụ cho hoạt động nuôi biển; hỗ trợ 80% kinh phí mua bảo hiểm rủi ro thiên tai đối với đối tượng thủy sản nuôi trên biển trong khu vực biển ngoài 6 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý; 60% đối với vùng biển 3-6 hải lý.

(vi) Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành quy định tiêu chí, nguyên tắc, trình tự thủ tục thực hiện khoản (v) Điều này.

2. Sự cần thiết ban hành cơ chế, chính sách

2.1. Cơ sở pháp lý, quy định hiện hành

- Về thẩm quyền giao khu vực biển, cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển:

Tại điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản 2017 quy định: “Bộ Tài nguyên và Môi trường giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản đối với trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 39 của Luật này”.

Tại khoản 2 Điều 39 Luật Thủy sản 2017 quy định: “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam trong khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý”.

- Về ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước cho hoạt động trồng thủy sản trên biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân:

Hiện nay chưa có quy định ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước cho hoạt động trồng thủy sản trên biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, quy định:

“1. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê trong các trường hợp sau:

a) Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

- Về ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động trồng thủy sản trên biển:

Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội:

“Điều 13. Ưu đãi về thuế suất

2. Áp dụng thuế suất 10% đối với:

d) Thu nhập của doanh nghiệp từ: trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; nuôi trồng lâm sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh chế muối, trừ sản xuất

muối quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm”.

- Về ưu đãi lệ phí trước bạ đối với tàu, thuyền, phương tiện phục vụ trực tiếp cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển:

Tại Nghị định 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ không quy định về ưu đãi lệ phí trước bạ đối với tàu, thuyền, phương tiện phục vụ trực tiếp cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển.

2.2. Cơ sở thực tiễn, lý do đề xuất

Nghề nuôi trồng thủy sản trong đó có nuôi trồng thủy sản trên biển đóng vai trò quan trọng đối với lĩnh vực thủy sản của Việt Nam cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội tại Khánh Hòa⁴. Diện tích nuôi trồng thủy sản trên biển của Việt Nam khoảng 8.000 m³ lồng (bao gồm: 3.800 m³ lồng nuôi cá biển; 4.600 m³ lồng nuôi tôm hùm) với tổng sản lượng gần 650 nghìn tấn/năm góp phần mang lại kim ngạch xuất khẩu năm 2021 ước đạt 8.89 tỷ USD. Trong đó, Khánh Hòa có trên 74.500 lồng nuôi trồng thủy sản với sản lượng thủy sản nuôi hàng năm của tỉnh đạt từ 16.000 – 18.000 tấn đã tạo việc làm cho nhiều lao động nông thôn, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân ven biển góp phần nâng cao tỷ trọng giá trị sản xuất ngành thủy sản. Theo Quy hoạch phát triển ngành thủy sản tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035, tỷ trọng ngành thủy sản chiếm khoảng 60% – 63% cơ cấu ngành nông nghiệp, với giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 725 – 1.042 triệu USD, tăng trưởng bình quân khoảng 3% – 4 %/năm.

Tuy nhiên, hoạt động nuôi biển của Khánh Hoà nói riêng và Việt Nam nói chung hiện nay chủ yếu là nuôi gần bờ trong khu vực biển 3 hải lý, chưa có hoạt động nuôi biển nằm ngoài khu vực 3 hải lý; nuôi với quy mô nhỏ lẻ, vật liệu lồng bè nuôi bằng gỗ truyền thống độ bền thấp, không ổn định, sử dụng thức ăn tươi... đang gây ô nhiễm môi trường và chông chéo với việc sử dụng diện tích mặt nước với các ngành kinh tế khác dẫn tới hiệu quả không cao; mặt khác, những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu làm cho các hiện tượng thời tiết, thiên tai cực đoan như mưa, gió, bão tố, lũ lụt, khô hạn, nắng nóng,... xuất hiện thường xuyên hơn, chuyển biến theo chiều hướng cực đoan và khắc nghiệt hơn trước nên đã ảnh hưởng trực tiếp, nặng nề đến ngành nuôi trồng thủy sản. Cụ thể: Toàn bộ lồng bè nuôi

⁴Trong mục tiêu phát triển bền vững ngành thủy sản, Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu rõ “Phát triển thủy sản trên biển thành một lĩnh vực sản xuất hàng hóa, khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp và ở các vùng biển mở; tạo khối lượng sản phẩm lớn phục vụ chế biến xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

trồng thủy sản đã bị phá hủy hoàn toàn do cơn bão số 12 (năm 2017) gây thiệt hại hơn 7.000 tỷ đồng. Cơn bão số 9 (năm 2021) đã làm thiệt hại hơn 2.592 lồng nuôi tôm hùm sử dụng vật liệu truyền thống, ước thiệt hại hơn 200 tỷ đồng...(Hiện chưa có chính sách bảo hiểm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển nên khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh thì người nuôi trồng phải chịu toàn bộ tổn thất).

Tại Khánh Hoà, hiện có doanh nghiệp hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển quy mô lớn, công nghệ cao thành công tại Việt Nam với trang thiết bị, công nghệ nuôi tiên tiến, hiện đại đem lại hiệu quả kinh tế cao (đã đầu tư trên 200 triệu đô la với quy trình tự động, khép kín, sản lượng đạt hơn 10.000 tấn/năm, tạo 1.300 việc làm cho tỉnh, đóng thuế 50 tỷ trong 3 năm qua...); ngoài ra còn có trại nuôi của Trung tâm nuôi biển công nghệ cao – Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 1 áp dụng lồng nuôi vật liệu HDPE đảm bảo hiệu quả, bền vững và an toàn trong điều kiện bất thường của thời tiết (sản lượng khoảng 200 tấn/vụ nuôi; không dùng kháng sinh, sử dụng 100% thức ăn công nghiệp, tỷ lệ hao hụt thấp...). Nhìn chung về cơ bản, kỹ thuật nuôi các đối tượng và công nghệ chế tạo vật liệu mới sử dụng nuôi trồng thủy sản tại Việt Nam đã chủ động được, hiện nay còn thiếu cơ chế chính sách để khuyến khích doanh nghiệp và hộ dân đầu tư chuyên đổi để tiến tới nuôi ở các vùng biển mở và xa bờ.

Trên thế giới, nuôi trồng thủy sản trên biển đang có xu hướng chuyển từ các trại quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu sang nuôi trồng công nghiệp, quy mô lớn với công nghệ hiện đại; chuyển từ vùng nước ven bờ, với hệ sinh thái nhạy cảm và dễ chồng lấn với các hoạt động kinh tế khác, ra vùng biển xa bờ và tiến dần ra nuôi trên đại dương; chuyển từ quy mô hộ gia đình sang quy mô doanh nghiệp, với các chính sách khuyến khích và thu hút đầu tư; thiết lập quy hoạch phát triển nuôi biển quốc gia, tăng cường công cụ quản lý nhà nước và cơ chế đồng quản lý (PPP); xây dựng hệ thống cảnh báo, kiểm soát ô nhiễm môi trường, và cảnh báo, đảm bảo an ninh nuôi biển; đồng thời, thiết lập chuỗi giá trị, liên kết trại nuôi với hệ thống cung cấp thức ăn, giống, chế biến, tiêu thụ, phân phối, v.v...

Trung Quốc là một quốc gia nằm trong nhóm dẫn đầu về nuôi trồng thủy sản trên biển với sản lượng nuôi trồng vượt 50 triệu tấn (2018), xuất khẩu sản phẩm nuôi trồng thủy sản đứng đầu thế giới; có thể sản xuất 2 triệu tấn cá hồi/năm, vượt Na Uy (1,2 triệu tấn) và xác định phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển là quốc sách. Trung Quốc có kế hoạch thí điểm đóng 178 trại nuôi trồng thủy sản trên biển với các kiểu lồng thép cỡ lớn, được thả vào các vùng biển tranh chấp. Kết hợp nuôi

trồng thủy sản trên biển với điện gió: phát triển hơn 60.000 ha cỏ biển, lập các trại nuôi cá xa bờ cùng tuabin gió phát điện ngoài khơi...

2.3. Cơ chế, chính sách tương đồng của các tỉnh, thành phố:

Chưa có. Cơ chế, chính sách xin thí điểm áp dụng tại tỉnh Khánh Hòa.

3. Đánh giá tác động của cơ chế, chính sách

Tạo điều kiện thuận lợi, chủ động cho địa phương trong việc phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển; qua đó nhằm thu hút, khuyến khích các nguồn lực đầu tư vào nuôi trồng thủy sản trên biển xa bờ; từng bước chuyển đổi nuôi trồng thủy sản truyền thống, nhỏ lẻ, gần bờ, chông chéo việc sử dụng diện tích mặt nước với các ngành kinh tế khác hiện nay sang nuôi trồng thủy sản theo hướng công nghiệp, hiện đại, quy mô lớn, đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu đem lại hiệu quả kinh tế cao, phục vụ cho sự phát triển của địa phương. Đồng thời, tạo thêm nhiều việc làm cho người dân tại tỉnh Khánh Hòa tham gia; doanh nghiệp và người dân được tiếp cận với công nghệ và phương pháp nuôi tiên tiến của khu vực và thế giới. Tạo điều kiện thuận lợi cho ngư dân từng bước chuyển đổi các ngành nghề khai thác ven bờ, nghề cắm... sang nuôi trồng thủy sản tại các vùng biển mở đem lại hiệu quả kinh tế, nâng cao đời sống cho người dân tại địa phương; góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo của tổ quốc.

D. DỰ BÁO TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC BAN HÀNH CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI TỈNH KHÁNH HÒA

Việc trình Quốc hội xem xét, ban hành một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa như đã nêu trên có ý nghĩa hết sức quan trọng để tỉnh phát triển nhanh và bền vững; trở thành thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trung tâm kết nối vùng, cửa ngõ chính ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ theo tinh thần Nghị quyết 09-NQ-TW của Bộ Chính trị.

Theo đánh giá, trong điều kiện không có cơ chế các cơ chế, chính sách phát triển như đã nêu ở trên thì Khánh Hòa không có đủ nguồn lực tăng thêm để phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, đặc biệt phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh trong phát triển kinh tế - xã hội, nhất là vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, hệ thống giao thông kết nối thuận lợi, tiềm năng thế mạnh của Khu kinh tế Vân Phong cùng với các tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. Đồng thời, nếu thiếu các cơ chế, chính sách đặc thù như trên, Khánh Hòa cũng không có nguồn lực để giải

quyết những yếu kém nội tại về kinh tế-xã hội của tỉnh thời gian qua như: Khánh Hòa chưa đạt được các tiêu chí để trở thành đô thị trực thuộc Trung ương; chưa thực sự trở thành đô thị hạt nhân, động lực phát triển, cửa ngõ chính ra Biển Đông của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Quy mô kinh tế còn khá nhỏ, sức chống chịu không cao. Du lịch phát triển chưa bền vững. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông chưa đồng bộ. Phát triển và quản lý đô thị còn nhiều bất cập. Kết quả hợp tác, liên kết với các địa phương khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên còn hạn chế.

Nếu có các cơ chế, chính sách phát triển đặc thù như đã nêu ở trên, Khánh Hòa sẽ có được những động lực mới, giúp tăng trưởng GRDP có thể đạt mức bình quân 8,8%/năm; tăng trưởng năng suất lao động đạt mức 7,8%/năm giai đoạn 2021 - 2030. Góp phần tăng thu ngân sách hàng năm đạt và vượt dự toán ngân sách Trung ương giao, từng bước tăng dần tỷ lệ điều tiết về ngân sách Trung ương. Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt 189 triệu đồng/người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 70%.

Đ. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHO VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ

1. Dự kiến nguồn lực

- Từ nguồn ngân sách Trung ương.
- Từ nguồn ngân sách địa phương.
- Từ các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Điều kiện đảm bảo cho việc triển khai thực hiện

- Ban hành văn bản quy định chi tiết và chỉ đạo, đôn đốc thi hành: Các cơ quan có thẩm quyền kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, đảm bảo tính khả thi và phù hợp với quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện: Được bố trí nguồn kinh phí cần thiết để thực hiện các nội dung quy định tại Nghị quyết của Quốc hội và các văn bản hướng dẫn; ngoài nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, huy động nguồn lực hợp pháp từ các cơ quan, đơn vị và địa phương, hỗ trợ của các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế hoặc lồng ghép vào các chương trình, dự án khác để có nguồn kinh phí bảo đảm cho việc triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Quốc hội.

- Kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện: Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể, tổ chức, cá nhân liên quan ở Trung ương và địa phương thực hiện tốt công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thực hiện các nội dung quy định tại Nghị quyết của Quốc hội.

E. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa được Quốc hội xem xét, ban hành, về phía Trung ương và địa phương cần tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Chính phủ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa triển khai thực hiện, cải cách thủ tục, rút ngắn thời gian xử lý các vấn đề chưa phân cấp, phân quyền cho tỉnh Khánh Hòa.

b) Chỉ đạo công tác sơ kết, tổng kết việc thực hiện Nghị quyết này để báo cáo Quốc hội theo quy định.

c) Chỉ đạo nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống pháp luật về các cơ chế, chính sách đã thực hiện thí điểm, tạo điều kiện cho tỉnh Khánh Hòa có nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững theo mục tiêu yêu cầu đặt ra tại Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị.

2. Tỉnh Khánh Hòa, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức tuyên truyền về các cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng cho tỉnh Khánh Hòa ngay sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành; tuyên truyền, quảng bá, thu hút sự chú ý của người dân, của các nhà đầu tư trong và ngoài nước để huy động sự tham gia của toàn xã hội tham gia phát triển tỉnh Khánh Hòa theo đúng định hướng đề ra tại Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị.

b) Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng và ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất các cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu phát triển của tỉnh Khánh Hòa trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động nguồn lực để xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa trở thành đô thị trực thuộc Trung ương; là đô thị hạt nhân, động lực phát triển, cửa ngõ chính ra Biển Đông của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Phát huy hết tiềm năng, lợi thế của Khu kinh tế Vân Phong.

c) Tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù để báo cáo Chính phủ, Quốc hội theo quy định.

d) Đảm bảo cơ chế liên kết, phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh và giữa các cơ quan quản lý nhà nước Trung ương và địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù. Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kịp thời đề xuất khuyến nghị với Trung ương những vấn đề mới phát sinh, những vấn đề không còn phù hợp với tình hình thực tế.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa

(Kèm theo văn bản số /BKHDĐT-KTĐPLT ngày tháng năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
I. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			
1. Hằng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh không quá 70% số tăng thu ngân sách Trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương so với dự toán Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thưởng vượt thu theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật	Theo quy định khoản 5, khoản 6 Điều 19 Luật Ngân sách nhà nước, Quốc hội quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương quy định tại Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước và quyết định mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, bao gồm bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu.	Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan. Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với các Luật, Nghị định liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết	Tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030, tỉnh Khánh Hòa là thành phố trực thuộc Trung ương, là một cực tăng trưởng trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghệ công nghiệp cao, khoa học công nghệ, du lịch.... Và đến năm 2045,

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>Ngân sách nhà nước so với dự toán Chính phủ giao, nhưng không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu.</p>	<p>Quốc hội đã cho phép áp dụng chính sách tương tự đối với thành phố Cần Thơ tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và thành phố Hải Phòng tại Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021.</p>	<p>đề quy định: “<i>Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành</i>” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).</p>	<p>tỉnh Khánh Hòa là đô thị thông minh, bền vững, mang bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á. Đề phân đầu đạt được mục tiêu đã được Bộ Chính trị đề ra việc đầu tư và hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, kết nối đồng bộ với các tỉnh, thành phố trong khu vực, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế để kêu gọi và thu hút các doanh nghiệp đầu tư...là mục tiêu được đặt lên hàng đầu và phải được triển khai nhanh, hiệu quả đáp ứng được mục tiêu phát triển.</p> <p>Tỉnh Khánh Hòa đang là tỉnh tự cân đối, có điều tiết số thu về ngân sách trung ương, tốc độ tăng trưởng bình quân thu ngân sách nhà nước của tỉnh giai đoạn 2012-2019 là 11%/năm, trong đó các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, các khoản thu NSTW hưởng 100% (tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước) chiếm tỷ trọng 67% trong tổng thu NSNN.</p> <p>Tuy nhiên, năm 2020 và năm 2021 do tác động của dịch bệnh Covid-19,</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
			<p>số thu NSNN trên địa bàn giảm sâu (năm 2019 thu 19.074 tỷ đồng, năm 2020 thu 13.825 tỷ đồng, bằng 72% so với cùng kỳ và năm 2021 thu 14.076 tỷ đồng, tăng 1,8% so với với cùng kỳ nhưng bằng 74% so với năm 2019), bên cạnh đó địa phương đã huy động tất cả các nguồn lực tài chính hợp pháp của địa phương bao gồm Quỹ dự trữ tài chính, nguồn cải cách tiền lương, nguồn tiết kiệm chi, thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên từ dự toán với số tiền 1.500 tỷ đồng để thực hiện công tác phòng, chống dịch Covid-19 và hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng do dịch bệnh. Đồng thời, đã cắt giảm nhiệm vụ chi đầu tư từ dự toán để bù hụt thu, đảm bảo cân đối ngân sách địa phương.</p> <p>Trước thực tiễn nguồn thu NSNN bị tác động do dịch bệnh, Chính phủ đã giao dự toán thu NSNN năm 2022 của tỉnh Khánh Hòa là 12.015 tỷ đồng, thấp hơn 5.245 tỷ đồng so với năm 2017 và thấp hơn 1.743 tỷ đồng so với năm 2021. Đồng thời, nguồn vốn ngân sách địa phương dành cho chi đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, các dự án, chương trình trọng điểm</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
			<p>của tỉnh giai đoạn 2021-2025 chỉ đảm bảo được 29,4% nhu cầu (tổng nhu cầu vốn đầu tư công 70.140 tỷ đồng, tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Khánh Hòa là 21.116 tỷ đồng). Do đó, với nguồn lực hạn chế như hiện nay của tỉnh Khánh Hòa, để đạt được mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã được Bộ Chính trị đặt ra cho Tỉnh rất khó đạt được, rất cần có sự hỗ trợ từ ngân sách trung ương để địa phương có nguồn lực, động lực phát triển.</p> <p>Vì vậy, việc thực hiện chính sách bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho Tỉnh Khánh Hòa vừa hỗ trợ cho ngân sách địa phương có nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế xã hội của tỉnh hoàn thành được mục tiêu tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị, vừa khuyến khích địa phương phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước, tăng đóng góp của tỉnh về ngân sách Trung ương trong giai đoạn sau.</p>
2. Tỉnh Khánh Hòa được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa	Theo quy định tại Điểm c Khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách nhà	Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù	Trên cơ sở các dự án đã ký thỏa thuận vay nợ, dự kiến dư nợ ngân

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho tỉnh vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách tỉnh hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.</p>	<p>nước năm 2015 về mức dư nợ vay của ngân sách địa phương: “Đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương không vượt quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp”.</p> <p>Hiện nay Quốc hội đã đồng ý cho tỉnh Thừa Thiên Huế (Nghị quyết số 38/2021/QH15 ngày 13/11/2021), tỉnh Nghệ An (Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021) được vay với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 40% số thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp; Thành phố Hải Phòng (Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021), tỉnh Thanh Hóa (Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021) được vay với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách tỉnh, thành phố được hưởng theo phân cấp.</p>	<p>hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.</p> <p>Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với các Luật, Nghị định liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: “<i>Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành</i>” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).</p>	<p>sách tỉnh Khánh Hòa đến thời điểm 31/12/2022 là 766 tỷ đồng; hạn mức dư nợ tối đa được huy động theo quy định hiện hành là 2.737 tỷ đồng. Đối với các dự án đã thực hiện ký thỏa thuận vay, trong giai đoạn 2021-2025, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt mức vay là 1.273 tỷ đồng (Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án Nha Trang; Sửa chữa và nâng cao an toàn đập; Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai; Nâng cao hiệu quả sử dụng nước tại các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán); đồng thời, tỉnh Khánh Hòa đang triển khai dự án Phát triển tổng hợp tỉnh Khánh Hòa với tổng mức đầu tư 4.000 tỷ đồng, trong đó vốn vay là 2.800 tỷ đồng (70%) từ nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới. Như vậy, nhu cầu vốn vay của Tỉnh Khánh Hòa đối với các dự án đang triển khai đã vượt hạn mức vay nợ tối đa theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước</p> <p>Với định hướng phát triển Tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022, trong thời gian tới tỉnh Khánh Hòa cần huy</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
			<p>động thêm nguồn lực tối thiểu 40.000 tỷ đồng (gồm các dự án: Hạ tầng khu kinh tế Vân Phong khoảng 3.000 tỷ đồng, Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng 400 tỷ đồng; Bệnh viện sản nhi 745 tỷ đồng; Đường ven biển từ xã Vạn Lương huyện Vạn Ninh đến thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa 1.498 tỷ đồng; Đường liên vùng huyện Diên Khánh 844 tỷ đồng; Đường D25 và Kênh thoát lũ Vĩnh Trung 1.490,7 tỷ đồng; Đường Vĩnh Bình-Cù Hin 1.028 tỷ đồng; Mở rộng cầu Cam Hải 600 tỷ đồng; Chương trình phát triển đô thị 30.000 tỷ đồng;..).</p> <p>Do đó, cần nâng hạn mức vay của tỉnh từ 30% lên 60%, theo đó hạn mức dư nợ vay tối đa của tỉnh Khánh Hòa 5.472 tỷ đồng (tính theo dự toán năm 2022), tăng 2.736 tỷ đồng so với quy định hiện hành sẽ bổ sung nguồn lực cho Tỉnh đáp ứng một phần nhu cầu vốn để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của Tỉnh nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị đã đề ra.</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>3. Tỉnh Khánh Hòa được phân bổ thêm 45% theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số khi xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này.</p>	<p>- Theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Luật Ngân sách nhà nước thì Quốc hội quyết định chính sách cơ bản về tài chính - ngân sách nhà nước.</p> <p>- Theo quy định tại Khoản 5 Điều 20 Luật Ngân sách nhà nước thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách nhà nước.</p> <p>- Tại Khoản 16 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022 quy định:</p> <p>“Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có cơ chế chính sách đặc thù hoặc có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số như sau:</p> <p>1. Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được phân bổ thêm</p>	<p>Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.</p> <p>Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với các Luật, Nghị định liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: “<i>Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành</i>” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).</p>	<p>Năm 2022, tỉnh Khánh Hòa có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương là 2%, theo quy định của Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, địa phương được phân bổ tăng thêm 40% theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số. Tuy nhiên, trên cơ sở nguồn thu và nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, tỉnh Khánh Hòa phải nhận bổ sung từ ngân sách trung ương; vì vậy, để tiếp tục duy trì là địa phương có số thu điều tiết về ngân sách trung ương, Bộ Tài chính không phân bổ thêm 40% số chi tính theo định mức dân số và bổ sung một phần kinh phí để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương. Do đó, trong năm 2022 tỉnh Khánh Hòa vừa là địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương đồng thời vừa bổ sung từ ngân sách trung ương.</p> <p>Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa hiện có 02 huyện miền núi Khánh Sơn và huyện Khánh Vĩnh với tỷ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm đa số, là 02 huyện nghèo (tỷ lệ hộ nghèo: huyện Khánh Vĩnh 45,9%,</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p>80%.</p> <p>2. Các thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ được phân bổ thêm 70%.</p> <p>3. Các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Thừa Thiên Huế được phân bổ thêm 45%.</p> <p>4. Các tỉnh còn lại có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 40% trở lên được phân bổ thêm 60%; các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 15% đến dưới 40% được phân bổ thêm 50%; các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương còn lại được phân bổ thêm 40%.”</p> <p>Quốc hội đã cho phép áp dụng chính sách tương tự đối với tỉnh Thừa Thiên Huế tại Nghị quyết số 38/2021/QH15 ngày 13/11/2021, tỉnh Nghệ An tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021; tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021.</p>		<p>huyện Khánh Sơn 47,4%, tỷ lệ hộ cận nghèo: huyện Khánh Vĩnh 12,7%, huyện Khánh Sơn 18,9%). Bên cạnh đó, nguồn lực để bố trí để phát triển đô thị, duy tu bảo dưỡng các công trình giao thông, công cộng; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu còn rất hạn chế. Hiện nay, ngân sách địa phương chỉ bố trí cho 02 nội dung này khoảng 300 tỷ/năm. Vì vậy, ảnh hưởng rất lớn đến khả năng thực hiện mục tiêu theo Nghị quyết 09-NQ/TW phát triển 02 huyện miền núi trở thành các tiểu đô thị sinh thái núi rừng và phát triển các vùng đô thị còn lại.</p> <p>Trong giai đoạn 2023-2025, khi địa phương được phân bổ thêm 45% số chi tính theo định mức dân số như đề nghị (cùng tỷ lệ với các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Thừa Thiên Huế), dự kiến kinh phí tăng thêm khoảng 750 tỷ đồng/năm, số kinh phí này dành để bổ sung nguồn lực phát triển 02 huyện miền núi trở thành các tiểu đô thị sinh thái núi rừng và phát triển các vùng đô thị còn lại.</p> <p>Do đó, Tỉnh Khánh Hòa đề nghị cho áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
			<p>nhu sau: “Tỉnh Khánh Hòa được phân bổ thêm 45% số chi tính theo định mức dân số khi xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này”</p>
<p>II. CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH VỀ PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN ĐỀ TẠO ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI TRONG THỰC HIỆN THỦ TỤC QUY HOẠCH, QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI (4 CHÍNH SÁCH)</p>			
<p>1. Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.</p>	<p>- Theo quy định tại Luật Quy hoạch đô thị, trường hợp quy hoạch đô thị đã được đánh giá đầy đủ mức độ tác động của các điều kiện điều chỉnh quy hoạch đô thị theo quy định tại Điều 47 Luật Quy hoạch đô thị, cơ quan tổ chức lập quy hoạch cần thực hiện điều chỉnh quy hoạch theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 50, Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị.</p> <p>- Theo quy định tại Điều 50 Luật Quy hoạch đô thị về trình tự tiến hành điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị là: Cơ quan có trách</p>	<p>Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.</p> <p>Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với các Luật, Nghị định liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết đề quy định: “<i>Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có</i></p>	<p>Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu đến năm 2030 Khánh Hòa sẽ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là một cực tăng trưởng trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước. Trong đó: thành phố Nha Trang là đô thị hạt nhân; thành phố Cam Ranh là đô thị du lịch – logistics; huyện Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế; huyện Vạn Ninh trở thành đô thị du lịch biển cao cấp; thị xã Ninh Hòa là đô thị công nghiệp; huyện Diên Khánh là đô thị sinh thái, văn hóa truyền thống; huyện Khánh Sơn và Khánh</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p>nhiệm lập quy hoạch đô thị báo cáo cơ quan thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị để xin chấp nhận về chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch đô thị. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận về chủ trương, việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch điều chỉnh tổng thể các quy hoạch đô thị, công bố quy hoạch đô thị đã được điều chỉnh thực hiện theo quy định tại các điều có liên quan của Luật này.</p> <p>- Theo quy định tại Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị về trình tự tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị là: Cơ quan có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị lập báo cáo về nội dung và kế hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, tổ chức xin ý kiến cộng đồng dân cư trong khu vực điều chỉnh quy hoạch và các khu vực xung quanh có ảnh hưởng trực tiếp và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét, quyết</p>	<p><i>luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).</i></p>	<p>Vĩnh là các tiểu đô thị sinh thái núi rừng; huyện Trường Sa là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước, là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đồng thời, quá trình phát triển kinh tế - xã hội để triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, tỉnh Khánh Hòa kỳ vọng sẽ có những bước phát triển đột phá về hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị, hạ tầng xây dựng khu kinh tế, khu công nghiệp. Do vậy, cần thiết phải điều chỉnh cục bộ các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nhất là các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ (Quy hoạch chung thành phố Nha Trang, Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong,...) nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tiễn này.</p> <p>Trong khi đó, thời gian thực hiện còn lại (08 năm) là tương đối ngắn trong khi khối lượng công việc để hoàn thành mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 09-NQ/TW là rất lớn. Việc phân</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p>định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị bằng văn bản trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị.</p> <p>- Theo quy định tại khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch là: Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị đối với quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương, quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại I, quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại III trở lên và đô thị mới có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới hành chính của hai tỉnh trở lên.</p> <p>- Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch là: Khu chức năng bao gồm khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao.</p>		<p>cấp thẩm quyền cho UBND tỉnh Khánh Hòa tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chung đô thị theo trình tự thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định sẽ rút ngắn thời gian thực hiện điều chỉnh quy hoạch và góp phần tạo điều kiện thúc đẩy, thu hút một số dự án đầu tư phát triển hạ tầng trọng điểm của tỉnh.</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p>- Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch thì: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế, quy hoạch chung xây dựng khu công nghệ cao; quy hoạch chung xây dựng khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao cấp quốc gia.</p> <p>Quốc hội đã đồng ý cho thành phố Đà Nẵng áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020, thành phố Hải Phòng tại Nghị quyết số 35/2021/QH15, tỉnh Nghệ An tại Nghị quyết số 36/2021/QH15, tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 và thành phố Cần Thơ tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022.</p>		
<p>2. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha; quyết định chủ trương chuyên mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 1.000 ha theo ủy quyền của Thủ</p>	<p>Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyên mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với dự</p>	<p>Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.</p> <p>Về tính đồng bộ của hệ</p>	<p>Để phục hồi và phát triển nền kinh tế của tỉnh, đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư toàn xã hội, cần thiết phải có các cơ chế đặc thù, linh hoạt nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ rà SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>tướng Chính phủ.</p> <p>Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của chuyển đổi mục đích sử dụng và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa do Thủ tướng Chính phủ quy định.</p>	<p>án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có: “Văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên”.</p> <p>Khoản 2 Điều 20 Luật Lâm nghiệp quy định: “Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng dưới 50 ha; rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới từ 20 ha đến dưới 50 ha; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển từ 20 ha đến dưới 500 ha; rừng sản xuất từ 50 ha đến dưới 1.000 ha”.</p> <p>Quốc hội đã đồng ý cho Thành</p>	<p>thông pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với các Luật, Nghị định liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết đề quy định: “<i>Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành</i>” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).</p>	<p>đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đưa vào khai thác các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Thực tế một số dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh nói chung, đặc biệt là các dự án thực hiện trên địa bàn thuộc các huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đưa 02 huyện này trở thành “các tiểu đô thị sinh thái núi rừng” theo mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, cần phải thực hiện trên diện tích đất có rừng và phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện. Tuy nhiên, thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất sang mục đích khác theo quy định thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, do đó địa phương và chủ đầu tư sẽ phải cần nhiều thời gian hơn để hoàn thiện trình tự, thủ tục dẫn đến có thể ảnh hưởng tiến độ của các dự án.</p> <p>Mặt khác, quá trình thực hiện một số dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là một số dự án triển</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p>phố Hồ Chí Minh thực hiện chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017, thành phố Hải Phòng tại Nghị quyết số 35/2021/QH15, tỉnh Nghệ An tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 và tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021, thành phố Cần Thơ tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022.</p>		<p>khai trong Khu Kinh tế Vân Phong có ảnh hưởng đến một số diện tích rừng cần phải chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, địa phương và chủ đầu tư sẽ phải mất nhiều thời gian để hoàn thiện trình tự, thủ tục, ảnh hưởng không nhỏ đến cơ hội, hiệu quả thu hút, thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.</p> <p>Hiện nay, nhiều nhà đầu tư chiến lược đã tiếp xúc và làm việc với tỉnh Khánh Hòa về nhu cầu đầu tư tại các Khu kinh tế, Khu công nghiệp, khu đô thị trên địa bàn tỉnh nên phải chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sang mục đích khác. Việc phân cấp cho tỉnh Khánh Hòa thẩm quyền phê duyệt nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư, góp phần sớm cơ cấu lại nền kinh tế, giúp tăng tỷ trọng công nghiệp, giảm phụ thuộc vào lĩnh vực dịch vụ, phát triển đô thị, đồng thời đẩy nhanh định hướng phát triển Khánh Hòa trở thành đô thị trực thuộc Trung ương.</p>
<p>3. Thực hiện chuẩn bị thu hồi đất a) Đối với dự án ngoài ngân sách phù</p>	<p>Đối với dự án đầu tư vốn ngoài ngân sách phù hợp với quy hoạch</p>	<p>Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù</p>	<p>Để phục hồi và phát triển nền kinh tế của tỉnh, đẩy mạnh thu hút vốn đầu</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>hợp với quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai và có quy mô từ 300ha trở lên, cho phép cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi.</p> <p>b) Hội đồng nhân dân tỉnh được quyết định sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các nội dung quy định điểm a khoản này.</p>	<p>được duyệt thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai, việc bồi thường hỗ trợ tái định cư chỉ được thực hiện sau khi đã xác định được nhà đầu tư (thông qua hình thức đấu thầu hoặc chấp thuận nhà đầu tư). Công tác thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội được quy định tại Điều 69 Luật Đất đai theo trình tự: Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p> <p>Căn cứ điều 40 Luật đất đai (sửa đổi tại điều 6 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch), nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã thể hiện đầy đủ chỉ tiêu các loại đất, ranh giới dự án được cụ thể hóa trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Việc thực hiện thu hồi đất phải được xây dựng đến kế hoạch sử dụng đất hàng năm</p>	<p>hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.</p> <p>Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với các Luật, Nghị định liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết đề quy định: <i>“Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”</i> (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).</p>	<p>tư toàn xã hội, cần thiết phải có các cơ chế đặc thù, linh hoạt nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đưa vào khai thác các dự án đầu tư, nhất là các dự án lớn, diện tích thu hồi đất lớn trên địa bàn tỉnh. Nếu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện trước công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi sẽ rút ngắn được thời gian triển khai dự án, tạo thêm thời gian, giảm bớt áp lực về tiến độ thực hiện cho các Nhà đầu tư trong việc triển khai dự án... qua đó gián tiếp nâng cao chất lượng công trình, sớm đưa dự án vào hoạt động.</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p>của cấp huyện (trên cơ sở quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện). Việc thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thực hiện theo Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thì trình tự thủ tục thực hiện do UBND cấp huyện tổ chức lập quy hoạch, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt. Trường hợp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt trước nhưng không phù hợp với quy hoạch tỉnh được phê duyệt sau thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp với quy hoạch cấp cao hơn.</p> <p>Trong quá trình thực hiện công tác thu hồi đất sẽ phát sinh các trường hợp: nếu người sử dụng đất bị thu hồi không phối hợp trong quá trình thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì phải quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt</p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ rà SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo Điều 70 Luật Đất đai; nếu người có đất bị thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo Điều 71 Luật Đất đai.		
<p>4. Tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công</p> <p>(i) Cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể quyết định tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập (sau đây gọi là dự án giải phóng mặt bằng) khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư và Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng tại quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể.</p> <p>(ii) Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng căn cứ chủ trương đầu tư dự án tổng thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư, điều chỉnh Dự án giải phóng mặt bằng trong phạm vi mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm thực hiện dự</p>	<p>Theo quy định của Điều 5 Luật Đầu tư công, trong “Trường hợp thật sự cần thiết tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập, đối với dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội xem xét, quyết định; đối với dự án nhóm A do Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Việc tách riêng dự án độc lập được thực hiện khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A”.</p> <p>Đối với dự án nhóm B, dự án nhóm C không được tách công tác giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập tại bước quyết định chủ trương đầu tư như dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A.</p>	<p>Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.</p> <p>Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với các Luật, Nghị định liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: “<i>Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành</i>” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).</p>	<p>Việc tách công tác giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công không thể giải quyết toàn bộ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư nếu không xử lý được các bất cập của chính của công tác giải phóng mặt bằng. Tuy nhiên, việc tách riêng công tác giải phóng mặt bằng sẽ đạt được một số lợi ích trong thực tế đối với dự án đầu tư công như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo điều kiện triển khai công tác giải phóng mặt bằng ngay sau khi phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án có phạm vi sử dụng đất rõ ràng, thực hiện đồng thời với các bước khác, đẩy nhanh thời gian hoàn thiện dự án, giảm chi phí giải phóng mặt bằng và hạn chế việc phải điều chỉnh dự án. - Tạo điều kiện đẩy nhanh việc xây

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>án tổng thể. Trường hợp điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể trước khi điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng.</p> <p>(iii) Quyết định đầu tư dự án giải phóng mặt bằng là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước để thực hiện, đồng thời là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất.</p> <p>(iv) Nội dung nhiệm vụ thực hiện trong dự án giải phóng mặt bằng gồm: công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm; rà phá bom, mìn, vật nổ, di dời công trình hạ tầng kỹ thuật.</p>	<p>Việc giải phóng mặt bằng được triển khai tại bước thực hiện dự án, sau khi đã hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư (lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư).</p>		<p>dựng khu tái định cư, vốn về bản chất là một dự án với đầy đủ các quy trình, thủ tục cần thực hiện như dự án đầu tư xây dựng thông thường nhưng cần được đẩy nhanh để thực hiện trước một bước nhằm tạo điều kiện để triển khai tiếp các bước khác của công tác giải phóng mặt bằng như di dời người dân, thu hồi đất, hỗ trợ...</p> <p>- Chủ đầu tư xác định rõ về khả năng thực hiện và giải ngân của dự án trong khoảng thời gian nhất định (trung hạn 5 năm hoặc hằng năm), có cơ sở đề xuất nhu cầu vốn chuẩn xác hơn, công tác chuẩn bị thực hiện dự án được chuẩn bị tốt hơn, tránh việc chiếm dụng vốn.</p> <p>- Công tác giải phóng mặt bằng được thực hiện tách khỏi dự án đầu tư, không tính vào thời gian thực hiện dự án, giảm bớt áp lực về mặt thời gian và tiến độ thực hiện cho chủ đầu tư, tạo thêm thời gian cho các khâu đấu thầu, xây lắp...qua đó gián tiếp cải thiện, nâng cao chất lượng công trình.</p> <p>- Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, tính khả thi của các</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ rà soát	LÝ DO QUY ĐỊNH
			<p>dự án, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế đối với các dự án ODA có yêu cầu mặt bằng sạch và các cam kết của địa phương trong đóng góp vốn ngân sách nhà nước do mình quản lý trong thực hiện dự án.</p> <p>- Phân định, làm rõ trách nhiệm của từng cấp liên quan trong việc giải phóng mặt bằng của dự án, xác định đúng chủ thể liên quan trong việc áp dụng các chế tài xử lý, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, linh hoạt của các ngành, các cấp.</p>
<p>III. CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KHU KINH TẾ VÂN PHONG</p>			
<p>1. Thu hút nhà đầu tư chiến lược</p> <p>(i) Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư có cam kết bằng văn bản về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao; cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, gắn bó lợi ích lâu dài với Khu kinh tế Vân Phong; có dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu kinh tế Vân Phong quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này và đáp ứng một trong các điều kiện sau:</p>	<p>a) Hiện nay khái niệm về nhà đầu tư chiến lược được quy định tại một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Cụ thể:</p> <p>- Luật Chứng khoán có quy định: <i>“Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn theo các tiêu chí về năng lực tài chính, trình độ công nghệ và có cam kết hợp tác với công ty trong thời gian ít nhất 03 năm.”</i></p>	<p>Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.</p> <p>Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với các Luật, Nghị định liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết</p>	<p>Nhằm thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là của khu vực kinh tế tư nhân để thực hiện các nhiệm vụ phát triển Khu kinh tế Vân Phong trở thành động lực phát triển kinh tế của tỉnh Khánh Hòa và khu vực Nam Trung Bộ theo đúng tinh thần tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nghị quyết số 04/NQ-CP</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>- Có vốn điều lệ từ 10.000 tỷ đồng trở lên hoặc có tổng tài sản từ 25.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 2, 3 và 7 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên.</p> <p>- Có vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 4 và 6 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.</p> <p>- Có vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 5 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên.</p> <p>- Có vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 1 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên.</p> <p>(ii) Quyền của nhà đầu tư chiến lược:</p> <p>- Được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên quy định tại Phụ lục của Nghị quyết này</p>	<p>- Theo Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BTC ngày 12/01/2016 của Bộ Tài chính về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì: “Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm”.</p> <p>- Ngoài ra, theo dự thảo Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt có quy định về nội dung này để thu hút các doanh nghiệp lớn có năng lực tài chính, quản trị tham gia xây dựng Đặc khu. Cụ thể:</p> <p>+ Khoản 5 Điều 3 Dự thảo Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt:</p> <p>“5. Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư có năng lực tài chính, quản trị, có cam kết bằng văn bản</p>	<p>để quy định: “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).</p>	<p>ngày 10/01/2022 của Chính phủ, cần thiết phải có các cơ chế ưu đãi vượt trội nhằm thu hút được sự tham gia của các nhà đầu tư chiến lược để tạo hiệu ứng “mỏ neo” giúp khai thác hiệu quả tiềm năng phát triển của KKT Vân Phong.</p> <p>Theo nội dung của chính sách này, nhà đầu tư chiến lược được áp dụng ưu đãi đầu tư cao hơn so với quy định hiện hành. Do vậy, cần quy định năng lực, kinh nghiệm Nhà đầu tư; quy mô vốn và thời gian giải ngân dự án của nhà đầu tư chiến lược để đảm bảo chính sách ưu đãi cao hơn dành cho các nhà đầu tư có đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của KKT Vân Phong. Đồng thời, có cơ sở để phân biệt nhà đầu tư chiến lược với các nhà đầu tư khác.</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>trong trường hợp dự án đầu tư chỉ có một nhà đầu tư chiến lược đề xuất hoặc có từ hai nhà đầu tư trở lên mà trong đó có một nhà đầu tư chiến lược đề xuất thực hiện. Trường hợp có hai nhà đầu tư chiến lược trở lên quan tâm đề xuất thực hiện cùng 01 dự án thì việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được ưu tiên hỗ trợ thủ tục đầu tư kinh doanh và thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. - Được tham gia trong quá trình lập quy hoạch, xây dựng chính sách áp dụng tại Khu kinh tế Vân Phong. - Được tổ chức, tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại Khu kinh tế Vân Phong. <p>(iii) Nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư. - Nhà đầu tư ứng trước kinh phí cho Nhà nước để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo 	<p>về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch hoặc công nghệ cao; cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, gắn bó lợi ích lâu dài với đặc khu và có dự án đầu tư tại đặc khu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Dự án đầu tư khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 45.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân theo đúng tiến độ cam kết, nhưng không quá 08 năm kể từ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</p> <p>b) Dự án đầu tư kết cấu hạ tầng phù hợp với quy hoạch đặc khu, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 12.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân trong thời hạn không quá 05 năm kể từ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</p> <p>c) Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh thuộc ngành, nghề ưu tiên phát triển của đặc khu, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân trong thời hạn không quá 03 năm kể từ</p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>quy định của Luật Đất đai; ứng trước kinh phí cho Nhà nước thực hiện dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư, các công trình khác ngoài hàng rào dự án đầu tư của nhà đầu tư nhưng tối thiểu 200 tỷ đồng trong thời hạn không quá 01 năm kể từ khi dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại mục 2, 3, 6 và 7 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này. Khoản tiền ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án đầu tư mà nhà đầu tư phải nộp. Mức được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, số tiền còn lại (nếu có) được tính vào vốn đầu tư của dự án.</p> <p>- Kể từ khi cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, thực hiện giải ngân không quá 05 năm đối với các dự án quy định tại mục 2, 3 và 7; không quá 03 năm đối với các dự án còn lại quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết này.</p> <p>- Thành lập tổ chức kinh tế tại tỉnh Khánh Hòa để quản lý dự án tại Khu kinh tế Vân Phong.</p>	<p><i>khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</i></p> <p><i>d) Dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản này phù hợp với quy hoạch đặc khu, có ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội hoặc tạo ra giá trị gia tăng đột biến tại đặc khu, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng, thực hiện giải ngân trong thời hạn không quá 03 năm kể từ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.”</i></p> <p>+ Điều 30 dự thảo Luật Đơn vị HC-KT đặc biệt:</p> <p><i>“Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược</i></p> <p><i>1. Nhà đầu tư chiến lược có quyền sau đây:</i></p> <p><i>a) Được ưu tiên khi lựa chọn thực hiện dự án đầu tư trên cùng địa bàn đặc khu trong trường hợp dự án đầu tư có từ hai nhà đầu tư trở lên quan tâm đề xuất thực hiện; trường hợp có hai nhà đầu tư chiến lược trở lên quan tâm đề xuất thực hiện thì việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy</i></p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>- Hỗ trợ kinh phí để đào tạo nghề đối với lao động bị ảnh hưởng tại khu vực dự án; ưu tiên tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc tại dự án; thực hiện cam kết về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao (nếu có).</p> <p>(iv) Các dự án quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này của nhà đầu tư chiến lược được hưởng các ưu đãi đầu tư sau:</p> <p>- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 20 năm liên tục kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo, trừ các dự án đầu tư quy định tại mục 2, 3 và 7 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.</p> <p>- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa 20 năm sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản nhưng không quá một nửa thời hạn sử dụng đất.</p> <p>- Được hỗ trợ tiền điện trong một thời gian thích hợp theo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>(v) Nhà đầu tư chiến lược có dự án đầu tư tại Khu Kinh tế Vân Phong thuộc</p>	<p><i>định của pháp luật có liên quan;</i></p> <p><i>b) Được tham gia đầu tư kinh doanh, quản lý và vận hành các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và khu chức năng tại đặc khu theo hình thức đầu tư phù hợp với quy định tại Luật này;</i></p> <p><i>c) Được ưu tiên hỗ trợ thủ tục đầu tư kinh doanh và thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;</i></p> <p><i>d) Được tham gia trong quá trình lập quy hoạch, xây dựng chính sách áp dụng tại đặc khu;</i></p> <p><i>đ) Được tổ chức, tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch vào đặc khu;</i></p> <p><i>e) Trường hợp nhà đầu tư chiến lược thực hiện đầu tư dự án khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino thì được tính tổng vốn đầu tư các dự án khác trên cùng địa bàn đặc khu và các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kết nối tới đặc khu do nhà đầu tư chiến lược thực hiện, nhưng không quá 50% vốn đầu tư dự án khu dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có casino</i></p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>Phụ lục của Nghị quyết này được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Khu Kinh tế Vân Phong trừ điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.</p> <p>(vi) Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng các điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và các điều kiện khác về nhà đầu tư chiến lược thì Trưởng ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong điều chỉnh ưu đãi đầu tư, các chính sách khác đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại Nghị quyết này. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình.</p> <p>(vii) Căn cứ Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu Kinh tế Vân Phong theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm ban hành danh mục dự án cụ thể và thực hiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại khoản (ii) Điều này và</p>	<p><i>để làm căn cứ xác định khả năng đáp ứng điều kiện về quy mô vốn, việc giải ngân vốn đầu tư theo quy định của pháp luật về casino.</i></p> <p><i>2. Nhà đầu tư chiến lược có nghĩa vụ sau đây:</i></p> <p><i>a) Tổ chức thực hiện dự án đầu tư theo các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;</i></p> <p><i>b) Thực hiện cam kết về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch hoặc công nghệ cao; cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, gắn bó lợi ích lâu dài với đặc khu;</i></p> <p><i>c) Hỗ trợ huy động nguồn lực để thực hiện quy hoạch, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và thu hút đầu tư vào đặc khu;</i></p> <p><i>d) Cung cấp các dịch vụ theo cam kết.</i></p> <p><i>3. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư không đáp ứng các điều kiện về tiến độ giải ngân trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các điều kiện khác về nhà đầu tư</i></p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>pháp luật có liên quan.</p> <p>Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu kinh tế Vân Phong:</p> <p>1. Trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), công nghệ thông tin, nghiên cứu, sản xuất và chuyên giao công nghệ cao trong lĩnh vực đại dương, hàng hải, sinh học, dược liệu biển và sinh thái biển có quy mô vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên.</p> <p>2. Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại – tài chính gắn với cảng biển, dịch vụ hậu cần cảng biển có quy mô vốn đầu tư từ 12.000 tỷ đồng trở lên;</p> <p>3. Khu đô thị với quy mô theo diện tích đất từ 300 ha trở lên hoặc có quy mô dân số trên 50.000 người; Kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp có quy mô vốn đầu tư từ 25.000 tỷ đồng trở lên;</p> <p>4. Đầu tư công nghiệp năng lượng sạch, dịch vụ logistics, công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, cơ khí chính xác, điện tử, du lịch chăm sóc sức khỏe có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng.</p>	<p><i>chiến lược thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu điều chỉnh ưu đãi đầu tư, các chính sách khác đối với nhà đầu tư. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình.”</i></p> <p>b) Luật Đất đai 2013 có quy định riêng về Đất sử dụng cho khu kinh tế cơ bản như sau:</p> <p><i>“Người sử dụng đất trong khu kinh tế được đầu tư xây dựng kinh doanh nhà ở, kết cấu hạ tầng, được sản xuất, kinh doanh, hoạt động dịch vụ theo quy định và hưởng các ưu đãi liên quan đối với từng loại đất.”</i></p> <p>Ngoài ra, theo Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 03/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao:</p> <p><i>“Điều 8. Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước</i></p> <p><i>6. Mức miễn, giảm tiền thuê đất cụ thể như sau:</i></p> <p>b) <i>Miễn tiền thuê đất sau thời</i></p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>5. Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không, sân bay; Đầu tư bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.</p> <p>6. Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu phi thuế quan có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.</p> <p>7. Xây dựng và kinh doanh dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có sân golf có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 30.000 tỷ đồng.</p>	<p><i>gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này):</i></p> <p><i>- 13 năm đối với dự án không thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn.</i></p> <p><i>- 17 năm đối với dự án thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được đầu tư vào Khu kinh tế nằm trên địa bàn cấp huyện thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.</i></p> <p><i>c) Nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu chức năng trong Khu kinh tế được miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản quy định tại điểm a khoản này, cụ thể như sau:</i></p> <p><i>- 15 năm nếu đầu tư tại địa bàn cấp huyện thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn.”</i></p> <p>c) Theo Điểm a, Khoản 1, Điều</p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ rà soát	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p>13 Văn bản hợp nhất Luật Thuế TNDN số 14/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 về Ưu đãi thuế suất: “Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian 15 năm đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao”.</p> <p>- Hiện nay mức ưu đãi cao nhất theo Khoản 4, Điều 75 Luật Đầu tư 2020 là: “Đối với các dự án đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Luật Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng miễn thuế tối đa không quá 06 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 13 năm tiếp theo”.</p> <p>- Khoản 6, Điều 20 Luật Đầu tư cũng quy định: “Chính phủ trình Quốc hội quyết định áp dụng các ưu đãi đầu tư khác với ưu đãi đầu tư được quy định tại Luật này và các luật khác trong trường hợp cần khuyến khích phát triển một dự án đầu tư đặc biệt quan trọng hoặc đơn vị hành chính - kinh tế</p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<i>đặc biệt</i> ".		
<p>2. Bán hàng miễn thuế cho khách du lịch nước ngoài tại khu phi thuế quan:</p> <p>a) Khách du lịch là người nước ngoài được mua hàng miễn thuế tại khu phi thuế quan bằng hai lần định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh cho từng lần nhập cảnh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Một người được mua một lần trong 01 ngày và không quá 04 lần trong 30 ngày liên tục.</p> <p>b) Hàng mua miễn thuế theo quy định tại điểm a khoản này được nhận ở khu cách ly đối với khách du lịch bằng máy bay, tàu biển; trường hợp rời Khu phi thuế quan tại Khu kinh tế Vân Phong bằng đường bộ thì nhận hàng tại địa điểm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.</p>	<p>a) Khoản 1 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: <i>“Điều 16. Miễn thuế</i> <i>1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam trong định mức phù hợp với điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; hàng hóa trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế của người xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế.”</i></p> <p>b) Khoản 1 Điều 6 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ: <i>“Điều 6. Miễn thuế đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh</i> <i>1. Người nhập cảnh bằng hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu (trừ giấy thông hành dùng cho việc xuất cảnh, nhập cảnh), do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp, có hành lý mang theo</i></p>	<p>Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.</p> <p>Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với các Luật, Nghị định liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: <i>“Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”</i> (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).</p>	<p>Hiện nay, Nghị định 100/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/8/2020 về Kinh doanh hàng miễn thuế chưa cho phép đối tượng khách du lịch được mua hàng miễn thuế tại Khu phi thuế quan. Bên cạnh đó, Điều 6, Nghị định 134/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/9/2016 về Miễn thuế đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh quy định định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh bằng hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp, có tổng trị giá hải quan không quá 10.000.000 đồng Việt Nam (rượu, thuốc lá có định mức riêng). Như vậy, có thể nói đối tượng và hạn mức mua hàng nhập khẩu miễn thuế ở Việt Nam theo quy định hiện hành khá hạn chế.</p> <p>Để đẩy mạnh thu hút khách du lịch nước ngoài tới tỉnh Khánh Hòa nói chung và Khu kinh tế Vân Phong cần có chính sách bán hàng miễn thuế cho khách du lịch nước ngoài tại khu</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p><i>người, hành lý gửi trước hoặc gửi sau chuyển đi được miễn thuế nhập khẩu cho từng lần nhập cảnh theo định mức như sau:</i></p> <p><i>a) Rượu từ 20 độ trở lên: 1,5 lít hoặc rượu dưới 20 độ: 2,0 lít hoặc đồ uống có cồn, bia: 3,0 lít.</i></p> <p><i>Đối với rượu, nếu người nhập cảnh mang nguyên chai, bình, lọ, can (sau đây viết tắt là chai) có dung tích lớn hơn dung tích quy định nhưng không vượt quá 01 lít thì được miễn thuế cả chai. Trường hợp vượt quá 01 lít thì phần vượt định mức phải nộp thuế theo quy định của pháp luật;</i></p> <p><i>b) Thuốc lá điếu: 200 điếu hoặc thuốc lá sợi: 250 gam hoặc xì gà: 20 điếu;</i></p> <p><i>c) Đồ dùng cá nhân với số lượng, chủng loại phù hợp với mục đích chuyển đi;</i></p> <p><i>d) Các vật phẩm khác ngoài hàng hóa quy định tại các điểm a, b, và c khoản này (không nằm trong Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu hoặc nhập khẩu có điều kiện) có tổng trị giá hải quan không quá</i></p>		<p>phi thuế quan thuộc khu kinh tế. Chính sách này cũng sẽ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao giá trị gia tăng các ngành dịch vụ, du lịch, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, thương mại, du lịch, thu hút nguồn lao động có chất lượng cao đến làm việc tại Khu kinh tế Vân Phong.</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p>10.000.000 đồng Việt Nam;</p> <p><i>Trường hợp vượt định mức phải nộp thuế, người nhập cảnh được chọn vật phẩm để miễn thuế trong trường hợp hành lý mang theo gồm nhiều vật phẩm.</i></p> <p>c) Điều 3 Nghị định 100/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ về kinh doanh hàng miễn thuế:</p> <p><i>“Điều 3. Đối tượng và điều kiện mua hàng miễn thuế</i></p> <p><i>1. Người xuất cảnh, quá cảnh sau khi hoàn thành thủ tục xuất cảnh, quá cảnh, hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam hoặc người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế.</i></p> <p><i>a) Người xuất cảnh, quá cảnh qua các cửa khẩu đường bộ quốc tế; cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế, cửa khẩu cảng biển loại 1, cửa khẩu cảng hàng không dân dụng quốc tế được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế nằm trong khu vực cách ly;</i></p> <p><i>b) Người chờ xuất cảnh được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn</i></p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p>thuế trong nội địa. Hàng hoá miễn thuế được nhận tại quầy nhận hàng trong khu cách ly tại cửa khẩu quốc tế nơi hành khách xuất cảnh;</p> <p>c) Khách du lịch là người nước ngoài theo đoàn bằng đường biển, có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế được mua hàng miễn thuế tại cửa khẩu cảng biển loại 1, cửa hàng miễn thuế trong nội địa. Trường hợp mua hàng miễn thuế trong nội địa thì khách du lịch được nhận hàng tại quầy nhận hàng trong khu cách ly tại cửa khẩu cảng biển loại 1 nơi khách du lịch xuất cảnh;</p> <p>d) Ngoài địa điểm nhận hàng quy định tại khoản này, khách mua hàng quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này (trừ khách mua hàng trên chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam) được nhận hàng ở nước ngoài.</p> <p>2. Hành khách trên các chuyến bay quốc tế xuất cảnh từ Việt Nam được mua hàng miễn thuế trên tàu bay xuất cảnh. Hành khách trên các chuyến bay quốc</p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p><i>té đến Việt Nam được mua hàng miễn thuế trên tàu bay đang thực hiện chuyến bay quốc tế đến Việt Nam.</i></p> <p><i>3. Người nhập cảnh được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế đặt tại khu vực hạn chế của cảng hàng không dân dụng quốc tế ngay sau khi hoàn thành thủ tục nhập cảnh, không được mua hàng miễn thuế sau khi đã ra khỏi khu vực hạn chế tại cảng hàng không dân dụng quốc tế.</i></p> <p><i>4. Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam được mua hàng miễn thuế tại cửa hàng miễn thuế trong nội địa. Khi mua hàng miễn thuế cho tổ chức phải xuất trình sổ định mức hàng miễn thuế. Khi mua hàng miễn thuế cho cá nhân phải xuất trình sổ định mức hàng miễn thuế kèm chứng minh thư do Bộ Ngoại giao cấp hoặc hộ chiếu.</i></p> <p><i>5. Đối tượng mua hàng là thuyền viên làm việc trên tàu biển chạy tuyến quốc tế (bao gồm tàu biển có quốc tịch nước ngoài và tàu biển có quốc tịch Việt Nam chạy</i></p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p>tuyến quốc tế) được mua hàng miễn thuế tại cảng biển loại 1, cửa hàng miễn thuế trong nội địa phục vụ cho nhu cầu cá nhân, nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên để sử dụng trên tàu trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam và để sử dụng trên tàu ngoài lãnh hải Việt Nam sau khi tàu xuất cảnh.</p> <p>a) Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu cá nhân thuyền viên phải xuất trình hộ chiếu hoặc thẻ đi bờ của thuyền viên;</p> <p>b) Trường hợp mua hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu sinh hoạt chung của thuyền viên trong thời gian tàu neo đậu tại cảng biển Việt Nam, thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu có đơn đặt hàng kèm theo danh sách thuyền viên có thông tin về số hộ chiếu của từng thuyền viên, trên đơn phải ghi rõ thông tin về số hiệu tàu, ngày tàu nhập cảnh;</p> <p>c) Trường hợp hàng miễn thuế phục vụ nhu cầu của thuyền viên cho hành trình tiếp theo ngoài</p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p><i>lãnh hải Việt Nam, thuyền trưởng hoặc người đại diện tàu có đơn đặt hàng, trên đơn đặt hàng phải ghi rõ thông tin về số hiệu tàu, ngày tàu nhập cảnh, kèm theo danh sách thuyền viên có thông tin số hộ chiếu của từng thuyền viên. Hàng hóa phải được đưa vào kho chứa của tàu để cơ quan hải quan nơi tàu xuất cảnh niêm phong, xác nhận, giám sát cho đến khi tàu xuất cảnh.”</i></p>		
<p>3. Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại khu vực Bắc Vân Phong không phải dành một phần diện tích đất để xây dựng nhà ở xã hội. UBND tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội tương ứng ở vị trí phù hợp tại Khu kinh tế Vân Phong.</p>	<p>a) Khoản 2 Điều 16 Luật Nhà ở số 65/2014/QH13: <i>“Điều 16. Xác định quỹ đất cho phát triển nhà ở</i></p> <p><i>2. Tại các đô thị loại đặc biệt, loại 1, loại 2 và loại 3 thì chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của Chính phủ. Đối với các loại đô thị còn lại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương để yêu cầu chủ đầu tư phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu</i></p>	<p>Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.</p> <p>Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với các Luật, Nghị định liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: <i>“Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác</i></p>	<p>Theo nội dung Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị thì huyện Vạn Ninh (khu vực phía Bắc Khu kinh tế Vân Phong) được định hướng trở thành khu đô thị du lịch biển cao cấp.</p> <p>Vì vậy, để tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư dự án khu đô thị tại huyện Vạn Ninh phù hợp với định hướng của Nghị quyết số 09-NQ/TW, đề xuất chính sách không phải dành một phần diện tích đất để bố trí nhà ở xã hội đối với các dự án xây dựng nhà ở thương mại tại khu vực Bắc Vân Phong (địa bàn huyện Vạn Ninh). Phần diện tích bố trí quy hoạch phát triển nhà ở xã hội sẽ</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<i>tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội.</i>	với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).	được bố trí ở khu vực khác trong Khu kinh tế Vân Phong để phù hợp với định hướng phát triển chung.
<p>4. Quy định về miễn thị thực tại khu vực Bắc Vân Phong</p> <p>(i) Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong được miễn thị thực với thời gian tạm trú tại khu vực Bắc Vân Phong không quá 60 ngày nếu hộ chiếu còn thời hạn sử dụng ít nhất 90 ngày; trường hợp có nhu cầu đến các địa phương khác ngoài khu vực Bắc Vân Phong thì phải được cơ quan kiểm soát xuất nhập cảnh cấp thị thực theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>(ii) Người nước ngoài nhập cảnh vào khu vực Bắc Vân Phong được tạm trú không quá 60 ngày tại khu vực Bắc Vân Phong trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuộc diện miễn thị thực theo điều ước quốc tế mà thời hạn tạm trú dưới 60 ngày; - Sử dụng thị thực, thẻ tạm trú, giấy miễn thị thực, thẻ doanh nhân APEC còn thời hạn dưới 60 ngày. 	<p>a) Theo quy định Điều 12 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 ngày 16/6/2014 và Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14 ngày 25/11/2019; các trường hợp được miễn thị thực: “1. Theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; 2. Sử dụng thẻ thường trú, thẻ tạm trú theo quy định của Luật này; 3. Vào khu kinh tế cửa khẩu, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; 3a. Vào khu kinh tế ven biển do Chính phủ quyết định khi đáp ứng đủ các điều kiện: có sân bay quốc tế, có không gian riêng biệt, có ranh giới địa lý xác định, cách biệt với đất liền, phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội và không làm phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia,</p>	<p>Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.</p> <p>Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với các Luật, Nghị định liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết đề quy định: “Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành” (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).</p>	<p>Để tăng sức hút, tính cạnh tranh của khu vực Bắc Vân Phong, chính sách quy định việc miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 60 ngày (cao hơn thời gian quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh và được thực hiện thí điểm trong thời gian 5 năm), cấp thị thực điện tử đối với người nước ngoài vào khu vực Bắc Vân Phong là một trong những chính sách đặc thù cần được ban hành, tạo điều kiện thuận lợi thu hút khách du lịch nước ngoài, các nhà đầu tư, nhà quản lý, chuyên gia người nước ngoài khi nhập cảnh vào Khu kinh tế Vân Phong để du lịch, làm việc; từ đó giúp tăng nguồn thu, thu hút đầu tư, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tại Khu kinh tế Vân Phong, góp phần phát triển kinh tế tại địa phương.</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>(iii) Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong thuộc diện phải có thị thực nhưng không thuộc Danh sách các nước có công dân được thí điểm cấp thị thực điện tử có thể được cấp thị thực điện tử theo quy định của Chính phủ.</p>	<p><i>trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam; 4. Theo quy định tại Điều 13 của Luật này; 5. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp và người nước ngoài là vợ, chồng, con của họ; người nước ngoài là vợ, chồng, con của công dân Việt Nam được miễn thị thực theo quy định của Chính phủ.”</i></p> <p>b) Theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Luật Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019), chúng nhận tạm trú: “1. Người nước ngoài nhập cảnh không có thể thường trú, thẻ tạm trú còn giá trị sử dụng thì được cấp chứng nhận tạm trú tại cửa khẩu với thời hạn như sau: a) Thời hạn tạm trú cấp bằng thời hạn thị thực; trường hợp thị thực có ký hiệu DL thời hạn trên 30 ngày thì cấp tạm trú 30 ngày và được xem xét gia hạn tạm trú theo quy định tại Điều 35 của Luật</p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p>này; b) Đối với người được miễn thị thực theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì thời hạn tạm trú cấp theo quy định của điều ước quốc tế, nếu điều ước quốc tế không quy định thời hạn tạm trú thì cấp tạm trú 30 ngày;</p> <p>c) Đối với công dân của nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực thì cấp tạm trú 15 ngày, nếu vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt hoặc khu kinh tế ven biển quy định tại khoản 3a Điều 12 của Luật này thì cấp tạm trú theo quy định tại điểm d khoản này; d) Đối với người không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này vào khu kinh tế cửa khẩu thì cấp tạm trú 15 ngày, vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt hoặc khu kinh tế ven biển quy định tại khoản 3a Điều 12 của Luật này thì cấp tạm trú 30 ngày.”</p> <p>c) Theo quy định tại Điều 19a Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung năm 2019): “Điều 19a. Các</p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p><i>nước có công dân được cấp thị thực điện tử và các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử. 1. Việc cấp thị thực điện tử áp dụng với công dân của nước có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này. 2. Chính phủ quyết định danh sách các nước có công dân được cấp thị thực điện tử; danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử.”</i></p>		
<p>5. Chính sách phân cấp, ủy quyền tại Khu kinh tế Vân Phong</p> <p>a) Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.</p> <p>a) Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên</p>	<p>a) Theo quy định tại Điểm b, d Khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội, dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ. Theo quy định tại Điều 35 Luật Đầu tư và Điều 32 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP</p>	<p>Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.</p> <p>Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với các Luật, Nghị định liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong việc ban hành Nghị quyết để quy định: “<i>Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của</i></p>	<p>- Tăng cường phân cấp, đảm bảo sự chủ động, gắn trách nhiệm của chính quyền địa phương và rút ngắn thời gian thực hiện so với thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ tại quy định hiện hành. Giao thẩm quyền cho chính quyền địa phương, tạo điều kiện cho chính quyền địa phương trong việc chủ động, giải quyết để thu hút các dự án đầu tư xây dựng cảng hàng không, sân bay; cảng biển có quy mô lớn để thúc đẩy phát triển kinh tế cho KKT Vân Phong nói riêng và tỉnh Khánh Hòa</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và gửi quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tới Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa theo dõi, giám sát.</p> <p>b) Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện các nội dung về chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (gồm cả doanh nghiệp và nhà thầu); cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động; xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định tại Bộ luật Lao động đối với các doanh nghiệp và nhà thầu, dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong.</p>	<p>ngày 26/3/2021 của Chính phủ, thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ là 47 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, thực hiện thẩm định và trình Thủ Tướng phê duyệt theo quy định.</p> <p>Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 33 Luật Đầu tư, thành phần hồ sơ, nội dung cần thẩm định để chấp thuận chủ trương thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh là giống nhau. Theo quy định tại Điều 36 Luật Đầu tư, thời gian thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh là 32 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Cơ quan đăng ký đầu tư (Ban Quản lý Khu kinh tế) là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan liên quan và thực hiện thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định.</p>	<p><i>Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”</i> (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).</p>	<p>nói chung.</p> <p>- Đối với lĩnh vực môi trường, nhiệm vụ thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án đầu tư trong KKT Vân Phong theo Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đã được UBND tỉnh Khánh Hòa ủy quyền cho Ban Quản lý thực hiện từ năm 2008 . Tuy nhiên, kể từ ngày 01/7/2019, Ban Quản lý đã tạm ngừng tiếp nhận hồ sơ trình thẩm định đánh giá tác động môi trường. Nguyên nhân là do Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ đã bỏ nội dung ủy quyền thẩm định cho các Ban Quản lý thực hiện nhiệm vụ trên. Quy định này gây khó khăn cho Ban Quản lý trong việc tập trung thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa, tại chỗ”.</p> <p>Ngoài ra, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p>Như vậy, việc thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới: cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I nếu áp dụng ở quy trình thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ hay thẩm quyền UBND tỉnh cũng đều phải thực hiện lấy ý kiến các cơ quan liên quan (ý kiến cơ quan địa phương và bộ ngành trong khoảng thời gian 15 ngày) và triển khai thẩm định theo các nội dung yêu cầu giống nhau. Do đó, trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt sẽ tốn rất nhiều thời gian, ảnh hưởng đến việc triển khai dự án của nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>Ngoài ra, theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 34 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội thì việc</p>		<p>đối với các dự án đầu tư. Những nhiệm vụ này chưa phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý thực hiện.</p> <p>- Đối với lĩnh vực lao động, hiện nay theo quy định Bộ luật Lao động, Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; các thủ tục về chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài; cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép lao động; xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động chưa được phân cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế, Khu công nghiệp thực hiện quản lý nhà nước về lao động nước ngoài trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp mà được thực hiện dưới hình thức ủy quyền. Riêng đối với nội dung chấp thuận nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (doanh nghiệp, nhà thầu) chưa được ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế, Khu công nghiệp.</p> <p>Việc chưa phân cấp, ủy quyền đầy</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p>phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, đối với các dự án cảng hàng không, sân bay; bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I đã phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, việc phân cấp, ủy quyền cho UBND tỉnh Khánh Hòa chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án này là cần thiết để giảm thời gian thực hiện các thủ tục, giúp đẩy nhanh tiến độ đưa dự án đi vào hoạt động.</p> <p>b) Khoản 1 Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14:</p> <p><i>“Điều 35. Thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường</i></p> <p><i>1. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư sau đây, trừ dự</i></p>		<p>đủ cho Ban Quản lý các nhiệm vụ trên ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về môi trường, lao động tại Khu kinh tế chưa được thống nhất, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục liên quan.</p> <p>Do đó, nhằm mục tiêu xây dựng cơ chế và phân cấp quản lý đặc thù, phù hợp để thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là của khu vực kinh tế tư nhân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, phát triển KKT Vân Phong trở thành động lực phát triển của tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ theo Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về việc xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, cần có cơ chế phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực môi trường, lao động của các dự án do Ban Quản lý quản lý.</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p><i>án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này:</i></p> <p><i>a) Dự án đầu tư nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật này;</i></p> <p><i>b) Dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật này thuộc thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ; dự án đầu tư nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; dự án đầu tư nằm trên vùng biển chưa xác định trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; dự án đầu tư thuộc thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản, cấp giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, cấp giấy phép nhận chìm ở biển, quyết định giao khu vực biển của Bộ Tài nguyên và Môi trường.”</i></p> <p><i>- Khoản 1 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14:</i></p> <p><i>“Điều 41. Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường</i></p> <p><i>1. Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép môi trường đối với các đối tượng sau đây, trừ trường</i></p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p><i>hợp quy định tại khoản 2 Điều này:</i></p> <p><i>a) Đối tượng quy định tại Điều 39 của Luật này đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;</i></p> <p><i>b) Đối tượng quy định tại Điều 39 của Luật này nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên hoặc nằm trên vùng biển chưa xác định trách nhiệm quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.”</i></p> <p><i>c) Khoản 3 Điều 152, Điều 157 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019;</i></p> <p><i>“Điều 152. Điều kiện tuyển dụng, sử dụng người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam</i></p> <p><i>3. Nhà thầu trước khi tuyển và sử dụng lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam phải kê khai cụ thể các vị trí công việc, trình độ chuyên môn, kỹ thuật, kinh nghiệm làm việc, thời gian làm</i></p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p><i>việc cần sử dụng lao động nước ngoài để thực hiện gói thầu và được sự chấp thuận bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”</i></p> <p><i>“Điều 157. Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động, giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động</i></p> <p><i>Chính phủ quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.”</i></p> <p>c) Điều 4, Điều 5 Nghị định 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p><i>“Điều 4. Sử dụng người lao động nước ngoài</i></p> <p>2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc Ủy ban nhân dân cấp</p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p>tỉnh có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc theo Mẫu số 03/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.</p> <p>Điều 5. Sử dụng người lao động nước ngoài của nhà thầu</p> <p>2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức của địa phương giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức ở địa phương khác để giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu. Trong thời hạn tối đa 02 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên và tối đa 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người lao động Việt Nam và 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 người lao</p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p><i>động Việt Nam mà không giới thiệu hoặc cung ứng người lao động Việt Nam được cho nhà thầu thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc nhà thầu được tuyển người lao động nước ngoài vào các vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam theo Mẫu số 06/PLI Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.”</i></p> <p>d) Điều 7 Thông tư 32/2014/TT-BLĐTBXH ngày 01/12/2014 của Bộ LĐTBXH về hướng dẫn ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về lao động trong KCN, KCX, KKT và KCNC</p> <p><i>“Điều 7. Nội dung ủy quyền</i></p> <p><i>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cho Ban Quản lý khu công nghiệp thực hiện công việc sau:</i></p> <p><i>e) Tiếp nhận báo cáo giải trình của doanh nghiệp về nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được, tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp</i></p>		

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
	<p><i>tỉnh quyết định.</i></p> <p><i>2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ủy quyền cho Ban Quản lý khu công nghiệp thực hiện công việc sau:</i></p> <p><i>d) Cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp.</i></p> <p><i>đ) Xác nhận người lao động nước ngoài làm việc cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp không thuộc diện cấp giấy phép lao động.”</i></p>		
<p>IV. PHÁT TRIỂN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TRÊN BIỂN TẠI TỈNH KHÁNH HÒA</p>			
<p>(i) Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển (sau đây gọi là nuôi biển) và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam trong khu vực biển ngoài 6 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý, thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa.</p> <p>(ii) Miễn tiền sử dụng khu vực biển cho hoạt động nuôi biển của tổ chức, hộ gia</p>	<p>Về thẩm quyền giao khu vực biển, cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển: Tại điểm b Khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản 2017 quy định: “<i>Bộ Tài nguyên và Môi trường giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản đối với trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 39 của Luật này</i>”. Tại Khoản 2 Điều 39 Luật Thủy sản 2017 quy định: “<i>Bộ Nông nghiệp</i></p>	<p>Chính sách đảm bảo tính hợp hiến và đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan.</p> <p>Về tính đồng bộ của hệ thống pháp luật: Chính sách phát sinh quy định khác so với các Luật, Nghị định liên quan nhưng đảm bảo phù hợp với thẩm quyền của Quốc hội trong</p>	<p>Khánh Hoà có chiều dài đường bờ biển 385 km với 200 hòn đảo lớn nhỏ, nhiều đầm eo vịnh kín gió cùng với các cảng nước sâu nên rất thuận lợi cho phát triển thủy sản trong đó có nuôi trồng thủy sản. Theo nghiên cứu đánh giá của Viện Nuôi trồng Thủy sản – Trường Đại học Nha Trang thì Khánh Hoà cùng với Quảng Ninh và Kiên Giang là 3 địa phương có tiềm năng, lợi thế để phát</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>đình, cá nhân có hoạt động nuôi biển ngoài vùng biển 6 hải lý, vùng biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý.</p> <p>Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động nuôi biển của tổ chức có hoạt động nuôi biển ngoài vùng biển 6 hải lý, vùng biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý.</p> <p>(iii) Miễn tiền sử dụng khu vực biển cho hoạt động nuôi biển 10 năm đầu và giảm 50% cho thời gian còn lại đối với hoạt động nuôi biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động nuôi biển trong vùng biển 3-6 hải lý.</p> <p>Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 10 năm đầu và giảm 50% cho thời gian còn lại đối với hoạt động nuôi biển của tổ chức có hoạt động nuôi biển trong vùng biển 3-6 hải lý.</p> <p>(iv) Miễn lệ phí trước bạ đối với tàu, thuyền đăng ký tại tỉnh Khánh Hòa để phục vụ trực tiếp cho hoạt động nuôi biển.</p> <p>(v) Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động làm việc trên lồng bè nuôi trồng thủy sản và trên các phương tiện phục vụ cho hoạt động nuôi biển; hỗ trợ 80% kinh phí mua bảo hiểm rủi</p>	<p>và <i>Phát triển nông thôn cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam trong khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý</i>”.</p> <p>Về ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước cho hoạt động nuôi biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân: Hiện nay chưa có quy định. Tuy nhiên tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, quy định:</p> <p><i>“Điều 19. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước</i></p> <p><i>1. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê trong các trường hợp sau:</i></p> <p><i>a) Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.”</i></p> <p>Về ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động nuôi biển: Căn cứ Văn bản hợp nhất</p>	<p>việc ban hành Nghị quyết đề quy định: <i>“Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”</i> (Khoản 2 Điều 15 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).</p>	<p>triển nuôi biển ở Việt Nam.</p> <p>Nghề nuôi trồng thủy sản trong đó có nuôi biển đóng vai trò quan trọng đối với lĩnh vực thủy sản của Việt Nam cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội tại Khánh Hòa. Diện tích nuôi biển của Việt Nam khoảng 8.000 m³ lồng (bao gồm: 3.800 m³ lồng nuôi cá biển; 4.600 m³ lồng nuôi tôm hùm) với tổng sản lượng gần 650 nghìn tấn/năm góp phần mang lại kim ngạch xuất khẩu năm 2021 ước đạt 8.89 tỷ USD. Khánh Hòa có trên 74.500 lồng nuôi trồng thủy sản với sản lượng thủy sản nuôi hàng năm của tỉnh đạt từ 16.000 – 18.000 tấn đã tạo việc làm cho trên 4.000 lao động nông thôn, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân ven biển góp phần nâng cao tỷ trọng giá trị sản xuất ngành thủy sản. Các đối tượng nuôi chính trên biển tại địa phương là cá chẽm, cá bớp, cá chim vây vàng, tôm hùm...trong đó tôm hùm là đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao được khách du lịch và các thị trường nhập khẩu nước ngoài ưa thích. Theo quy hoạch phát triển ngành thủy sản tỉnh Khánh Hòa đến</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ rà soát	LÝ DO QUY ĐỊNH
<p>ro thiên tai đối với đối tượng thủy sản nuôi trên biển trong khu vực biển ngoài 6 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý; 60% đối với vùng biển 3-6 hải lý.</p> <p>(vi) Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành quy định tiêu chí, nguyên tắc, trình tự thủ tục thực hiện khoản (v) Điều này.</p>	<p>Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội:</p> <p><i>“Điều 13. Ưu đãi về thuế suất</i></p> <p><i>2. Áp dụng thuế suất 10% đối với:</i></p> <p><i>d) Thu nhập của doanh nghiệp từ: trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; nuôi trồng lâm sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh chế muối, trừ sản xuất muối quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm;”</i></p>		<p>năm 2025 và định hướng đến năm 2035, tỷ trọng ngành thủy sản chiếm khoảng 60% – 63% của cơ cấu ngành nông nghiệp trong đó nuôi trồng thủy sản chiếm 40% tổng sản lượng thủy sản, với giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 725 – 1.042 triệu USD, tăng trưởng bình quân khoảng 3% – 4%/năm.</p> <p>Tuy nhiên, hoạt động nuôi biển của Khánh Hoà nói riêng và Việt Nam nói chung hiện nay chủ yếu là nuôi gần bờ trong khu vực biển 3 hải lý, chưa có hoạt động nuôi biển nằm ngoài khu vực 3 hải lý; nuôi với quy mô nhỏ lẻ, vật liệu lồng bè nuôi bằng gỗ truyền thống độ bền thấp, không ổn định, sử dụng thức ăn tươi... đang gây ô nhiễm môi trường và chông chéo với việc sử dụng diện tích mặt nước với các ngành kinh tế khác dẫn tới hiệu quả không cao; mặt khác, những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu làm cho các hiện tượng thời tiết, thiên tai cực đoan như mưa, gió, bão tố, lũ lụt, khô hạn, nắng nóng,... xuất hiện thường xuyên hơn, chuyển biến theo chiều hướng cực đoan và khắc nghiệt</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
			<p>hơn trước nên đã ảnh hưởng trực tiếp, nặng nề đến ngành nuôi trồng thủy sản. Cụ thể: Toàn bộ lồng bè nuôi trồng thủy sản đã bị phá hủy hoàn toàn do cơn bão số 12 (năm 2017) gây thiệt hại hơn 7.000 tỷ đồng. Cơn bão số 9 (năm 2021) đã làm thiệt hại hơn 2.592 lồng nuôi tôm hùm sử dụng vật liệu truyền thống, ước thiệt hại hơn 200 tỷ đồng....Bên cạnh đó, hiện chưa có chính sách bảo hiểm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển nên khi xảy ra thiên tai, dịch bệnh thì người nuôi trồng phải chịu toàn bộ tổn thất.</p> <p>Tại Khánh Hoà, có trại nuôi của Trung tâm nuôi biển công nghệ cao – Viện nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 1 áp dụng lồng nuôi vật liệu HDPE đảm bảo hiệu quả, bền vững và an toàn trong điều kiện bất thường của thời tiết (sản lượng khoảng 200 tấn/vụ nuôi; không dùng kháng sinh, sử dụng 100% thức ăn công nghiệp, tỷ lệ hao hụt thấp...). Nhìn chung về cơ bản, kỹ thuật nuôi các đối tượng và công nghệ chế tạo vật liệu mới sử dụng nuôi trồng thủy sản tại Việt</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
			<p>Nam đã chủ động được, hiện nay còn thiếu cơ chế chính sách để khuyến khích doanh nghiệp và hộ dân đầu tư chuyển đổi để tiến tới nuôi ở các vùng biển mở và xa bờ.</p> <p>Trên thế giới, nuôi biển đang có xu hướng chuyển từ các trại nuôi biển quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu sang nuôi biển công nghiệp, quy mô lớn với công nghệ hiện đại; chuyển từ vùng nước ven bờ, với hệ sinh thái nhạy cảm và dễ chồng lấn với các hoạt động kinh tế khác, ra vùng biển xa bờ và tiến dần ra nuôi trên đại dương; chuyển từ nuôi biển do hộ gia đình sang doanh nghiệp nuôi biển, với các chính sách khuyến khích và thu hút đầu tư; thiết lập quy hoạch phát triển nuôi biển quốc gia, tăng cường công cụ quản lý nhà nước và cơ chế đồng quản lý; xây dựng hệ thống cảnh báo, kiểm soát ô nhiễm môi trường, và cảnh báo, đảm bảo an ninh nuôi biển; đồng thời, thiết lập chuỗi giá trị, liên kết trại nuôi với hệ thống cung cấp thức ăn, giống, chế biến, tiêu thụ, phân phối, v.v... đã đem lại hiệu quả kinh tế cao, từng bước cung cấp sản phẩm thay</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
			<p>thể cho hoạt động khai thác thủy sản. Với mục tiêu phát triển bền vững ngành thủy sản Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu rõ “Phát triển thủy sản trên biển thành một lĩnh vực sản xuất hàng hóa, khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp và ở các vùng biển mở; tạo khối lượng sản phẩm lớn phục vụ chế biến xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.</p> <p>Quyết định số 1664/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định mục tiêu: “Phát triển nuôi biển trở thành một ngành sản xuất hàng hóa quy mô lớn, công nghiệp, đồng bộ, an toàn, hiệu quả, bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái; tạo ra sản phẩm có thương hiệu, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu; giải quyết việc làm, cải thiện điều kiện kinh tế xã hội và</p>

NỘI DUNG QUY ĐỊNH	LUẬT, QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH	KẾT QUẢ RÀ SOÁT	LÝ DO QUY ĐỊNH
			<p>nâng cao thu nhập cho cộng đồng cư dân ven biển; góp phần tham gia bảo vệ an ninh, quốc phòng vùng biển đảo của Tổ quốc”.</p> <p>Do đó, để sớm chuyển đổi sang nuôi biển công nghệ cao, thân thiện môi trường, gia tăng hiệu quả kinh tế và đón đầu xu hướng nuôi biển trên thế giới, cần thiết phải có chính sách đặc thù riêng đối với nuôi biển nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, hộ dân đầu tư phát triển nuôi biển theo hướng công nghiệp, hiện đại ở các vùng biển mở, xa bờ tại Khánh Hoà để làm mẫu cho việc phát triển nuôi biển trên cả nước nhằm đạt mục tiêu của Bộ Chính trị đề ra tại Nghị quyết số 09-NQ/TW về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh hoà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “Phát triển mạnh kinh tế biển theo hướng: Nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, nhất là nuôi biển công nghệ cao, thân thiện với môi trường”.</p>

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Ký bởi: Ủy
ban nhân dân
tỉnh Khánh
Hòa
Email:
ubnd@khanh
hoa.gov.vn
Ngày ký:
10.03.2022
14:57:15

Số: 1905 /TTr-UBND

Khánh Hòa, ngày 07 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù trong hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị quyết và hồ sơ Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/1/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó có nội dung “*Xây dựng, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, trong đó có tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư... và phân cấp quản lý cho tỉnh Khánh Hòa, bảo đảm tương đồng với các thành phố khác trong cả nước, phù hợp vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hòa trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trình Quốc hội khóa XV thông qua*”.

Căn cứ Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy số 278-TB/TU ngày 28/02/2022 về việc cho ý kiến đối với nội dung đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa;

Được sự thống nhất của Tỉnh ủy Khánh Hòa, UBND tỉnh kính trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù trong hồ sơ Đề nghị xây dựng Nghị quyết và hồ sơ Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Khánh Hòa là tỉnh ven biển Nam Trung bộ, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng của cả nước. Tỉnh Khánh Hòa nằm ở vị trí trung tâm của các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ, có diện tích tự nhiên 5.199,6 km², dân số 1,240 triệu người; gồm 09 đơn vị hành chính cấp huyện, có 03 vịnh lớn là Vịnh Nha Trang, Vịnh Vân Phong, Vịnh Cam Ranh; là địa phương có chiều dài bờ biển hơn 385 km, có thềm lục địa và vùng lãnh hải rộng lớn với gần 200 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó quần đảo Trường Sa có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng cả về quốc phòng và bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ đất nước; có mũi Đồi là điểm cực Đông trên đất liền của Tổ quốc; là cửa ngõ hướng biển, tâm điểm kết nối vùng giữa Tây Nguyên với Nam Trung bộ, trong đó Khu kinh tế Vân Phong từng được định hướng trở thành

đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Khánh Hòa có mạng lưới giao thông khá thuận lợi, trên các trục giao thông đường bộ quan trọng của cả nước, có các cảng biển nước sâu, có sân bay quốc tế Cam Ranh với lưu lượng khách quốc tế đứng thứ 3 cả nước, là cửa ngõ giao thương quốc tế cho cả khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, lịch sử văn hóa đã tạo cho Khánh Hòa địa quân sự khá đặc biệt về quốc phòng và an ninh; là địa phương có tiềm năng rất lớn để phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhất là phát triển dịch vụ, du lịch và kinh tế biển, tạo động lực cho sự phát triển của khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên và cả nước.

Sau 10 năm thực hiện Kết luận số 53-KL/TW ngày 24/12/2012 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Khánh Hòa đã khai thác và phát huy tương đối tốt các tiềm năng, lợi thế, nhất là lợi thế về biển cho phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế tăng trưởng khá; thu ngân sách tăng nhanh, bảo đảm tự cân đối ngân sách địa phương và có điều tiết về Trung ương. Hệ thống đô thị ven biển được hình thành tương đối hiện đại. Khu kinh tế Vân Phong từng bước tác động tích cực đến phát triển kinh tế của tỉnh và vùng. Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Khánh Hòa là trung tâm du lịch biển quốc gia, có thương hiệu quốc tế; từng bước trở thành một cực tăng trưởng trong khu vực. Tỷ lệ hộ nghèo đạt mức thấp. Phát triển kinh tế - xã hội được kết hợp chặt chẽ với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc được bảo vệ vững chắc.

Tuy nhiên, tiềm năng, lợi thế của tỉnh chưa được khai thác hợp lý, phát huy hiệu quả, chưa tạo ra sự đột phá cho phát triển. Khánh Hòa chưa đạt được các tiêu chí để trở thành đô thị trực thuộc Trung ương; chưa thực sự trở thành đô thị hạt nhân, động lực phát triển, cửa ngõ chính ra Biển Đông của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Khu kinh tế Vân Phong phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Quy mô kinh tế còn khá nhỏ; cơ cấu kinh tế thiếu cân đối, phụ thuộc nhiều vào khu vực dịch vụ, sức chống chịu không cao. Trong hai năm vừa qua (2020 và 2021), Khánh Hòa là địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19, GRDP năm 2020 là - 10,5%, năm 2021 là - 5,58%. Du lịch phát triển chưa bền vững. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông chưa đồng bộ. Phát triển và quản lý đô thị còn nhiều bất cập. Thu nhập bình quân đầu người thấp, chênh lệch phát triển trong nội tỉnh còn cao; nguy cơ tái nghèo cao, nhất là tại những huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Kết quả hợp tác, liên kết với các địa phương khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên còn hạn chế.

Trong bối cảnh đó, xác định Khánh Hòa có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trung tâm kết nối vùng, cửa ngõ chính ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó đề ra yêu cầu phát huy mọi tiềm năng, lợi thế để phát triển tỉnh Khánh Hòa nhanh và bền vững, để

đến năm 2030 “là thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở phát huy cao độ tiềm năng và lợi thế về biển, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; là nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc”; tầm nhìn đến năm 2045 là “thành phố đáng sống, thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực châu Á; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh”. Đồng thời, Bộ Chính trị đã giao “Ban cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo: (1) Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết; (2) Xây dựng, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, trong đó có tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư... và phân cấp quản lý cho tỉnh Khánh Hòa, bảo đảm tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước, phù hợp vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hòa trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trình Quốc hội khóa XV thông qua”.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa là cần thiết, nhằm thể chế hóa các quan điểm, định hướng phát triển nêu trong Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, khắc phục những hạn chế, yếu kém và tạo cơ chế đột phá để huy động mọi nguồn lực, khai thác hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, góp phần đạt được các mục tiêu mà Bộ Chính trị đã đề ra.

II. VỀ QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa được xây dựng trên các quan điểm chỉ đạo, nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm tuân thủ quy định của Hiến pháp năm 2013; phù hợp với Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

2. Quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển Khánh Hòa thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với các quy định của luật hiện hành hoặc chưa quy định cụ thể.

3. Tăng cường phân cấp, tăng tính tự chủ, tăng trách nhiệm của chính quyền tỉnh Khánh Hòa, đồng thời đảm bảo nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân các cấp của Tỉnh. Việc ban hành các chính sách mới phải được đồng thuận của người dân và doanh nghiệp; bảo đảm sự ổn định và tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội, không ảnh hưởng lớn đến môi trường đầu tư, kinh doanh.

4. Quy định cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa phải phù hợp với bối cảnh thực tiễn phát triển của địa phương và phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của Nhà nước, trên cơ sở huy động đa dạng các nguồn lực xã hội để tập trung vào phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, từng bước giải quyết các thách thức, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới.

5. Các cơ chế, chính sách đặc thù để phát triển tỉnh Khánh Hòa phải đảm bảo tính tương đồng với các chính sách của một số thành phố lớn khác trong cả nước.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Quá trình xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết

- Ngày 11/02/2022: Tỉnh ủy Khánh Hòa đã làm việc với Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thống nhất chủ trương, nhiệm vụ triển khai, giao Thứ trưởng Trần Duy Đông và Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ chủ trì, phối hợp với tỉnh Khánh Hòa và các đơn vị liên quan thực hiện.

- Ngày 15/02/2022: Thứ trưởng Trần Duy Đông làm việc với tỉnh Khánh Hòa và các đơn vị thuộc Bộ để rà soát sơ bộ chính sách lần 1.

- Ngày 19/02/2022: Thứ trưởng Trần Duy Đông làm việc với tỉnh Khánh Hòa và các đơn vị thuộc Bộ để rà soát chi tiết chính sách lần 2.

- Ngày 23/02/2022: Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức Hội nghị lấy ý kiến của các Bộ ngành để đánh giá tính khả thi của các cơ chế, chính sách đề xuất.

- Ngày 26/02/2022: Thứ trưởng Trần Duy Đông làm việc với Tỉnh Khánh Hòa và các đơn vị hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

- Ngày 28/02/2022: Ban Thường vụ Tỉnh ủy Khánh Hòa đã họp thông qua phương án đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa theo Thông báo kết luận số 278-TB/TU.

Sau khi rà soát, hoàn thiện các nội dung đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa theo ý kiến góp ý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và chỉ đạo của Tỉnh ủy, phương án đề xuất cuối cùng gồm 16 chính sách cụ thể thuộc 05 nhóm chính sách chung:

- (1) Nhóm chính sách quản lý tài chính, ngân sách (3 chính sách)
- (2) Nhóm chính sách phân cấp, ủy quyền quản lý trong thực hiện quy hoạch, đất đai (4 chính sách)
- (3) Nhóm chính sách phát triển Khu Kinh tế Vân Phong (5 chính sách)
- (4) Nhóm chính sách phát triển kinh tế biển (2 chính sách)
- (5) Nhóm chính sách thu hút nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên

môn cao làm việc tại Khu Kinh tế Vân Phong và khu đô thị sân bay Cam Lâm (2 chính sách).

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, UBND tỉnh đã dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết và hồ sơ Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, gồm: (1) Xây dựng Đề án cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa; (2) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị quyết; (3) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị quyết; (4) Báo cáo đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; (5) Dự thảo Nghị quyết; (6) Tờ trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ về đề nghị xây dựng Nghị quyết; (7) Tờ trình của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ về dự thảo Nghị quyết.

2. Nội dung cơ chế, chính sách chủ yếu theo đề xuất của UBND tỉnh Khánh Hòa

UBND tỉnh Khánh Hòa đề xuất 16 chính sách trình Quốc hội ban hành thuộc các lĩnh vực: (i) Tài chính, ngân sách nhà nước (03 cơ chế, chính sách); (ii) Quy hoạch, quản lý đất đai (04 cơ chế, chính sách); (iii) Phát triển khu kinh tế Vân Phong (05 cơ chế, chính sách); (iv) Phát triển kinh tế biển (02 cơ chế, chính sách); (v) Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao (02 cơ chế, chính sách).

IV. TÊN, ĐỐI TƯỢNG PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Tên gọi của Nghị quyết: Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa.

2. Đối tượng áp dụng:

- Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
- Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết:

Nghị quyết này quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù đối với tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi là Tỉnh) về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước; phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, môi trường, đầu tư; tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công; phát triển Khu kinh tế Vân Phong; phát triển kinh tế biển và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

V. BỐ CỤC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI

Dự thảo Nghị quyết bao gồm 11 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Quản lý tài chính, ngân sách nhà nước
- Điều 4. Quản lý quy hoạch
- Điều 5. Quản lý đất đai
- Điều 6. Tách hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư ra khỏi dự án đầu tư công
- Điều 7. Phát triển Khu kinh tế Vân Phong
- Điều 8. Phát triển kinh tế biển
- Điều 9. Thu hút nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao làm việc tại Khu Kinh tế Vân Phong và Khu đô thị sân bay Cam Lâm
- Điều 10. Tổ chức thực hiện
- Điều 11. Điều khoản thi hành

VI. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH:

Để đạt được mục tiêu xây dựng và phát triển Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương như đã đặt ra tại Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa tập trung đề xuất 16 chính sách bao gồm: (i) Tài chính, ngân sách nhà nước; (ii) Quy hoạch; (iii) Đất đai; (iv) Tách hỗ trợ, bồi thường giải phóng mặt bằng; (v) Phát triển khu kinh tế Vân Phong; (vi) Phát triển kinh tế biển; (vii) Thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao. Cơ chế, chính sách cụ thể dưới đây:

1. Chính sách 01: Bổ sung có mục tiêu từ số tăng thu phần điều tiết ngân sách trung ương và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100%

a) Mục tiêu chính sách:

Khuyến khích địa phương phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước, tăng đóng góp của tỉnh về ngân sách Trung ương trong giai đoạn sau, vừa hỗ trợ cho ngân sách địa phương có đủ nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, nhất là phát triển nhanh kết cấu hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối các vùng, miền để tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương và là một cực tăng trưởng trung tâm của khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và của cả nước.

b) Nội dung chính sách:

Hàng năm, ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh không quá 70% số tăng thu ngân sách Trung ương từ các khoản thu phân chia giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương so với dự toán Chính phủ giao (phần còn lại sau khi thực hiện thương vượt thu theo quy định của Luật

Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13) và các khoản thu ngân sách trung ương hưởng 100% quy định tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước so với dự toán Chính phủ giao, nhưng không vượt quá tổng số tăng thu ngân sách trung ương trên địa bàn so với thực hiện năm trước và ngân sách trung ương không hụt thu. Việc xác định số bổ sung có mục tiêu trên cơ sở tổng các khoản thu, không tính riêng từng khoản thu.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

- Theo quy định khoản 5, khoản 6 Điều 19 Luật Ngân sách nhà nước, Quốc hội “quyết định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương...” và “quyết định mức bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương, bao gồm bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu”.

- Tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030, tỉnh Khánh Hòa là thành phố trực thuộc Trung ương, là một cực tăng trưởng trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghệ công nghiệp cao, khoa học công nghệ, du lịch. Đến năm 2045, tỉnh Khánh Hòa là đô thị thông minh, bền vững, mang bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á. Để phần đầu đạt được mục tiêu đã được Bộ Chính trị đề ra việc đầu tư và hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, kết nối đồng bộ với các tỉnh, thành phố trong khu vực, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế để kêu gọi và thu hút các doanh nghiệp đầu tư...là mục tiêu được đặt lên hàng đầu và phải được triển khai nhanh, hiệu quả đáp ứng được mục tiêu phát triển.

Tỉnh Khánh Hòa đang là tỉnh tự cân đối, có điều tiết số thu về ngân sách trung ương¹, tốc độ tăng trưởng bình quân thu ngân sách nhà nước của tỉnh giai đoạn 2012-2019 là 11%/năm, trong đó các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, các khoản thu NSTW hưởng 100% (tại các điểm b, c, d, g, h, i và q khoản 1 Điều 35 của Luật Ngân sách nhà nước) chiếm tỷ trọng 67% trong tổng thu NSNN.

Tuy nhiên, năm 2020 và năm 2021 do tác động của dịch bệnh COVID-19, số thu NSNN trên địa bàn giảm sâu (năm 2019 thu 19.074 tỷ đồng, năm 2020 thu 13.825 tỷ đồng, bằng 72% so với cùng kỳ và năm 2021 thu 14.076 tỷ đồng, tăng 1,8% so với cùng kỳ nhưng bằng 74% so với năm 2019), bên cạnh đó địa phương đã huy động tất cả các nguồn lực tài chính hợp pháp của địa phương bao gồm Quỹ dự trữ tài chính, nguồn cải cách tiền lương, nguồn tiết kiệm chi, thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên từ dự toán với số tiền 1.500 tỷ đồng để thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh và hỗ trợ người lao động bị ảnh hưởng do dịch

¹ Từ năm 2004 đến nay, tỉnh Khánh Hòa là một trong các tỉnh tự cân đối ngân sách và có điều tiết số thu về ngân sách trung ương. Cụ thể, tỷ lệ ngân sách địa phương được hưởng giai đoạn 2011-2016 là 77%, giai đoạn 2017-2021 là 72%, năm 2022 là 98%.

bệnh. Đồng thời, đã cắt giảm nhiệm vụ chi đầu tư từ dự toán để bù hụt thu, đảm bảo cân đối ngân sách địa phương.

Trước thực tiễn nguồn thu NSNN bị tác động do dịch bệnh, Chính phủ đã giao dự toán thu NSNN năm 2022 của tỉnh Khánh Hòa là 12.015 tỷ đồng, thấp hơn 5.245 tỷ đồng so với năm 2017 và thấp hơn 1.743 tỷ đồng so với năm 2021. Đồng thời, nguồn vốn ngân sách địa phương dành cho chi đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, các dự án, chương trình trọng điểm của tỉnh giai đoạn 2021-2025 chỉ đảm bảo được 29,4% nhu cầu (tổng nhu cầu vốn đầu tư công 70.140 tỷ đồng, tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 tỉnh Khánh Hòa là 21.116 tỷ đồng). Do đó, với nguồn lực hạn chế như hiện nay của tỉnh Khánh Hòa, để đạt được mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã được Bộ Chính trị đặt ra cho Tỉnh rất khó đạt được, rất cần có sự hỗ trợ từ ngân sách trung ương để địa phương có nguồn lực, động lực phát triển.

Vì vậy, việc thực hiện chính sách bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho tỉnh Khánh Hòa vừa hỗ trợ cho ngân sách địa phương có nguồn lực để đầu tư phát triển kinh tế xã hội của tỉnh hoàn thành được mục tiêu tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị, vừa khuyến khích địa phương phấn đấu tăng thu ngân sách nhà nước, tăng đóng góp của tỉnh về ngân sách trung ương trong giai đoạn sau.

Hiện nay Quốc hội đã cho phép áp dụng chính sách tương tự đối với thành phố Hồ Chí Minh tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017, thành phố Cần Thơ tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và thành phố Hải Phòng tại Nghị quyết số 35/2021/QH15 ngày 13/11/2021. Mặt khác, Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định yêu cầu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa bảo đảm tính tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước.

2. Chính sách 02: Nâng hạn mức dư nợ vay của ngân sách địa phương lên mức 60%

a) Mục tiêu chính sách:

Tạo điều kiện cho tỉnh Khánh Hòa huy động trước một phần nguồn lực để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng quan trọng, phù hợp với điều kiện, khả năng cân đối ngân sách của địa phương, đảm bảo an toàn, bền vững nợ công, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng Khu kinh tế Vân Phong, các dự án trọng điểm, có tính kết nối, lan tỏa vùng, miền trên địa bàn để tỉnh Khánh Hòa phát huy vai trò là trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ chính ra Biển Đông, có vai trò trung tâm kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ với các vùng, miền trong cả nước, quốc tế theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022.

b) Nội dung chính sách:

Tỉnh Khánh Hòa được vay thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, vay từ các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho tỉnh vay lại với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp. Tổng mức vay và bội chi ngân sách tỉnh hằng năm do Quốc hội quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Theo quy định tại Điểm c Khoản 6, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 về mức dư nợ vay của ngân sách địa phương: “*Đối với các địa phương có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương không vượt quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp*”. Khánh Hòa là tỉnh có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp lớn hơn chi thường xuyên của ngân sách địa phương nên mức dư nợ vay hiện nay của Tỉnh không vượt quá 30% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp.

Trong các nhiệm vụ, giải pháp Bộ Chính trị đề ra để xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022, có nhiệm vụ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại; hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số; làm cơ sở để Khánh Hòa phát huy vai trò là trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ chính ra Biển Đông, có vai trò trung tâm kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ với các vùng, miền trong cả nước, quốc tế; phát triển khu kinh tế Vân Phong trở thành động lực phát triển của tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ, Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế. Với mục tiêu phát triển là trung tâm kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ với các vùng, miền trong cả nước, quốc tế, phát triển khu kinh tế, khu đô thị sân bay, nhu cầu vốn để triển khai là rất lớn.

Tuy nhiên với nguồn lực còn hạn chế của địa phương sẽ không đảm bảo đủ nguồn để phát triển nhanh, đồng bộ nhiều ngành, nghề, lĩnh vực trong cùng một thời điểm. Vì vậy, cần thông qua phát hành trái phiếu địa phương, vay vốn các tổ chức tài chính trong nước, các tổ chức khác trong nước và từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ về cho tỉnh vay lại để huy động trước nguồn lực để thực hiện, đồng thời sử dụng nguồn vốn vay như nguồn ngân sách nhà nước để dẫn dắt và thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư phát triển cho hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn.

Trên cơ sở các dự án đã ký thỏa thuận vay nợ, dự kiến dư nợ ngân sách tỉnh Khánh Hòa đến thời điểm 31/12/2022 là 766 tỷ đồng. Hạn mức dư nợ tối đa được huy động theo quy định hiện hành là 2.737 tỷ đồng. Đối với các dự án đã thực hiện ký thỏa thuận vay, trong giai đoạn 2021-2025, Thủ tướng Chính phủ đã

phê duyệt mức vay là 1.273 tỷ đồng²; đồng thời, tỉnh Khánh Hòa đang triển khai dự án Phát triển tổng hợp tỉnh Khánh Hòa với tổng mức đầu tư 4.000 tỷ đồng, trong đó vốn vay là 2.800 tỷ đồng (70%) từ nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới. Như vậy, nhu cầu vốn vay của Tỉnh Khánh Hòa đối với các dự án đang triển khai đã vượt hạn mức vay nợ tối đa theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Với định hướng phát triển Tỉnh Khánh Hòa theo Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022, trong thời gian tới tỉnh Khánh Hòa cần huy động thêm nguồn lực tối thiểu 40.000 tỷ đồng³. Do đó, cần nâng hạn mức vay của tỉnh từ 30% lên 60%, theo đó hạn mức dư nợ vay tối đa của tỉnh Khánh Hòa 5.472 tỷ đồng (tính theo dự toán năm 2022), tăng 2.736 tỷ đồng so với quy định hiện hành sẽ bổ sung nguồn lực cho Tỉnh đáp ứng một phần nhu cầu vốn để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của Tỉnh nhằm đạt được mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị đã đề ra.

Nếu tỉnh sử dụng toàn bộ nguồn vốn vay này cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thì đây là nguồn lực rất có ý nghĩa với Khánh Hòa. Phân tích từ mô hình kinh tế lượng cho thấy, trong trường hợp Khánh Hòa có đủ năng lực thu vốn, khả năng vay nợ và đảm bảo phù hợp với giới hạn về tỷ lệ nợ công do Quốc hội phê duyệt hàng năm, chính sách có tác động tích cực khá đáng kể tới tăng trưởng kinh tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2030. Cụ thể, nếu sử dụng hết hạn mức vay tối đa 60%, khả năng huy động vốn đầu tư toàn xã hội có thể tăng thêm 45%; tăng trưởng GRDP tăng thêm 1,8 điểm %; thu ngân sách nhà nước theo đó có cơ hội tăng thêm khoảng 25% mỗi năm so với trường hợp không áp dụng cơ chế đặc thù (kịch bản cơ sở). Với khả năng thu này, tỉnh có khả năng đảm bảo được nghĩa vụ trả nợ theo hạn mức vay mới; đồng thời hướng tới mục tiêu tăng dần tỷ lệ điều tiết. Như vậy, chính sách có nhìn chung tác động lan tỏa tích cực, tạo điều kiện giúp Khánh Hòa tiến gần hơn tới các mục tiêu đã đặt ra tại Nghị quyết 09.

Hiện nay Quốc hội đã đồng ý cho tỉnh Thừa Thiên Huế, tỉnh Nghệ An được vay với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 40% số thu ngân sách tỉnh được hưởng theo phân cấp; Thành phố Hải Phòng, tỉnh Thanh Hóa được vay với tổng mức dư nợ vay không vượt quá 60% số thu ngân sách tỉnh, thành phố được hưởng theo phân cấp. Mặt khác, Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định yêu cầu xây dựng, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính bảo đảm tính tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước, phù hợp với vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hòa.

² Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án Nhà Trang; Sửa chữa và nâng cao an toàn đập; Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai; Nâng cao hiệu quả sử dụng nước tại các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán

³ Bao gồm các dự án: Hạ tầng khu kinh tế Vân Phong khoảng 3.000 tỷ đồng, Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng 400 tỷ đồng; Bệnh viện sản nhi 745 tỷ đồng; Đường ven biển từ xã Vạn Lương huyện Vạn Ninh đến thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa 1.498 tỷ đồng; Đường liên vùng huyện Diên Khánh 844 tỷ đồng; Đường D25 và Kênh thoát lũ Vĩnh Trung 1.490,7 tỷ đồng; Đường Vĩnh Bình-Cù Hin 1.028 tỷ đồng; Mở rộng cầu Cam Hải 600 tỷ đồng; Chương trình phát triển đô thị 30.000 tỷ đồng;...

3. Chính sách 03: Về định mức phân bổ chi thường xuyên

a) Mục tiêu chính sách:

Bảo đảm nguồn lực cần thiết để tỉnh Khánh Hòa thực hiện có hiệu quả các ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội. Nguồn kinh phí tăng thêm do tăng định mức phân bổ chi thường xuyên sẽ tạo điều kiện để tỉnh tập trung cho các huyện miền núi và phát triển các đô thị; từng bước đạt được các mục tiêu mà Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra.

b) Nội dung chính sách:

Tỉnh Khánh Hòa được phân bổ thêm 45% theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số khi xây dựng định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 và trong thời gian thực hiện Nghị quyết này.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

- Theo quy định tại khoản 16 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022: Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có cơ chế chính sách đặc thù hoặc có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương, được phân bổ thêm theo tỷ lệ phần trăm (%) số chi tính theo định mức dân số như sau: Thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh được phân bổ thêm 80%. Các thành phố Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ được phân bổ thêm 70%. Các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Thừa Thiên Huế được phân bổ thêm 45%. Các tỉnh còn lại có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 40% trở lên được phân bổ thêm 60%; các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương từ 15% đến dưới 40% được phân bổ thêm 50%; các địa phương có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương còn lại được phân bổ thêm 40%. Theo quy định hiện hành, tỉnh Khánh Hòa được phân bổ thêm 40% số chi thường xuyên tính theo định mức dân số. Tuy nhiên năm 2022, tỉnh Khánh Hòa tiệm cận với địa phương nhận bổ sung từ ngân sách trung ương nên chưa xác định phân bổ phần tăng thêm này.

- Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa có 02 huyện miền núi Khánh Sơn và huyện Khánh Vĩnh thuộc diện huyện nghèo 30a theo phê duyệt của Chính phủ với tỷ lệ người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm đa số, tỷ lệ hộ nghèo: huyện Khánh Vĩnh 45,9%, huyện Khánh Sơn 47,4%, tỷ lệ hộ cận nghèo: huyện Khánh Vĩnh 12,7%, huyện Khánh Sơn 18,9%; cơ sở hạ tầng xã hội còn hạn chế, đời sống nhân dân còn khó khăn, hàng năm ngân sách địa phương luôn ưu tiên nguồn vốn để đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, giảm tỷ lệ hộ nghèo qua từng năm. Tuy nhiên do nguồn lực ngân sách địa phương còn hạn chế, nguồn vốn hỗ trợ chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho hai huyện miền núi vươn lên thoát nghèo và phát triển. Mặt khác, với mục tiêu phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030 trở thành đô thị trực thuộc Trung ương nên nguồn lực để phát triển đô thị là rất lớn, tuy nhiên khả năng cân đối hàng năm còn khá hạn chế (khoảng 300 tỷ đồng/năm). Bên cạnh đó, một số chính sách do Trung ương ban hành nhưng chưa cân đối

được hoặc chỉ cân đối một phần nguồn kinh phí thực hiện, phần còn lại do địa phương phải tự đảm bảo, dẫn đến áp lực rất lớn cho cân đối ngân sách địa phương hằng năm của tỉnh. Dự kiến trong thời gian tới với yêu cầu phát triển hiện nay sẽ đòi hỏi nhu cầu chi lớn hơn nữa cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Trong giai đoạn 2023-2025, trường hợp địa phương được phân bổ thêm 45% định mức theo dân số, dự kiến kinh phí tăng thêm khoảng 750 tỷ đồng/năm sẽ có thêm nguồn lực để địa phương hỗ trợ phát triển cho 02 huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh thoát khỏi diện huyện nghèo 30a, đạt được mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2021-2025 đã đề ra, tăng tỷ lệ lao động có tay nghề và đầu tư phát triển đô thị với mục tiêu phát triển tỉnh Khánh Hòa trở thành đô thị trực thuộc Trung ương theo tinh thần của Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị.

Kết quả phân tích định lượng cho thấy, việc áp dụng cơ chế này có thể giúp huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tỉnh Khánh Hòa tăng thêm trung bình 5,1%; tăng trưởng GRDP cao hơn 0,2 điểm % và thu ngân sách địa phương tăng thêm 3,04 % so với kịch bản cơ sở - không áp dụng cơ chế đặc thù. Như vậy, có thể thấy, tác động của chính sách là khá rõ rệt, giúp cải thiện tăng trưởng kinh tế, vốn đầu tư và ngân sách trên địa bàn.

Đây là một đề xuất thay đổi so với quy định pháp luật hiện hành và thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, kiến nghị trình Quốc hội ban hành chính sách này ngay trong Nghị quyết của Quốc hội để đảm bảo hiệu lực pháp lý cũng như tính đồng bộ, thống nhất về cơ chế, chính sách, giúp đơn giản hóa trình tự, thủ tục, hồ sơ trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi để địa phương có thể triển khai thực hiện ngay các cơ chế, chính sách đặc thù sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết, qua đó sớm cụ thể hóa và đưa Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị vào cuộc sống.

Hiện nay Quốc hội đã cho phép áp dụng chính sách tương tự đối với tỉnh Thừa Thiên Huế tại Nghị quyết số 38/2021/QH15 ngày 13/11/2021, tỉnh Nghệ An tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 ngày 13/11/2021, tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 37/2021/QH15. Mặt khác, Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đã xác định yêu cầu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Khánh Hòa bảo đảm tính tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước.

4. Chính sách 04: Phân cấp quản lý quy hoạch

a) Mục tiêu chính sách:

Tạo điều kiện rút ngắn thời gian, trình tự thủ tục điều chỉnh cục bộ quy hoạch nhằm rút ngắn thời gian hoàn thành các mục tiêu phát triển theo Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị và phù hợp với mô hình thí điểm chính quyền đô thị theo hướng phân cấp, tăng cường trách nhiệm cho UBND tỉnh

Khánh Hòa; tạo lợi thế cho Tỉnh Khánh Hòa trở thành cực tăng trưởng, trung tâm của Vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước, một đô thị phát triển toàn diện và bền vững, đồng thời thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của tỉnh.

b) Nội dung chính sách:

Trên cơ sở đồ án quy hoạch xây dựng khu chức năng, quy hoạch đô thị tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa thực hiện phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị theo trình tự, thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định và báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Theo quy định tại Điều 51 Luật Quy hoạch đô thị về trình tự tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị: Cơ quan có trách nhiệm tổ chức lập quy hoạch đô thị lập báo cáo về nội dung và kế hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị, tổ chức xin ý kiến cộng đồng dân cư trong khu vực điều chỉnh quy hoạch và các khu vực xung quanh có ảnh hưởng trực tiếp và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị xem xét, quyết định việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị bằng văn bản trên cơ sở ý kiến của cơ quan thẩm định quy hoạch đô thị.

Theo quy định tại khoản 7 Điều 29 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch: Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch đô thị đối với quy hoạch chung thành phố trực thuộc trung ương, quy hoạch chung thành phố thuộc tỉnh là đô thị loại I, quy hoạch chung đô thị mới có quy mô dân số dự báo tương đương với đô thị loại III trở lên và đô thị mới có phạm vi quy hoạch liên quan đến địa giới hành chính của hai tỉnh trở lên.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch: Khu chức năng bao gồm khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao.

Theo quy định tại khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế, quy hoạch chung xây dựng khu công nghệ cao; quy hoạch chung xây dựng khu du lịch, khu nghiên cứu, đào tạo, khu thể dục thể thao cấp quốc gia.

Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đặt ra mục tiêu đến năm 2030 Khánh Hòa sẽ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là một cực tăng trưởng trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước. Trong đó: thành phố Nha Trang là đô thị hạt nhân; thành phố Cam Ranh là đô thị du lịch - logistics; huyện Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp



quốc tế; huyện Vạn Ninh trở thành đô thị du lịch biển cao cấp; thị xã Ninh Hòa là đô thị công nghiệp; huyện Diên Khánh là đô thị sinh thái, văn hóa truyền thống; huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh là các tiểu đô thị sinh thái núi rừng; huyện Trường Sa là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước, là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Đồng thời, quá trình phát triển kinh tế - xã hội để triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, tỉnh Khánh Hòa kỳ vọng sẽ có những bước phát triển đột phá về hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị, hạ tầng xây dựng khu kinh tế, khu công nghiệp. Do vậy, cần thiết phải điều chỉnh cục bộ các quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, nhất là các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ (Quy hoạch chung thành phố Nha Trang, Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong,...) nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu thực tiễn này.

Trong khi đó, thời gian thực hiện còn lại (08 năm) là tương đối ngắn trong khi khối lượng công việc để hoàn thành mục tiêu nêu trong Nghị quyết số 09-NQ/TW là rất lớn. Việc phân cấp thẩm quyền cho UBND tỉnh Khánh Hòa tiến hành điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, quy hoạch chung đô thị theo trình tự thủ tục do Thủ tướng Chính phủ quy định sẽ rút ngắn thời gian thực hiện điều chỉnh quy hoạch và góp phần tạo điều kiện thúc đẩy, thu hút một số dự án đầu tư phát triển hạ tầng trọng điểm của tỉnh.

Mặt khác, Quốc hội đã đồng ý cho thành phố Đà Nẵng áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020, thành phố Hải Phòng tại Nghị quyết số 35/2021/QH15, tỉnh Nghệ An tại Nghị quyết số 36/2021/QH15, tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 và thành phố Cần Thơ tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022.

5. Chính sách 05: Phân cấp thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng

a) Mục tiêu chính sách:

Tăng cường phân cấp, đảm bảo sự chủ động cho địa phương và rút ngắn thời gian chuyển đổi mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ so với quy định hiện hành. Hỗ trợ địa phương phản ứng nhanh với những yêu cầu cấp bách về nguồn lực đất đai; qua đó đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư toàn xã hội, đồng thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đưa vào khai thác các dự án đầu tư trên địa bàn.

b) Nội dung chính sách:

1. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha; quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 1.000 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ.

2. Việc quyết định chuyển mục đích sử dụng đất phải thực hiện công khai, lấy ý kiến người dân, đối tượng chịu sự tác động của chuyển đổi mục đích sử dụng và bảo đảm nguyên tắc, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng

rừng sang mục đích khác theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về lâm nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng rừng thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa do Thủ tướng Chính phủ quy định.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013 quy định điều kiện giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác mà không thuộc trường hợp được Quốc hội quyết định, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ được quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất khi có: “Văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng từ 10 héc ta đất trồng lúa trở lên; từ 20 héc ta đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trở lên”.

Khoản 2 Điều 20 Luật Lâm nghiệp quy định: “Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng dưới 50 ha; rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ biên giới từ 20 ha đến dưới 50 ha; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay và rừng phòng hộ chắn sóng, lấn biển từ 20 ha đến dưới 500 ha; rừng sản xuất từ 50 ha đến dưới 1.000 ha”.

Thực tế triển khai một số dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa nói chung, đặc biệt là các dự án thực hiện trên địa bàn thuộc các huyện miền núi Khánh Sơn, Khánh Vĩnh để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đưa 02 huyện này trở thành “các tiêu đô thị sinh thái núi rừng” theo mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị, cần phải thực hiện trên diện tích đất có rừng và phải thực hiện trình tự, thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện. Tuy nhiên, thẩm quyền quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất sang mục đích khác theo quy định thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, do đó địa phương và chủ đầu tư sẽ phải cần nhiều thời gian hơn để hoàn thiện trình tự, thủ tục dẫn đến có thể ảnh hưởng tiến độ của các dự án.

Mặt khác, quá trình thực hiện một số dự án đầu tư trọng điểm trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là một số dự án triển khai trong Khu Kinh tế Vân Phong có ảnh hưởng đến một số diện tích rừng cần phải chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Do đó, địa phương và chủ đầu tư sẽ phải mất nhiều thời gian để hoàn thiện trình tự, thủ tục, ảnh hưởng không nhỏ đến cơ hội, hiệu quả thu hút, thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở đó, đề nghị giao Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha; quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 1.000 ha theo ủy quyền của Thủ

tướng Chính phủ. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa dưới 500 ha; quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất dưới 1.000 ha theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ. Hiện nay, Quốc hội đã đồng ý cho Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chính sách đặc thù tương tự tại Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24/11/2017, thành phố Hải Phòng tại Nghị quyết số 35/2021/QH15, tỉnh Nghệ An tại Nghị quyết số 36/2021/QH15 và tỉnh Thanh Hóa tại Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021, thành phố Cần Thơ tại Nghị quyết số 45/2022/QH15 ngày 11/01/2022.

6. Chính sách 06: Thực hiện chuẩn bị thu hồi đất đối với các dự án có vốn ngoài ngân sách nhà nước

a) Mục tiêu chính sách:

Tạo điều kiện rút ngắn được thời gian triển khai dự án sau khi lựa chọn được nhà đầu tư, tạo thêm thời gian, giảm bớt áp lực về tiến độ thực hiện cho các nhà đầu tư trong việc triển khai dự án,... qua đó gián tiếp nâng cao chất lượng công trình, sớm đưa dự án vào hoạt động.

b) Nội dung chính sách:

(i) Đối với dự án ngoài ngân sách phù hợp với quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai và có quy mô từ 300ha trở lên, cho phép cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi.

(ii) Hội đồng nhân dân tỉnh được quyết định sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các nội dung quy định điểm (i) khoản này.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Đối với dự án đầu tư có vốn ngoài ngân sách nhà nước phù hợp với quy hoạch được duyệt thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai, việc bồi thường hỗ trợ tái định cư chỉ được thực hiện sau khi đã xác định được nhà đầu tư (thông qua hình thức đấu thầu hoặc chấp thuận nhà đầu tư), việc tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư không thể thực hiện được như đối với dự án đầu tư công. Trong khi đó, để đẩy nhanh tiến độ, quá trình phục hồi và phát triển kinh tế tỉnh Khánh Hòa sau đại dịch COVID-19, rất cần triển khai sớm các công trình, dự án lớn, nhất là về hạ tầng khu công nghiệp và hạ tầng khu đô thị mới; đây cũng là mong muốn của các nhà đầu tư có năng lực, có cam kết đầu tư lâu dài tại tỉnh. Tuy nhiên, trình tự thực hiện công tác thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội được quy định tại Điều 69 Luật Đất đai mất nhiều thời gian: Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; Lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định thu hồi đất, phê duyệt và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Căn cứ điều 40 Luật đất đai (sửa đổi tại điều 6 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch), nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã thể hiện đầy đủ chỉ tiêu các loại đất, ranh giới dự án được cụ thể hóa trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất. Việc thực hiện thu hồi đất phải được xây dựng đến kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện (trên cơ sở quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện). Việc thẩm định và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thực hiện theo Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai thì trình tự thủ tục thực hiện do UBND cấp huyện tổ chức lập quy hoạch, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt. Trường hợp quy hoạch sử dụng đất cấp huyện được phê duyệt trước nhưng không phù hợp với quy hoạch tỉnh được phê duyệt sau thì quy hoạch sử dụng đất cấp huyện sẽ điều chỉnh lại cho phù hợp với quy hoạch cấp cao hơn.

Trong quá trình thực hiện công tác thu hồi đất sẽ phát sinh các trường hợp: nếu người sử dụng đất bị thu hồi không phối hợp trong quá trình thực hiện điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thì phải quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo Điều 70 Luật Đất đai; nếu người có đất bị thu hồi không bàn giao đất cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì phải thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo Điều 71 Luật Đất đai. Với quy định nêu trên, dự án bị kéo dài thời gian thực hiện, tăng chi phí, phải thực hiện điều chỉnh dự án (nếu có), chậm đưa vào hoạt động, ảnh hưởng nguồn lực của xã hội, không kịp thời chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Để phục hồi và phát triển kinh tế của tỉnh, đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư toàn xã hội, cần thiết phải có các cơ chế đặc thù, linh hoạt nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đưa vào khai thác các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Việc triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng thường mất rất nhiều thời gian, nhất là các dự án có quy mô lớn từ 300 ha trở lên. Nếu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện trước công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm, xác minh nguồn gốc đất để phục vụ việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho đối tượng có đất bị thu hồi, sẽ rút ngắn được thời gian triển khai dự án sau khi lựa chọn được nhà đầu tư, tạo thêm thời gian, giảm bớt áp lực về tiến độ thực hiện cho các nhà đầu tư trong việc triển khai dự án,... qua đó gián tiếp nâng cao chất lượng công trình, sớm đưa dự án vào hoạt động.

7. Chính sách 07: Tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công

a) Mục tiêu chính sách:

Tạo điều kiện triển khai công tác giải phóng mặt bằng ngay sau khi phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các dự án có phạm vi sử dụng đất rõ ràng, đầy

nhanh thời gian hoàn thiện dự án, giảm chi phí giải phóng mặt bằng và hạn chế việc phải điều chỉnh dự án. Tạo điều kiện đẩy nhanh việc xây dựng khu tái định cư, tạo thêm thời gian cho các khâu đấu thầu, xây lắp. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, tính khả thi của các dự án, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế. Phân định, làm rõ trách nhiệm của từng cấp liên quan trong việc giải phóng mặt bằng của dự án, xác định đúng chủ thể liên quan trong việc áp dụng các chế tài xử lý, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chủ động, linh hoạt của các ngành, các cấp.

b) Nội dung chính sách:

(i) Cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể quyết định tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập (sau đây gọi là dự án giải phóng mặt bằng) khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể; quyết định mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm đầu tư và Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng tại quyết định chủ trương đầu tư dự án tổng thể.

(ii) Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng căn cứ chủ trương đầu tư dự án tổng thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định đầu tư, điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng trong phạm vi mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm thực hiện dự án tổng thể. Trường hợp điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng phát sinh yếu tố phải điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể, thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tổng thể trước khi điều chỉnh dự án giải phóng mặt bằng.

(iii) Quyết định đầu tư dự án giải phóng mặt bằng là căn cứ để cấp có thẩm quyền quyết định bố trí kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước để thực hiện, đồng thời là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất ban hành thông báo thu hồi đất, quyết định thu hồi đất.

(iv) Nội dung nhiệm vụ thực hiện trong dự án giải phóng mặt bằng gồm: công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm; rà phá bom, mìn, vật nổ, di dời công trình hạ tầng kỹ thuật.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Theo quy định của Điều 5 Luật Đầu tư công, trong “Trường hợp thật sự cần thiết tách riêng việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập, đối với dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội xem xét, quyết định; đối với dự án nhóm A do Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Việc tách riêng dự án độc lập được thực hiện khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A”.

Như vậy, việc tách hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư thành một dự án độc lập trong quá trình phê duyệt chủ trương đầu tư chưa được áp dụng đối với dự án đầu tư công nhóm B, C. Do đó, quy định này đang tạo ra một số vướng mắc, hạn chế trong triển khai, như gây kéo dài thời gian thực hiện

công tác giải phóng mặt bằng, tăng chi phí bồi thường, phải thực hiện điều chỉnh dự án; ảnh hưởng đến tính khả thi của việc thực hiện dự án khi một số nhà tài trợ nước ngoài yêu cầu dự án phải có mặt bằng sạch trước khi ký kết Hiệp định.

Do đó, cần thiết cho phép địa phương tách riêng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập khi phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tổng thể đối với các dự án nhằm đẩy thời gian hoàn thiện dự án, giảm chi phí giải phóng mặt bằng và hạn chế việc phải điều chỉnh dự án. Tạo điều kiện đẩy nhanh việc xây dựng khu tái định cư, tạo thêm thời gian cho các khâu đầu thầu, xây lắp. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, tính khả thi của các dự án, bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế.

8. Chính sách 08: Thu hút đầu tư trong khu Kinh tế Vân Phong

a) Mục tiêu chính sách:

Ban hành các cơ chế, chính sách hấp dẫn, vượt trội nhằm thu hút các nhà đầu tư chiến lược, là nhà đầu tư có năng lực tài chính, quản trị, có cam kết bằng văn bản về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao; cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực gắn bó lợi ích lâu dài với Khu kinh tế Vân Phong và có dự án đầu tư thuộc danh mục dự án ưu tiên vào Khu kinh tế Vân Phong, tạo động lực phát triển và thu hút các nhà đầu tư khác cùng tham gia đầu tư. Bên cạnh quyền lợi và ưu đãi vượt trội đối với các dự án, nhà đầu tư chiến lược phải có trách nhiệm hỗ trợ huy động nguồn lực giúp phát triển cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực của khu kinh tế.

b) Nội dung chính sách:

Thu hút nhà đầu tư chiến lược:

(i) Nhà đầu tư chiến lược là nhà đầu tư có cam kết bằng văn bản về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao; cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, gắn bó lợi ích lâu dài với Khu kinh tế Vân Phong; có dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu kinh tế Vân Phong quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này và đáp ứng một trong các điều kiện sau:

- Có vốn điều lệ từ 10.000 tỷ đồng trở lên hoặc có tổng tài sản từ 25.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 2, 3 và 7 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 4 và 6 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 5 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 2.000 tỷ đồng trở lên.

- Có vốn điều lệ từ 250 tỷ đồng trở lên để thực hiện các dự án đầu tư tại mục 1 Phụ lục của Nghị quyết này và có kinh nghiệm đầu tư dự án tương tự có tổng vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên.

(ii) Quyền của nhà đầu tư chiến lược:

- Được chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư chiến lược thực hiện dự án thuộc danh mục ngành, nghề ưu tiên quy định tại Phụ lục của Nghị quyết này trong trường hợp dự án đầu tư chỉ có một nhà đầu tư chiến lược đề xuất hoặc có từ hai nhà đầu tư trở lên mà trong đó có một nhà đầu tư chiến lược đề xuất thực hiện. Trường hợp có hai nhà đầu tư chiến lược trở lên quan tâm đề xuất thực hiện cùng 01 dự án thì việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Được ưu tiên hỗ trợ thủ tục đầu tư kinh doanh và thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Được tham gia trong quá trình lập quy hoạch, xây dựng chính sách áp dụng tại Khu kinh tế Vân Phong.

- Được tổ chức, tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tại Khu kinh tế Vân Phong.

(iii) Nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược:

- Tổ chức thực hiện dự án theo các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.

- Nhà đầu tư ứng trước kinh phí cho Nhà nước để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai; ứng trước kinh phí cho Nhà nước thực hiện dự án đầu tư công xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu tái định cư, các công trình khác ngoài hàng rào dự án đầu tư của nhà đầu tư nhưng tối thiểu 200 tỷ đồng trong thời hạn không quá 01 năm kể từ khi dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại mục 2, 3, 6 và 7 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này. Khoản tiền ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của dự án đầu tư mà nhà đầu tư phải nộp. Mức được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, số tiền còn lại (nếu có) được tính vào vốn đầu tư của dự án.

- Kể từ khi cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, thực hiện giải ngân không quá 05 năm đối với các dự án quy định tại mục 2, 3 và 7; không quá 03 năm đối với các dự án còn lại quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Nghị quyết này.

- Thành lập tổ chức kinh tế tại tỉnh Khánh Hòa để quản lý dự án tại Khu kinh tế Vân Phong.

- Hỗ trợ kinh phí để đào tạo nghề đối với lao động bị ảnh hưởng tại khu vực dự án; ưu tiên tiếp nhận lao động địa phương vào làm việc tại dự án; thực hiện cam kết về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao (nếu có).

(iv) Các dự án quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này của nhà đầu tư chiến lược được hưởng các ưu đãi đầu tư sau:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian 20 năm liên tục kể từ năm đầu tiên doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế, miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo, trừ các dự án đầu tư quy định tại mục 2, 3 và 7 của Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

- Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước tối đa 20 năm sau thời gian miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản nhưng không quá một nửa thời hạn sử dụng đất.

- Nhà đầu tư chiến lược có dự án đầu tư tại Khu Kinh tế Vân Phong thuộc Phụ lục của Nghị quyết này được hưởng chế độ ưu tiên về thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan và thủ tục về thuế theo quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của dự án đầu tư do nhà đầu tư chiến lược thực hiện tại Khu Kinh tế Vân Phong khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

+ Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục;

+ Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có chương trình công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp nối mạng với cơ quan hải quan;

+ Thực hiện thanh toán qua ngân hàng;

+ Có hệ thống kiểm soát nội bộ;

+ Chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán.

- Được hỗ trợ tiền điện trong một thời gian thích hợp theo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh Khánh Hòa.

(v) Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, trường hợp nhà đầu tư chiến lược không đáp ứng các điều kiện về vốn, tiến độ giải ngân và các điều kiện khác về nhà đầu tư chiến lược thì Trường ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong điều chỉnh ưu đãi đầu tư, các chính sách khác đối với nhà đầu tư chiến lược quy định tại Nghị quyết này. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm về các hậu quả phát sinh do không thực hiện đúng cam kết của mình.

(vi) Căn cứ Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu Kinh tế Vân Phong theo quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm ban hành danh mục dự án cụ thể và thực hiện lựa

chọn nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại khoản (ii) Điều này và pháp luật có liên quan.

Danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút đầu tư tại Khu kinh tế Vân Phong:

1. Trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D), công nghệ thông tin, nghiên cứu, sản xuất và chuyên giao công nghệ cao trong lĩnh vực đại dương, hàng hải, sinh học, dược liệu biển và sinh thái biển có quy mô vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên.

2. Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại – tài chính gắn với cảng biển, dịch vụ hậu cần cảng biển có quy mô vốn đầu tư từ 12.000 tỷ đồng trở lên;

3. Khu đô thị với quy mô theo diện tích đất từ 300 ha trở lên hoặc có quy mô dân số trên 50.000 người; Kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp có quy mô vốn đầu tư từ 25.000 tỷ đồng trở lên;

4. Đầu tư công nghiệp năng lượng sạch, dịch vụ logistics, công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, cơ khí chính xác, điện tử, du lịch chăm sóc sức khỏe có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 6.000 tỷ đồng.

5. Xây dựng và kinh doanh cảng hàng không, sân bay; Đầu tư bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I.

6. Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu phi thuế quan có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên.

7. Xây dựng và kinh doanh dịch vụ, du lịch và vui chơi giải trí tổng hợp có sân golf có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 30.000 tỷ đồng.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

- Theo khoản 1 Điều 13 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2020 quy định về mức ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời gian mười lăm năm đối với Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao. Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao.....; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; bảo vệ môi trường; dự án quy mô vốn đầu tư lớn.

- Theo khoản 1, 1a Điều 20 Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp 2020 quy định về thời gian ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như sau: “1. Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 13 của Luật này và doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được miễn thuế tối đa không quá bốn năm

và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo. Đối với các dự án đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng miễn thuế tối đa không quá 06 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 13 năm tiếp theo”.

- Theo quy định hiện hành, khái niệm nhà đầu tư chiến lược chưa được định nghĩa thống nhất. Để đảm bảo thu hút được các nhà đầu tư coi là nhà đầu tư chiến lược thì cần phải xác định các tiêu chí đủ lớn, đặc biệt về quy mô dự án đầu tư và tiềm lực tài chính của nhà đầu tư, để lựa chọn được nhà đầu tư này tham gia vào hoạt động đầu tư phát triển tại Khu kinh tế Vân Phong, tránh tình trạng thu hút các nhà đầu tư năng lực yếu.

- Trong những năm qua, Khu kinh tế (KKT) Vân Phong đã được xác định là vùng động lực phát triển, là một trong ba vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh Khánh Hòa. Tuy nhiên, đến nay KKT Vân Phong chưa được nằm trong nhóm các khu kinh tế ven biển được ưu tiên đầu tư, không được hưởng các cơ chế ưu đãi về vốn đầu tư hạ tầng nên nguồn vốn đầu tư hạ tầng từ Trung ương cho KKT Vân Phong thời gian qua rất thấp (giai đoạn từ 2012-2021 khoảng 1.280 tỷ đồng), không đáp ứng được nhu cầu đầu tư hạ tầng thiết yếu tại KKT Vân Phong theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Khu kinh tế cũng chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư tiềm năng để đầu tư các dự án quy mô lớn làm động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế của KKT Vân Phong nói riêng và tỉnh Khánh Hòa nói chung nếu so sánh với các Khu kinh tế Vân Đồn, Phú Quốc. Để thu hút nhà đầu tư chiến lược vào phát triển khu kinh tế Vân Phong cần phải tạo cơ chế, chính sách đặc biệt nhất là thông qua các chính sách ưu đãi về thuế, miễn giảm tiền sử dụng đất. Bên cạnh những ưu đãi về thuế cần phải có cơ chế cải cách thủ tục hành chính trong việc chấp thuận chủ trương đầu tư và chấp thuận nhà đầu tư chiến lược. Việc cải cách thủ tục này phải bảo đảm nhà đầu tư chiến lược được tiếp cận dự án và thực hiện tiến độ giải ngân nhanh, tránh tình trạng vướng mắc trong khâu lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

9. Chính sách 09: Bán hàng miễn thuế cho khách du lịch tại khu phi thuế quan

a) Mục tiêu chính sách:

Thị trường dịch vụ mới có tính đột phá và cạnh tranh quốc tế; góp phần nâng cao giá trị gia tăng các ngành dịch vụ, du lịch, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, thương mại, du lịch, thu hút nguồn lao động có chất lượng cao đến làm việc tại Khu kinh tế Vân Phong.

b) Nội dung chính sách:

(i) Khách du lịch là người nước ngoài được mua hàng miễn thuế tại khu phi thuế quan bằng hai lần định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh cho từng lần nhập cảnh theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Một người được mua một lần trong 01 ngày và không quá 04 lần trong 30 ngày liên tục.

(ii) Hàng mua miễn thuế theo quy định tại điểm (i) nêu trên được nhận ở khu cách ly đối với khách du lịch bằng máy bay, tàu biển; trường hợp rời Khu phi thuế quan bằng đường bộ thì nhận hàng tại địa điểm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Hiện nay, Nghị định 100/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 28/8/2020 về Kinh doanh hàng miễn thuế chưa cho phép đối tượng khách du lịch được mua hàng miễn thuế tại Khu phi thuế quan. Bên cạnh đó, Điều 6 Nghị định 134/2016/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01/9/2016 về Miễn thuế đối với hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh quy định mức miễn thuế nhập khẩu đối với hành lý của người nhập cảnh bằng hộ chiếu hoặc giấy tờ thay hộ chiếu, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài cấp, có tổng trị giá hải quan không quá 10.000.000 đồng Việt Nam (rượu, thuốc lá có định mức riêng). Hiện nay, Luật Thuế giá trị gia tăng chưa cho phép hàng hóa miễn thuế nhập khẩu bán cho khách du lịch tại khu phi thuế quan là đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Để đẩy mạnh thu hút khách du lịch tới tỉnh Khánh Hòa nói chung và Khu kinh tế Vân Phong cần có chính sách bán hàng miễn thuế cho khách du lịch tại khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế. Chính sách này cũng sẽ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao giá trị gia tăng các ngành dịch vụ, du lịch, đẩy mạnh các hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, thương mại, du lịch, thu hút nguồn lao động có chất lượng cao đến làm việc tại Khu kinh tế Vân Phong.

10. Chính sách 10: Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại khu vực Bắc Vân Phong không phải dành một phần diện tích đất để xây dựng nhà ở xã hội. UBND tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội tương ứng ở vị trí phù hợp tại Khu kinh tế Vân Phong.

a) Mục tiêu chính sách:

Chính sách này sẽ tạo động lực thu hút các doanh nghiệp đầu tư dự án nhà ở thương mại phù hợp với định hướng phát triển trở thành đô thị du lịch biển cao cấp của huyện Vạn Ninh.

b) Nội dung chính sách:

Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại khu vực Bắc Vân Phong không phải dành một phần diện tích đất để xây dựng nhà ở xã hội. UBND tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội tương ứng ở vị trí phù hợp tại Khu kinh tế Vân Phong.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Khoản 2 Điều 16 Luật Nhà ở 2014 quy định “Tại các đô thị loại đặc biệt, loại 1, loại 2 và loại 3 thì chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại phải dành

một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của Chính phủ. Đối với các loại đô thị còn lại, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương để yêu cầu chủ đầu tư phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội”.

Theo nội dung Nghị quyết 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị thì huyện Vạn Ninh (khu vực phía Bắc Khu kinh tế Vân Phong) được định hướng trở thành khu đô thị du lịch biển cao cấp. Vì vậy, để tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp đầu tư dự án khu đô thị tại khu vực Bắc Vân Phong phù hợp với định hướng của Nghị quyết số 09-NQ/TW, phần diện tích bố trí quy hoạch phát triển nhà ở xã hội đối với các dự án khu đô thị cần thiết phải bố trí ở khu vực khác để phù hợp với định hướng phát triển chung.

11. Chính sách 11: Quy định về miễn thị thực tại khu vực Bắc Vân Phong

a) Mục tiêu chính sách:

Tăng sức hút, tính cạnh tranh của khu vực Bắc Vân Phong, chính sách quy định việc miễn thị thực với thời gian tạm trú không quá 60 ngày (cao hơn thời gian quy định của pháp luật về xuất nhập cảnh và được thực hiện thí điểm trong thời gian 5 năm), cấp thị thực điện tử đối với người nước ngoài vào khu vực Bắc Vân Phong là một trong những chính sách đặc thù cần được ban hành, tạo điều kiện thuận lợi thu hút khách du lịch nước ngoài, các nhà đầu tư, nhà quản lý, chuyên gia người nước ngoài khi nhập cảnh vào khu vực Bắc Vân Phong để du lịch, làm việc, từ đó giúp tăng nguồn thu, thu hút đầu tư, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tại khu vực Bắc Vân Phong, góp phần phát triển kinh tế tại địa phương.

b) Nội dung chính sách:

(i) Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong được miễn thị thực với thời gian tạm trú tại khu vực Bắc Vân Phong không quá 60 ngày nếu hộ chiếu còn thời hạn sử dụng ít nhất 90 ngày; trường hợp có nhu cầu đến các địa phương khác ngoài khu vực Bắc Vân Phong thì phải được cơ quan kiểm soát xuất nhập cảnh cấp thị thực theo quy định của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

(ii) Người nước ngoài nhập cảnh vào khu vực Bắc Vân Phong được tạm trú không quá 60 ngày tại khu vực Bắc Vân Phong trong các trường hợp sau đây:

- Thuộc diện miễn thị thực theo điều ước quốc tế mà thời hạn tạm trú dưới 60 ngày;

- Sử dụng thị thực, thẻ tạm trú, giấy miễn thị thực, thẻ doanh nhân APEC còn thời hạn dưới 60 ngày.

(iii) Người nước ngoài nhập cảnh với mục đích vào khu vực Bắc Vân Phong thuộc diện phải có thị thực nhưng không thuộc Danh sách các nước có công dân được thí điểm cấp thị thực điện tử có thể được cấp thị thực điện tử theo quy định của Chính phủ.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Theo quy định Điều 12 Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 ngày 16/6/2014 và Khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, của người nước ngoài tại Việt Nam số 51/2019/QH14 ngày 25/11/2019; các trường hợp được miễn thị thực: “1. Theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; 2. Sử dụng thẻ thường trú, thẻ tạm trú theo quy định của Luật này; 3. Vào khu kinh tế cửa khẩu, đơn vị hành chính – kinh tế đặc biệt; 3a. Vào khu kinh tế ven biển do Chính phủ quyết định khi đáp ứng đủ các điều kiện: có sân bay quốc tế, có không gian riêng biệt, có ranh giới địa lý xác định, cách biệt với đất liền, phù hợp với chính sách phát triển kinh tế - xã hội và không làm phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam; 4. Theo quy định tại Điều 13 của Luật này; 5. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài có hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp và người nước ngoài là vợ, chồng, con của họ; người nước ngoài là vợ, chồng, con của công dân Việt Nam được miễn thị thực theo quy định của Chính phủ.”

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Luật Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2019), chúng nhận tạm trú: “1. Người nước ngoài nhập cảnh không có thẻ thường trú, thẻ tạm trú còn giá trị sử dụng thì được cấp chứng nhận tạm trú tại cửa khẩu với thời hạn như sau: a) Thời hạn tạm trú cấp bằng thời hạn thị thực; trường hợp thị thực có ký hiệu DL thời hạn trên 30 ngày thì cấp tạm trú 30 ngày và được xem xét gia hạn tạm trú theo quy định tại Điều 35 của Luật này; b) Đối với người được miễn thị thực theo điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên thì thời hạn tạm trú cấp theo quy định của điều ước quốc tế, nếu điều ước quốc tế không quy định thời hạn tạm trú thì cấp tạm trú 30 ngày; c) Đối với công dân của nước được Việt Nam đơn phương miễn thị thực thì cấp tạm trú 15 ngày, nếu vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt hoặc khu kinh tế ven biển quy định tại khoản 3a Điều 12 của Luật này thì cấp tạm trú theo quy định tại điểm d khoản này; d) Đối với người không thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này vào khu kinh tế cửa khẩu thì cấp tạm trú 15 ngày, vào đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt hoặc khu kinh tế ven biển quy định tại khoản 3a Điều 12 của Luật này thì cấp tạm trú 30 ngày.”

Theo quy định tại Điều 19a Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi, bổ sung năm 2019): “Điều 19a. Các nước có công dân được cấp thị thực điện tử và các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử. 1. Việc cấp thị thực điện tử áp dụng với công dân của nước có đủ điều kiện quy định tại

CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước để Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong tiếp tục được phân cấp, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo đúng quy định pháp luật.

- Về sử dụng lao động nước ngoài:

Đối với nội dung chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài của nhà thầu theo quy định tại Nghị định 152/2020/NĐ-CP thuộc thẩm quyền chấp thuận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nhiệm vụ này chưa được ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong thực hiện. Hiện nay các nhà thầu thực hiện dự án đầu tư trong Khu kinh tế Vân Phong (dự án đã được Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong cấp Giấy chứng nhận đầu tư) thực hiện thủ tục đăng ký nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội là cơ quan tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh thực hiện thủ tục. Việc chưa phân cấp, ủy quyền đầy đủ cho Ban Quản lý KKT, KCN các nhiệm vụ trên ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về lao động tại KKT, KCN chưa được thống nhất, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tại KKT, KCN khi thực hiện các thủ tục liên quan. Do vậy, cần tạo điều kiện để Ban Quản lý nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ được giao, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về lao động một cách nhanh chóng, thuận lợi, phù hợp theo quy định của pháp luật.

13. Chính sách 13: Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển

a) Mục tiêu chính sách:

Phát triển nghề nuôi trồng thủy sản tỉnh Khánh Hòa theo phương thức nuôi công nghiệp, hiện đại, quy mô lớn, đem lại hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hình thành vùng nuôi biển xa bờ vừa đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, vừa góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng.

Xây dựng mô hình thí điểm cho các địa phương khác trong cả nước học tập, áp dụng để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản trên biển xa bờ trước tình trạng ngành khai thác thủy sản đang dần cạn kiệt và đón đầu xu thế nuôi trồng thủy sản trên biển của các nước trong khu vực và trên thế giới.

b) Nội dung chính sách:

(i) Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản trên biển (sau đây gọi là nuôi biển) và cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam trong khu vực biển ngoài 6 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý, thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa.

(ii) Miễn tiền sử dụng khu vực biển cho hoạt động nuôi biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động nuôi biển ngoài vùng biển 6 hải lý, vùng biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý.

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động nuôi biển của tổ chức có hoạt động nuôi biển ngoài vùng biển 6 hải lý, vùng biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý.

(iii) Miễn tiền sử dụng khu vực biển cho hoạt động nuôi biển 10 năm đầu và giảm 50% cho thời gian còn lại đối với hoạt động nuôi biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động nuôi biển trong vùng biển 3-6 hải lý.

Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 10 năm đầu và giảm 50% cho thời gian còn lại đối với hoạt động nuôi biển của tổ chức có hoạt động nuôi biển trong vùng biển 3-6 hải lý.

(iv) Miễn lệ phí trước bạ đối với tàu, thuyền đăng ký tại tỉnh Khánh Hòa để phục vụ trực tiếp cho hoạt động nuôi biển.

(v) Ngân sách địa phương hỗ trợ 100% kinh phí mua bảo hiểm tai nạn cho người lao động làm việc trên lồng bè nuôi trồng thủy sản và trên các phương tiện phục vụ cho hoạt động nuôi biển; hỗ trợ 80% kinh phí mua bảo hiểm rủi ro thiên tai đối với đối tượng thủy sản nuôi trên biển trong khu vực biển ngoài 6 hải lý, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 6 hải lý; 60% đối với vùng biển 3-6 hải lý.

(vi) Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành quy định tiêu chí, nguyên tắc, trình tự thủ tục thực hiện khoản (v) Điều này.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

- Về thẩm quyền giao khu vực biển, cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển:

Tại điểm b khoản 3 Điều 44 Luật Thủy sản 2017 quy định: “Bộ Tài nguyên và Môi trường giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản đối với trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 39 của Luật này”.

Tại khoản 2 Điều 39 Luật Thủy sản 2017 quy định: “Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam trong khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý”.

- Về ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước cho hoạt động trồng thủy sản trên biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân:

Hiện nay chưa có quy định ưu đãi tiền thuê đất, thuê mặt nước cho hoạt động trồng thủy sản trên biển của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, quy định:

“1. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê trong các trường hợp sau:

a) Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn”.

- Về ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động trồng thủy sản trên biển:

Căn cứ Văn bản hợp nhất Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/VBHN-VPQH ngày 15/7/2020 của Văn phòng Quốc hội:

“Điều 13. Ưu đãi về thuế suất

2. Áp dụng thuế suất 10% đối với:

d) Thu nhập của doanh nghiệp từ: trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; nuôi trồng lâm sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh chế muối, trừ sản xuất muối quy định tại khoản 1 Điều 4 của Luật này; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm”.

- Về ưu đãi lệ phí trước bạ đối với tàu, thuyền, phương tiện phục vụ trực tiếp cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển:

Tại Nghị định 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về lệ phí trước bạ không quy định về ưu đãi lệ phí trước bạ đối với tàu, thuyền, phương tiện phục vụ trực tiếp cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển.

Nghề nuôi trồng thủy sản trong đó có nuôi trồng thủy sản trên biển đóng vai trò quan trọng đối với lĩnh vực thủy sản của Việt Nam cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội tại Khánh Hòa⁴. Theo Quy hoạch phát triển ngành thủy sản tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035, tỷ trọng ngành thủy sản chiếm khoảng 60% – 63% cơ cấu ngành nông nghiệp, với giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 725 – 1.042 triệu USD, tăng trưởng bình quân khoảng 3% – 4%/năm. Tuy nhiên, hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển của Khánh Hòa nói riêng và Việt Nam nói chung hiện nay chủ yếu là nuôi gần bờ, quy mô nhỏ lẻ, vật liệu lồng bè nuôi bằng gỗ truyền thống độ bền thấp, không ổn định, sử dụng thức ăn tươi... đang gây ô nhiễm môi trường và chông chéo với việc sử dụng điện tích mặt nước với các ngành kinh tế khác dẫn tới hiệu quả không cao. Mặt khác, những năm gần đây do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu làm cho các hiện tượng thời tiết, thiên tai cực đoan như mưa, gió, bão tố, lũ lụt, khô hạn, nắng nóng,... xuất hiện thường xuyên hơn, chuyển biến theo chiều hướng cực đoan và khắc

⁴ Trong mục tiêu phát triển bền vững ngành thủy sản, Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045 đã nêu rõ “Phát triển thủy sản trên biển thành một lĩnh vực sản xuất hàng hóa, khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản quy mô công nghiệp và ở các vùng biển mở; tạo khối lượng sản phẩm lớn phục vụ chế biến xuất khẩu và tiêu thụ nội địa”.

nghiệt hơn trước nên đã ảnh hưởng trực tiếp, nặng nề đến ngành nuôi trồng thủy sản.

Trên thế giới, nuôi trồng thủy sản trên biển đang có xu hướng chuyển từ các trại quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu sang nuôi trồng công nghiệp, quy mô lớn với công nghệ hiện đại; chuyển từ vùng nước ven bờ, với hệ sinh thái nhạy cảm và dễ chồng lấn với các hoạt động kinh tế khác, ra vùng biển xa bờ và tiến dần ra nuôi trên đại dương; chuyển từ quy mô hộ gia đình sang quy mô doanh nghiệp, với các chính sách khuyến khích và thu hút đầu tư; thiết lập quy hoạch phát triển nuôi biển quốc gia, tăng cường công cụ quản lý nhà nước và cơ chế đồng quản lý (PPP); xây dựng hệ thống cảnh báo, kiểm soát ô nhiễm môi trường, và cảnh báo, đảm bảo an ninh nuôi biển; đồng thời, thiết lập chuỗi giá trị, liên kết trại nuôi với hệ thống cung cấp thức ăn, giống, chế biến, tiêu thụ, phân phối, v.v...

Trung Quốc là một quốc gia nằm trong nhóm dẫn đầu về nuôi trồng thủy sản trên biển với sản lượng nuôi trồng vượt 50 triệu tấn (2018), xuất khẩu sản phẩm nuôi trồng thủy sản đứng đầu thế giới; có thể sản xuất 2 triệu tấn cá hồi/năm, vượt Na Uy (1,2 triệu tấn) và xác định phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển là quốc sách. Trung Quốc có kế hoạch thí điểm đóng 178 trại nuôi trồng thủy sản trên biển với các kiểu lồng thép cỡ lớn, được thả vào các vùng biển tranh chấp. Kết hợp nuôi trồng thủy sản trên biển với điện gió: phát triển hơn 60.000 ha cỏ biển, lập các trại nuôi cá xa bờ cùng tuabin gió phát điện ngoài khơi...

Do đó, cần có cơ chế ưu đãi nhằm phát triển nghề nuôi trồng thủy sản tỉnh Khánh Hòa theo phương thức nuôi công nghiệp, hiện đại, quy mô lớn, đem lại hiệu quả kinh tế cao, đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường sinh thái; hình thành vùng nuôi biển xa bờ vừa đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội, vừa góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng.

14. Chính sách 14: Thành lập Quỹ phát triển nghề cá Trường Sa

a) Mục tiêu chính sách:

Huy động nguồn lực hợp pháp toàn xã hội, của các tổ chức, cá nhân nước ngoài và có cơ chế tài chính sử dụng phù hợp để huy động nguồn lực khác nhằm phát triển nhanh nghề cá tại Trường Sa, một trong những ngư trường trọng điểm của cả nước.

Căn cứ nguồn tài chính và mục đích thành lập thì Quỹ phát triển nghề cá Trường Sa thuộc loại hình đặc thù kết hợp giữa quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và quỹ xã hội. Quỹ được thành lập để sử dụng riêng cho công tác phát triển nghề cá tại Trường Sa; việc hình thành Quỹ nhằm tăng cường huy động vốn đầu tư của khu vực kinh tế tư nhân và nhận hỗ trợ của nguồn ngân sách nhà nước của các tỉnh, thành phố trong nước có mong muốn được đóng góp tài chính để chung tay thực hiện công tác phát triển huyện đảo Trường Sa trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước.

b) Nội dung chính sách:

(i) Cho phép thành lập Quỹ phát triển nghề cá Trường Sa để bổ sung nguồn lực phục vụ việc phát triển nghề cá và đầu tư cho công trình, hạng mục hạ tầng cảng cá, cơ sở chế biến, dịch vụ hậu cần nghề cá tại huyện Trường Sa. Quỹ phát triển nghề cá Trường Sa là Quỹ Quốc gia được Chính phủ thành lập và giao cho tỉnh Khánh Hòa trực tiếp quản lý.

(ii) Quỹ phát triển nghề cá Trường Sa được tiếp nhận từ nguồn ngân sách nhà nước của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hỗ trợ, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn thu hợp pháp khác. Không sử dụng ngân sách của tỉnh Khánh Hòa để hỗ trợ Quỹ. Nguồn thu của Quỹ chỉ dùng để đầu tư phát triển nghề cá và đầu tư cho các công trình, hạng mục hạ tầng cảng cá, cơ sở chế biến, dịch vụ hậu cần nghề cá tại huyện Trường Sa chưa được ngân sách nhà nước đầu tư hoặc đầu tư chưa đủ.

(iii) Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ cho Quỹ phát triển nghề cá Trường Sa thực hiện đầu tư phát triển nghề cá tại huyện Trường Sa.

(iv) Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và quy chế hoạt động của Quỹ.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Khu vực quần đảo Trường Sa là một vùng ngư trường truyền thống rộng lớn, phong phú và rất đa dạng về nguồn lợi thủy sản... nhưng do cách xa đất liền khiến cho nên việc khai thác dài ngày của ngư dân gặp nhiều khó khăn trong việc bảo quản sản phẩm, bổ sung nhiên liệu, lương thực, thực phẩm, đặc biệt tiềm ẩn những nguy cơ mất an toàn khi gặp sự cố hay dông bão trên biển.

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã thực hiện chủ trương về xây dựng chiến lược biển Việt Nam, nhằm hỗ trợ bà con ngư dân thực hiện có hiệu quả hoạt động khai thác hải sản xa bờ. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn cũng có dự án đầu tư khu dịch vụ hậu cần và khu làng chài tại Đảo Đá Tây; việc xây dựng và đưa các công trình trên khu vực quần đảo Trường Sa vào hoạt động đã phần nào giúp cho bà con ngư dân giải quyết những khó khăn kể trên.

Việc xây dựng các căn cứ dịch vụ, hậu cần nghề cá tại các xã, thị trấn huyện đảo Trường Sa tỉnh Khánh Hòa là chủ trương lớn, đúng đắn và hết sức kịp thời của Đảng, Nhà nước, phù hợp với tâm tư nguyện vọng của ngư dân. Thời gian qua, các lực lượng chức năng đã đồng hành cùng bà con ngư dân, hỗ trợ một cách tốt nhất để ngư dân vươn khơi bám biển, nâng cao thu nhập, làm giàu chính đáng, tạo bước đệm vững chắc cho ngành thủy sản và phát triển ngành thủy sản theo hướng khai thác, đánh bắt, chế biến xa bờ.

Tuy nhiên, việc đầu tư xây dựng các công trình, hạng mục hạ tầng để phát triển nghề cá và các công trình, hạng mục hạ tầng cảng cá, cơ sở chế biến, dịch vụ hậu cần nghề cá tại huyện đảo Trường Sa thời gian qua chưa đáp ứng được nhu cầu do khoảng cách giữa các đảo trong Quần đảo Trường Sa là rất lớn, thiếu các cơ sở chế biến, các cảng cá đủ lớn cho tàu công suất lớn của ngư dân, hiện

chưa có Trung tâm hậu cần nghề cá ở khu vực phía Bắc của huyện đảo - ngư trường truyền thống đánh bắt cá ngừ của ngư dân các tỉnh Bình Định, Phú Yên.... Trong khi đó, nguồn vốn từ ngân sách nhà nước đã bố trí trong những năm qua còn hạn chế. Do đó, cần huy động thêm nguồn lực toàn xã hội để đầu tư phát triển nghề cá Trường Sa, góp phần đưa Trường Sa trở thành “trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước” theo đúng định hướng nêu trong Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị, để phục vụ không chỉ ngư dân tỉnh Khánh Hòa mà còn ngư dân của các tỉnh Nam Trung bộ và cả nước.

Quỹ phát triển nghề cá Trường Sa là Quỹ Quốc gia thuộc loại hình đặc thù kết hợp giữa quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và quỹ xã hội được Chính phủ cho phép thành lập và giao cho tỉnh Khánh Hòa trực tiếp quản lý. Hiện nay, tại Hồ sơ dự thảo Nghị quyết Quốc hội đã có dự thảo Nghị định của Chính phủ về thành lập và hoạt động của Quỹ, trong đó đã quy định các nội dung về: mô hình, địa vị pháp lý, tính chất, cơ chế tài chính, bộ máy quản lý, điều hành... của Quỹ.

Nguồn tài chính của Quỹ gồm: nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nguồn thu hợp pháp khác và nguồn ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hỗ trợ... Đối với nguồn từ ngân sách của các tỉnh, thành phố là nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương đó đóng góp cho Quỹ để thực hiện nhiệm vụ chung là phát triển nghề cá tại các đảo thuộc quần đảo Trường Sa (không phải hỗ trợ riêng cho ngân sách tỉnh Khánh Hòa). Do vậy, nhiệm vụ chi của Quỹ sẽ phục vụ công tác đầu tư phát triển nghề cá và đầu tư cho các công trình, hạng mục hạ tầng cảng cá, cơ sở chế biến, dịch vụ hậu cần nghề cá tại huyện Trường Sa chưa được ngân sách nhà nước đầu tư hoặc đầu tư chưa đủ. Việc sử dụng Quỹ để đầu tư công trình, dự án được thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Thủy sản... sau khi quyết toán sẽ ghi thu ghi chi vào ngân sách nhà nước.

15. Chính sách 15: Ưu đãi thuế thu nhập cá nhân đối với nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao trong và ngoài nước làm việc tại Khu Kinh tế Vân Phong và Khu đô thị sân bay Cam Lâm

a) Mục tiêu chính sách:

Tạo điều kiện phát triển, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước, thúc đẩy sự chuyên nghiệp, hiện đại, mang tầm quốc tế của lực lượng lao động; đảm bảo nguồn nhân lực hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra tại Nghị quyết số 09-NQ/TW về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó phát triển Khu kinh tế Vân Phong trở thành động lực phát triển của tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ; Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế.

b) Nội dung chính sách:

- Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời gian 05 năm, kể từ khi bắt đầu làm việc tại Khu Kinh tế Vân Phong và Khu đô thị sân bay Cam Lâm và giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp trong các năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ công việc phát sinh tại Khu Kinh tế Vân Phong và Khu đô thị sân bay Cam Lâm nhưng không quá năm 2030 đối với nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao trong và ngoài nước làm việc tại Khu Kinh tế Vân Phong và Khu đô thị sân bay Cam Lâm.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành quy định tiêu chí xác định đối tượng nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao trong và ngoài nước trong các lĩnh vực cần thu hút làm việc tại Khu Kinh tế Vân Phong và Khu đô thị sân bay Cam Lâm.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Trước đây, quy định về “giảm 50% thuế thu nhập với người có thu nhập thuộc diện chịu thuế thu nhập, kể cả người Việt Nam và người nước ngoài làm việc tại khu kinh tế” được quy định tại khoản 5 Điều 16 Nghị định 29/2008/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 128/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc giảm thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế. Tuy nhiên, Nghị định 82/2018/NĐ-CP của Chính phủ thay thế Nghị định 29/2008/NĐ-CP không còn quy định việc miễn thuế thu nhập cá nhân với cá nhân làm việc tại khu kinh tế. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 42/2019/TT-BTC ngày 12/7/2019 bãi bỏ Thông tư số 128/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 hướng dẫn về việc giảm thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân làm việc tại khu kinh tế.

Do hiện nay không còn cơ chế, chính sách về miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân đối với nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao trong và ngoài nước nên hạn chế trong việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đến làm việc Khu Kinh tế Vân Phong và Khu đô thị sân bay Cam Lâm để đảm bảo nguồn nhân lực hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/1/2022 về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Do đó, cần có chính sách ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân là một trong những chính sách góp phần thu hút các nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao trong và ngoài nước đến làm việc tại Khánh Hòa, nhất là Khu Kinh tế Vân Phong và Khu đô thị sân bay Cam Lâm.

16. Chính sách 16: Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với người quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao là người nước ngoài làm việc tại Khu Kinh tế Vân Phong và Khu đô thị sân bay Cam Lâm được mua nhà ở

a) Mục tiêu chính sách:

Tạo điều kiện thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt đối với người quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao là người nước ngoài đến làm việc và sinh sống tại Khu Kinh tế Vân Phong và Khu đô thị

sân bay Cam Lâm nhằm phát triển Khu kinh tế Vân Phong trở thành động lực phát triển của tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ; Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế theo Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị.

b) Nội dung chính sách:

- Cho phép người quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao là người nước ngoài làm việc tại Khu Kinh tế Vân Phong và Khu đô thị sân bay Cam Lâm được mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế và sở hữu tăng thêm không quá 5% số lượng căn hộ trong một tòa nhà chung cư và tăng thêm không quá 50 căn nếu là nhà ở riêng lẻ bao gồm nhà biệt thự, nhà ở liền kề trên một khu vực có số dân tương đương một đơn vị hành chính cấp phường ngoài số lượng quy định tại Luật Nhà ở.

- Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành quy định tiêu chí xác định đối tượng nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao trong và ngoài nước trong các lĩnh vực cần thu hút làm việc tại Khu Kinh tế Vân Phong và khu đô thị sân bay Cam Lâm.

c) Giải pháp chính sách đã lựa chọn:

Khoản 2 Điều 161 Luật Nhà ở quy định:

“2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 159 của Luật này có các quyền của chủ sở hữu nhà ở như công dân Việt Nam nhưng phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Chỉ được mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế và sở hữu không quá 30% số lượng căn hộ trong một tòa nhà chung cư; nếu là nhà ở riêng lẻ bao gồm nhà biệt thự, nhà ở liền kề thì trên một khu vực có số dân tương đương một đơn vị hành chính cấp phường chỉ được mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế và sở hữu không quá hai trăm năm mươi căn nhà.

b) Trường hợp trong một khu vực có số dân tương đương một đơn vị hành chính cấp phường mà có nhiều nhà chung cư hoặc đối với nhà ở riêng lẻ trên một tuyến phố thì Chính phủ quy định, cụ thể số lượng căn hộ, số lượng nhà ở riêng lẻ mà tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua, thuê mua, nhận tặng cho, nhận thừa kế và sở hữu”.

Luật Nhà ở năm 2014 và các quy định khác có liên quan, chưa có quy định cụ thể về các cơ chế, chính sách sở hữu nhà ở cho người nước ngoài là các nhà khoa học, chuyên gia có chuyên môn cao.

Theo báo cáo đánh giá, chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Khánh Hòa chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh. Cơ cấu lực lượng lao động theo chuyên môn kỹ thuật của Khánh Hòa thấp hơn bình quân chung cả nước. Trong thời gian tới, định hướng phát triển của Khánh Hòa nói chung sẽ đột phá ở Khu kinh tế Vân Phong và Khu đô thị sân bay Cam Lâm, sẽ phát sinh nhu cầu thu hút nhiều nhà khoa học, các chuyên gia có trình độ chuyên môn cao đến làm việc. Từ

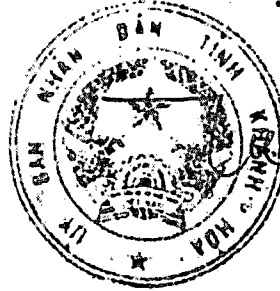
đó, chắc chắn sẽ phát sinh nhu cầu về nhà ở lâu dài tại Việt Nam. Do vậy, chính sách này sẽ thúc đẩy thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt đối với nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn cao là người nước ngoài đến làm việc và sinh sống tại Khu Kinh tế Vân Phong và Khu đô thị sân bay Cam Lâm.

Trên đây là nội dung cơ bản của đề nghị xây dựng Nghị quyết và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, UBND tỉnh Khánh Hòa kính trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, sớm có chỉ đạo triển khai thực hiện các bước kế tiếp theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Ban cán sự đảng UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, HM, HP, TT. ¹³

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

BÁO CÁO

**ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỈNH KHÁNH HÒA ĐẾN NĂM 2030,
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

*(Kèm theo Tờ trình số 1905/TTr-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

Khánh Hòa, tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và định hướng phát triển tỉnh Khánh Hoà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Phân mở đầu

TỔNG QUAN VỀ TỈNH KHÁNH HOÀ VÀ MỤC TIÊU CỦA BÁO CÁO

I. Tổng quan về tỉnh Khánh Hoà

Khánh Hoà là tỉnh ven biển Nam Trung bộ, có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh quốc phòng của cả nước. Tỉnh Khánh Hoà nằm ở vị trí trung tâm của các tỉnh duyên hải Nam Trung bộ, có diện tích tự nhiên 5.199,6 km², dân số 1,240 triệu người; gồm 09 đơn vị hành chính cấp huyện¹, trong đó có 03 vịnh lớn được đánh giá là những vịnh đẹp của thế giới là Vịnh Nha Trang, Vịnh Vân Phong, Vịnh Cam Ranh; là địa phương có chiều dài bờ biển hơn 385 km, có thềm lục địa và vùng lãnh hải rộng lớn với gần 200 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó quần đảo Trường Sa có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng cả về quốc phòng và bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ đất nước; có mũi Đồi là điểm cực Đông trên đất liền của Tổ quốc; là cửa ngõ hướng biển, tâm điểm kết nối vùng giữa Tây Nguyên với Nam Trung bộ, trong đó Khu kinh tế Vân Phong từng được định hướng trở thành Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

Khánh Hoà có mạng lưới giao thông khá thuận lợi, trên các trục giao thông đường bộ quan trọng của cả nước²; có các cảng biển lớn³; nhất là sân bay quốc tế Cam Ranh với lưu lượng khách quốc tế đứng thứ 3 cả nước, là cửa ngõ giao thương quốc tế cho cả khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Biển và tiềm năng kinh tế biển là những nét nổi bật của Khánh Hoà. Với khí hậu ôn hòa, biển xanh, cát trắng, nắng vàng, cảnh quan thiên nhiên phong phú, đa dạng, người dân hiền hòa, Khánh Hoà đã trở thành địa chỉ du lịch nổi tiếng mang tầm khu vực và quốc tế. Vị trí địa lý của tỉnh Khánh Hoà còn có ý nghĩa quan trọng về mặt quốc phòng, an ninh do nằm gần đường hàng hải quốc tế sôi động, có huyện đảo Trường Sa, quân cảng Cam Ranh.

Ngoài ra, Khánh Hoà còn là vùng đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, kiên cường, dũng cảm trong kháng chiến chống ngoại xâm; được ghi nhận qua nhiều sự kiện lịch sử⁴. Trong kháng chiến chống Pháp, điển hình là khởi nghĩa giành chính quyền ở Nha Trang ngày 19/8/1945, cùng ngày với cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền tại thủ đô Hà Nội; bao vây quân Pháp 101 ngày đêm, làm

¹ Gồm: thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh, thị xã Ninh Hòa, 06 huyện là Vạn Ninh, Diên Khánh, Cam Lâm, Khánh Vĩnh, Khánh Sơn và huyện đảo Trường Sa

² Quốc lộ 1 và tuyến đường sắt Bắc - Nam; Quốc lộ 26 nối thị xã Ninh Hòa với tỉnh Đắk Lắk và các tỉnh Tây Nguyên; Quốc lộ 27B nối thành phố Cam Ranh với tỉnh Ninh Thuận và các tỉnh Tây Nguyên; Quốc lộ 27C nối thành phố Nha Trang với thành phố Đà Lạt; tuyến cao tốc Bắc Nam phía Đông.

³ Cảng Cam Ranh, cảng Nha Trang...

⁴ Tiêu biểu là cuộc biểu tình ngày 16/7/1930 tại huyện Tân Định (thị xã Ninh Hòa ngày nay) tiếp sáu cuộc biểu tình ngày 01/5/1930 của công nhân Trường Thi, Bến Thủy tỉnh Nghệ An, góp phần châm ngòi nổ cho phong trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh và cao trào cách mạng cả nước trong những năm 1930- 1931

thất bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của địch ra các tỉnh Nam Trung bộ. Trong kháng chiến chống Mỹ, Đảng bộ và nhân dân Khánh Hòa đã bền bỉ đấu tranh với chính sách "tố cộng" và "diệt cộng", đẩy mạnh phong trào cách mạng ở miền núi, bảo tồn lực lượng cách mạng; phối hợp với bộ đội chủ lực tiến công và nổi dậy đánh đuổi trên 60 vạn quân địch, giải phóng tỉnh Khánh Hòa ngày 2/4/1975, góp phần vào đại thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Bên cạnh đó, Khánh Hòa còn là tỉnh miền Nam duy nhất được đón Bác Hồ trở lại kể từ khi Người rời Bến Nhà Rồng ra đi tìm đường, cứu nước.

Điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý, lịch sử văn hóa đã tạo cho Khánh Hòa địa quân sự khá đặc biệt về quốc phòng và an ninh; là địa phương có tiềm năng rất lớn để phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhất là phát triển dịch vụ, du lịch và kinh tế biển, tạo động lực cho sự phát triển của khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên và cả nước.

II. Mục tiêu phương pháp tiếp cận của Báo cáo

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Khánh Hoà, giai đoạn 2011-2021, trên cơ sở đó, đề ra các định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

1.2. Mục tiêu cụ thể

(i) Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hoà, giai đoạn 2011-2021: Các kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém, rút ra các bài học kinh nghiệm; (ii) Phân tích bối cảnh mới trong nước, quốc tế và chỉ ra những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; (iii) Đề xuất quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu nhằm phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2. Phương pháp tiếp cận

Báo cáo được xây dựng dựa trên kết quả tổng kết đánh giá 10 năm thực hiện Kết luận số 53-KL/TW, ngày 24 tháng 12 năm 2012 của Bộ Chính trị khoá XI về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (viết tắt là Kết luận số 53-KL/TW) và Nghị quyết 09-NQ/TW, ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hoà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH KHÁNH HOÀ, GIAI ĐOẠN 2011-2021

A. KẾT QUẢ CHỦ YẾU

I. Về phát triển kinh tế

1. Quy mô kinh tế và tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người

1.1. Quy mô kinh tế

Giai đoạn 2012-2019, nhờ khai thác, phát huy tiềm năng, thế mạnh về phát triển dịch vụ, du lịch biển đảo và kinh tế biển, quy mô kinh tế của tỉnh liên tục được mở rộng (GRDP). Năm 2019, quy mô GRDP tỉnh Khánh Hòa đạt 86,386 nghìn tỷ đồng (theo giá hiện hành), gấp 2,42 lần năm 2011; đứng thứ 3 trong khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, thứ 5 trong vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung và thứ 24 cả nước. Tuy nhiên, trong hai năm 2020-2021, kinh tế của tỉnh chịu ảnh hưởng rất lớn bởi đại dịch COVID-19, hầu hết các ngành, lĩnh vực đều chịu tác động tiêu cực. Năm 2020, quy mô GRDP của tỉnh, theo giá hiện hành, đạt 81.154 tỷ đồng, gấp 2,28 lần năm 2011 (35.664 tỷ đồng), giảm so với năm 2019⁵; đóng góp 1% GDP cả nước, 7% GRDP vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung và 13% GRDP khu vực duyên hải Nam Trung bộ, đứng thứ 6/8 tỉnh khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, thứ 9/14 tỉnh vùng Bắc trung bộ và Duyên hải miền Trung.

1.2. Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người và thu nhập bình quân đầu người

Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người của Khánh Hòa đến năm 2019 đạt 70,07 triệu đồng, gấp 2,3 lần năm 2011⁶. So với các tỉnh trong vùng, GRDP bình quân đầu người của Khánh Hòa tương đối cao, năm 2019-2020, đứng thứ 3 trong vùng⁷. Riêng năm 2020 do ảnh hưởng của dịch COVID-19, tốc độ tăng của chỉ tiêu này giảm 9,2%, tính chung cả giai đoạn 2012-2020 tốc độ tăng GRDP bình quân đầu người đạt 4,9% (cả vùng đạt 6,18%; cả nước 4,95%). Trong giai đoạn 2012-2015, tốc độ tăng GRDP bình quân đầu người của tỉnh đạt 6,24%/năm; giai đoạn 2016-2020 đạt 3,8%/năm.

Thu nhập bình quân 1 người 1 tháng của tỉnh Khánh Hòa năm 2020 theo giá hiện hành đạt khoảng 3.154 nghìn đồng, giảm khoảng 17% so với năm 2019. Bình quân mỗi năm trong thời kỳ 2010-2020, thu nhập bình quân đầu người 1 tháng tăng 9,6%, cao hơn so với tốc độ tăng chung cả nước 8,2%. Giai đoạn 2010-2016, bình quân mỗi năm thu nhập bình quân đầu người 1 tháng của tỉnh Khánh Hòa tăng bình

⁵ Theo Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

⁶ Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người của Khánh Hòa sơ bộ năm 2020 đạt 65,4 triệu đồng/người, gấp 2,1 lần năm 2011 (30,5 triệu đồng/người). Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

⁷ GRDP bình quân đầu người năm 2020 của tỉnh Thanh Hóa đạt 50,5 triệu đồng/người; Thành phố Đà Nẵng đạt 88,3 triệu đồng/người; tỉnh Bình Thuận đạt 67,5 triệu đồng/người; tỉnh Quảng Ngãi đạt 65,2 triệu đồng/người; tỉnh Quảng Nam đạt 62,9 triệu đồng/người...

quân khoảng 15%, bằng tốc độ tăng của vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung. Giai đoạn 2016-2020, tốc độ tăng thu nhập bình quân của tỉnh giảm còn 2,2%, thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng chung của vùng (9,6%).

2. Tăng trưởng kinh tế

2.1. Tốc độ tăng trưởng

Năm 2020, dịch COVID-19 đã tác động nghiêm trọng tới các ngành dịch vụ, du lịch vốn là thế mạnh trong phát triển kinh tế khiến GRDP của tỉnh giảm tới 10,52% so với năm 2019, là tỉnh chịu thiệt hại nặng nề nhất về kinh tế so với các địa phương trong cả nước, kéo tốc độ tăng GRDP bình quân cả giai đoạn 2016-2020 chỉ đạt 3,83%/năm⁸, rất thấp so với tốc độ tăng trưởng của vùng và cả nước⁹. Trung bình cả giai đoạn 2012-2020, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt 5,17%/năm¹⁰, thấp hơn mức bình quân của khu vực duyên hải Nam Trung bộ (6,03%), vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung (6,88%) và cả nước (6,86%). Năm 2021, kinh tế của tỉnh tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong phục hồi, phát triển, mở rộng quy mô¹¹. (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

So với mục tiêu đặt ra tại các Quyết định số 251/2006/QĐ-TTg ngày 31/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ¹² (giai đoạn 2011-2015 tăng trưởng GRDP khoảng 12,5%/năm, 2016-2020 khoảng 13%/năm, GDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt 56,71 triệu đồng vào năm 2020) và Quyết định số 1114/2013/QĐ-TTg ngày 09/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ (quy mô GDP của vùng năm 2020 gấp khoảng 2,2 lần năm 2010; tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 7,5%/năm giai đoạn 2011-2015 và 9%/năm giai đoạn 2016-2020) thì Khánh Hòa chưa đạt được mục tiêu về tăng trưởng kinh tế, nhưng đạt mục tiêu về quy mô kinh tế và GRDP bình quân đầu người.

2.2. Chất lượng tăng trưởng

(a) Năng suất lao động

Năm 2020 năng suất lao động (NSLĐ) của tỉnh (theo giá hiện hành) đạt mức 126,3 triệu đồng/lao động/năm, gấp 2,2 lần so với năm 2011 (56,3 triệu đồng/lao động/năm)¹³; là mức tương đối cao so với NSLĐ bình quân vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung (năm 2011 đạt 42,1 triệu đồng/lao động, năm 2020 đạt 102,7 triệu đồng/lao động). Theo giá so sánh, tốc độ tăng năng suất lao động bình quân của tỉnh trong giai đoạn 2012-2015 đạt 5,54%/năm; giai đoạn 2016-2020 đạt 5,28%/năm. Tính chung giai đoạn 2012-2020 đạt 5,4%/năm, thấp hơn tốc độ tăng

⁸ Theo Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Tốc độ tăng GRDP bình quân của tỉnh giai đoạn 2016-2020 đạt 4,75%/năm, thấp hơn tốc độ tăng GRDP chung của vùng (6,34%/năm) và cả nước (6,63%/năm)

⁹ Tốc độ tăng trưởng bình quân của khu vực duyên hải Nam Trung bộ trong giai đoạn 2016-2020 đạt 5,35%/năm; vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung đạt 6,34%/năm.

¹⁰ Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân năm của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2012-2020 là 5,17% thấp hơn tốc độ tăng bình quân vùng (6,94%) và của cả nước (6,15%). Báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

¹¹ Quy mô kinh tế năm 2021 ước bằng 83,9% năm 2019, GRDP bình quân đầu người năm 2021 ước đạt 62,88 triệu đồng. Như: Giai đoạn 2012-2021, tăng trưởng kinh tế ước đạt 4%/năm.

¹² Về phê duyệt tổng thể quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020.

¹³ Theo Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tuy nhiên mức năng suất này vẫn thấp hơn mức năng suất chung của toàn quốc (năm 2011 đạt 69,1 triệu đồng/lao động, năm 2020 đạt 150,4 triệu đồng/lao động).

năng suất lao động bình quân của vùng (6,63%/năm) và xấp xỉ tốc độ tăng năng suất lao động bình quân chung của cả nước (5,45%/năm).

(b) Hiệu quả sử dụng vốn

Hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho tăng trưởng kinh tế được cải thiện. Hệ số sử dụng vốn (ICOR) giảm từ 9,08 lần năm 2012 xuống còn 8,34 lần năm 2019. Tuy nhiên, nếu so sánh với mức trung bình của cả nước thì hệ số ICOR của tỉnh còn ở mức khá cao, phản ánh việc sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho tăng trưởng kinh tế còn cần được cải thiện và nâng cao hiệu quả hơn nữa trong giai đoạn tới.

(c) Năng suất tổng các nhân tố của vùng (TFP)

Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) trong GRDP tăng khá nhanh, từ 17,2% giai đoạn 2011-2015 lên 36,25% giai đoạn 2016-2020. Tốc độ tăng trưởng TFP bình quân khoảng 2,3%/năm trong giai đoạn 2012-2020.

3. Chuyển dịch cơ cấu và phát triển các ngành kinh tế

3.1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế tỉnh Khánh Hòa đang chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng khu vực dịch vụ, công nghiệp - xây dựng, giảm tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản theo đúng định hướng của Bộ Chính trị đề ra.

Trong cơ cấu GRDP, khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất; tiếp đến là khu vực công nghiệp - xây dựng; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản. Năm 2011, trong cơ cấu kinh tế của tỉnh, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 17,1%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 25,2%, khu vực dịch vụ chiếm 49,5%. Đến năm 2019, cơ cấu các ngành kinh tế lần lượt là 10,71%; 26,65% và 52,31%. Trong suốt thời kỳ 2012-2019, sự chuyển dịch cơ cấu ngành chủ yếu là từ nông nghiệp sang khu vực dịch vụ. Năm 2020, khu vực dịch vụ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi dịch bệnh, cơ cấu kinh tế có sự thay đổi, đóng góp của khu vực dịch vụ giảm, đóng góp của khu vực công nghiệp tăng cao. Theo đó, tỷ trọng các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp - xây dựng và dịch vụ lần lượt là 11,6%; 29,7% và 48,1%¹⁴.

So sánh với vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung, cơ cấu kinh tế của tỉnh Khánh Hòa có sự tương đồng, với đóng góp cao từ khu vực dịch vụ, sự dịch chuyển cũng từ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản sang khu vực công nghiệp - xây dựng và khu vực dịch vụ. Tuy nhiên, dịch chuyển cơ cấu kinh tế toàn vùng có xu hướng tập trung nhiều hơn sang khu vực công nghiệp - xây dựng.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh còn được phản ánh qua chuyển dịch cơ cấu lao động với sự dịch chuyển khá nhanh từ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản sang khu vực dịch vụ và công nghiệp - xây dựng. Năm 2020, lao động trong khu vực dịch vụ chiếm 44,4%; lao động trong khu vực công nghiệp chiếm 28,8% và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ lệ thấp nhất với 26,8%. Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực công nghiệp - xây dựng và khu vực dịch vụ năm 2020 tăng

¹⁴ Theo Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

cao so với năm 2011, tương ứng lần lượt là tăng 10,5 điểm % và tăng 7,7 điểm %, trong khi tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp giảm tới 18,3 điểm %.

Cơ cấu lao động trong các ngành công nghiệp và dịch vụ của tỉnh Khánh Hòa cao hơn mức trung bình của cả nước. Trong đó, tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực dịch vụ tỉnh Khánh Hòa cao hơn cả nước 8,3 điểm % và cao hơn các tỉnh trong vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung (trừ thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế). Nhìn chung trong thời gian qua, tình hình phân bố và sử dụng lao động xã hội trên địa bàn tỉnh tạo được nhiều đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy mô sản xuất của các thành phần kinh tế ngày càng được mở rộng, kinh tế tư nhân phát triển mạnh, người lao động được tạo cơ hội và điều kiện về việc làm và tăng thu nhập.

3.2. Phát triển các ngành kinh tế

(a) Phát triển công nghiệp

Công nghiệp tỉnh Khánh Hòa phát triển tương đối ổn định và có tốc độ tăng trưởng khá; cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp tiếp tục chuyển dịch tích cực và hợp lý theo hướng phát triển mạnh ngành chế biến, chế tạo. Quy mô ngành công nghiệp (giá so sánh) năm 2019 đạt 10,32 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 1,7 lần so với năm 2012 và chiếm tỷ trọng 19,7% trong GRDP, đứng thứ 32/63 tỉnh, thành phố trong cả nước và đứng thứ 7/14 tỉnh, thành phố trong vùng¹⁵. Quy mô ngành công nghiệp theo giá so sánh năm 2021 ước đạt 9,56 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 1,6 lần so với năm 2012 và chiếm tỷ trọng 21,7% trong cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn.

Tốc độ tăng trưởng công nghiệp bình quân của tỉnh giai đoạn 2012-2019 đạt 8,4%/năm. Do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19 trong hai năm 2020 và 2021, trong giai đoạn 2012-2021, tốc độ tăng trưởng công nghiệp bình quân của tỉnh chỉ ước đạt 5,85%/năm.

Cơ cấu công nghiệp theo ngành, ước năm 2021 ngành chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất, đạt 95,3% giá trị sản xuất toàn ngành, ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí chiếm tỷ trọng 2,5%, ngành khai khoáng chiếm tỷ trọng 1,2%, ngành cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải chiếm tỷ trọng 1%. Giá trị xuất khẩu hàng công nghiệp giai đoạn 2012-2021 ước đạt 5.557,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng bình quân 45,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2012-2021 ước đạt 3,1%, chủ yếu là các sản phẩm như: đóng tàu, dệt may, thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc sẵn, thuốc lá.

Lao động đang làm việc trong ngành công nghiệp đến 2020 là 115,7 nghìn người, gấp 1,4 lần năm 2012 và chiếm 18,01% tổng số lao động đang làm việc.

¹⁵ Ảnh hưởng của dịch Covid-19, năm 2020, năm 2021 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các ngành kinh tế, trong đó có ngành công nghiệp. Vì vậy, quy mô ngành công nghiệp theo giá so sánh năm 2020 đứng thứ 34/63 tỉnh, thành phố trong cả nước và đứng thứ 8/14 tỉnh, thành phố vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung.

Tính chung giai đoạn 2012-2020, lao động tại ngành công nghiệp có mức tăng trưởng bình quân 4,04%/năm¹⁶.

Năng suất lao động ngành công nghiệp (giá so sánh) năm 2020 đạt 470,91 triệu đồng/người/năm, tăng gấp 1,2 lần so với năm 2012. Tính chung giai đoạn 2012-2021, tăng trưởng năng suất lao động bình quân năm ngành công nghiệp ước đạt 2,7%/năm. Nhìn chung chất lượng lao động công nghiệp của tỉnh mặc dù đã được cải thiện, tuy nhiên tỉnh Khánh Hòa vẫn còn thiếu đội ngũ lao động kỹ thuật cao, lành nghề, các chuyên gia trong các lĩnh vực công nghiệp mà tỉnh có tiềm năng hay được định hướng phát triển trong tương lai như sản xuất điện mặt trời, điện gió, điện tử, công nghệ thông tin, cơ khí chính xác.

- Thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp đạt nhiều kết quả. Khu kinh tế Vân Phong thu hút được 17 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc...) với tổng vốn đăng ký 2,605 tỷ USD, trong đó dự án Nhà máy Nhiệt điện BOT Vân Phong 1 tại khu vực Nam Vân Phong, với tổng vốn đầu tư 2,58 tỷ USD, dự kiến sẽ vận hành thương mại giai đoạn 1 vào năm 2023. Các Khu công nghiệp được từng bước đầu tư và đi vào hoạt động¹⁷, trong đó, có 02 KCN (Suối Dầu, Ninh Thủy) đã đi vào hoạt động và thu hút 68 dự án, tỷ lệ lấp đầy lần lượt là 93%, 34%. Các cụm công nghiệp có bước phát triển khá với 05 CCN (Diên Phú, Diên Phú - VCN, Đắc Lộc, Chăn nuôi Khatoco Ninh Ích, Trảng É 1) đã đi vào hoạt động và thu hút 63 dự án và đã có 59 dự án đã đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho khoảng 4.300 lao động¹⁸; còn 3 CCN đang triển khai đầu tư¹⁹.

- Công nghiệp nông thôn, tiểu thủ công nghiệp truyền thống được khuyến khích phát triển, trong đó có 3.570 cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, chủ yếu là chế biến nông, lâm, thủy sản và thủ công mỹ nghệ; đổi mới với nghề truyền thống, có 6 nghề được công nhận²⁰, 4 làng nghề được công nhận²¹, 01 làng nghề truyền thống được công nhận²²; một số làng có nghề và ngành nghề như: làng nghề chế biến nước mắm, làng nghề đúc đồng trăm tuổi là một trong số ít những làng nghề lâu đời nhất Việt Nam.

(b) Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản

Nông, lâm nghiệp và thủy sản phát triển chậm do chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh. Tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp (nông, lâm nghiệp, thủy sản) của

¹⁶ Riêng năm 2017, lao động ngành công nghiệp giảm thấp nhất chỉ chiếm 11,69% tổng lao động toàn tỉnh do sự dịch chuyển lao động sang các ngành xây dựng, du lịch. Những năm gần đây lực lượng lao động ngành công nghiệp tăng đều qua các năm, điều này cho thấy sự phát triển ổn định của ngành công nghiệp.

¹⁷ Theo Quyết định số 1107/QĐ-TTg, ngày 21/6/2006 của TTCP, tỉnh Khánh Hòa có 05 KCN được quy hoạch, gồm: KCN Suối Dầu, Nam Cam Ranh, Bắc Cam Ranh, Ninh Thủy, Vạn Thắng. Đến nay, KCN Bắc Cam Ranh được TTCP đồng ý đưa ra khỏi quy hoạch

¹⁸ CCN Diên Phú: Diện tích 49,79 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 100%. CCN Diên Phú - VCN: giai đoạn 1 (9,8ha) và giai đoạn 2 (9,9ha). CCN Đắc Lộc: Diện tích 34,52 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 100%. CCN Khatoco: Diện tích 35,58 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 68%. CCN Sông Cầu: Diện tích 40 ha. Các CCN Trảng É 1, 2 và 3: diện tích là 126,69 ha.

¹⁹ Gồm: CCN Sông Cầu, huyện Khánh Vĩnh, CCN Trảng É 2, huyện Cam Lâm, CCN Diên Thọ, huyện Diên Khánh.

²⁰ Nghề gồm thôn Trung Đông, chế tác đá mỹ nghệ, dệt chiếu cói, gốm Lu Cẩm, nghề đúc đồng.

²¹ Gồm Làng nghề xoi trầm hương; Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ Làng nghề trồng hoa cúc; Làng nghề đan giỏ cần xé.

²² Làng nghề truyền thống chế tác đá mỹ nghệ (tổ dân phố Phong Phú 1, phường Ninh Giang, Ninh Hòa).

tính giai đoạn 2011-2020 đạt bình quân 2%/năm, thấp hơn bình quân chung của cả nước (2,8%)²³.

Cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững²⁴, chú trọng về chất lượng và giá trị sản phẩm, tổ chức sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ, hình thành các vùng sản xuất tập trung, như: cây lúa, cây mía, cây ăn quả, cây thực phẩm. Từng bước đưa các giống cây trồng mới, chuyên giao các tiến bộ khoa học nhằm tăng năng suất và sản xuất theo hướng sạch, an toàn, phục vụ nhu cầu xã hội và phát triển du lịch²⁵. Chăn nuôi chuyển mạnh từ chăn nuôi nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại và ứng dụng công nghệ mới có kiểm soát an toàn dịch bệnh và môi trường²⁶; đến nay có trên 40% số lợn lợn xuất chuồng theo chuỗi liên kết sản phẩm, từ chăn nuôi đến tiêu thụ sản phẩm. Sản lượng khai thác thủy sản liên tục tăng từ 82.300 tấn năm 2012 lên 95.594 tấn năm 2020, tỷ lệ tăng trưởng bình quân 2,25%/năm²⁷. Năm 2021, sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 85.000 tấn, đạt 85,42 % so với kế hoạch, giảm 11,09 % so với cùng kỳ năm 2020.

²³ Giai đoạn 2011-2015: giá trị tổng sản phẩm ngành nông lâm thủy sản toàn tỉnh (giá so sánh năm 2010) năm 2010 đạt 4.688,36 tỷ đồng, năm 2015 đạt 5.023,71 tỷ đồng. Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng ngành nông lâm thủy sản tỉnh Khánh Hòa thấp hơn tốc độ tăng trưởng ngành nông lâm thủy sản cả nước nói chung và các tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ nói riêng. Tốc độ tăng của ngành nông nghiệp bình quân đạt 0,67%/năm;

- Giai đoạn 2016-2020: giá trị tổng sản phẩm ngành nông lâm thủy sản toàn tỉnh (theo giá so sánh năm 2010) năm 2016 đạt 5.163,01 tỷ đồng, năm 2020 đạt 5.080,44 tỷ đồng. Tính chung cả giai đoạn, tốc độ tăng trưởng ngành nông lâm thủy sản đã giảm, trong đó có 02 năm tốc độ tăng trưởng âm là năm 2018 (giảm 0,69%) và năm 2020 (giảm 4,06%).

²⁴ Năm 2011, tỷ trọng nông lâm thủy sản chiếm 13,52% nhưng đến năm 2015 chỉ còn 10,82%. Năm 2011, cơ cấu nông nghiệp - lâm nghiệp - thủy sản lần lượt là 44%, 1,07% và 54,94%. Năm 2015, tỷ trọng nông nghiệp giảm xuống còn 42,62%; tỷ trọng thủy sản tăng lên chiếm 56,91%. Cơ cấu giữa trồng trọt và chăn nuôi chuyển dịch theo hướng giảm ngành trồng trọt (từ 73,27% năm 2011 xuống 70,27% năm 2015), lĩnh vực chăn nuôi có xu hướng tăng dần (từ 21,67% năm 2011 lên 25,84% năm 2015). Năm 2016, cơ cấu nông lâm thủy sản chiếm 13,04% GDP toàn tỉnh, đến năm 2020 giảm còn 11,55% (theo giá hiện hành). Nội bộ ngành NLTTS cũng có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng giá trị sản xuất thủy sản tăng từ 20,36% năm 2011 lên 23,36% năm 2020.

²⁵ Tổng diện tích gieo trồng toàn tỉnh năm 2021 ước đạt 97.340,8 ha, giảm 10.904,2 ha so với năm 2012.

Tổng diện tích cây lâu năm năm 2021 ước đạt 24.933,7 ha, tăng 2.936,7 ha so với năm 2012; trong đó, cây công nghiệp lâu năm ước đạt 6.572 ha (giảm 1.782 ha), cây ăn quả phát triển tốt, diện tích đạt trên 18.246 ha (tăng khoảng 4.713 ha). Trên địa bàn Tỉnh đã hình thành vùng sản xuất tập trung, thâm canh, một số cây trồng có thị trường tiêu thụ tốt (xoài Cam Lâm, cây mía tím, sầu riêng Khánh Sơn, bưởi da xanh Khánh Vĩnh...). Đã xây dựng nhiều mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi, áp dụng công nghệ cao, sản xuất đạt tiêu chuẩn VietGap, OCOP; đồng thời, hình thành và phát triển hệ thống tiêu thụ nông sản an toàn để chủ động cung ứng cho các khu đô thị, khu du lịch, siêu thị, nhà hàng...

²⁶ Đàn lợn toàn Tỉnh có trên 250 nghìn con, trên 70% được nuôi trong hơn 230 trại lợn quy mô lớn và vừa, áp dụng các biện pháp kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến, phòng trừ dịch bệnh; gần 70% số lượng nuôi theo chuỗi liên kết sản phẩm. Đàn trâu, bò đạt khoảng 80 nghìn con, trên 65% đã được lai Zebu, công tác thụ tinh nhân tạo đã phổ biến trên cả 08 huyện, thị xã, thành phố. Tổng đàn gia cầm đạt 3,09 triệu con; trong đó 50% được chăn nuôi theo quy mô trang trại và 40% chăn nuôi liên kết.

Công tác giám sát và phòng trừ dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm được đảm bảo; với 72,5%-94,4% tổng đàn được tiêm vắc xin các dịch bệnh phổ biến, 100% sản phẩm thịt gia súc, gia cầm tại cơ sở giết mổ trên địa bàn tỉnh bán ra thị trường được cơ quan thú y kiểm soát. Ngoài 03 loài vật nuôi chủ lực trên, một số vật nuôi như: dê, chim cút, bò câu... cũng đã có chính sách khuyến nông tiếp tục hỗ trợ, chuyên giao các mô hình nuôi tiên tiến, sử dụng giống tốt, nuôi quy mô tập trung. Đối với đà điểu, hiện nay toàn Tỉnh có khoảng 5.000 con do doanh nghiệp đầu tư nuôi quy mô công nghiệp. Riêng chim yến, tỉnh Khánh Hòa đã phê duyệt quy hoạch phát triển vùng nuôi và hiện nay đã phát triển khoảng trên 670 nhà nuôi yến.

²⁷ có khoảng 3.383 tàu cá đang hoạt động. Trong đó nhóm tàu cá có chiều dài từ 15m trở lên là 737 tàu tham gia hoạt động khai thác xa bờ, chủ yếu khai thác cá ngừ đại dương. Số lao động khai thác cá ngừ đại dương khoảng 4.500 người.

Đã thành lập 08 nghiệp đoàn nghề cá và hơn 70 tổ đội sản xuất và 06 hợp tác xã khai thác thủy sản. Các cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão được quan tâm nâng cấp, đáp ứng được hoạt động nghề cá của địa phương²⁸ và dần thực hiện vai trò là một trong 05 trung tâm nghề cá lớn của cả nước²⁹. Kim ngạch xuất khẩu thủy sản tăng dần từ 356.8 triệu USD năm 2012 lên đến 510 triệu USD năm 2020, tăng 6.51%/năm chiếm hơn 60% kim ngạch xuất khẩu của ngành nông nghiệp. Diện tích nuôi trồng thủy sản giữ ổn định từ 4.300 ha - 5.800 ha; sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2021 ước đạt khoảng 18.700 tấn, tăng 4,8 ngàn tấn so với năm 2011; năng suất trung bình đạt 2.5-3 tấn/ha, giá trị khoảng 350-400 triệu đồng/ha với các loài chủ lực như: tôm thẻ chân trắng, tôm hùm, cá mú, ốc hương, rong biển. Hiện có 149 cơ sở sản xuất chế biến thủy sản tiêu thụ nội địa và 57 cơ sở sản xuất, chế biến thủy sản xuất khẩu, sản phẩm thủy sản xuất khẩu đã có ở thị trường 64 quốc gia, vùng lãnh thổ với các mặt hàng chủ lực là cá ngừ đại dương và tôm đông lạnh... đạt tỷ lệ tăng trưởng bình quân đạt 4,26%.

Tổng diện tích rừng toàn tỉnh là 243.854 ha; tỷ lệ che phủ rừng đạt 45,48%, cao hơn mức bình quân chung cả nước là 42%. Tỷ lệ độ che phủ rừng khu vực đồng bào dân tộc thiểu số ước năm 2021 là 87,55%³⁰. Diện tích sản xuất muối đạt khoảng trên 1.000 ha/năm, sản lượng hàng năm trên 90 nghìn tấn.

Số lượng hợp tác xã (HTX) tăng đáng kể. Năm 2011 có 57 HTX nông nghiệp và 56 trang trại. Đến năm 2021 đã có 101 HTX nông nghiệp³¹ và 70 trang trại, nhiều hợp tác xã hoạt động gắn với sản phẩm chủ lực của vùng, áp dụng công nghệ cao; gần 100 doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực nông, lâm, thủy sản dựa trên 08 chuỗi an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản và 01 chuỗi cung cấp thủy sản nuôi an toàn được dán tem truy xuất nguồn gốc điện tử

Chương trình Mục tiêu Quốc gia về xây dựng thông nông mới đạt được nhiều kết quả quan trọng; kinh tế nông thôn phát triển, đời sống nông dân được cải thiện, cơ sở hạ tầng, nhà ở được xây dựng, nâng cấp, cải tạo; bộ mặt nông thôn từng bước được khởi sắc.

- Trong giai đoạn 2010-2020, ngân sách tỉnh đã phân bổ hơn 1.096 tỷ đồng hỗ trợ thực hiện 1.458 công trình nông thôn mới. Đến tháng 10/2021, toàn tỉnh đã có 56/92 xã (60,8% số xã) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; 02/92 xã (2,2% số xã) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; không còn xã dưới 10 tiêu chí; số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới bình quân chung trên địa bàn

²⁸ Với 04 cảng cá; trong đó; có 01 cảng cá loại II (cảng cá Hòn Ró và chợ thủy sản Nam Trung Bộ); 03 cảng cá loại III (cảng cá Đá Bạc, cảng cá Vĩnh Lương và cảng cá Đại Lãnh) và 03 khu neo đậu tránh trú bão, gồm 02 khu cấp vùng (Khu neo đậu Sông Tắc - Hòn Ró và Khu neo đậu Vịnh Cam Ranh); 01 khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh (Ninh Hải - thị xã Ninh Hòa).

²⁹ Theo Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trong đó, cảng cá Đá Bạc - Cam Ranh được đầu tư xây dựng thành Trung tâm nghề cá lớn gắn với ngư trường Nam Trung Bộ và Trường Sa.

³⁰ Diện tích trồng rừng tập trung là 16.408,06 ha, trong đó: Trồng rừng đặc dụng là 30 ha; trồng rừng phòng hộ là 1.952,44 ha; trồng rừng sản xuất là 14.425,62 ha. Khai thác gỗ rừng trồng tập trung là 96.523,02 m³.

³¹ có 79 HTX trồng trọt, 05 HTX chăn nuôi, 06 HTX khai thác thủy sản, 05 HTX nuôi trồng thủy sản, 03 HTX diêm nghiệp và 03 HTX dịch vụ tổng hợp. Tốc độ tăng trưởng số lượng HTX hàng năm còn chậm, HTX có quy mô nhỏ chiếm 63% (thành viên từ 50-300 người; vốn từ 1 tỷ đến dưới 5 tỷ), còn lại là HTX siêu nhỏ chiếm 37% (thành viên dưới 50 người, vốn dưới 01 tỷ đồng).

toàn tỉnh là 16,1 tiêu chí/xã, thành phố Nha Trang có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2020 đạt 99,4%; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung đạt 71,2%.

Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): được quan tâm; đến nay đã có 24 sản phẩm được xếp loại 03 sao (Sầu riêng, mía tím, xoài úc, bưởi da xanh, nấm linh chi đỏ, nấm linh chi, nấm bào ngư, nấm hương, nấm mèo, rau muống, gạo tẻ, gạo nếp và gạo thảo dược, xoài sấy dẻo, chả cá) và 01 sản phẩm đạt 04 sao (Dưa lưới Ô Xanh).

(c) Phát triển các ngành dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2019 đạt 97,79 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 2,35 lần so với năm 2012. Tuy nhiên, do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm 2021 ước đạt 57,6 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 1,3 lần so với năm 2012. Tốc độ tăng trưởng thương mại bình quân giai đoạn 2012-2019 là 14,9%, tuy nhiên do tác động của đại dịch Covid-19, trong năm 2020 và 2021 ngành thương mại đã có mức tăng trưởng âm dẫn đến tăng trưởng thương mại bình quân giai đoạn 2012-2021 chỉ ước đạt 6%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giai đoạn 2012-2021 ước đạt 12.221,1 triệu USD, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2020 tỉnh Khánh Hòa đạt 1.342,9 triệu USD, tăng gấp 1,2 lần so với năm 2012; kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện cả năm 2021 là 1.300 triệu USD, tăng gấp 1,12 lần so với năm 2012. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân giai đoạn 2012-2019 đạt 5,8%, tính chung, tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa bình quân giai đoạn 2012-2021 chỉ ước đạt 3,23%. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của tỉnh đứng thứ 3 so với các tỉnh, thành phố trong vùng (sau Thanh Hóa, Đà Nẵng), đứng thứ 26 so với 63 tỉnh/thành phố; chiếm tỷ trọng 12,9% so với tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa toàn vùng, chiếm tỷ trọng 0,6% so với cả nước trong cùng giai đoạn 2012 - 2020³².

Giai đoạn 2012-2021, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 7.060,03 triệu USD, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm 2020 tỉnh Khánh Hòa đạt 736,08 triệu USD, gấp 1,2 lần năm 2012. Ước thực hiện cả năm 2021, nhập khẩu hàng hóa đạt 720 triệu USD, gấp 1,1 lần năm 2012. Tốc độ tăng trưởng nhập khẩu bình quân giai đoạn 2012-2019 đạt 3,14%.

- Về phát triển Du lịch:

Khánh Hòa vẫn tiếp tục là một trong những trung tâm về phát triển du lịch của vùng duyên hải Nam Trung bộ và cả nước. Năm 2019, số lượng khách du lịch đạt trên 7 triệu lượt, tăng gấp 3,2 lần so với năm 2011; trong đó: khách du lịch

³² Một số mặt hàng xuất khẩu của tỉnh là tàu biển, thủy sản, cà phê, yến sào, quần áo và hàng may mặc, sản phẩm mây tre lá,... Thị trường xuất khẩu ngày càng tăng, năm 2010 thị trường xuất khẩu của tỉnh Khánh Hòa là 85 quốc gia và vùng lãnh thổ thì đến nay hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã xuất đến hơn 130 thị trường. Kim ngạch xuất khẩu qua các thị trường đã ký Hiệp định thương mại tự do (FTA) với Việt Nam ngày càng tăng như EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN, Trung Quốc, Australia, Anh, Nga, Canada, Mexico. Hoa Kỳ, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, ASEAN tiếp tục là những thị trường xuất khẩu lớn của tỉnh. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp Khánh Hòa cũng dần mở rộng sang một số thị trường tiềm năng tại khu vực Châu Phi và Tây Á.

quốc tế đạt 3.560.231 lượt khách, tăng gấp khoảng 8 lần so với năm 2011; khách du lịch nội địa đạt trên 3 triệu lượt, tăng khoảng 2 lần so với năm 2011. Giai đoạn 2012-2019: Tăng trưởng bình quân 17% (bằng 116% so với tốc độ tăng trưởng bình quân của cả nước), trong đó: tốc độ tăng trưởng bình quân khách du lịch quốc tế đạt 31% (bằng 211% so với độ tăng trưởng bình quân của cả nước)³³, tốc độ tăng trưởng bình quân khách nội địa đạt 10% (bằng 67% so với độ tăng trưởng bình quân của cả nước).

Tổng thu từ du lịch năm 2019 đạt 27.131 tỷ đồng, tăng gấp 12 lần so với năm 2011³⁴. Giai đoạn 2012-2019, tốc độ tăng thu từ du lịch bình quân đạt 40% (bằng 161% so với tốc độ tăng trưởng bình quân của cả nước). Thị trường khách du lịch quốc tế được mở rộng, chủ yếu đến từ các thị trường: Trung Quốc, Nga, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Canada, Anh, Pháp, Đức, Malaysia, Thái Lan, Hồng Kông, Đài Loan và một số nước khác.

Khánh Hòa đã tập trung phát triển mạnh du lịch biển, đảo với các loại hình du lịch nghỉ dưỡng biển chất lượng cao kết hợp với vui chơi giải trí trên biển, tham quan và khám phá đại dương, đưa vào hoạt động một số khu du lịch nghỉ dưỡng biển với quy mô lớn, có thương hiệu đã góp phần đáng kể nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa loại hình dịch vụ, nâng cao thương hiệu Du lịch Nha Trang - Khánh Hòa và cũng là những điểm nhấn trong việc thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế đến Khánh Hòa theo đúng định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển Du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Khánh Hòa. Đóng góp của ngành du lịch trong GRDP toàn tỉnh tăng nhanh trong giai đoạn 2011-2019. Nếu như năm 2011, đóng góp của ngành du lịch vào GRDP toàn tỉnh đạt 4,99%, thì đến năm 2018, mức đóng góp đã vượt trên 10%, năm 2019 lên tới 12,25%. Sự phát triển nhanh của lĩnh vực du lịch đã góp phần quan trọng, tích cực thúc đẩy tăng trưởng của khu vực dịch vụ nói riêng, của kinh tế toàn tỉnh nói chung. Ước tính, đóng góp của ngành du lịch trong tăng trưởng kinh tế toàn tỉnh tăng từ 17,24% năm 2016 lên 30,21% năm 2019³⁵. Do vai trò và đóng góp ngày càng lớn trong tăng trưởng kinh tế địa phương, nên năm 2020, sự sụt giảm mạnh của các hoạt động du lịch trước tác động của đại dịch COVID-19 đã khiến tăng trưởng toàn tỉnh giảm sâu³⁶.

Tổng thu từ du lịch của tỉnh cũng đạt tốc độ tăng trưởng nhanh trong giai đoạn 2012-2019, với mức tăng bình quân 20,6%/năm. Năm 2020, do lượng khách du lịch giảm mạnh dưới ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, tổng thu từ du lịch

³³ Năm 2020: Tốc độ tăng trưởng giảm mạnh so với giai đoạn trước do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, năm 2020 giảm 82% so với năm 2019. Trong đó: Khách du lịch quốc tế giảm 88%, khách nội địa giảm 76% so với năm 2019; năm 2021 là năm tiếp tục chịu ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, tốc độ tăng trưởng khách du lịch đến Khánh Hòa ước giảm 49% so với năm 2020. Trong đó: khách du lịch quốc tế giảm 95%, khách nội địa giảm 24% so với năm 2020.

³⁴ Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, năm 2021, tổng thu từ du lịch Khánh Hòa ước đạt 2.430 tỷ đồng, bằng 108% so với năm 2011 (tăng 178 tỷ đồng, tương ứng tăng 7,9% so với năm 2011).

³⁵ Tính toán từ số liệu báo cáo của tỉnh Khánh Hòa.

³⁶ Tính toán từ số liệu thống kê của địa phương cho thấy, năm 2020, sự sụt giảm của lĩnh vực du lịch làm giảm tới 10,04 điểm % trong tăng trưởng chung của kinh tế toàn tỉnh.

của tỉnh chỉ đạt 5,09 nghìn tỷ đồng, giảm 81,2% so với năm 2019. So với các địa phương trong cả nước, Khánh Hòa đứng thứ 5 về tổng thu từ du lịch lữ hành và đứng thứ 2 trong vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung (sau TP.Đà Nẵng).

Tổng thu từ du lịch đạt 27.131 tỷ đồng vào năm 2019, tăng 24,2% so với năm 2018, gấp tới hơn 14 lần so với năm 2010 và hơn 2 lần so với 2016. Trung bình cả giai đoạn 2010-2019 tăng 26,2%/năm. Trong cơ cấu tổng thu từ du lịch, tổng thu từ dịch vụ lưu trú và ăn uống chiếm khoảng 51-53,1%. Tính chung, tổng thu từ dịch vụ lưu trú và ăn uống và dịch vụ vận chuyển chiếm khoảng 65,7-67,9% tổng thu từ du lịch. Tuy nhiên, thông thường ở các điểm đến có hoạt động du lịch phát triển, tỷ lệ thu nhập từ các dịch vụ cơ bản này chỉ chiếm khoảng 50%, còn lại sẽ là dịch vụ mua sắm và vui chơi giải trí - là các dịch vụ tạo giá trị gia tăng lớn.

- Về phát triển các ngành dịch vụ khác:

+ Dịch vụ vận tải phát triển đa dạng cả về vận tải hành khách và hàng hóa, có khả năng tiếp nhận hàng hóa thông quan, tiếp nhận tàu container của cảng Vân Phong với công suất lớn³⁷. Giai đoạn 2012-2019, doanh thu dịch vụ vận tải đạt 848,09 nghìn tỷ đồng, tăng bình quân 17,1%/năm, năm 2019 đạt 8,39 nghìn tỷ đồng, gấp 3,17 lần năm 2012, sản lượng thông qua các cảng biển đạt hơn 9,1 triệu tấn với hơn 5.400 lượt tàu; đóng góp của dịch vụ vận tải vào GRDP tăng qua các năm, đóng góp bình quân 4,58%.

+ Mạng lưới chi nhánh ngân hàng trên địa bàn không ngừng được mở rộng về số lượng gắn với củng cố và từng bước nâng cao chất lượng hoạt động³⁸. Gần 10 năm qua, nguồn vốn huy động vốn trên địa bàn luôn đạt mức tăng trưởng tốt, các tổ chức tín dụng đã nỗ lực thu hút lượng lớn tiền gửi từ tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Đến cuối năm 2021, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ước đạt 100.957 tỷ đồng, tăng gấp 4,59 lần so với năm 2012, chiếm 7,9% tổng dư nợ của khu vực Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung và quy mô dư nợ đứng thứ 4/14 khu vực (sau Nghệ An, Đà Nẵng, Thanh Hóa). Bình quân giai đoạn 2012-2020, tăng trưởng dư nợ hàng năm của tỉnh Khánh Hòa đạt 19,27%, cao hơn mức tăng chung bình quân của cả nước (14,33%); trong đó: giai đoạn 2012-2015 đạt 20%; giai đoạn 2016- 2020 đạt 20,71%. Cơ cấu tín dụng theo ngành kinh tế đã có sự thay đổi và chuyển dịch theo hướng, tập trung vào thương mại - dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ gắn với du lịch biển. Năm 2012, tỷ trọng dư nợ 3 khu vực kinh tế là: nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 10,74%; công nghiệp và xây dựng chiếm 39,71%; thương mại, dịch vụ chiếm 49,55%. Đến năm 2021, tỷ trọng dư nợ 03 khu vực này lần lượt là 8,71%; 24,97%; 66,32%.

+ Thông tin và truyền thông đã phát triển mạnh mẽ. Tốc độ tăng trưởng trung bình của dịch vụ bưu chính phục vụ thương mại điện tử ước đạt 15 - 20%. Năm 2020, 100% xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ (so với năm

³⁷ Khu vực Bắc Vân Phong là bến cảng tổng hợp, container, tiếp nhận tàu trọng tải đến 100.000 tấn; khu vực Nam Vân Phong là bến chuyên dùng hàng lỏng xăng dầu, khí hóa lỏng, nhập than,...tiếp nhận tàu trọng tải đến 300.000 tấn.

³⁸ Năm 2012 chỉ có 34 chi nhánh TCTD và 03 Quỹ Tín dụng nhân dân với tổng số 147 điểm giao dịch ngân hàng, đến nay tỉnh Khánh Hòa đã có 38 chi nhánh TCTD (gồm 33 chi nhánh ngân hàng với 185 điểm giao dịch ngân hàng, tăng 04 Chi nhánh TCTD, 01 QTDND và 38 điểm giao dịch ngân hàng so với năm 2012).

2011, tỷ lệ xã có điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ chiếm 63%). 97,8% xã, phường, thị trấn có hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến hộ gia đình (so với 66,4% năm 2011). 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng di động hoặc Internet; tỷ lệ số người sử dụng điện thoại thông minh là 83% (đến tháng 10/2021). 100% xã, phường, thị trấn thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến tỉnh (năm 2011, tỉnh chưa thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp xã).

Hiện nay, 100% các xã, phường, thị trấn có dịch vụ số (y tế, giáo dục, nông nghiệp, thương mại điện tử,...) phục vụ trực tiếp người dân; được phủ sóng phát thanh - truyền hình trên toàn tỉnh. 100% xã có đài truyền thanh không dây và đài truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông³⁹ (năm 2011, tỉnh chưa có xã, truyền thanh cơ sở và đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin). Tỷ lệ bản sách/người đạt 3,5 bản; không có sách xuất bản điện tử/số đầu sách (so với năm 2011: 2,7 bản/người, tăng 29,6%). Tỷ lệ phủ sóng phát thanh là 100% từ năm 2011; tỷ lệ phủ sóng truyền hình tăng từ 84,6% năm 2011 lên và duy trì 100% từ năm 2013.

4. Thu, chi ngân sách

Thu ngân sách tăng nhanh, đảm bảo tự cân đối ngân sách địa phương và có điều tiết về ngân sách Trung ương. Nhờ duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao trong giai đoạn 2012-2019, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh tăng bình quân 11% năm, đứng thứ 6 vùng duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên; năm 2019 đạt 19,07 nghìn tỷ đồng, gấp 2,3 lần năm 2011. Do dịch bệnh COVID-19 kéo dài từ năm 2020 sang năm 2021, nền kinh tế bị giảm sút đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn thu ngân sách⁴⁰, năm 2020 đạt 13,82 nghìn tỷ đồng, năm 2021 đạt 14,1 nghìn tỷ đồng, chỉ gấp 1,7 lần năm 2011.

- Tổng thu ngân sách Nhà nước (NSNN) trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà giai đoạn 2012-2021 là 157.552 tỷ đồng, vượt 12,4% so với dự toán giai đoạn 2012 - 2021, tăng bình quân 5,5%/năm (giai đoạn 2012 - 2019 tăng bình quân 11% năm): trong đó thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 44.450 tỷ đồng tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 28,2% tổng thu ngân sách nhà nước; thu nội địa là 113.102 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 71,8% tổng thu ngân sách nhà nước. Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất, thu nội địa là 102.517 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giai đoạn 2012-2021. Trong giai đoạn 2012-2021, khoản thu nội địa chiếm tỷ trọng bình quân 71,8% so với tổng thu NSNN (đây là khoản thu để cân đối các nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương), tốc độ tăng trưởng thu nội địa giai đoạn 2012-2019 là 12,9%. Tuy nhiên, do tác động của dịch bệnh Covid-19 kéo dài từ năm 2020 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn thu ngân sách của tỉnh, thu nội địa năm 2020 chỉ đạt 73,2%, dẫn đến tốc độ tăng trưởng thu nội địa của giai đoạn 2012-2021 chỉ đạt 7,3%.

³⁹ Số lượng đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông: 02 đài. Số lượng đài truyền thanh không dây FM cấp xã: 138/134 xã, phường, thị trấn (04 xã, phường có 02 đài). Số Bảng tin thông tin cơ sở: 2.994; Số trang thông tin điện tử cấp xã: 128/140 xã, phường, thị trấn; Số tài liệu không kinh doanh: 3.017; Báo cáo viên, tuyên truyền viên: 321.

⁴⁰ Giai đoạn 2012-2021 ước đạt 155.892 tỷ đồng, tăng bình quân 4,2% năm.

So sánh trong vùng Nam Trung bộ, quy mô thu ngân sách của tỉnh Khánh Hòa xếp thứ 4, sau các tỉnh, thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, đóng góp 13% số thu của vùng năm 2020 (năm 2012 xếp thứ 3 trong vùng, năm 2015 tỉnh Khánh Hòa xếp thứ 4 trong vùng). Tốc độ tăng thu ngân sách giai đoạn 2012-2020 của tỉnh Khánh Hòa còn thấp (xếp thứ 7/8 trong vùng); nếu chỉ tính đến năm 2019 thì tốc độ tăng thu ngân sách của tỉnh Khánh Hòa cũng xếp thứ 6 trong vùng giai đoạn 2012-2019.

- Về chi ngân sách, tổng chi ngân sách địa phương (NSDP) giai đoạn 2012-2021 là 97.597 tỷ đồng, tăng 0,9% so với dự toán, trong đó; Chi đầu tư phát triển 38.236 tỷ đồng, tăng 12,9% dự toán, số tăng chủ yếu bổ sung từ các nguồn ngoài dự toán gồm nguồn chuyển nguồn, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi; Chi thường xuyên là 58.715 tỷ đồng, tăng 3,3% so với dự toán. Trong giai đoạn 2012-2021, tỷ trọng chi thường xuyên chiếm 60,2% tổng chi NSDP, cao hơn tỷ trọng chi đầu tư là 39,2%, chưa bảo đảm mục tiêu về cơ cấu lại chi đã đề ra là tăng dần tỷ trọng chi đầu tư, giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên theo tinh thần Nghị quyết 07-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết 25/2016/QH14 của Quốc hội. Nguyên nhân, do cơ cấu lương và các khoản phụ cấp theo lương chiếm tỷ trọng lớn trong chi thường xuyên (bình quân 40%), nếu loại trừ yếu tố tiền lương, tỷ trọng chi thường xuyên chiếm 34% trên tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

So sánh với các địa phương vùng duyên hải Nam Trung bộ, quy mô chi cho đầu tư phát triển của tỉnh Khánh Hòa chỉ xếp thứ 6/8 tỉnh, thành phố và chiếm 9% tổng chi cho đầu tư phát triển của vùng năm 2020. Tính chung thời kỳ 2012-2020, tỉnh xếp thứ 5/8 trong vùng. Ngoài ra, tốc độ tăng chi đầu tư phát triển của tỉnh Khánh Hòa so với các địa phương khác trong thời kỳ 2012-2020 cũng còn tương đối thấp (chỉ cao hơn TP. Đà Nẵng).

5. Tổng số vốn đầu tư toàn xã hội

Trong 10 năm qua, tỉnh đã tích cực huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội. Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2012-2021 ước đạt 353,11 nghìn tỷ đồng, tăng bình quân 11,5%/năm; trong đó, năm 2021 ước đạt 53,89 nghìn tỷ đồng, gấp 2,7 lần so với năm 2012 (đạt 19,91 nghìn tỷ đồng). Trong cơ cấu tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2012-2021, vốn đầu tư khu vực ngoài Nhà nước chiếm tỷ trọng cao nhất với 64,2%, tiếp đó là khu vực Nhà nước với tỷ trọng 30,7 % và khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài chiếm tỷ trọng 5,2%⁴¹.

Tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư phát triển trong các khu vực kinh tế đều đạt mức cao, trong đó, vốn đầu tư trong khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng nhanh. Bình quân giai đoạn 2012-2020, tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài là 23,9%/năm (khu vực Nhà nước là 11%/năm, khu vực ngoài Nhà nước là 11,7%/năm).

Trong các ngành kinh tế, tốc độ tăng trưởng vốn đầu tư toàn xã hội của khu vực dịch vụ đạt cao nhất, với mức tăng bình quân giai đoạn 2011-2020 là 14,05%/năm, khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 10,76%/năm, trong khi đầu tư

⁴¹ Theo Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

phát triển toàn xã hội của khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 2,66%/năm. Vốn đầu tư phát triển trong khu vực dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp đến là khu vực công nghiệp - xây dựng và nông nghiệp. Năm 2020, cơ cấu vốn đầu tư phát triển trong các khu vực dịch vụ, công nghiệp - xây dựng và nông, lâm nghiệp và thủy sản lần lượt là: 68,3%; 31,3% và 0,5% (so với cơ cấu vốn đầu đầu năm 2010 là: 60,6%; 37,2% và 2,2%). (Biểu đồ chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Tỷ lệ huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên GRDP bình quân của tỉnh giai đoạn 2011-2020 đạt 51,8%, vượt chỉ tiêu đề ra tại Quyết định số 251/2006/QĐ-TTg ngày 31/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ (thời kỳ 2011-2020 khoảng 40-45% GDP). Tuy nhiên, tỷ lệ huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên GRDP đang có xu hướng tăng rất cao trong những năm gần đây. Cụ thể: năm 2021, tỷ lệ này là 47,6%; đến năm 2019, tỷ lệ này tăng lên 53,5%, năm 2020 là 63,4% và năm 2021 là khoảng 68,7% - rất cao so với mức bình quân chung của cả nước trong cùng giai đoạn.

6. Phát triển các loại hình kinh tế

6.1. Khu vực kinh tế nhà nước

Khu vực kinh tế nhà nước tiếp tục phát triển. Đến cuối năm 2020, số doanh nghiệp có vốn nhà nước hoạt động là 39 doanh nghiệp, giải quyết việc làm cho 14,04 nghìn lao động, chiếm 7,96% tổng số lao động trong các khu vực kinh tế. Đóng góp vào ngân sách giai đoạn 2012-2020 là 34,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 54,9% tổng đóng góp của các khu vực kinh tế vào ngân sách. Khánh Hòa đã thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước phù hợp với yêu cầu phát triển theo lĩnh vực, ngành nghề cũng như xu hướng phát triển kinh tế - xã hội qua từng giai đoạn theo chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước. Hoàn thành nhiệm vụ cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước cho 7 doanh nghiệp⁴², duy trì 100% vốn nhà nước tại 4 doanh nghiệp⁴³; hợp nhất 02 công ty thủy lợi. Tiến độ cổ phần hóa Tổng công ty Khánh Việt còn chậm do đang gặp khó khăn, vướng mắc trong việc sắp xếp nhà, đất tại TP Hồ Chí Minh và Hà Nội.

6.2. Khu vực kinh tế tư nhân

Kinh tế tư nhân ngày càng phát triển và trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế nhờ môi trường kinh doanh trên địa bàn được cải thiện đáng kể. Giai đoạn 2012-2020, số doanh nghiệp thành lập mới tăng lên gấp đôi từ 1.043 doanh nghiệp năm 2012 (chiếm 12,1% khu vực Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung và chiếm 1,49% cả nước) lên 1.825 doanh nghiệp năm 2020 (chiếm 9,8% khu vực Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung và chiếm 1,35% cả nước). So với các địa phương khác trong vùng, số lượng doanh nghiệp thành lập mới của Khánh Hòa giảm từ vị trí thứ 2 năm 2019 sau Đà Nẵng xuống vị trí thứ 4 năm 2020 sau Đà Nẵng, Thanh Hóa và Nghệ An. Đến cuối năm 2020, số doanh nghiệp tư nhân hoạt động là 8.296 doanh nghiệp, giải quyết việc làm cho 147 nghìn lao động,

⁴² Cổ phần hóa 07 doanh nghiệp, thoái vốn 03 doanh nghiệp

⁴³ Công ty TNHH Nhà nước MTV: Yến sào Khánh Hòa; Xô số Kiến thiết Khánh Hòa; Lâm sản Khánh Hòa; Lâm nghiệp Trầm Hương;

chiếm 83,34% tổng số lao động trong các khu vực kinh tế. Đóng góp vào ngân sách giai đoạn 2012-2020 là 24,32 nghìn tỷ đồng, chiếm 38,8% tổng đóng góp của các khu vực kinh tế vào ngân sách Nhà nước.

6.3. Hợp tác xã (HTX) và hộ kinh doanh gia đình

Hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã và hộ kinh doanh gia đình ngày càng ổn định và có xu hướng phát triển. Toàn tỉnh có 01 Liên hiệp HTX và 156 HTX (chiếm 0,56% tổng số HTX của các nước). Tổng số thành viên hợp tác trên toàn tỉnh là 51.432 thành viên, với tổng vốn hoạt động của HTX khoảng 562 tỷ đồng, thu hút hơn 8.300 lao động thường xuyên trong HTX. Doanh thu bình quân của một HTX năm 2021 là 2,15 tỷ đồng, lãi bình quân là 194 triệu đồng/năm, thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong HTX là 31 triệu đồng/năm. Kinh tế tập thể, HTX đóng góp đáng kể trong giải quyết việc làm ở nông thôn, góp phần nâng cao giá trị hàng hóa nông sản, tạo mối liên kết trong sản xuất, từ đó mang lại hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân, bảo đảm an sinh xã hội, góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

6.4. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI)

Giai đoạn 2012-2020, khu vực có vốn đầu tư FDI tăng nhanh. Đến cuối năm 2020, có 64 doanh nghiệp FDI đang hoạt động, giải quyết việc làm cho 15,35 nghìn lao động, chiếm 8,7% tổng số lao động trong các khu vực kinh tế. Đóng góp vào ngân sách giai đoạn 2012-2020 là 3,95 nghìn tỷ đồng, chiếm 6,3% tổng đóng góp của các khu vực kinh tế vào ngân sách nhà nước. Trong đó, giai đoạn 2012-tháng 10 năm 2021, tỉnh Khánh Hòa đã thu hút được 58 dự án mới, 23 lượt dự án tăng vốn, 502 lượt góp vốn, mua cổ phần, với tổng vốn đăng ký đạt 3,86 tỷ USD, xếp thứ 02/14 tỉnh thuộc khu vực Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung (dẫn đầu là Thanh Hóa), chiếm 12,4% tổng vốn đầu tư đăng ký của cả khu vực trong giai đoạn này.

Trong cơ cấu GRDP của tỉnh, đóng góp của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài trung bình đạt 6,3% trong giai đoạn 2012-2020. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh, với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2020 là 30,3%/năm (theo giá so sánh). Năm 2020, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 4,128 nghìn tỷ đồng (theo giá hiện hành), chiếm 8,12% tổng vốn đầu tư phát triển của tỉnh (tăng cao so với tỷ lệ đóng góp 1,26% năm 2010).

- *Về cơ cấu đầu tư theo ngành, lĩnh vực:* Các nhà đầu tư nước ngoài đã tham gia đầu tư 14/21 ngành kinh tế tại tỉnh Khánh Hòa. Trong đó: lĩnh vực sản xuất, phân phối điện đạt cao nhất với 04 dự án cấp mới, 13 lượt góp vốn, mua cổ phần, tổng vốn đăng ký lên tới 2,75 tỷ USD, chiếm 71,3% tổng vốn đăng ký. Đứng thứ hai là lĩnh vực dịch vụ lưu trú và ăn uống thu hút được 07 dự án cấp mới, 236 lượt góp vốn, mua cổ phần, tổng vốn đăng ký đạt 794,75 triệu USD, chiếm 20,5% tổng vốn đăng ký. Đứng thứ ba là lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút được 23 dự án cấp mới, 15 lượt dự án tăng vốn, 52 lượt góp vốn, mua cổ phần, tổng vốn đăng ký đạt 123,86 triệu USD, chiếm 3,2% tổng vốn đăng ký. Còn lại là các dự án

thuộc các lĩnh vực khác như hoạt động kinh doanh bất động sản, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản,...

- *Về thu hút đầu tư theo đối tác đầu tư.* Đến nay, đã có 53 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án FDI tại tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2012-2021. Trong đó, chiếm tỷ trọng cao nhất là Nhật Bản với 01 dự án mới, 04 lượt dự án tăng vốn, 23 lượt góp vốn, mua cổ phần, tổng vốn đăng ký lên tới 2,61 tỷ USD, chiếm 67,7% tổng vốn đăng ký. Đứng thứ hai là British Virgin Islands với 03 dự án mới, 04 lượt dự án tăng vốn, 03 lượt góp vốn, mua cổ phần, tổng vốn đăng ký lên tới 739,01 triệu USD, chiếm 19,1% tổng vốn đăng ký. Đứng thứ ba là Singapore với 04 dự án mới, 01 lượt dự án tăng vốn, 14 lượt góp vốn, mua cổ phần, tổng vốn đăng ký lên tới 174,88 triệu USD, chiếm 4,5% tổng vốn đăng ký.

Năm 2020-2021, do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 kéo dài, công tác xúc tiến đầu tư (XTĐT) cũng như thu hút các dự án đầu tư mới gặp nhiều khó khăn. Một số hoạt động XTĐT phải cắt giảm quy mô, lĩnh vực du lịch là thế mạnh của tỉnh và các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ khác bị ngưng trệ. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của tỉnh, Khánh Hòa đã tiếp cận, thu hút nhiều tập đoàn, nhà đầu tư đến nghiên cứu tìm hiểu môi trường đầu tư như: Tập đoàn Vingroup đề xuất đầu tư Tổ hợp giải trí phức hợp và siêu dự án đô thị tại huyện Cam Lâm và thành phố Cam Ranh; Tập đoàn Sungroup và Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương (Công ty IPPG) đề xuất đầu tư tại Khu kinh tế Vân Phong; Công ty Quantumm và Tập đoàn Dầu khí Millenium (Hoa Kỳ), Tập đoàn Sumitomo (Nhật Bản) đề xuất đầu tư dự án điện khí hóa lỏng tại khu vực Nam Vân Phong; Tập đoàn Hòa Phát và KDI Holding dự kiến đầu tư Tổ hợp công nghiệp - đô thị tại thị xã Ninh Hòa, Tập đoàn FPT đề nghị thành lập Trung tâm công nghệ phần mềm tại thành phố Nha Trang... Bên cạnh đó, một số dự án lớn đã được cấp chủ trương đầu tư và đang triển khai xây dựng như: Nhà máy Nhiệt điện Vân Phong BOT 1 (2,58 tỷ USD). Đây là dự án có ý nghĩa quan trọng, tạo động lực trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần thực hiện an ninh năng lượng cho hệ thống lưới điện quốc gia.

7. Quản trị phát triển địa phương

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Khánh Hòa có sự cải thiện. Tuy nhiên, chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) còn thấp, năm 2020 đứng thứ 62 cả nước. Cùng với nâng cao chất lượng cải cách hành chính⁴⁴, đổi mới phương thức phục vụ người dân và doanh nghiệp, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến và bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của tỉnh. Khánh Hòa nằm trong 20 tỉnh, thành phố có chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ cao, nổi bật chỉ số về ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ công trực tuyến.

7.1. Chỉ số cải cách hành chính

⁴⁴ Giai đoạn 2012-2020 đạt 81,52%, có xu hướng tăng.

Theo kết quả tại báo cáo PAR Index năm 2020, tuy điểm số PAR Index của Khánh Hòa tăng 1,67 điểm so với năm 2019⁴⁵ nhưng vị trí của tỉnh sụt giảm từ vị trí 34/63 xuống 48/63 tỉnh, thành phố; và mặc dù có điểm số cao hơn 0,28 điểm so với mức trung bình của vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung nhưng vẫn ở mức thấp hơn so với mức trung bình cả nước.

7.2. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh⁴⁶

Chỉ số PCI tỉnh Khánh Hoà có xu hướng cải thiện về vị trí xếp hạng trong giai đoạn 2011-2020. Tuy nhiên, điểm số PCI còn ở mức thấp. Năm 2020, PCI của tỉnh đạt 63,98 điểm, thấp hơn mức trung bình cả nước 0,4 điểm và thấp hơn mức trung bình của vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung 0,26 điểm, thấp hơn 1,39 điểm so với năm 2019. So với các tỉnh trong vùng, Khánh Hòa xếp vị trí thứ 6/14 tỉnh sau Đà Nẵng (70,12 điểm), Quảng Nam (65,72 điểm), Thừa Thiên Huế (65,03 điểm), Nghệ An (64,73 điểm) và Hà Tĩnh 64,56 điểm). Một số chỉ số thành phần có sự cải thiện đáng kể so với năm 2019⁴⁷. (Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

Bên cạnh kết quả đạt được về cải thiện chất lượng điều hành kinh tế để thúc đẩy doanh nghiệp trong giai đoạn 2011-2020, tỉnh Khánh Hoà vẫn còn có 2/10 chỉ số thành phần PCI có xu hướng giảm đó là chỉ số Gia nhập thị trường⁴⁸ và chỉ số Thiết chế pháp lý & An ninh trật tự⁴⁹. So với các tỉnh trong vùng duyên hải Nam Trung bộ, chất lượng điều hành kinh tế để thúc đẩy doanh nghiệp của tỉnh Khánh Hoà trong giai đoạn 2011-2020 đã được cải thiện tăng nhẹ 1 bậc, từ vị trí thứ 4/8 tỉnh năm 2011 lên vị trí thứ 3/8 tỉnh năm 2020.

7.3. Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh⁵⁰

Chỉ số PAPI⁵¹ trong giai đoạn 2011-2020 của tỉnh Khánh Hoà cải thiện đáng kể, đặc biệt là giai đoạn 2017-2020, cho thấy những chuyển biến tích cực về hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Khánh Hoà. Tuy nhiên, so với các tỉnh trong vùng duyên hải Nam Trung bộ, hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh Khánh Hoà liên tục thấp hơn mức bình quân chung của vùng. Năm 2011, chỉ số PAPI chỉ cao hơn 2 tỉnh Quảng Ngãi (34 điểm) và Phú Yên (32,93 điểm), đứng thứ 5/8 tỉnh, đến năm 2020 tụt xuống vị trí 8/8 tỉnh. Năm 2020 chỉ số PAPI của tỉnh đạt

⁴⁵ Lên 82,57 điểm

⁴⁶ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) là chỉ số đánh giá và xếp hạng chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương của Việt Nam về chất lượng điều hành kinh tế và xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho việc phát triển doanh nghiệp dân doanh.

⁴⁷ như: Cạnh tranh bình đẳng cho doanh nghiệp đứng đầu cả nước (tăng 2,81 điểm), Chi phí thời gian (tăng 1,59 điểm), Gia nhập thị trường (tăng 1,74 điểm) và Chi phí không chính thức (tăng 0,95 điểm). Tuy nhiên, một số chỉ số thành phần hiện còn ở vị trí thấp như: Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp 5,41 điểm, Tính minh bạch 5,54 điểm, Tính năng động 5,75 điểm và Thiết chế pháp lý 5,94 điểm.

⁴⁸ Giảm 0,42 điểm.

⁴⁹ Giảm 0,32 điểm.

⁵⁰ Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (gọi tắt là chỉ số PAPI) là công cụ theo dõi, giám sát năng lực điều hành, quản lý nhà nước, thực thi chính sách và cung ứng dịch vụ công của chính quyền địa phương; giúp các cấp chính quyền địa phương có những căn cứ điều chỉnh và cải thiện hiệu quả công tác, phục vụ người dân tốt hơn. Chỉ số PAPI được đánh giá trên 8 tiêu chí gồm: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở; Công khai, minh bạch trong việc ra quyết định; Trách nhiệm giải trình với người dân; Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công; Thủ tục hành chính công; Cung ứng dịch vụ công; Quản trị môi trường; Quản trị điện tử.

⁵¹ Là sản phẩm của hoạt động hợp tác nghiên cứu giữa Trung tâm Nghiên cứu Phát triển-Hỗ trợ Cộng đồng (CECODES).

39,15 điểm tăng 4,46 điểm so với năm 2011 và 4,91 điểm so với năm 2016. Từ năm 2017 đến nay chỉ số này luôn cao hơn mức bình quân chung cả nước.

Đóng góp lớn cho sự ra tăng Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của tỉnh Khánh Hoà trong giai đoạn 2011-2020 là sự cải thiện lớn của 3 chỉ số thành phần đó là: Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công⁵²; thủ tục hành chính công⁵³ và chỉ số cung ứng dịch vụ công⁵⁴. Trong khi đó, có 3 chỉ số chưa được cải thiện và có xu hướng giảm điểm, đó là: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở⁵⁵; công khai, minh bạch⁵⁶ và chỉ số trách nhiệm giải trình với người dân⁵⁷. Từ năm 2018, đo lường Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh được bổ sung thêm 2 chỉ số quản trị môi trường và chỉ số quản trị điện tử, sau 3 năm đánh giá cho thấy: Hiệu quả quản trị và hành chính công về quản trị môi trường và quản trị điện tử của tỉnh Khánh Hoà năm 2020 giảm so với năm 2018⁵⁸.

7.4. Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin⁵⁹

Đối với tỉnh Khánh Hoà, công tác xây dựng chính quyền điện tử trên nền tảng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông nhằm hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả hoạt động và phục vụ người dân, doanh nghiệp là một trọng tâm công tác cải cách hành chính của tỉnh Khánh Hoà trong 10 năm qua, và đã đạt được thành tựu nhất định. Theo báo cáo của Bộ Thông tin và truyền thông về chỉ số mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông Việt Nam năm 2020, tỉnh Khánh Hoà có mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin thuộc nhóm tỉnh, thành phố ở mức khá. Giai đoạn 2011-2020, mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông của tỉnh Khánh Hoà liên tục ở vị trí cao và thuộc nhóm 03 tỉnh dẫn đầu có mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông của vùng duyên hải Nam Trung bộ⁶⁰.

II. Về quy hoạch phát triển tỉnh Khánh Hoà

Công tác quy hoạch tỉnh, một số ngành, lĩnh vực đã được triển khai thực hiện và đạt được những kết quả quan trọng. Chủ động phối hợp với bộ, ngành Trung ương và các địa phương có liên quan triển khai khá đầy đủ, hiệu quả công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng và quy hoạch tổng thể phát

⁵² Tăng 0,85 điểm.

⁵³ Tăng 0,42 điểm.

⁵⁴ Tăng 1 điểm.

⁵⁵ Giảm 1,35 điểm.

⁵⁶ Giảm 0,99 điểm.

⁵⁷ Giảm 0,88 điểm.

⁵⁸ Mức giảm lần lượt là 1,24 và 0,38 điểm.

⁵⁹ Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin (chỉ số ICT) là thước đo cho mức độ sẵn sàng phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong các lĩnh vực ở mỗi quốc gia. Kết quả đánh giá xếp hạng dựa trên 3 chỉ số thành phần là: (1) Chỉ số hạ tầng kỹ thuật; (2) chỉ số hạ tầng nhân lực và (3) chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin.

⁶⁰ Cụ thể từ năm 2011 đến năm 2018, mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông của tỉnh Khánh Hoà duy trì vị trí thứ 2/8 tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, xếp ở vị trí thứ nhất là TP. Đà Nẵng, Từ năm 2019 đến 2020 mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông Khánh Hoà duy trì vị trí thứ 3/8 tỉnh vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, xếp ở vị trí thứ nhất là TP. Đà Nẵng và thứ hai là tỉnh Ninh Thuận.

triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2020⁶¹. Triển khai lập, phê duyệt và thực hiện các quy hoạch như: Quy hoạch phát triển công nghiệp; Quy hoạch phát triển du lịch; Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn; Quy hoạch phát triển thủy lợi; Quy hoạch phát triển thủy sản; Quy hoạch chi tiết Trung tâm nghề cá lớn; Quy hoạch các cơ sở giết mổ, gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh; Quy hoạch ngành y tế Khánh Hòa, giáo dục, văn hóa, môi trường. Nhiệm vụ lập Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Nhiệm vụ lập Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đang được tích cực triển khai.

Tập trung triển khai việc lập đồng thời các quy hoạch quan trọng như Quy hoạch tỉnh, Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Nha Trang và Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong. Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh với diện tích 2.399,6 ha, được quy hoạch chia làm 07 khu và được UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 1/2000; hiện đang rà soát, điều chỉnh đối với phân khu 3,6,7 với diện tích khoảng 1.030,1 ha và điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch chung 1/50.000 toàn khu. Đang triển khai Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050, để trình cấp thẩm quyền thẩm định và phê duyệt; đã phê duyệt quy hoạch chi tiết Cảng Trung chuyển quốc tế Vân Phong. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt trên địa bàn tỉnh đã đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất, sử dụng đất tiết kiệm hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Do dự thảo Luật đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt chưa được Quốc hội thông qua. Tỉnh Khánh Hòa đã có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ chủ trương cho phép tạm dừng thực hiện nhiệm vụ lập Quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong, cho phép thực hiện điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong đến năm 2030 và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại văn bản số 783/TTg-QHĐP ngày 23/6/2020. Hiện nay nhiệm vụ Điều chỉnh quy hoạch đang được Bộ Xây dựng thẩm định và dự kiến trình phê duyệt trong quý I năm 2022.

III. Về phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng

1. Phát triển đô thị

Khánh Hòa đã xây dựng và ban hành Chương trình phát triển đô thị giai đoạn 2011-2015, đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, Kế hoạch phát triển nhà ở đô thị. Công tác phát triển đô thị đã có kết quả nhất định, triển khai các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch chung đô thị các huyện, thị xã, thành phố; tiếp tục phù kín quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết; rà soát, điều chỉnh các quy hoạch đã lạc hậu. Hiện đang điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Nha Trang và thành phố Cam Ranh, điều chỉnh quy hoạch chung Khu du lịch

⁶¹ Quyết định số 251/2006/QĐ-TTg, ngày 31/10/2006 và Quyết định số 1114/QĐ-TTg, ngày 09/7/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Bắc bán đảo Cam Ranh, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Vân Phong.

Hệ thống đô thị toàn tỉnh được đầu tư cơ sở hạ tầng, không gian đô thị được mở rộng từng bước đáp ứng theo quy hoạch, phù hợp với tình hình phát triển của các địa phương trong tỉnh. Toàn tỉnh hiện có 18 đô thị, gồm 01 đô thị loại I là thành phố Nha Trang, 01 đô thị loại III là Thành phố Cam Ranh, 03 đô thị loại IV (Thị xã Ninh Hòa; huyện Diên Khánh; thị trấn Vạn Giã, huyện Vạn Ninh) và 13 đô thị loại V, tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn đạt 60%.

Hạ tầng đô thị trung tâm được quan tâm đầu tư, nâng cấp theo hướng đồng bộ, hiện đại, nhất là thành phố Nha Trang; từng bước đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông đô thị, cấp thoát nước, cấp điện, xử lý chất thải rắn, tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 95%, đạt 23,3 m³ sàn/người tại khu vực đô thị. Đã thực hiện chỉ tiêu về phát triển vật liệu xây dựng không nung với 30 cơ sở sản xuất, công suất 320 - 370 triệu viên/năm góp phần giảm thiểu lượng khí thải gây hiệu ứng nhà kính, giữ diện tích đất nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực. Một số dự án hạ tầng giao thông mang tính động lực⁶² đưa vào hoạt động, tạo liên kết quan trọng trên các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, giao thông, vận tải; một số dự án giao thông quan trọng đã hoàn thành đưa vào sử dụng, tạo động lực lan tỏa, thúc đẩy phát triển nền kinh tế - xã hội của tỉnh, của vùng⁶³.

2. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

- Các dự án quan trọng, then chốt liên quan đến Khánh Hòa theo các nhiệm vụ về đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông vận tải đặt ra trong Kết luận 53-KL/TW⁶⁴ đến nay đã được triển khai, đưa vào sử dụng, góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

+ Mạng lưới đường bộ được đầu tư với tổng chiều dài khoảng 4.511 km được phân bổ tương đối hợp lý bao gồm quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và đường xã đáp ứng nhu cầu vận tải trên địa bàn⁶⁵, cải tạo và mở rộng tuyến Quốc lộ

⁶² Đường Nha Trang đi Đà Lạt, Đường Võ Nguyên Giáp, Đường cát hạ cánh số 2 Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh, Bến cảng tổng hợp Bắc Vân Phong,...

⁶³ Dự án đường Nha Trang đi Đà Lạt, Đường Võ Nguyên Giáp, đường Phong Châu, đường Nguyễn Thiện Thuật nối dài, đường số 4; hiện nay, UBND tỉnh đang tập trung nguồn vốn đầu tư một số dự án như: Đường vành đai kết nối nút giao thông Ngọc Hội (vành đai 2), Nút giao Ngọc Hội; các tuyến đường, nút giao kết nối Khu sân bay Nha Trang cũ, đường Tô Hiến Thành nối dài...

⁶⁴ Theo Nghị quyết số 39-NQ/TW và Kết luận số 25-KL/TW là: Hoàn thành công trình thủy lợi Cam Ranh Thượng; hồ chứa Hồ Nước Trong, công trình thủy lợi Định Bình (bao gồm cả hệ thống tưới Vân Phong); xây dựng cảng Trung chuyển quốc tế Vân Phong; nâng cấp sân bay Cam Ranh; các tuyến giao thông huyết mạch trên địa bàn tỉnh. Theo Nghị quyết số 13-NQ/TW là: Nâng cấp đồng bộ, hiện đại sân bay quốc tế Cam Ranh); khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư phát triển cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong (Khánh Hòa).

⁶⁵ Năm 2019, khối lượng vận tải trên địa bàn tỉnh đạt khoảng 67,18 triệu lượt hành khách, tăng 13,86% so với năm 2018; khối lượng hành khách luân chuyển đạt 3.414,79 triệu lượt hành khách.km, tăng 5,4% so với năm 2018. Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010 - 2019 đối với khối lượng hành khách vận chuyển là 10,35%/năm, khối lượng hành khách luân chuyển là 11,62%/năm. Vận tải hành khách bằng đường bộ vẫn là loại hình chủ đạo khi chiếm khoảng 84% tổng lượng hành khách vận chuyển và khoảng 96% tổng lượng hành khách luân chuyển trong giai đoạn 2010 - 2020. Riêng năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 khối lượng vận chuyển hành khách đạt 16,99 triệu lượt hành khách, khối lượng luân chuyển hành khách đạt 826,12 triệu lượt hành khách.km, giảm lần lượt 74,71% và 75,81% so với năm 2019. Khối lượng hàng hóa vận chuyển toàn tỉnh năm 2019 đạt 61,96 triệu tấn, tăng 14,01% so với năm 2018; khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 3.951,96 tấn.km, tăng 7,74% so với năm 2018. Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010-2019 đối với khối lượng hàng hóa vận chuyển là 15,16%/năm, khối lượng hàng hóa luân

1, Quốc lộ 26, Hàm đường bộ Đèo Cả, các tuyến tránh vào tỉnh; đang triển khai đầu tư đường bộ cao tốc Bắc - Nam đoạn qua địa bàn, các trục đường chính của tỉnh đang triển khai sẽ kết nối các vùng động lực, phát triển logistics và kinh tế biển.

+ **Khu bến cảng Nha Trang** được chuyển đổi công năng, phát triển thành đầu mối du lịch biển đồng bộ, hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế; tiếp nhận tàu khách du lịch quốc tế đến 225.000 GT và tàu chở khách trên tuyến nội địa Bắc - Nam; năng lực thông qua 200 nghìn lượt khách/năm. Đưa vào khai thác 17 bến cảng biển và 01 khu chuyên tải dầu⁶⁶; cùng với một số cảng chuyên dùng phục vụ hàng rời phục vụ cho KCN, nhà máy đóng tàu, vận tải hàng hóa.

+ **Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh**⁶⁷ được nâng cấp, mở rộng theo hướng hiện đại, đưa vào khai thác sử dụng⁶⁸, đáp ứng yêu cầu phát triển khu vực duyên hải Nam Trung bộ.

+ **Đường sắt qua địa bàn tỉnh**⁶⁹ có chiều dài 149,2 km, có 12 ga chủ yếu là ga hỗn hợp, phục vụ hành khách đi tàu và tổ chức xếp dỡ, chuyển tải hàng hoá.

+ **Cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong**⁷⁰ hiện đã được đầu tư và đưa vào khai thác sử dụng bến cảng tổng hợp Bắc Vân Phong (17 ha), bến cảng tổng hợp Nam Vân Phong (12 ha) đều tiếp nhận được tàu có tải trọng 70.000 DWT, phát triển một số cảng chuyên dùng phục vụ hàng rời tại KCN Ninh Thủy, cảng Nhà máy Hyundai - Vinashin, cảng Kho xăng dầu ngoại quan, cảng nhập than cho Nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1, hệ thống bến thủy nội địa gồm 38 bến, trong đó: 08 bến phục vụ dân sinh đi lại các đảo, 26 bến phục vụ dịch vụ du lịch, 04 bến phục vụ dân sinh.

+ **Các công trình thủy lợi được đầu tư nâng cấp** và từng bước hiện đại hóa, phục vụ ngày càng tốt hơn cho sản xuất, đời sống dân sinh, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, xây dựng. Hoàn thành đầu tư hồ chứa nước Cam Ranh với dung tích 22,1 triệu m³ đã thực hiện cấp nước 14.000 m³/ngày đêm để cấp các khu vực huyện Cam Lâm và phía Bắc thành phố Cam Ranh; hồ chứa nước Suối Dầu với dung tích 32,78 triệu m³ đã thực hiện cấp nước với tổng lưu lượng cấp 22.900 m³/ngày đêm để cấp các khu vực Nha Trang, huyện Cam Lâm. Đưa vào quy hoạch thủy lợi hồ chứa nước Đồng Điền với dung tích thiết kế 95,1

chuyển là 8,77%/năm. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ vẫn là loại hình chủ đạo khi chiếm từ 80% tổng lượng hàng hóa vận chuyển và khoảng 86% tổng lượng hàng hóa luân chuyển giai đoạn 2010-2020. Riêng năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 khối lượng vận chuyển hàng hóa đạt 27,93 triệu tấn, khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 2.327,7 triệu tấn.km, giảm lần lượt 54,92% và 41,10% so với năm 2019.

⁶⁶ Khu vực cảng biển Vân Phong là 09 bến cảng và 01 khu chuyên tải dầu, khu vực cảng biển Nha Trang là 03 bến cảng, khu vực cảng biển Cam Ranh là 05 bến.

⁶⁷ Xây dựng đường cất hạ cánh số 2 và Nhà ga hành khách quốc tế.

⁶⁸ Năm 2019, lượng hành khách thông qua Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh đạt 9,75 triệu lượt khách.

⁶⁹ Theo quy hoạch của Bộ GTVT: Cải tạo đường sắt khu vực ga Nha Trang để bỏ đường vòng, ga Nha Trang trở thành ga cắt, xây dựng ga hàng hóa Vĩnh Trung; nâng cấp đường cũ qua tỉnh Khánh Hòa; xây dựng tuyến đường sắt vào cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong...

⁷⁰ Theo Quyết định số 2972/QĐ-BGTVT ngày 05/8/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong - Khu bến cảng Đầm Môn (phía Bắc vịnh Vân Phong) thuộc cảng biển Khánh Hòa. Trên cơ sở đó, Bộ GTVT đã phối hợp với UBND tỉnh Khánh Hòa thực hiện các thủ tục để Công ty TNHH cảng biển Vân Phong thực hiện đầu tư bến cảng tổng hợp tại Đầm Môn, Vân Phong.

triệu m³, hệ thống thoát, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của thành phố Nha Trang, Cam Ranh đã và đang tiếp tục được đầu tư. Nâng cấp hồ chứa nước Tà Rục, Láng Nhót, Cây Sung,...; cải tạo, nâng cấp kênh chính Nam, hồ chứa nước Cam Ranh và kênh chính hồ Suối Dầu; nâng cấp các đập dâng, đập ngăn mặn như Hải Triều, Xuân Đài, Đê Ninh Hà,... Kiên cố hóa khoảng 1600/2160 km kênh mương, nâng cấp các công trình thủy lợi; đầu tư cơ sở sản xuất, nuôi trồng thủy sản vùng ven biển, cơ sở sản xuất và kiểm định tôm giống Ninh Vân; hoàn thiện các khu neo đậu, tránh và trú bão cho tàu cá⁷¹; cải tạo nâng cấp hơn 10 dự án cấp nước sạch nông thôn quy mô vừa và cấp nước nhỏ góp phần đưa tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh trên toàn tỉnh đạt trên 98,2%.

- Hạ tầng các khu, điểm du lịch tại Nha Trang, Vân Phong, Cam Ranh,... từng bước hoàn thành, đưa vào sử dụng⁷²; các siêu thị, trung tâm thương mại⁷³, chợ đầu mối, chợ truyền thống⁷⁴ được đầu tư; tích cực phối hợp huy động đầu tư hạ tầng hệ thống kho vận, hệ thống logistics để phát triển thương mại, dịch vụ⁷⁵. Hạ tầng Khu kinh tế Vân Phong, các khu, cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng, đưa 02 KCN là Khu công nghiệp Suối Dầu (giai đoạn 1 là 136,73ha) và Khu công nghiệp Ninh Thủy (207,9ha) và 05 CCN đi vào hoạt động; bảo tồn, lưu giữ và phát triển ngành nghề tiêu thủ công nghiệp và làng nghề được quan tâm⁷⁶. Hạ tầng nông thôn được hỗ trợ thực hiện 1.458 công trình nông thôn mới.

- Hạ tầng viễn thông được phát triển đồng bộ, 100% cơ quan, địa phương được đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin, lắp đặt hệ thống mạng LAN, kết nối Internet tốc độ cao; 28/28 cơ quan kết nối mạng diện rộng của tỉnh; 231 điểm kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng từ cấp tỉnh đến cấp xã. Các dự án cung cấp điện được triển khai, phục vụ các khu vực sắp quá tải như Vùng 4 Cam Ranh, Bãi

⁷¹ 01 khu neo đậu tránh trú bão Ninh Hải.

⁷² Bên cạnh thành phố Nha Trang là trung tâm du lịch thì Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh hiện có 11 dự án đi vào hoạt động; có thêm 05 dự án trong thời gian tới, nâng số dự án hoạt động là 16 dự án với 9.000 buồng phòng; chuẩn bị thủ tục đầu tư Khu đô thị ven vịnh Cam Ranh với diện tích 1.496,7 ha; Khu vực Vân Phong, đã thu hút được nhiều dự án đầu tư du lịch giải trí tầm cỡ quốc tế, hiện đang triển khai xây dựng.

⁷³ Hiện có 10 trung tâm thương mại là: Hoàn Cầu, Big C Nha Trang, Lotte Nha Trang, Vincom Plaza Nha Trang, Vincom Plaza Lê Thánh Tôn Nha Trang, Vincom Plaza Trần Phú Nha Trang, Vincom Ninh Hòa, A&B Central Square, Quyết Thắng, Gold Coast

⁷⁴ Tổng số chợ trên địa bàn tỉnh là 126 chợ; bao gồm 03 chợ hạng 1, 09 chợ hạng 2, 114 chợ hạng 3.

⁷⁵ Cảng biển: đã có nhiều cảng biển chuyên dùng như Cảng chuyên dùng kho xăng dầu ngoại quan Vân Phong, 02 cảng chuyên dùng phục vụ trạm đóng bao và phân phối xi măng của Công ty xi măng Long Sơn và Nghi Sơn, 01 cảng biển vật liệu xây dựng...; đang xây dựng Bến cảng tổng hợp Bắc Vân Phong, Nam Vân Phong; khu hậu cần cảng và khu phi thuế quan (kho tàng, bến bãi, nhà xưởng sản xuất, dịch vụ thương mại) đang được một số nhà đầu tư nghiên cứu đề xuất. Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh được nâng cấp, mở rộng theo hướng hiện đại.

⁷⁶ Có 5 nghề được công nhận là nghề gồm thôn Trung Đông (xã Vạn Bình, Vạn Ninh); dệt chiếu cói (tổ dân phố Mỹ Trạch, phường Ninh Hà, Ninh Hòa), chế tác đá mỹ nghệ (tổ dân phố Phong Phú 1, phường Ninh Giang, Ninh Hòa); dệt chiếu cói xã Vĩnh Thái (TP. Nha Trang) và gốm Lư Cẩm (Tổ 9, phường Ngọc Hiệp, TP. Nha Trang). UBND tỉnh công nhận 4 làng: Làng nghề xoi trầm hương thôn Phú Hội 1; Làng nghề chế tác đá mỹ nghệ tổ dân phố Phong Phú 1; Làng nghề trồng hoa cúc (tổ dân phố Phong Phú 2, phường Ninh Giang, Ninh Hòa) và Làng nghề đan giỏ cần xé (thôn Suối Cát, xã Cam Hiệp Nam, Cam Lâm); 01 làng nghề truyền thống được công nhận là làng nghề truyền thống chế tác đá mỹ nghệ (tổ dân phố Phong Phú 1, phường Ninh Giang, Ninh Hòa). Một số làng có nghề và ngành nghề như: Làng nghề chế biến nước mắm tinh Khánh Hòa; Làng nghề đúc đồng trăm tuổi ở Khánh Hòa là một trong số ít những làng nghề có tuổi thọ lâu đời nhất Việt Nam. Ngoài ra còn một số làng nghề khác như: Làng dệt chiếu Mỹ Trạch (Ninh Hà, Ninh Hòa) có nghề dệt chiếu từ lâu đời; Làng nghề cối đá tổ dân phố Phong Phú 1 (phường Ninh Giang, thị xã Ninh Hòa) hiện chuyển sang làm đá mỹ nghệ do sản phẩm cối đá không còn được thị trường ưa chuộng như trước.

Dài huyện Cam Lâm, khu vực Ninh Hòa, Vạn Ninh, đặc biệt là Khu kinh tế Vân Phong; nhiều nhà máy thủy điện, nhiệt điện⁷⁷, điện mặt trời được triển khai⁷⁸.

- Hệ thống trường, lớp trên địa bàn tỉnh đã được rà soát, sắp xếp, điều chỉnh đồng bộ từ mầm non⁷⁹, phổ thông⁸⁰ đến dạy nghề⁸¹; đang triển khai 07 dự án đầu tư xây dựng mới trường THPT và 01 dự án trường phổ thông DTNT cấp huyện⁸²; hiện có 8.374 phòng, cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu học tập các cấp học, bậc học⁸³; cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học tiếp tục được tăng cường. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế được nâng cấp và từng bước hoàn thiện; có 136/139 trạm y tế xã phường (có 03 trạm y tế huyện đảo Trường Sa do Bộ Quốc phòng quản lý) và 12/14 phòng khám đa khoa khu vực được xây dựng mới, cải tạo nâng cấp; 100% bệnh viện tuyến huyện được xây dựng mới; Bệnh viện thành phố Nha Trang, Bệnh viện Ung bướu tỉnh Khánh Hòa, các phòng khám đa khoa đang được khẩn trương xây dựng.

- Đầu tư, nâng cấp, kiên cố hóa các công trình cấp thoát nước, xử lý rác thải và vệ sinh môi trường, nhất là các công trình hồ chứa, đập dâng và trạm bơm. Hồ chứa nước Hoa Sơn với dung tích 19,18 triệu m³, thực hiện cấp nước với công suất 2.000 m³/ ngày đêm⁸⁴. Hồ chứa nước Cam Ranh với dung tích 22,1 triệu m³ đã thực hiện cấp nước 14.000 m³/ngày đêm. Hồ chứa nước Suối Dầu với dung tích 32,78 triệu m³ đã thực hiện cấp nước 22.900 m³/ngày đêm. Đang chuẩn bị triển khai dự án dẫn nước từ hồ chứa nước Sông Chò 1 và đưa vào quy hoạch thủy lợi xây dựng hồ chứa nước Đồng Điền với dung tích thiết kế 95,1 triệu m³. Các công trình hệ thống cống thoát nước, hệ thống thu gom tập trung⁸⁵ và xử lý nước thải

⁷⁷ Các nhà máy thủy điện Ea Krong Rou (công suất 28 MW) ở thị xã Ninh Hòa; Sông Giang 2 (37 MW) và Sông Chò 2 (7 MW) đều ở huyện Khánh Vĩnh và dự án Sông Giang 1 (12 MW) ở huyện Khánh Vĩnh đang xây dựng; Nhà máy Nhiệt điện Vân Phong 1 (công suất giai đoạn 1 là 1.320MW); Nhà máy nhiệt điện sử dụng bã mía tại xã Ninh Xuân, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa (công suất đạt 30 MW), Nhà máy nhiệt điện bã mía tại Cam Lâm. Ngoài ra tại các khu vực hải đảo, khu vực khó khăn trong việc cấp điện bằng điện lưới Quốc gia cũng được đầu tư xây dựng các trạm phát chạy bằng dầu diesel, năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời... đặt tại chỗ.

⁷⁸ Với khoảng 30 dự án điện mặt trời, trong đó có 9 dự án đã được bổ sung vào Quy hoạch với tổng công suất hơn 570 MW, với vốn đăng ký đầu tư hơn 13.000 tỷ đồng.

⁷⁹ Phát triển mạng lưới các trường mầm non theo hướng: Mở thêm trường ở khu tập trung dân cư (khu công nghiệp, khu đô thị mới...); thành lập trường mầm non ở địa bàn cấp xã chưa có trường mầm non công lập; tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ việc thành lập trường mầm non ngoài công lập chất lượng cao ở vùng thành thị; sắp xếp các điểm trường lẻ đảm bảo cho trẻ được chăm sóc - giáo dục ở các điểm trường tập trung như ở điểm trường trung tâm.

⁸⁰ Tiểu học: rà soát để hoàn thiện mạng lưới theo hướng sắp xếp hợp lý các điểm trường, tách các trường phổ thông nhiều cấp học có quy mô lớn ở khu vực tập trung dân cư, sáp nhập các trường có quy mô nhỏ ở khu vực ít dân, thành lập trường phổ thông liên xã; xây dựng trường bán trú hoặc trường có tổ chức bán trú cho học sinh ở lại để học tập trong tuần tại các địa bàn khó khăn. Giáo dục trung học: Hoàn thiện mạng lưới theo hướng tách các trường nhiều cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông hiện có, thành lập mới trường trung học phổ thông

⁸¹ Sắp xếp, cơ cấu lại các trung tâm cấp huyện theo mô hình trung tâm giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp thực hiện đồng thời các nhiệm vụ: Giáo dục thường xuyên, giáo dục kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, dạy nghề, giới thiệu việc làm nhằm hỗ trợ phân luồng sau trung học.

⁸² THPT Vĩnh Lương - Nha Trang; THPT Bắc Vạn Ninh, THPT Ninh Sim - thị xã Ninh Hòa; THPT Tây Khánh Vĩnh - huyện Khánh Vĩnh; THPT Tây Bắc Diên Khánh - huyện Diên Khánh; THPT Nam Cam Ranh - thành phố Cam Ranh; THPT Cam An Nam - huyện Cam Lâm; Trường phổ thông DTNT thị xã Ninh Hòa

⁸³ Cấp học: Mầm non có 2.462 lớp/2.462 phòng (tỷ lệ 1 lớp/phòng). Tiểu học có 3.309 lớp/3.351 phòng (0,99 lớp/phòng). THCS có 2.045 lớp/1.882 phòng (1,09 lớp/phòng). THPT có 917 lớp/679 phòng (1,35 lớp/phòng).

⁸⁴ Do khu vực Vịnh Vân Phong chưa phát triển nhiều công trình hạ tầng nên chưa có nhu cầu về cấp nước, việc đầu tư các hệ thống cấp nước từ hồ Hoa Sơn ra Vịnh Vân Phong chưa được triển khai thực hiện.

⁸⁵ Nhà máy xử lý nước thải Nam thành phố Nha Trang, công suất 40.000 m³/ngày đêm; Hệ thống thu gom và xử lý nước thải công nghiệp tại Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Suối Dầu, công suất 4.000 m³/ngày đêm.

của thành phố Nha Trang, Cam Ranh được xây dựng; lắp đặt hệ thống thu nhận, lưu trữ, giám sát việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước. Hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu được quan tâm triển khai⁸⁶; hệ thống quan trắc chất lượng môi trường không khí được đầu tư⁸⁷.

- Cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, thiết chế văn hóa, thể thao được quan tâm đầu tư, đưa vào khai thác, nhằm thực hiện đúng theo tinh thần Kết luận 53-KL/TW. Đến nay hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao được hoàn thiện cơ sở vật chất, tổ chức - bộ máy quản lý, cơ chế hoạt động đạt chuẩn theo quy định. Tính đến tháng 9 năm 2021, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao của tỉnh Khánh Hòa hiện có: Cấp tỉnh: 01 Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh; cấp huyện: 08 Trung tâm Văn hóa - Thể thao; cấp xã: 98/136 Trung tâm Văn hóa - Thể thao, đạt tỷ lệ 72%; cấp thôn: 439/968 Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, đạt tỷ lệ 45%. So với năm 2011, tỷ lệ số xã có trung tâm văn hóa - thể thao tăng 48% (năm 2011: 34/140 xã, đạt tỷ lệ 24%), tỷ lệ số thôn có nhà văn hóa - khu thể thao thôn tăng 26% (năm 2011: 111/583 thôn, đạt tỷ lệ 19%); khoảng 50% tổng số trường học trong toàn tỉnh có câu lạc bộ thể dục, thể thao⁸⁸.

IV. Về hợp tác, liên kết vùng và hoạt động đối ngoại

1. Hợp tác, liên kết vùng

Với vai trò động lực theo Kết luận 53-KL/TW, Khánh Hoà đã từng bước chủ động liên kết với các tỉnh lân cận trong nhiều lĩnh vực để khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế, bảo đảm thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội khu vực duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên, trên nguyên tắc cùng có lợi, vừa khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của các địa phương, vừa khai thác thế mạnh về đầu mối giao thông quan trọng của cả nước, là cửa ngõ hướng biển, liên vận quốc tế đường biển, hàng không cho các địa phương tại khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên và cả nước.

Khánh Hoà đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong vùng duyên hải miền Trung⁸⁹ để nghiên cứu cơ chế, chính sách nhằm liên kết phát triển trong du lịch⁹⁰; đào tạo nguồn nhân lực; phát triển hạ tầng KCN, thu hút đầu tư; phát triển thủy sản; phát triển công nghiệp hỗ trợ và đạt nhiều kết quả; ký Thỏa thuận Hợp

⁸⁶ Thực hiện 45% khối lượng dự án “Xây dựng đập ngăn mặn trên sông Cái Nha Trang”

⁸⁷ Đầu tư 03 hệ thống quan trắc tự động tại các đô thị loại IV trở lên; trong đó 01 trạm thuộc mạng lưới quan trắc quốc gia, 02 trạm do tỉnh lắp đặt.

⁸⁸ Có 16 trường (07 trường tiểu học và 09 trường THCS) được lắp đặt hồ bơi bằng bạt theo Đề án thí điểm dạy bơi, phòng chống đuối nước cho học sinh tiểu học, trung học cơ sở trong nhà trường, 285/784 giáo viên giáo dục thể chất đã có Giấy chứng nhận, đủ điều kiện dạy bơi trong nhà trường (đạt tỷ lệ 36,35%). Tổng số học sinh cấp tiểu học và trung học cơ sở tham gia học bơi là 1.764 học sinh, trong đó có 1.551 học sinh biết bơi, đạt tỷ lệ 87,93 % (Tiểu học có 874 học sinh học bơi và 767 học sinh biết bơi, đạt tỷ lệ 87,76%; trung học cơ sở có 890 học sinh học bơi và có 784 học sinh biết bơi, đạt tỷ lệ 88,09%).

⁸⁹ Gồm 9 địa phương: Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận.

⁹⁰ Tham gia một số chương trình du lịch mang tính khu vực như “Con đường Di sản miền Trung”; “Con đường xanh Tây Nguyên”, chương trình hợp tác phát triển du lịch Khánh Hòa – Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020... Bên cạnh đó, Khánh Hòa còn xúc tiến các chương trình, hội nghị nhằm thu hút khách du lịch nội địa từ các tỉnh, thành trong nước, đặc biệt là từ Thành phố Hồ Chí Minh (hiện nay, khách từ Thành phố Hồ Chí Minh là khách nội địa có thị phần cao nhất), Hà Nội, Quảng Ninh, Đà Nẵng và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Năm 2021, đã tổ chức Hội nghị liên kết du lịch giữa TP. Hồ Chí Minh và Khánh Hòa thích ứng với dịch Covid-19.

tác phát triển nuôi biển bền vững với Hiệp hội Nuôi biển Việt Nam (VSA)⁹¹; mở rộng hợp tác quốc tế để thu hút vốn FDI, mở rộng thị trường, hỗ trợ xuất khẩu. Năm 2010 Khánh Hoà mới xuất khẩu đến 85 quốc gia và vùng lãnh thổ, đến nay đã xuất khẩu sang hơn 130 thị trường⁹² và thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn từ Nhật Bản, Nga, Singapore, Hàn Quốc, Hoa Kỳ,... Nhờ tích cực trong hợp tác, xúc tiến và thu hút người Việt Nam ở nước ngoài đầu tư vào tỉnh, đến năm 2020, đã thu hút được 50 doanh nghiệp với tổng vốn đầu tư khoảng 9.200 tỷ đồng, tập trung vào các lĩnh vực: nhà hàng, khách sạn, du lịch, nghỉ dưỡng.

- Khánh Hoà cũng đã tăng cường hợp tác và liên kết để giải quyết các vấn đề có tính vùng như phối hợp với tỉnh Phú Yên để phát triển vùng Nam Phú Yên - Bắc Khánh Hoà⁹³ thành là vùng kinh tế tổng hợp; thống nhất với tỉnh Ninh Thuận về bổ sung tuyến đường kết nối Tỉnh lộ 9 với Quốc lộ 27B để kết nối huyện Khánh Sơn với huyện Bắc Ái (tỉnh Ninh Thuận) và khai thông tuyến vận tải bằng xe buýt TP. Phan Rang - Tháp Chàm (tỉnh Ninh Thuận) đi sân bay Cam Ranh; thống nhất với tỉnh Đắk Lắk đề nghị bổ sung đường cao tốc Buôn Ma Thuột - Nha Trang vào Quy hoạch phát triển mạng lưới đường cao tốc Việt Nam.

2. Hoạt động đối ngoại

Hoạt động đối ngoại, quan hệ hợp tác, hữu nghị với các địa phương ngoài nước được mở rộng, phát triển. Tỉnh đã ký kết thỏa thuận hợp tác với 5 địa phương của 4 quốc gia gồm Ulsan (Hàn Quốc), Champasak, Attapur (Lào), Bắc Úc (Úc), Saint Petersburg (Nga). Một số hoạt động giao lưu nhân dân và hợp tác cấp địa phương trên các lĩnh vực du lịch, thương mại, giáo dục- đào tạo, hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19... được triển khai hiệu quả, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước. Tỉnh đã tích cực phối hợp với các bộ, ngành liên quan đẩy mạnh xúc tiến thương mại - đầu tư - du lịch trong và ngoài nước, đăng cai tổ chức nhiều sự kiện quốc tế lớn, qua đó góp phần quảng bá hình ảnh, thu hút đầu tư vào địa phương và đã đạt được một số kết quả quan trọng.

Công tác tuyên truyền, thông tin đối ngoại, đấu tranh dư luận được triển khai hiệu quả, đặc biệt trong vấn đề chủ quyền biển đảo của đất nước. Tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Ngoại giao trong việc ra tuyên ngôn phản đối việc Trung Quốc thành lập “Thành phố Tam Sa” và tổ chức bầu cử Đại hội Đại biểu nhân dân của cái gọi là “Thành phố Tam Sa”, trong đó khẳng định “Huyện đảo Trường Sa là bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ Việt Nam và trực thuộc quyền quản lý hành

⁹¹ với nhiều nội dung như: Điều tra hiện trạng, đánh giá thế mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức nghề nuôi biển tại Khánh Hoà; xây dựng và thực hiện Đề án phát triển nuôi biển theo hướng bền vững tính đến năm 2030; sắp xếp bố trí lại khu vực nuôi biển trong các vịnh và phát triển nuôi biển công nghiệp bền vững; xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường và tái tạo các hệ sinh thái biển; xây dựng các mô hình chuyển phương thức nuôi biển từ thủ công lên công nghiệp theo hướng bền vững cho các nhóm đối tượng nuôi chủ lực; xây dựng chuỗi giá trị cho các nhóm sản phẩm nuôi biển chủ lực trên địa bàn.

⁹² Kim ngạch xuất khẩu các thị trường đã ký Hiệp định thương mại tự do (FTA) với Việt Nam ngày càng tăng như EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, ASEAN, Trung Quốc, Australia, Anh, Nga, Canada, Mexico, Hoa Kỳ, EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, ASEAN tiếp tục là những thị trường xuất khẩu lớn của tỉnh. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp Khánh Hoà mở rộng sang một số thị trường tiềm năng tại khu vực Châu Phi và Tây Á.

⁹³ Quyết định số 127/QĐ-Thủ tướng Chính phủ, ngày 02/02/2012

chính của Tỉnh Khánh Hòa. Từ năm 2012 đến nay, Khánh Hoà đã phối hợp tổ chức 08 đoàn kiều bào và cán bộ với gần 600 lượt đại biểu ra thăm huyện đảo Trường sa và Nhà dân DK1. Qua đó góp phần khẳng định chủ quyền biển đảo, tăng cường đại đoàn kết, hòa hợp dân tộc, khơi gợi lòng yêu nước và ý thức trách nhiệm của đồng bào trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

V. Về phát triển văn hóa, xã hội

1. Phát triển văn hoá, thể dục thể thao

Văn hóa có nhiều chuyển biến tích cực, phục vụ tốt hơn cho phát triển du lịch. Đến hết năm 2020, có 90% hộ gia đình⁹⁴ được công nhận là gia đình văn hóa; 851/968 thôn, tổ dân phố được công nhận danh hiệu văn hóa, đạt tỷ lệ 88%; 1.489/1.655 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được công nhận đạt chuẩn văn hóa, đạt tỷ lệ 90%. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực di sản văn hóa được quan tâm, ý thức người dân được nâng cao⁹⁵. Công tác vận động thực hiện nếp sống văn hóa được đưa vào nội dung xây dựng hương ước, quy ước để thực hiện. Hoạt động lễ hội được tổ chức định kỳ hàng năm với gần 800 lễ hội. Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020 được quan tâm và đạt nhiều kết quả, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa; các thiết chế và cơ sở vật chất phục vụ văn hóa được quan tâm đầu tư nhiều hơn và ngày càng hoàn thiện⁹⁶.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” đi vào chiều sâu, có sức lan tỏa mạnh mẽ, thu hút mọi thành phần xã hội tham gia. Thu hút được nhiều tổ chức, cá nhân đầu tư bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị di sản văn hóa⁹⁷. Nhận thức của xã hội về vai trò, lợi ích, tác dụng của thể dục thể thao ngày càng rõ, sâu sắc hơn và hoạt động thể thao có bước phát triển với khoảng 30 môn thể thao phát triển rộng khắp⁹⁸, đóng góp nhiều vận động viên xuất sắc cho các đội tuyển quốc gia⁹⁹. Số người tập luyện thể dục thể thao thường xuyên tăng¹⁰⁰; số câu

⁹⁴ 271.192/302.260 hộ gia đình.

⁹⁵ Đã hoàn thành việc xếp hạng di tích trên địa bàn tỉnh với 180 di tích được xếp hạng cấp tỉnh và 16 di tích được xếp hạng cấp quốc gia. Đây là những di tích tiêu biểu của cộng đồng cư dân Khánh Hòa qua các thời kỳ, có giá trị về nhiều mặt: văn hóa, khoa học, lịch sử, kiến trúc, nghệ thuật. Đến nay, tỉnh Khánh Hòa đã lập hơn 3.599 hồ sơ các loại hình di sản văn hóa phi vật thể. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định công bố Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, theo đó, tỉnh Khánh Hòa có 03 di sản văn hóa phi vật thể là: Lễ hội Cầu ngư ở Khánh Hòa; Lễ hội Tháp Bà Ponagar Nha Trang; Lễ Bò má của người Raglai. Đã thực hiện tu bổ và hỗ trợ tu bổ cho 114 lượt di tích với tổng số tiền là hơn 56 tỷ đồng; trong đó, xã hội hóa là 17 tỷ đồng. Di sản Nghệ thuật Bài chòi Trung Bộ Việt Nam (ở các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Đà Nẵng) đã chính thức được UNESCO ghi danh tại danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

⁹⁶ Tổng kinh phí thực hiện chương trình trong giai đoạn 2016-2020 là 20,852 tỷ đồng; trong đó, vốn ngân sách trung ương hỗ trợ 0,625 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 19,5 tỷ đồng, vốn huy động khác 0,727 tỷ đồng.

⁹⁷ Có 05 cơ sở chiếu phim tại thành phố Nha Trang; 01 nhà hát; 01 Chương trình TATA show ở xứ sở thần tiên tại VinWonder; ...

⁹⁸ Môn võ thuật, bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, cờ vua, cờ tướng, thể hình, bơi, bi da, aerobic, khiêu vũ, yoga, dưỡng sinh, điện kinh, xe đạp, dù lượn, golf... (lặn biển, chèo thuyền, mô tô nước...).

⁹⁹ Có 13 bộ môn (tăng 4 bộ môn so với giai đoạn trước), trong đó có 5 bộ môn thể thao trọng điểm loại 1 (Bóng bàn, Karatedo, Taekwondo, Điền kinh, Cử tạ). Mỗi năm, dự hơn 70 giải thể thao cấp quốc gia, quốc tế; đạt gần 300 bộ huy chương các loại; có trên 50 vận động viên cấp I quốc gia, 30 vận động viên kiện tướng quốc gia. Đặc biệt, đội Bóng chuyền nhiều năm liền ở nhóm dẫn đầu từ 1 - 3 toàn quốc; đội Việt dã liên tục nhiều năm liền vô địch quốc gia; đội tuyển Điền kinh, Karatedo, Taekwondo, Bóng chuyền, Bóng bàn đóng góp nhiều huấn luyện viên, vận động viên xuất sắc cho đội tuyển quốc gia và đạt huy chương vàng SEA Games...

lạc bộ thể dục thể thao tăng nhanh năm 2011 là 433 câu lạc bộ, đến năm 2020 có khoảng trên 600 câu lạc bộ.

2. Phát triển giáo dục và đào tạo

Chất lượng giáo dục - đào tạo được tăng lên; tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia tăng hàng năm, ước năm 2021 đạt 54,77%¹⁰¹. Hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, chất lượng phổ cập cấp trung học cơ sở (THCS) tiếp tục được củng cố, nâng cao hàng năm¹⁰². Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hàng năm ổn định, năm 2021 đạt 96,89%, tăng 2,05% so với năm 2011. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền và đảm bảo các chế độ chính sách, công tác khuyến học nên tỷ lệ huy động học sinh ra lớp đạt mức cao¹⁰³. Có 100% các trường THCS và THPT có kết nối Internet, dạy môn tin học¹⁰⁴.

Hệ thống mạng lưới trường, lớp phù hợp với biến động của tình hình dân cư và kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, mật độ các trường học trên địa bàn phân bố hợp lý, bảo đảm sự liên thông giữa các trường phổ thông với nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho con em nhân dân đi học. Triển khai có hiệu quả Đề án đầu tư, hỗ trợ hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú¹⁰⁵. Đầu tư mở rộng các trung tâm kỹ thuật thực hành hướng nghiệp cấp tỉnh, huyện để giáo dục hướng nghiệp; cải tạo và xây dựng mới các trung tâm giáo dục thường xuyên¹⁰⁶.

Hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo trung cấp, cao đẳng của tỉnh để thành lập Trường Đại học Khánh Hoà trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Nha Trang và Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật và Du lịch Nha Trang¹⁰⁷ theo tinh thần Kết luận 53-KL/TW. Đến nay Trường Đại học Khánh Hoà đã mở được 13 ngành đào tạo trình độ đại học ở các

¹⁰⁰ Năm 2011 đạt 27% dân số, năm 2015 là 30,82 % và đến năm 2020 là 35,50 %, sau 10 năm tăng 8,50%; (so với trung bình cả nước 34,60% dân số, vượt 0,9%). Số hộ gia đình thể thao năm 2011 đạt 25,35% tổng số hộ, năm 2015 là 33,13%, đến năm 2020 là 36,20%, sau 10 tăng 10,85%; (so với trung bình cả nước 25,60% dân số hộ gia đình, vượt 10,60%)

¹⁰¹ (i) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia: Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia tăng hàng năm, năm 2021 đạt 54,77%: Giáo dục mầm non (GDMN): Năm 2021 đạt 54,44% - tăng 42,85% so với năm 2011; Giáo dục tiểu học (GDTH): Năm 2021 đạt 59,66% - tăng 36,79% so với năm 2011; Giáo dục trung học: Trong đó THCS: năm 2021 đạt 62,18% - tăng 42,6% so với năm 2011; Trung học phổ thông (THPT): năm 2021 đạt 5,56% - giảm 10,44% so với năm 2011.

¹⁰² (ii) Năm 2011, toàn tỉnh chỉ đạt 136/140 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Phổ cập giáo dục tiểu học (PCGDTH). Từ năm 2014 đến nay có 100% xã, phường, thị trấn; 9/9 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn PCGDTH. Hiện đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3 với 9/9 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3 và 139/139 đơn vị cấp xã đạt chuẩn PCGDTH (có 138 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mức độ 3, tỉ lệ 99,3%; 01/139 đơn vị đạt chuẩn mức độ 2, tỷ lệ 0,7%). Phổ cập giáo dục THCS: có 09/09 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS, đạt tỷ lệ 100% (02 huyện đạt chuẩn mức độ 1, tỷ lệ 22,2%; 07 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn mức độ 2, tỷ lệ 77,8%); có 17/139 xã đạt chuẩn mức độ 1 - đạt tỷ lệ 12,2%, 73/139 xã đạt chuẩn mức độ 2 - đạt tỷ lệ 52,5% và 49/139 xã đạt chuẩn mức độ 3 - đạt tỷ lệ 35,3%.

¹⁰³ (iii) Tỷ lệ học sinh ở các cấp học đến trường: mầm non: ra lớp là 63.984 trẻ, tăng 15.201 trẻ so với năm 2011. Giáo dục tiểu học: từ 99,95% đến 99,98. Trung học cơ sở: năm 2021 huy động đạt 99,6%, tăng 2,78% so với năm 2011. Trung học phổ thông: năm 2021 huy động 99,6%, tăng 2,89% so với năm 2011.

¹⁰⁴ Riêng cấp Tiểu học, từ năm 2011 đến nay, tỉ lệ trường có HS tiểu học có dạy tin học đều tăng hàng năm. Năm 2011 chỉ có 14,89%, đến năm 2016 đạt 21,51% và đến nay tỉ lệ này đạt 38,62% (73/189 trường có HS tiểu học).

¹⁰⁵ Đến hết năm 2016, tỉnh Khánh Hòa đã đầu tư xây dựng, cải tạo 4 trường phổ thông DTNT, hai huyện miền núi của tỉnh đều có trường phổ thông DTNT với cơ sở vật chất tương đối đầy đủ.

¹⁰⁶ Đến nay mỗi huyện đều có các trường THCS theo xã/liên xã, có ít nhất 1 trường THPT, có Trung tâm GDTX-HN, trường dạy nghề đảm nhiệm dạy Chương trình GDTX cấp THPT.

¹⁰⁷ Quyết định số 1234/QĐ-TTg ngày 03/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ

lĩnh vực (đào tạo giáo viên, du lịch, khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, kinh doanh) với đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường có 02 PGS, 20 tiến sĩ, 152 thạc sĩ và có quy mô 2.526 sinh viên, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực¹⁰⁸.

3. Phát triển nguồn nhân lực; tạo việc làm; giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội

Lực lượng lao động tăng trưởng khá¹⁰⁹, tỷ trọng lao động làm việc trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm qua các năm¹¹⁰; vai trò trung tâm đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển, kinh tế du lịch và chăm sóc sức khỏe nhân dân của vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và của cả nước theo Kết luận 53-KL/TW được quan tâm thực hiện.

Từng bước đổi mới công tác giáo dục nghề nghiệp, xây dựng các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu học tập của người học, nâng cao tay nghề, thực tiễn sản xuất của doanh nghiệp, chất lượng lao động ngày càng nâng cao. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 49,89% năm 2012 lên 80% năm 2020¹¹¹; trong đó, lao động đã qua đào tạo nghề tăng từ 40,1% năm 2012 lên 60% năm 2020. Cùng với dạy nghề¹¹², đã chú trọng hơn đến giải quyết việc làm¹¹³, chuyển dịch cơ cấu lao

¹⁰⁸ Năm học 2021 - 2022, có 534 trường mầm non, phổ thông và 05 trung tâm: Mầm non có 205 trường (tăng 33 trường so với năm học 2011-2012, tỷ lệ tăng 19,2%); trong đó, có 161 trường công lập (giảm 1 trường so với năm học 2020-2021 do sắp xếp, sáp nhập để tinh giản đầu mối) và 44 trường ngoài công lập (tăng 35 trường so với năm học 2011-2012, tỷ lệ tăng 389%); Tiểu học có 174 trường (giảm 14 trường so với năm học 2011-2012, tỷ lệ 6,9% do sắp xếp, sáp nhập để tinh giản đầu mối); Trung học cơ sở (THCS) có 121 trường (tăng 11 trường, tỷ lệ 16,4%), trong đó có 11 trường cấp 1,2 và 04 trường phổ thông DTNT (tăng 01 trường); Trung học phổ thông (THPT) có 34 trường (tăng 3 trường, tỷ lệ 3,03%), trong đó có 29 trường THPT công lập (tăng 4 trường), 05 trường THPT ngoài công lập (giảm 1 trường); Các loại hình trung tâm: có 5 trung tâm (giảm 5 trung tâm do sát nhập với các trường Trung cấp Nghề), trong đó, có 3 trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp (GDTX-HN) cấp huyện, 1 trung tâm GDTX cấp tỉnh và 01 trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp (KTTH-HN) cấp tỉnh. Ngoài ra trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa còn có 136 trung tâm học tập cộng đồng; 66 trung tâm, cơ sở ngoại ngữ - tin học (33 trung tâm ngoại ngữ, 30 cơ sở ngoại ngữ, 03 cơ sở tin học), 03 dịch vụ kinh doanh tư vấn du học do các tổ chức, cá nhân thành lập và 08 trung tâm giáo dục kỹ năng sống. Về mạng lưới giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp: Trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa có 25 học viện, trường đại học, cao đẳng, trung cấp.

¹⁰⁹ (i) Quy mô lao động: Đến năm 2020, lực lượng lao động của tỉnh Khánh Hòa là 671,7 nghìn người, tăng 14,3 nghìn người so với năm 2011 (657,4 nghìn người), chiếm 5,81% lao động toàn Vùng, đứng thứ 5/14 tỉnh Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (sau Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, Bình Định). Tốc độ tăng giai đoạn 2021-2020 là 0,22%/năm, thấp hơn cả nước (0,63%/năm) và vùng (0,33%/năm).

¹¹⁰ (ii) Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động xã hội: tỷ trọng lao động làm việc trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản có xu hướng giảm qua các năm, từ 40,77% (năm 2011) xuống còn 26,8% (năm 2020), thấp hơn 6,3 % so với tỷ trọng của cả nước.

¹¹¹ (iii) Tỷ lệ lao động qua đào tạo: tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 49,89% (năm 2012) lên 80% (năm 2020), trong đó, lao động đã qua đào tạo nghề tăng từ 40,1% (năm 2012) lên 60% (năm 2020). Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ tăng từ 13,1% (năm 2011, đứng thứ 6/14 trong vùng) lên 23,88% (năm 2020, đứng thứ 4/14 trong vùng, sau 03 tỉnh, thành phố: Hà Tĩnh, Quảng Trị và Đà Nẵng). Theo Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2019 của tỉnh đạt 76,5%. Năm 2020, tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 57,6%, đạt mục tiêu Quy hoạch.

¹¹² (viii) Giáo dục nghề nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Tỉnh Khánh Hòa có 10 trường công lập (02 trường Cao đẳng, 08 trường Trung cấp)¹¹² được lựa chọn để hỗ trợ đầu tư cho 27 nghề trọng điểm (04 nghề cấp độ quốc tế, 05 nghề cấp độ khu vực ASEAN và 18 nghề cấp độ quốc gia) và Trường Cao đẳng Du lịch Nha Trang thuộc Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch được lựa chọn, phê duyệt 07 nghề trọng điểm cấp độ quốc tế. Giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp cho 136.181 người, trong đó trình độ cao đẳng là 14.008 người (chiếm 10,3%); trung cấp là 17.838 người (chiếm 13,1%) và trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên là 104.535 người (chiếm 76,6%); có 02 trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang và Cao đẳng Du lịch Nha Trang tham gia đào tạo thí điểm chất lượng cao theo các bộ chương trình chuyên giao từ Úc, Đức. Ngoài ra, hàng năm tỉnh phân bổ khoảng

động, tăng cường các chính sách cho vay ưu đãi từ ngân hàng chính sách xã hội, chương trình khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công. Qua đó, đã tạo việc làm trong các ngành kinh tế là 642,5 nghìn lao động¹¹⁴; đến năm 2019 tỷ lệ lao động thất nghiệp được duy trì dưới 3,5% (cả nước là 4%)¹¹⁵.

Công tác giảm nghèo được đẩy mạnh, giai đoạn 2011-2015, đã giảm 20.991 hộ nghèo, hiện còn 5.930 hộ nghèo¹¹⁶, chiếm tỷ lệ 1,76%¹¹⁷. Thực hiện tốt Phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” và các Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Chính sách trợ cấp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả¹¹⁸. Làm tốt công tác cứu trợ xã hội đột xuất, hỗ trợ kịp thời cho người dân bị thiệt hại khi gặp rủi ro, thiên tai. Trước năm 2020, thu nhập bình quân đầu người/tháng của tỉnh đều cao hơn mức thu nhập bình quân đầu người của vùng (chỉ xếp sau Đà Nẵng)¹¹⁹.

4. Phát triển y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Chất lượng công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân được nâng lên đáng kể, mạng lưới khám, chữa bệnh từ tuyến tỉnh đến cơ sở được mở rộng về quy mô và đầu tư trang thiết bị đồng bộ, hiện đại¹²⁰. Số giường bệnh trên một vạn dân

6,7 tỷ đồng từ ngân sách địa phương tổ chức đào tạo nghề cho 112.450 lao động nông thôn, trong đó hỗ trợ chi phí đào tạo cho 17.529 lao động.

¹¹³ (iv) Chỉ tiêu giải quyết việc làm: Giai đoạn 2012 - 2020, đã giải quyết việc làm cho khoảng 165.550 lao động, bình quân 18.400 lao động/năm, chiếm 5,8% tổng số lao động được giải quyết việc làm toàn vùng; đưa 2.220 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

¹¹⁴ Số lao động làm việc trong ngành công nghiệp là 115,7 nghìn lao động; số lao động làm việc trong ngành nông nghiệp là 172,1 nghìn lao động; số lao động làm việc trong ngành dịch vụ là 354,7 nghìn lao động. Đến cuối năm 2020, tỷ lệ lao động nông nghiệp của tỉnh là 26,8%.

¹¹⁵ (v) Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm: Giai đoạn trước năm 2020, kinh tế phát triển góp phần giải quyết nhiều việc làm cho người lao động, do đó, tỷ lệ thất nghiệp của tỉnh khá thấp (dao động trên dưới 3%/năm), tỷ lệ thiếu việc làm dao động trên dưới 2%. Năm 2020, do đại dịch COVID-19, ngành vận tải, du lịch, lưu trú, nhà hàng, khách sạn ... bị ảnh hưởng nặng nề, kéo theo tỷ lệ thất nghiệp của tỉnh Khánh Hòa năm 2020 lên đến 4,7%, cao hơn khá nhiều so với cả nước (2,48%), cao hơn 1,2 % so với năm 2011 (3,51%), chỉ thấp hơn Đà Nẵng (9,41%).

¹¹⁶ (vi) Chỉ tiêu giảm nghèo: (tương ứng giảm 7,98%) đưa tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Khánh Hòa xuống còn 1,42%. Theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020, toàn tỉnh đã giảm từ 27.932 hộ nghèo (năm 2016) xuống còn 6.968 hộ nghèo (năm 2020), mức giảm trung bình 1,56%/năm. Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh năm 2020 là 2,09%, thấp hơn so với tỷ lệ chung của cả nước (2,75%) và Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (3,44%). Riêng đối với 02 huyện nghèo, đến năm 2020 huyện Khánh Vĩnh còn 2.369 hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo là 23,09% (mức giảm 9,79%); huyện Khánh Sơn còn 1.746 hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo là 24,28% (mức giảm 9,02%).

¹¹⁷ Theo Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Tỷ lệ hộ nghèo năm 2020 giảm còn 2,5%, duy trì mức đạt mục tiêu dưới 3% (mặc dù tiêu chí đánh giá hộ nghèo đã có thay đổi, áp dụng tiêu chí nghèo đa chiều).

¹¹⁸ (ix) Bảo đảm an sinh xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; kết quả phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”. Đến năm 2020, toàn tỉnh có 146.426 người tham gia BHXH (tăng 31,7% so với năm 2012, tương ứng 35.298 người), chiếm 24% lực lượng lao động trong độ tuổi (tăng 6% so với năm 2012). Giai đoạn 2012 - 2020 có 96.914 người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp, 1.247 người được hỗ trợ học nghề; riêng 9 tháng đầu năm 2021 có 8.943 người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp và 668 người được hỗ trợ học nghề (bằng 53,6% so cả giai đoạn trước). Chính sách trợ cấp xã hội thường xuyên cho các đối tượng bảo trợ xã hội (trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật ...) được thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả, 100% đối tượng bảo trợ xã hội (43.219 người)¹¹⁸. Duy trì 04 cơ sở bảo trợ công lập¹¹⁸, 12 cơ sở bảo trợ ngoài công lập và Làng trẻ SOS Nha Trang.

¹¹⁹ (vii) Thu nhập bình quân đầu người/tháng: tuy nhiên, năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, thu nhập bình quân đầu người/tháng của tỉnh chỉ đạt 3.153 nghìn đồng/người/tháng, thấp hơn so với mức bình quân của vùng (3.403 nghìn đồng/người/tháng), đứng thứ 10/14. So với năm 2012, thu nhập bình quân đầu người/tháng của tỉnh đã tăng 1,66 lần, nhưng vẫn thấp hơn thu nhập bình quân đầu người/tháng của toàn quốc.

¹²⁰ Đã có 20 bệnh viện, trong đó 14 bệnh viện trực thuộc Sở (03 bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh, 05 bệnh viện chuyên khoa, 06 bệnh viện đa khoa tuyến huyện), 03 bệnh viện tư nhân, 02 bệnh viện thuộc Bộ Quốc Phòng: Bệnh viện quân Y 87, Bệnh viện 22-12. Tuyến tỉnh có 01 bệnh viện hạng 1 và 07 bệnh viện hạng 2. Ngoài ra, Khánh Hòa đang xây dựng 02 bệnh viện, trong đó 01 Bệnh viện chuyên khoa Ung bướu với quy mô 200 giường dự kiến đưa vào hoạt

tăng từ 25,7 giường năm 2011 lên 32 giường năm 2020, cao hơn so với bình quân chung cả nước (28,5). Số bác sĩ trên một vạn dân tăng từ 5,3 bác sĩ năm 2011 lên khoảng 8,5 bác sĩ năm 2020. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi giảm từ 26,2% năm 2011 xuống còn 18,3% năm 2020, thấp hơn so với trung bình vùng (22,9%) và trung bình cả nước (19,6%).

Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế tăng từ 76,8% năm 2011 lên 100% năm 2020, cao hơn so với trung bình của vùng (97,2%) và trung bình cả nước (94,4%). Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế tăng từ 59,3% năm 2011 lên 92% năm 2020, cao hơn bình quân chung cả nước (90,85% năm 2020). Y tế dự phòng được tăng cường, đã ngăn chặn được các bệnh dịch nguy hiểm, đủ khả năng ứng phó với dịch lớn¹²¹, công tác xã hội hóa trong lĩnh vực y tế đạt nhiều kết quả đáng khích lệ¹²².

5. Về phát triển khoa học và công nghệ

Tiềm lực khoa học và công nghệ (KH&CN) được củng cố và có đóng góp thiết thực cho phát triển kinh tế- xã hội; **nhiệm vụ thành trung tâm khoa học và công nghệ theo Kết luận 53-KL/TW từng bước được triển khai**. Đội ngũ cán bộ KH&CN có kỹ năng nghiên cứu tốt, là lực lượng nòng cốt trong ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống.

Giai đoạn 2011-2015 tăng trưởng TFP¹²³ là 1,4%/năm, đóng góp vào GDP là 27,1%. Giai đoạn 2016-2019 tăng TFP là 2,3%/năm, đóng góp vào GDP là 30,7%. Dự kiến giai đoạn 2021-2025, nếu tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh là 7,5% hàng năm thì tốc độ tăng TFP là 2,7%, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế là 35,5%. Số lượng cán bộ khoa học và công nghệ/vạn dân hàng năm: năm 2020 là 1.626 cán bộ/1.267.000 dân, tương đương 0,001%. Tỷ lệ đầu tư cho khoa học công nghệ so với chi ngân sách đã được nâng lên, năm 2021 dự kiến là 0,29% so với năm 2020 là 0,7% và năm 2011 là 0,285%.

Nhiều mô hình sản xuất tiên tiến đã được áp dụng; nhiều công nghệ, kỹ thuật tiên bộ đã được chuyển giao, góp phần rất lớn vào phát triển kinh tế- xã hội¹²⁴. Hỗ trợ phát triển tài sản sở hữu trí tuệ đạt được một số kết quả điển hình¹²⁵, đăng ký

động trong năm 2022, Bệnh viện Đa khoa thành phố Nha Trang với quy mô 200 giường dự kiến đưa vào hoạt động vào năm 2023. Tổng số giường bệnh (cả các bệnh viện của Bộ quốc phòng) năm 2021 là 4.373 giường bệnh, tương ứng với tỷ lệ 35 giường bệnh trên 1 vạn dân (không tính giường bệnh trạm y tế xã, trong đó giường công lập 32 giường bệnh/vạn dân và tư nhân 03 giường bệnh/vạn dân).

¹²¹ Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi duy trì ở mức 5‰ (toàn quốc: 11,0‰); Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi duy trì ở mức 5,5‰ (toàn quốc: <16,0‰). Trên 95% phụ nữ mang thai được quản lý thai. Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai 3 lần vào 3 thời kỳ đạt trên 90%. Tai biến sản khoa hàng năm đều dưới 3‰. Tử vong mẹ duy trì ở mức dưới 40 trên 100.000 trẻ sinh ra sống. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng hàng năm đạt >95% (toàn quốc: >95%); Tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng đạt dưới 0,19% (toàn quốc <0,3%).

¹²² Các cơ sở y tế tư nhân được đầu tư mới như: Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec, Bệnh viện Đa khoa Tâm Trí, Bệnh viện 22-12 Nha Trang, Bệnh viện Mắt Sài Gòn - Nha Trang... và nhiều phòng khám đa khoa.

¹²³ Viện Nghiên cứu quản lý Kinh tế TW thực hiện dưới dạng đề tài KH&CN cấp tỉnh nghiệm thu đầu năm 2020.

¹²⁴ Đã nghiên cứu các giống cây trồng, vật nuôi, các giống thủy hải sản có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, đưa Khánh Hòa trở thành trung tâm sản xuất giống thủy hải sản của cả nước.

¹²⁵ Đã có 11 thương hiệu sản phẩm đặc trưng được hỗ trợ và đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có sử dụng tên địa danh/chỉ dẫn địa lý của tỉnh, 9/11 các sản phẩm như Sầu riêng Khánh Sơn, Xoài Cam Lâm, Dừa Xiêm Ninh Đa, Hoa cúc Ninh Giang, Bưởi da xanh Khánh Vĩnh, Táo Cam Thành Nam, Nước mắm Nha Trang, Yên sào Nha Trang

bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp - sở hữu trí tuệ¹²⁶ để phục vụ sản xuất, kinh doanh và năng lực cạnh tranh sản phẩm hàng hóa, dịch vụ được quan tâm; có 11 thương hiệu sản phẩm đặc trưng của các địa phương được xây dựng và đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ có sử dụng tên địa danh/chỉ dẫn địa lý của tỉnh.

6. Về công tác dân tộc, tôn giáo

Công tác dân tộc được chú trọng thông qua việc thực hiện đồng bộ, hiệu quả các chính sách dân tộc, đồng thời lồng ghép, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) và miền núi phù hợp với đặc điểm dân tộc, tôn giáo trên địa bàn, góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của nhân dân. Tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng đồng bào DTTS bình quân 8,93%/năm, thu nhập bình quân đầu người của người DTTS năm 2021 đạt trên 14 triệu đồng, tăng gấp 4 lần so với năm 2011. Đến năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo người DTTS là 25,09%; tỷ lệ hộ nghèo người DTTS so với tổng số hộ nghèo của tỉnh: 63,12%, cao hơn so với vùng (48,72%) và cả nước (61,29%)¹²⁷. Tỷ lệ hộ nghèo khu vực DTTS giảm bình quân 3,5-4% năm; giao thông nông thôn, thủy lợi, điện, trường học, trạm y tế được quan tâm đầu tư xây dựng; tạm thời giải quyết những vấn đề bức xúc về thiếu đất sản xuất, đất ở, nước sinh hoạt cho đồng bào DTTS; nhiều tiêu cực xã hội được đẩy lùi; chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện, truyền thống của các dân tộc giữ gìn và phát huy; quốc phòng, an ninh được giữ vững.

Công tác tôn giáo được cấp ủy, chính quyền quan tâm¹²⁸. Thường xuyên đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo¹²⁹;

đã góp phần quan trọng trong quá trình triển khai, nâng cao hiệu quả của Chương trình OCOP và xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

¹²⁶ Tỷ lệ đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tăng trung bình hơn 10%/năm. Số đơn đăng ký bảo hộ vẫn tập trung ở đối tượng nhãn hiệu ở trong nước, các đối tượng khác (sáng chế, kiểu dáng công nghiệp) vẫn có số lượng đơn đăng ký tăng nhưng chưa ổn định chiếm tỷ lệ trung bình hơn 5% trong tổng số đơn đăng ký/năm.

¹²⁷ Có 99,7% xã vùng dân tộc và miền núi đều có đường ô tô đến trung tâm xã theo tiêu chuẩn. 98,2% thôn của người dân tộc thiểu số có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa, cao hơn bình quân chung vùng đồng bào DTTS&MN cả nước (tương tự là 87% và 79%); 93,8% số thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng người dân tộc thiểu số; 95,6% số hộ dân tộc thiểu số thiếu đất ở đã được giải quyết; tỷ lệ độ che phủ rừng khu vực người DTTS sinh sống đạt 47,5%; Lao động qua đào tạo đạt trên 65%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ người DTTS là 45,63%, cao hơn so với tỷ lệ tại vùng đồng bào DTTS&MN cả nước (tỷ lệ tương tự là 55% và 22%)¹²⁷; Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo đạt 99,5%; tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học 99,9%, học trung học cơ sở người DTTS đạt 96,5%. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường của vùng đồng bào DTTS&MN cả nước là: 97%. Tỷ lệ thanh niên 15 đến 35 tuổi đọc thông viết thạo tiếng Việt người dân tộc thiểu số đạt 94%; 100% người dân tộc thiểu số được hỗ trợ mua bảo hiểm y tế, cao hơn so với tỷ lệ tại vùng đồng bào DTTS&MN cả nước (93,51%); 100% người dân tộc thiểu số biết nói tiếng dân tộc của mình trong giao tiếp người DTTS; 30% số xã, thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống người DTTS; Tỷ lệ phụ nữ người DTTS được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế người đạt 96%; Tỷ lệ giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thiếu cân người DTTS 25,81%; Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh người DTTS 92,3%, cao hơn so với tỷ lệ tại vùng đồng bào DTTS&MN cả nước (85%); 05 loại hình văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số được bảo tồn, phát huy.

¹²⁸ Hiện có 8 tôn giáo đang hoạt động: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao Đài, Phật giáo Hòa Hảo, Phật đường Nam Tông Minh Sư Đạo, Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam và Cơ đốc Phục lâm Việt Nam với 20 tổ chức tôn giáo hợp pháp được công nhận và 01 tổ chức đang xin thành lập là Pháp tạng Phật giáo Việt Nam. với 1.845 chức sắc, nhà tu hành, 3.399 chức việc, khoảng 369.506 tín đồ (chiếm khoảng 30% dân số toàn tỉnh), đang sinh hoạt tại 618 cơ sở tôn giáo (trong đó 510 cơ sở tôn giáo hợp pháp và 108 cơ sở chưa hợp pháp).

¹²⁹ Từ năm 2012 đến năm 2021, đã tổ chức 90 hội nghị cho 8.096 cán bộ cơ sở làm công tác tôn giáo và 1300 đại biểu là chức sắc, tín đồ tôn giáo trên địa bàn tỉnh. Qua công tác tập huấn, bồi dưỡng, đã góp phần nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị về tôn giáo và công tác tôn giáo; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo; đồng thời, ngăn ngừa các phần tử cực đoan, các tổ chức bất hợp pháp lợi dụng tôn giáo để hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước. Chỉ tính riêng trong năm 2020, Ban Tôn giáo (Sở

đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, và Nhà nước về tôn giáo, vận động chức sắc, đồng bào tôn giáo¹³⁰ tích cực tham gia hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa mới và các phong trào văn hóa - xã hội, đẩy mạnh sản xuất, góp phần hoàn thành các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội trên địa bàn. Kịp thời giải quyết những vấn đề phức tạp phát sinh liên quan đến tôn giáo theo thẩm quyền¹³¹.

VI. Về quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên; bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu

1. Công tác quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên

Công tác quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản đạt nhiều kết quả. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai; là cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất; sử dụng đất tiết kiệm hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái và tăng thu ngân sách trên địa bàn thành phố thông qua việc bán đấu giá quyền sử dụng đất, thu thuế chuyển mục đích sử dụng đất... Đến năm 2020, 100% huyện, thị xã, thành phố đã hoàn thành quy hoạch sử dụng đất. Việc lập Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã khoanh định được quỹ đất phát triển đô thị, đất xây dựng cơ sở hạ tầng, đất sản xuất nông nghiệp (*đất trồng lúa, đất trồng cây công nghiệp lâu năm*) có hiệu quả kinh tế cao; công tác quản lý đất lâm nghiệp, bảo vệ và phát triển rừng có chuyển biến tích cực; ưu tiên bố trí đủ quỹ đất mục đích phát triển đô thị, dịch vụ du lịch và các mục đích khác; diện tích đất chưa sử dụng được khai thác đưa vào sử dụng một cách hợp lý.

Quản lý tài nguyên nước được chú trọng; nghiêm túc thực hiện một số Dự án điều tra đánh giá tài nguyên nước¹³². Thực hiện việc khoanh định, công bố vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, khu vực phải đăng ký khai thác nước vùng ven biển tỉnh Khánh Hòa giai đoạn I; triển khai nhiệm vụ công bố dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất; thực hiện việc lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước¹³³; phê duyệt phương án cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn thành phố Nha Trang. Xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa Đá Bàn, Suối Trầu, Ea Krông Rou trong mùa lũ lưu vực sông Dinh Ninh Hòa - tỉnh Khánh

Nội vụ) tỉnh Khánh Hòa đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và Hội Nông dân tỉnh tổ chức 09 lớp tập huấn, bồi dưỡng cho 1.500 cán bộ cấp ủy, chính quyền, mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp và chức sắc, chức việc, nhà tu hành các tôn giáo trên địa bàn.

¹³⁰ Hiện có 89 cơ sở của các tôn giáo hoạt động, gồm: 16 cơ sở bảo trợ xã hội nuôi dạy trẻ em nghèo, tàn tật, người không nơi nương tựa, mắc bệnh hiểm nghèo,... cho 665 đối tượng; 64 cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập nuôi dạy 4.700 trẻ và có 09 cơ sở y tế khám, chữa bệnh cho khoảng 1.750 lượt người/tháng.

¹³¹ Các vấn đề nảy sinh liên quan đến hoạt động của các nhóm theo tín ngưỡng mới, “tà đạo”, “đạo lạ”, liên quan đến tâm linh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thanh Hải Vô Thượng Sư, Pháp Luân công.

¹³² Bao gồm: Dự án “Lập nhiệm vụ quy hoạch lưu vực sông nội tỉnh độc lập tỉnh Khánh Hòa”; nhiệm vụ “Điều tra các giếng khoan và giếng đào khai thác, sử dụng nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa để lập danh mục các giếng phải xử lý, trám lấp theo quy định tại quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT”; nhiệm vụ “Điều tra, đánh giá hiện trạng nguồn nước mặt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa phục vụ lập danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái và cạn kiệt; đề xuất các giải pháp xử lý, khôi phục”; nhiệm vụ: Điều tra, đánh giá sơ bộ Tài nguyên nước dưới đất tại các vùng ven biển trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa - trừ Tp Nha Trang”; nhiệm vụ: “Lập, công bố dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh và các sông suối”

¹³³ Quyết định số 3052/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn năm 2018 đến năm 2022

Hòa; thực hiện các biện pháp phòng, chống xâm nhập mặn, sụt lún đất và sạt, lở bờ, bãi sông trên địa bàn.

Công tác quản lý tổng hợp vùng bờ và thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển được triển khai để bảo đảm hài hòa giữa nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên và yêu cầu bảo tồn, phát triển và bảo vệ môi trường, hệ sinh thái. Thường xuyên phối hợp theo dõi, đôn đốc, đánh giá tình hình triển khai các chiến lược, kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược biển; tập huấn, hướng dẫn về phương pháp kỹ thuật xác định hành lang bảo vệ bờ biển, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc giao khu vực biển để triển khai các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội; điều tra, đánh giá tổng thể, toàn diện về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường; thống kê, phân loại để lập hồ sơ hải đảo và định hướng khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên hải đảo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia, bảo đảm quốc phòng, an ninh, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa.

2. Bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

Công tác tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của các cấp, ngành và nhân dân về bảo vệ môi trường được quan tâm; ý thức chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường được nâng cao. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường, nhất là ở các khu vực đô thị, các khu, cụm công nghiệp, cảng cá được chú trọng đầu tư gắn với quá trình phát triển bền vững. Công tác thanh tra, kiểm tra được quan tâm; phòng ngừa, ngăn chặn các dấu hiệu vi phạm pháp luật; đã phát hiện và xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân vi phạm; đồng thời đưa việc chấp hành pháp luật về môi trường trên địa bàn đi vào nề nếp, đúng quy định của pháp luật. Nghiêm túc thực hiện việc khoanh định, công bố vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất vùng ven biển tỉnh Khánh Hòa giai đoạn I tại các khu vực thành phố Cam Ranh và huyện Cam Lâm. Đã thực hiện nhiệm vụ công bố dòng chảy tối thiểu, ngưỡng khai thác nước dưới đất theo thẩm quyền tại dự án “Lập, công bố dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh và các sông suối”¹³⁴; xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt¹³⁵...

Các chỉ tiêu về môi trường đạt được rất tích cực. Năm 2020, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đạt 83,1%, ở mức cao so với tỷ lệ bình quân của vùng (74,2%) và tỷ lệ bình quân cả nước (74,8%); tỷ lệ thu gom rác thải rắn sinh hoạt đô thị¹³⁶ đạt 95,9%, ở mức cao so với tỷ lệ bình quân của vùng (85,4%) và bình quân cả nước (88%); tỷ lệ khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải là 100%, cao hơn tỷ lệ bình quân của vùng (53,3%) và cao hơn bình quân cả nước (67,5%); tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải là 66%, cao hơn tỷ lệ bình quân của vùng (14,9%) và cao hơn bình quân cả nước (18,3%). Đã có 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trang bị các thiết bị giảm ô

¹³⁴ Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa

¹³⁵ theo quy định tại Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

¹³⁶ Trong đó, đối với các đô thị, khu dân cư tập trung thành phố Nha Trang, chất thải rắn đảm bảo 100% được thu gom, xử lý theo quy định; tại khu vực nông thôn đạt từ 50 - 70%.

nhiễm, xử lý chất thải. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt đô thị từ loại IV trở lên được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 23,9%, cao hơn so với tỷ lệ bình quân của vùng (21,4%) và cao hơn bình quân cả nước (14,7%); tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý triệt để đạt 100%, cao hơn tỷ lệ bình quân của vùng (72,5%) và cao hơn bình quân cả nước (77,1%); tỷ lệ sử dụng nước sạch của dân cư thành thị năm 2020 đạt 99,5%, ở mức cao so với tỷ lệ bình quân của vùng (91,4%) và tỷ lệ bình quân cả nước (90,3%); tỷ lệ sử dụng nước hợp vệ sinh của dân cư nông thôn năm 2020 đạt 99,4%, ở mức cao so với tỷ lệ trung bình của vùng (95,0%) và tỷ lệ bình quân cả nước (96,2%).

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân trong thích ứng, ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường, được triển khai lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch và dự án phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tích cực triển khai thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, cụ thể hóa Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020; xây dựng Kế hoạch kiểm soát, bảo vệ tài nguyên du lịch gắn với phát triển du lịch. Hàng năm, triển khai kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; thực hiện các biện pháp để nâng cao nhận thức của cộng đồng về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị để dự báo, cảnh báo thiên tai, hiện đại hóa các thiết bị tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai.

VII. Về bảo đảm quốc phòng, an ninh

1. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh

Nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên về bảo đảm quốc phòng, an ninh được cấp ủy, chính quyền tỉnh Khánh Hoà đặc biệt quan tâm; lợi thế, tiềm năng phát triển của tỉnh về du lịch và kinh tế biển luôn xác định gắn liền với củng cố quốc phòng, an ninh.

Khánh Hoà đã quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; các Nghị định, chỉ thị, chương trình hành động của Chính phủ về đảm bảo công tác quân sự quốc phòng, duy trì nghiêm lực lượng, phương tiện trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định; phối hợp chặt chẽ với các lực lượng chức năng của Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện tốt Nghị định số 30/2010/NĐ-CP, ngày 29/3/2010 và Nghị định 130/2015/NĐ-CP, ngày 18/12/2015 của Chính phủ về huy động nhân lực, tàu thuyền và phương tiện dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền các vùng biển, đảo. Hàng năm đã kiểm tra, rà soát số lượng, chất lượng phương tiện và nhân lực, đăng ký bổ sung, kịp thời bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ khi có tình huống xảy ra; nghiêm túc duy trì lực lượng, phương tiện trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định; thực hiện tốt chủ trương không để nước ngoài lấn chiếm, đóng chiếm các bãi cạn không người và tập kích bí mật hoặc sử dụng, sức mạnh đánh, chiếm các đảo của ta tại quần đảo Trường Sa; kết hợp đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế biển với xây dựng các công trình quốc phòng, phòng thủ dân sự, thiết bị chiến trường, các công trình lưỡng dụng... bảo đảm vừa phục vụ quốc phòng, an ninh vừa phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; kết hợp xây dựng các cơ sở kinh tế vững mạnh với xây dựng

các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu cần, kỹ thuật và hậu phương trong khu vực phòng thủ tinh ngày càng vững chắc, góp phần quan trọng đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Khánh Hoà đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Quốc phòng đầu tư xây dựng công trình chiến đấu (được 08/12 đồn Biên phòng); xây dựng bến cập tàu Hải đội 2; thành lập Đồn Biên phòng Trường Sa (394) để kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ người, phương tiện ra vào làm ăn cũng như tránh, trú bão, hỗ trợ ngư dân; tổ chức lực lượng bay tuần tiễu, trinh sát trên Biển Đông, khu vực quần đảo Trường Sa, DK1; trinh sát, bám sát, theo dõi, xác minh các hoạt động của tàu quân sự và xua đuổi tàu cá nước ngoài hoạt động trái phép; quản lý, sử dụng Quân cảng Nha Trang làm nơi neo đậu, bảo đảm hậu cần, kỹ thuật cho các tàu quân sự phục vụ công tác huấn luyện, đào tạo và thực hiện các nhiệm vụ quân sự được giao. Chủ động phối hợp với Bộ Quốc phòng về việc quy hoạch, sử dụng đất sân bay Nha Trang¹³⁷; bảo đảm kinh phí cho công tác xây dựng, huấn luyện lực lượng Dân quân tự vệ biển vững mạnh¹³⁸; nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và tăng cường khả năng hiệp đồng, tác chiến của các lực lượng tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo, vùng trời của Tổ quốc; tổ chức hiệu quả công tác huấn luyện, diễn tập hợp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng.

Phát triển huyện đảo Trường Sa trở thành pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam theo tinh thần Kết luận 53-KL/TW đang từng bước được triển khai.

Tỉnh Khánh Hòa đã phối hợp chặt chẽ với Quân khu 5, Quân chủng Hải quân thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng địa phương. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Khánh Hòa tổ chức, thành lập 03 Tiểu đội dân quân thuộc 2 xã (*Song Tử Tây, Sinh Tồn*) và thị trấn Trường Sa¹³⁹ để hoạt động; phối hợp với lực lượng Hải quân tuần tra, canh gác, góp phần giữ vững vùng biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc, hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về quốc phòng, quân sự địa phương và xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ ngày càng “*vững mạnh, rộng khắp*”.

Các đơn vị Quân đội và nhân dân trên quần đảo Trường Sa đã thực hiện tốt việc xây dựng, củng cố và giữ vững chủ quyền biển, đảo (*21 đảo, 33 điểm đóng quân*), quản lý chặt các bãi cạn không người tại quần đảo Trường Sa và vùng biển, đảo; bảo đảm an ninh, an toàn hàng hải, các khu vực quân sự đặc biệt là Căn cứ

¹³⁷ Bộ Quốc phòng đã có văn bản số 844/BQP-TM ngày 11/3/2020 thống nhất với UBND tỉnh Khánh Hòa; tổ chức bàn giao cho tỉnh Khánh Hòa 186,02 ha đất sân bay Nha Trang để phát triển KT-XH (đã bàn giao 65,99ha; còn 120,03ha đang tiến hành các thủ tục để bàn giao).

¹³⁸ Thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ về phê duyệt Đề án “Xây dựng Hải đội dân quân thường trực tham gia bảo vệ quyền, chủ quyền biển, đảo trong tình hình mới

¹³⁹ Các công trình như nhà ở, nhà ăn, kho tàng đều là nhà kiên cố, đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu của bộ đội trên đảo theo quân số thời bình; xây dựng cầu cảng, hệ thống giao thông, kê chắn sóng và các âu tàu ở các đảo của huyện Trường Sa vừa nhằm mục tiêu phát triển kinh tế toàn diện của huyện đảo và phòng chống thiên tai bảo đảm cho tàu thuyền ngư dân neo đậu an toàn; xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng cho 21 hộ dân sinh sống tại trụ sở chính quyền xã, thị trấn tại 03 đảo Trường Sa Lớn, Song Tử Tây, Sinh Tồn; xây dựng nguồn cung cấp điện từ năng lượng gió, năng lượng mặt trời, cung cấp nước ngọt, phủ sóng thông tin liên lạc, bưu điện, trường học, bệnh xá, nhà truyền thống để thực hiện quản lý, bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia trên biển, đảo. Trên các đảo chim, đến nay cơ bản hoàn chỉnh hệ thống công trình chiến đấu; hệ thống nhà lầu bên kết hợp công trình chiến đấu.

Cam Ranh; xây dựng và củng cố các khu dịch vụ làng chài, nghề cá trên quần đảo Trường Sa góp phần phát triển kinh tế biển và tạo thành tuyến phòng thủ vững chắc trên biên từ xa; thực hiện tốt việc đưa, đón các đoàn công tác của Quân đội và các cơ quan Trung ương, địa phương, ban ngành đi thăm, kiểm tra quần đảo Trường Sa, DK1.

Các lực lượng Hải quân, Cảnh sát biển, cơ quan quân sự các cấp, Bộ đội Biên phòng đã tích cực, chủ động, phối hợp tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương vận động các chủ tàu, thuyền trưởng vươn khơi bám biển, gắn với khẳng định chủ quyền biển, đảo; phát triển bền vững kinh tế biển, nuôi trồng, đánh bắt hải sản không vi phạm vùng biển nước ngoài; tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, quản lý chặt chẽ phương tiện xuất, nhập bến, nhất là các phương tiện hoạt động xa bờ; tuyên truyền ngư dân về những nội dung về quốc phòng, an ninh, tập trung vào tình hình trên Biển Đông và chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước trong giải quyết tranh chấp chủ quyền biển, đảo; âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề trên biển để chống phá nước ta; một số nội dung về Luật Biển Việt Nam; những quy định đối với ngư dân và các doanh nghiệp khai thác dịch vụ du lịch khi hành nghề trên biển. Bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân phối hợp cùng với lực lượng tàu cá ngư dân trên địa bàn tổ chức mạng lưới quan sát, trinh sát, nắm tình hình rộng khắp khu vực biển, quản lý tốt mục tiêu trong tầm quan sát, phát hiện, không để sót, lọt mục tiêu, không bị động, bất ngờ trong mọi tình huống (nhất là ở khu vực quần đảo Trường Sa).

2. Quản lý Nhà nước về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội

Tỉnh Khánh Hoà đã nghiêm túc triển khai các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với đối ngoại và bảo đảm an ninh, trật tự. Chủ động nắm chắc tình hình, phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh ngăn chặn và kiên quyết xử lý nghiêm các đối tượng có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; giải quyết kịp thời, ổn định những mâu thuẫn, ngay từ cơ sở, hạn chế tình trạng khiếu kiện đông người, kéo dài, vượt cấp¹⁴⁰. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân.

Lực lượng Công an đã kịp thời xây dựng và triển khai nhiều đề án về công tác bảo đảm an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội¹⁴¹; phối hợp các lực lượng tổ chức công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh¹⁴² có hiệu quả với hoạt động của các thế lực thù địch¹⁴³ và các loại tội phạm

¹⁴⁰ Nổi bật là năm 2018, lợi dụng Quốc hội dự kiến thông qua Luật Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và Luật An ninh mạng, các đối tượng thù địch, lợi dụng mạng xã hội kêu gọi người dân biểu tình phản đối dự luật, trên địa bàn đã xây một số nơi tụ tập đông người

¹⁴¹ Nhất là Quy chế phối hợp số 3681/QCPH/A61-UBND trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia. báo cáo Ban Bí thư, tham mưu đề xuất Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05/01/2017 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế”.

¹⁴² Đấu tranh, ngăn chặn, cô lập các phần tử xấu lôi kéo, kích động người dân khiếu kiện tập trung tại trụ sở cơ quan Đảng, Nhà nước; tập trung đông người tuần hành biểu tình trong các “sự kiện chính trị nhạy cảm” như: “Hải chiến Hoàng Sa”, “Chiến tranh biên giới phía Bắc”, “Hải chiến Gạc ma”, tàu HD 6 và HD 8 của Trung Quốc. Vụ tập trung

khác¹⁴⁴; đấu tranh với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội¹⁴⁵ góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Tỉnh uỷ Khánh Hoà đã chỉ đạo các cấp ủy đảng chủ động phối hợp triển khai phong trào *“Toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện tố giác tội phạm, cảm hóa, giáo dục, cải tạo người phạm tội tại gia đình và cộng đồng dân cư”* gắn với cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”*; 100% cấp xã làm tốt công tác xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, niềm tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền ngày càng cao; ý thức chấp hành Hiến pháp, pháp luật của nhân dân được nâng lên góp phần xây dựng cơ sở chính trị trong khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc.

Bộ Chỉ huy quân sự, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị đóng quân trên địa bàn tích cực, chủ động tổ chức giao ban đóng quân canh phòng để trao đổi thông tin, tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; an ninh vùng trời, vùng biển, đảo; thống nhất phương án xử trí các tình huống, vụ việc phát sinh trên địa bàn; hiệp đồng thống nhất phương án cứu hộ, cứu nạn, hỗ trợ nhân dân, ngư dân phòng chống thiên tai, bão lụt; tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương giữ vững an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội.

VIII. Về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị

1. Công tác xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị các cấp, xây dựng chính quyền cơ sở

Công tác tuyên truyền, giáo dục, học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Chú trọng đổi mới cả hình thức và phương pháp tổ chức, sát với tình hình thực tế của tỉnh; chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng được nâng lên, góp phần tạo sự thống nhất trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong xã hội. Việc tổ chức học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng được triển khai nghiêm túc, kịp thời, nhất là bằng hình thức trực tuyến. Công tác nắm tình hình tư tưởng được thực hiện thường xuyên; chủ động, nhanh chóng cung cấp thông tin, định hướng dư luận xã hội, qua các trang mạng xã hội facebook, zalo; đấu tranh phòng,

đồng người, biểu tình phản đối dự thảo Luật đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và dự thảo Luật An ninh mạng xây ra tại Nha Trang vào ngày 10/6/2018.

¹⁴³ Phối hợp quản lý hoạt động 25 tổ chức PCPNN đã được cấp phép hoạt động. không để các đối tượng thực hiện “cách mạng đường phố” trên địa bàn tỉnh¹⁴³. Chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ và Công an địa phương tổ chức đấu tranh, bóc gỡ số đối tượng là cơ sở nội địa của tổ chức “Chính phủ quốc gia Việt Nam lâm thời”, “Việt Tân”, “Triều Đại Việt”, khởi tố, điều tra, xử lý theo pháp luật các đối tượng có hành vi tuyên truyền chống Nhà nước, hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân; phá rã hoạt động của nhóm “Mạng lưới Blogger Việt Nam”.

¹⁴⁴ Đã thụ lý điều tra 145 vụ án kinh tế khởi tố 188 bị can, đồng thời qua kiểm tra phát hiện hơn 1.300 vụ vi phạm vận chuyển, buôn bán hàng nhập lậu, hàng cấm, kinh doanh trái phép, gian lận thương mại... tịch thu, tiêu hủy nhiều hàng hóa trị giá trên 20 tỷ đồng. Xử phạt hành chính gần 1.000 trường hợp với số tiền trên 4,4 tỷ đồng.

¹⁴⁵ Bắt, khởi tố điều tra hơn 1.200 vụ 1.800 đối tượng tàng trữ, mua bán ma túy tổng hợp; thu giữ: trên 34 kg ma túy tổng hợp, 1,22 kg heroin, gần 70 kg cần sa. Đã xử lý hành chính 2.300 trường hợp với số tiền trên 02 tỷ đồng. Phát hiện, xóa gần 100 tụ điểm, triệt phá hơn 350 vụ 1.500 đối tượng hoạt động cờ bạc. Khởi tố 21 vụ 77 đối tượng; xử phạt hành chính hơn 1.500 đối tượng (trong đó có 11 đối tượng người Trung Quốc) với số tiền 2,054 tỷ đồng. Xác lập, đấu tranh thành công 05 chuyên án; triệt phá 11 tụ điểm mại dâm; phát hiện 36 vụ 143 đối tượng hoạt động mại dâm; đã khởi tố 23 vụ 37 đối tượng về hành vi chứa và môi giới mại dâm.

chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; chủ động phòng ngừa, đấu tranh phê phán, ngăn chặn những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức đảng, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên được chú trọng và có nhiều chuyển biến tích cực. Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đảm bảo thực hiện theo đúng quy định; đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàng năm chiếm tỷ lệ trên 74%.

Công tác phát triển đảng, đoàn thể trong các đơn vị kinh tế tư nhân ngày càng được chú trọng, đã thành lập được 125 tổ chức đảng, kết nạp được 2.144 đảng viên. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chỉ đạo chặt chẽ, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đạt nhiều kết quả; bảo đảm nội bộ các cơ quan, đơn vị vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Công tác cán bộ được triển khai đồng bộ, hiệu quả với nhiều giải pháp thiết thực; cơ cấu cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người đồng bào dân tộc thiểu số và đội ngũ cán bộ cơ sở được chú trọng hơn. Nhiều quy định về quản lý, đề bạt, bổ nhiệm, kiểm tra, giám sát cán bộ được nghiên cứu điều chỉnh với tiêu chí ngày càng công khai, dân chủ, minh bạch. Nghiêm túc thực hiện các chỉ đạo của Trung ương về tinh giản biên chế; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng, hiệu quả của hệ thống chính trị; cắt giảm đầu mối, giảm số lượng cấp phó; ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm. Toàn tỉnh đã hoàn thành mục tiêu 100% Trưởng ban Tuyên giáo cấp ủy cấp huyện đồng thời là Giám đốc Trung tâm Chính trị; 8/8 đơn vị cấp huyện và tại cấp tỉnh đã thực hiện chủ trương Trưởng ban Dân vận đồng thời là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật của Đảng của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp được triển khai thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, góp phần giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Hoạt động của các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở có nhiều đổi mới theo hướng sâu sát thực tế và thực hiện tốt phương châm “tỉnh sát xã, huyện sát thôn, xã sát từng hộ dân” để kiểm tra, nghiên cứu tình hình và kịp thời chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; đồng thời, nắm bắt những vấn đề đặt ra từ thực tiễn cơ sở để đề nghị điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác dân vận được tăng cường. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI), Kết luận số 43-KL/TW, ngày 07/01/2019 của Ban Bí thư về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới và Đề án nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần củng cố vững chắc lòng tin của nhân dân đối với Đảng, tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Công tác dân vận của các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang có nhiều chuyển biến tích cực gắn với triển khai tốt các giải

pháp phát triển kinh tế, thực hiện an sinh xã hội, đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện tốt “Năm dân vận chính quyền”, nâng cao thái độ, tinh thần phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức; quan tâm giải quyết những khó khăn, bức xúc của nhân dân và doanh nghiệp.

Quy chế dân chủ ở cơ sở được chú trọng thực hiện, đem lại hiệu quả tốt trong đời sống xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội. Các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo được tổ chức thực hiện tốt, tạo điều kiện nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào vùng dân tộc thiểu số và tạo thuận lợi cho các tổ chức tôn giáo, chức sắc, tín đồ hoạt động theo đúng quy định pháp luật.

2. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã tích cực đổi mới phương thức hoạt động và hướng mạnh về cơ sở. Các cuộc vận động, phong trào thi đua yêu nước đã được các tầng lớp nhân dân, đoàn viên, hội viên tham gia tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tạo sự đồng thuận, mở rộng dân chủ, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, củng cố lòng tin của nhân dân với Đảng và mối quan hệ mật thiết của Đảng với nhân dân. Phối hợp triển khai nhiều hoạt động thiết thực cho người nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ khó khăn, người yếu thế, đồng bào dân tộc thiểu số.

Hoạt động giám sát, phản biện xã hội và góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền được triển khai thực hiện tích cực. Trong nhiệm kỳ qua, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã thực hiện hơn 930 cuộc giám sát và hơn 250 cuộc phản biện xã hội. Các ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã thể hiện trí tuệ, trách nhiệm, nguyện vọng chính đáng của cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân, góp phần tăng tính khả thi trong các chương trình, kế hoạch của cấp ủy, chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh, tạo sự đồng thuận trong xã hội.

B. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

I. Hạn chế

Mặc dù đã có những bước phát triển khá trong thời gian gần đây nhưng sau 10 năm xây dựng và phát triển (2011-2021) Khánh Hoà vẫn chưa khai thác và phát huy được ở mức cao nhất mọi tiềm năng và lợi thế để tạo ra sự đột phá trong phát triển. Một số mục tiêu và chỉ tiêu chưa hoàn thành, nhất là một số chỉ tiêu, mục tiêu đặt ra trong Kết luận 53-KL/TW. Khánh Hoà chưa đạt được các tiêu chí để trở thành đô thị trực thuộc Trung ương; chưa thực sự là động lực phát triển; cửa ngõ chính ra biển Đông của vùng duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Đề án xây dựng Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong chưa được triển khai. Du lịch biển đảo tại Trường Sa còn rất hạn chế.

1. Về phát triển kinh tế

(i) Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; quy mô của nền kinh tế còn khá nhỏ, sức chống chịu không cao¹⁴⁶. Tăng trưởng chưa bền vững¹⁴⁷, chất lượng tăng trưởng chưa cao¹⁴⁸, chưa đạt chỉ tiêu đề ra; đóng góp cho tăng trưởng của khu vực duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên và cả nước còn khiêm tốn¹⁴⁹.

(ii) Cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng thiếu cân bằng, phụ thuộc nhiều vào ngành du lịch, các ngành dịch vụ khác còn kém đa dạng. Nông nghiệp, công nghiệp thiếu sức cạnh tranh dẫn đến sức chống chịu của kinh tế tỉnh còn thấp trước các biến động của môi trường bên ngoài¹⁵⁰.

- Hoạt động thương mại, dịch vụ tuy đạt tốc độ tăng trưởng khá cao nhưng chất lượng tăng trưởng chuyển biến chậm, chưa phát huy hết lợi thế cạnh tranh của tỉnh. Ngành du lịch là một trụ cột phát triển giai đoạn trước đại dịch COVID-19 nhưng tăng trưởng nóng, theo chiều rộng, cơ cấu thu hút khách du lịch chưa bền vững và tối ưu về dài hạn¹⁵¹, cơ cấu nguồn thu từ du lịch chậm được cải thiện sau nhiều năm. Chiến lược dài hạn ngành du lịch thiếu nhạy bén, còn hạn chế nhất là trong phát triển các thị trường du lịch trọng điểm; kích cầu du lịch nội địa vẫn chưa hiệu quả, thiếu các khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng quy mô lớn và có sức hấp dẫn cao; chưa đa dạng hóa, khai thác các sản phẩm du lịch bổ trợ, chậm phát triển những sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đẳng cấp.

- Công nghiệp tuy có tăng trưởng nhưng công suất, năng lực đầu tư mới, đầu tư mở rộng tăng không đáng kể, vẫn còn nhiều doanh nghiệp có quy mô vốn nhỏ, việc sử dụng công nghệ cao, hiện đại còn hạn chế; khả năng liên kết, hình thành và tham gia các chuỗi giá trị sản xuất trong nước còn thấp. Các khu, cụm công nghiệp phát triển chậm, tỷ lệ lấp đầy thấp; chưa có khu công nghiệp chuyên ngành và khu công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao. Chưa phát huy được vai trò của khu kinh tế Vân Phong trong tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội tỉnh và vùng.

- Tăng trưởng nông nghiệp còn chậm, chưa bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn còn chậm; tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản còn cao so với mục tiêu Quy hoạch đề ra¹⁵². Công nghiệp bảo quản và chế biến sâu còn hạn chế; tổn thất sau thu hoạch còn cao; mức độ cơ giới hóa trong sản xuất các cây trồng khác còn chưa cao; tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông lâm nghiệp, thủy sản

¹⁴⁶ Năm 2020, dưới tác động của đại dịch Covid-19, tăng trưởng GRDP của tỉnh âm 10,5% năm, thu ngân sách giảm 30%, là mức suy giảm lớn nhất trong số các địa phương vùng Nam Trung Bộ.

¹⁴⁷ Năm 2014 đạt 9,30%; giai đoạn 2016-2019 đạt gần 8%. Năm 2020 giảm tới 10,52% so với năm 2019.

¹⁴⁸ Năng suất lao động thấp hơn so với trung bình toàn quốc. Hệ số sử dụng vốn đầu tư cao hơn trung bình toàn quốc.

¹⁴⁹ Đóng góp vào GDP cả nước tăng từ 1,02% năm 2011 lên 1,12% năm 2019. Đóng góp vào GRDP vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tăng từ 9,5% năm 2011 lên 9,8% năm 2019.

¹⁵⁰ Kinh tế của tỉnh trong thời gian chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, dẫn đến GRDP của tỉnh tăng trưởng âm 10,5% năm 2020, thu ngân sách giảm 30%, là địa phương bị thiệt hại nặng nề nhất về kinh tế so với các địa phương trong cả nước.

¹⁵¹ Ngành du lịch còn hạn chế trong công tác định hướng chiến lược dài hạn, nhất là thu hút, phát triển các thị trường du lịch trọng điểm, mất cân đối thị trường khách quốc tế, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh du lịch về lâu dài.

¹⁵² Năm 2020, tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong cơ cấu kinh tế vẫn còn ở mức 13,1%, cao hơn nhiều so với mục tiêu đề ra là 6%.

còn cao, chất lượng chưa đáp ứng được yêu cầu của sản xuất hàng hóa lớn và hội nhập quốc tế.

(iii) Thu ngân sách trên địa bàn tỉnh có tăng trưởng nhưng còn phụ thuộc vào một số doanh nghiệp lớn, nên tăng trưởng không ổn định, chưa bền vững. Nhiều doanh nghiệp đang hoạt động có quy mô vốn nhỏ, việc sử dụng công nghệ cao, hiện đại còn hạn chế, nhất là trong khu vực nông nghiệp, nông thôn.

(iv) Kết cấu hạ tầng quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội còn hạn chế, nhất là mạng lưới giao thông kết nối các cực tăng trưởng trong và ngoài tỉnh chưa được đầu tư đồng bộ như đường bộ cao tốc Bắc Nam; đường bộ cao tốc kết nối Khánh Hòa - Tây Nguyên, Bắc Khánh Hòa - Nam Phú Yên; đường bộ ven biển đoạn qua Khánh Hòa; cảng trung chuyển quốc tế tại Vân Phong và các tuyến đường kết nối với các vùng động lực của tỉnh. Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh vượt quá năng lực cả về hành khách lẫn hàng hóa.

(v) Một số mục tiêu của Quy hoạch tỉnh chưa thực hiện được, nhất là những mục tiêu lớn về phát triển cảng trung chuyển quốc tế tại Vân Phong và phát triển công nghiệp của tỉnh. Các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị để Khánh Hòa đạt các tiêu chí đô thị trực thuộc Trung ương chưa được đầu tư nâng cấp, mở rộng theo quy hoạch. Khánh Hòa chưa thực sự trở thành đô thị hạt nhân của khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên; một số điểm nghẽn về đô thị chưa được giải quyết dứt điểm, nhất là Thành phố Nha Trang như: tình trạng ùn tắc giao thông cục bộ tại một số tuyến đường, tình trạng ngập do nước biển dâng, sụt lún đô thị, tình trạng ô nhiễm ở một số địa bàn, tình trạng xây dựng trái phép; một số chỉ tiêu phát triển đô thị đạt mức thấp, nhất là hạ tầng giao thông, hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng, thu gom xử lý nước thải, chất thải, nhà tang lễ và cây xanh đô thị.

2. Về phát triển văn hoá - xã hội

(i) Việc xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia; định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau các cấp học phổ thông còn khó khăn, lúng túng. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chưa đáp ứng nhu cầu thực tế, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; thiếu đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, công nhân lành nghề, lao động dịch vụ chuyên nghiệp. Kết nối cung - cầu lao động còn hạn chế, nhất là trong phạm vi Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung và Tây Nguyên. Thu hút bác sĩ về làm việc tại các cơ sở y tế công lập gặp nhiều khó khăn.

(ii) Thu nhập bình quân đầu người thấp¹⁵³; nguy cơ tái nghèo tăng cao, nhất là tại 02 huyện nghèo có đông đồng bào dân tộc thiểu số¹⁵⁴. Sự phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng về phân phối thu nhập và mức sống, các tầng lớp dân cư còn lớn và có xu hướng tăng, nhất là sau đại dịch Covid-19.

(iii) Ứng dụng và chuyển giao khoa học và công nghệ chậm; hệ thống các tổ chức trung gian, môi giới, chuyển giao công nghệ chưa hình thành; các tổ chức ươm tạo mới trong giai đoạn thai nghén, các tổ chức xúc tiến thương mại, trung

¹⁵³ Đạt 3.153 nghìn đồng/người/tháng, đứng thứ 10/14 địa phương trong vùng.

¹⁵⁴ Tỷ lệ hộ nghèo ở hai huyện miền núi Khánh Vĩnh, Khánh Sơn đạt mức 23%.

gian môi giới về sở hữu trí tuệ chưa đủ điều kiện để hình thành; khu công nghệ cao, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đang ở giai đoạn khởi động, trung tâm đổi mới sáng tạo chưa hình thành; gắn kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp chưa hệ thống, mang tính cơ học. Số lượng các sản phẩm công nghệ được thương mại hóa gần như không có; số lượng doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo còn hạn chế, chỉ khoảng dưới 100 doanh nghiệp.

3. Về quản lý, khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

(i) Ô nhiễm do nước thải, rác thải sinh hoạt tại một số khu đô thị, khu dân cư tập trung ven biển như tại thành phố Nha Trang, thành phố Cam Ranh, thị xã Ninh Hòa chưa được thu gom, xử lý triệt để. Vấn đề rác thải nông thôn còn nhiều vướng mắc, nhiều bãi chôn lấp tự phát, ô nhiễm kéo dài.

(ii) Ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất trong khu dân cư chưa được giải quyết triệt để nhất là tại các cơ sở giết mổ gia súc gia cầm, chế biến thủy sản, chế biến nước mắm. Tác động của phát triển du lịch đến môi trường còn diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học và môi trường du lịch. Việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường trong các khu nội thị, thành phố, khu dân cư còn chậm so với kế hoạch.

(iii) Tình trạng khai thác, mua bán, vận chuyển, tàng trữ khoáng sản, cát làm vật liệu xây dựng trái phép vẫn diễn ra phức tạp, tinh vi. Một số dự án đầu tư có sử dụng đất đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng không đưa vào sử dụng hoặc chậm tiến độ, gây ra tình trạng lãng phí. Chưa có chính sách hữu hiệu để hạn chế, xử lý tình trạng đầu cơ đất đai. Công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu còn thiếu chủ động, kiểm tra, giám sát, có lúc còn chủ quan, nhất là công tác quy hoạch xây dựng chưa dự báo được ảnh hưởng của thiên tai.

4. Về bảo đảm quốc phòng, an ninh

(i) An ninh tuyến biên và một số địa bàn trọng điểm còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Vai trò nghiên cứu, tham mưu đề xuất và phối hợp hướng dẫn, triển khai thực hiện của một số cơ quan cho cấp ủy, chỉ huy có mặt chưa theo kịp với tình hình, nhiệm vụ cụ thể. Công tác tham mưu quy hoạch và triển khai xây dựng thao trường huấn luyện, căn cứ hậu cần - kỹ thuật ở các địa phương còn chậm. Tham mưu chỉ đạo công tác tuyển quân có địa phương chất lượng chưa cao.

(ii) Công tác phối hợp giữa lực lượng vũ trang với các ban, ngành, đoàn thể địa phương có lúc, có nơi chưa tốt. Công tác quản lý, giải quyết các vấn đề liên quan đến đất quốc phòng, nhất là đất quốc phòng cấp chông lán có thời điểm chưa tốt. Hiệu quả hoạt động của lực lượng tự vệ trong các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có mặt còn hạn chế. Phối hợp giải quyết việc làm cho quân nhân xuất ngũ chưa thật sự hiệu quả.

5. Về xây dựng đảng, xây dựng hệ thống chính trị

(i) Công tác cải cách hành chính còn những hạn chế, yếu kém, việc tham mưu cụ thể hóa một số chính sách theo phân cấp còn chậm. Một bộ phận cán bộ,

công chức năng lực còn rất hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Một số đơn vị, địa phương chưa thật sự chủ động, thiếu tầm nhìn chiến lược trong công tác quy hoạch cán bộ, công chức. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa được quan tâm đúng mức; tuyển dụng công chức còn gặp khó khăn, vướng mắc

(ii) Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức đảng chuyển biến chưa mạnh. Một số vụ việc giải quyết còn chậm, chất lượng chưa cao. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị còn có mặt hạn chế, hiệu lực quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực, ở một số giai đoạn còn yếu kém và khuyết điểm, nhất là trong công tác quản lý đất đai, công tác cán bộ, dẫn đến một số sai phạm, tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2010-2015, 2015-2020 và các cá nhân liên quan bị xử lý kỷ luật, bị khởi tố làm giảm lòng tin của nhân dân đối với cấp ủy, chính quyền tỉnh Khánh Hòa.

(iii) Hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp, nhất là ở cấp cơ sở vẫn còn lúng túng và mang tính hình thức; một số đề xuất, kiến nghị của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong quá trình giám sát, phản biện xã hội chưa được chính quyền các cấp quan tâm xem xét, giải quyết và phản hồi một cách thỏa đáng.

II. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

1. Nguyên nhân khách quan

(i) Khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008-2010 với những tác động bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam; những vấn đề nảy sinh ngoài dự báo của nền kinh tế Việt Nam trong giai đoạn 2011-2015; tình hình Biển Đông có nhiều diễn biến phức tạp; biến đổi khí hậu gây nên diễn biến thời tiết bất thường, một số đợt thiên tai gây thiệt hại nặng nề về tính mạng tài sản của nhân dân¹⁵⁵; các thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng và tác động tiêu cực của Đại dịch Covid - 19 đã ảnh hưởng tiêu cực đến việc thu hút các nguồn lực, gây khó khăn cho việc đạt được các mục tiêu đặt ra.

(ii) Phương hướng, mục tiêu đặt ra lớn, nhất là tại Kết luận 53-KL/TW nhưng tính ràng buộc, trách nhiệm triển khai và thi hành của Kết luận đối với các bộ, ngành Trung ương và các địa phương trong và ngoài vùng chưa cao.

(iii) Quy định về tiêu chí đô thị trực thuộc Trung ương theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cao hơn so với tiêu chí tại thời điểm Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 53-KL/TW; một số giải pháp được đưa ra trong Kết luận 53-KL/TW được coi là “chìa khóa” mở ra cơ hội cho tỉnh Khánh Hòa chưa được hiện thực hoá như: “Đề án khu hành chính -

¹⁵⁵ Mưa lũ cuối năm 2016, bão số 12 năm 2017, bão số 8, số 9 năm 2018, bão số 5, số 6 năm 2019 đã gây ra thiệt hại lớn về người và tài sản. Trong năm 2020, cơn bão số 12 đổ bộ vào sáng ngày 10/11/2020 và mưa lũ trên diện rộng diễn ra từ ngày 28/11 đến ngày 01/12/2020 đã làm thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản và nhiều công trình hạ tầng quan trọng.

kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong”; “Đề án điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Cam Ranh” gây khó khăn cho việc phát triển toàn diện huyện Trường Sa và hoàn thành mục tiêu xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Nguyên nhân chủ quan

(i) Công tác quản trị, triển khai thực hiện Kết luận 53-KL/TW của một số bộ, ngành Trung ương và tỉnh Khánh Hoà chưa được quan tâm thường xuyên, còn thiếu quyết liệt. Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại các ngành kinh tế chưa hợp lý, thiếu đồng bộ, hiệu quả chưa cao.

(ii) Thiếu các cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý phù hợp để tạo ra động lực mới cho phát triển, nhất là phát triển Khu kinh tế Vân Phong và việc gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường tiềm lực quốc phòng an ninh¹⁵⁶. Các nguồn lực, nhất là nguồn lực đất đai chưa được quản lý và sử dụng hiệu quả.

(iii) Chất lượng quy hoạch chưa cao, thiếu sự liên kết, đồng bộ, thống nhất, thậm chí xung đột, mâu thuẫn, chồng chéo giữa các quy hoạch; thiếu kết nối chiến lược - quy hoạch - kế hoạch - đầu tư. Định hướng phát triển đô thị chưa rõ nét và thiếu giải pháp tổng thể để hiện thực hóa mục tiêu xây dựng tỉnh Khánh Hòa trở thành đô thị trực thuộc Trung ương.

(iv) Đầu tư và hỗ trợ của Trung ương chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa tương xứng với vị trí, vai trò của tỉnh¹⁵⁷. Vốn đầu tư cho cơ sở hạ tầng giao thông còn thấp, cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, dàn trải, hiệu quả sử dụng chưa cao. Chưa có giải pháp mang tính đột phá để thu hút các nhà đầu tư chiến lược, huy động hiệu quả nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư vào tỉnh.

(v) Quản trị phát triển địa phương còn nhiều bất cập¹⁵⁸. Công tác quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực, ở một số giai đoạn còn yếu kém và khuyết điểm lớn. Công tác nghiên cứu, dự báo, tổng kết thực tiễn chưa được quan tâm đúng mức. Công tác phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương và các địa phương trong khu vực còn thiếu chủ động, chưa hiệu quả.

(vi) Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị chưa được quan tâm đúng mức; việc thực hiện quy chế làm việc và tuân thủ nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng có nơi, có lúc còn lơ là, thiếu nghiêm túc; trách nhiệm nêu gương của một số cán bộ chủ chốt còn hạn chế.

C. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

I. Đánh giá chung

Trong giai đoạn 2011-2021, Khánh Hoà đã khai thác và phát huy tương đối tốt các tiềm năng, lợi thế, nhất là lợi thế về biển cho phát triển, đạt một số chỉ tiêu

¹⁵⁶ Khánh Hoà không nằm trong vùng trọng điểm phát triển công nghiệp cả nước (như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương).

¹⁵⁷ Khu kinh tế Vân Phong nằm ngoài 05 nhóm khu kinh tế ven biển ưu tiên tập trung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020.

¹⁵⁸ Các chỉ số về quản trị phát triển của Khánh Hoà mặc dù có sự cải thiện nhưng ở vị trí thấp.

đặt ra, trở thành trung tâm du lịch biển quốc gia và có thương hiệu quốc tế; từng bước trở thành một cực tăng trưởng trong khu vực; du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Khu Kinh tế Vân Phong từng bước có những tác động tích cực đến phát triển kinh tế của tỉnh. Thu ngân sách tăng nhanh, đảm bảo tự cân đối ngân sách địa phương và có điều tiết về ngân sách Trung ương. Hệ thống đô thị ven biển được hình thành. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông được đầu tư, nâng cấp. Hoạt động hợp tác, liên kết với các địa phương trong và ngoài vùng đạt một số kết quả bước đầu.

Phát triển văn hóa, xã hội; giáo dục và đào tạo; công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân đạt được nhiều tiến bộ; khoa học và công nghệ từng bước có đóng góp thiết thực cho phát triển địa phương. Công tác tôn giáo, dân tộc và chính sách xã hội, chính sách đối với người có công được thực hiện tốt. Nhiều việc làm mới được tạo ra; tỷ lệ hộ nghèo đạt mức thấp; công bằng xã hội được bảo đảm. Bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu đạt được nhiều kết quả tích cực.

Phát triển kinh tế - xã hội được kết hợp chặt chẽ với tăng cường quốc phòng, an ninh; chủ quyền biển đảo của Tổ quốc được bảo vệ vững chắc. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được quan tâm thực hiện; bộ máy hành chính được đổi mới theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều chuyên biến tích cực.

Tuy nhiên, trong 10 năm qua, tiềm năng, lợi thế của tỉnh chưa được khai thác hợp lý, phát huy hiệu quả để tạo ra sự đột phá cho phát triển. Một số mục tiêu và chỉ tiêu quan trọng chưa hoàn thành. Khánh Hòa chưa đạt được các tiêu chí để trở thành đô thị trực thuộc Trung ương; chưa thực sự là động lực phát triển; cửa ngõ chính ra biển Đông của khu vực duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Đề án xây dựng Đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt Bắc Vân Phong chưa được triển khai. Khu kinh tế Vân Phong phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế. Quy mô kinh tế còn khá nhỏ, sức chống chịu không cao. Nguồn thu ngân sách chưa bền vững. Du lịch phát triển chưa bền vững; một số điểm nghẽn về đô thị chưa được giải quyết dứt điểm. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông và đô thị chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được yêu cầu. Kết quả hợp tác, liên kết với các địa phương khu vực duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên còn hạn chế.

Phát triển văn hoá - xã hội còn một số bất cập. Chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển địa phương còn nhiều hạn chế. Thu nhập bình quân đầu người thấp; nguy cơ tái nghèo cao, nhất là tại những huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Một số chỉ số về bảo vệ môi trường ở mức thấp; ứng phó với biến đổi khí hậu còn bị động.

An ninh tuyến biên và một số địa bàn trọng điểm còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp, khó lường. Công tác phối hợp giữa tỉnh với các đơn vị quốc phòng trên địa bàn trong kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với an ninh, quốc phòng có lúc, có nơi còn chưa chặt chẽ. Công tác cải cách hành chính chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị có mặt còn hạn chế; hoạt động

quản lý nhà nước của bộ máy hành chính trên một số lĩnh vực, trong từng giai đoạn còn yếu kém và khuyết điểm.

II. Bài học kinh nghiệm

1. Nhận thức đúng và đầy đủ về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hoà đối với khu vực và cả nước ở tất cả các cấp, các ngành; xác định rõ tiềm năng, lợi thế và những khó khăn, thách thức đối với xây dựng và phát triển tỉnh trong bối cảnh mới có ý nghĩa đặc biệt quan trọng để có quyết tâm chính trị cao, sự phối hợp đồng bộ và hành động quyết liệt nhằm hoàn thành các mục tiêu đặt ra.

2. Sự lãnh đạo toàn diện của các cấp uỷ đảng; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; huy động sự tham gia của mọi người dân; sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả với các cơ quan Trung ương và các địa phương trong vùng là yếu tố quyết định thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong điều kiện tỉnh có nhiều khó khăn, thách thức.

3. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; mạnh dạn đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với tái cơ cấu nền kinh tế; chú trọng áp dụng khoa học và công nghệ nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, tăng năng suất lao động, sức cạnh tranh và khả năng chống chịu của nền kinh tế, tránh phụ thuộc vào một số ít thị trường và đối tác.

4. Các cấp uỷ đảng, trước hết là người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền phải giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; thật sự cầu thị, quyết liệt sửa sai; phát huy vai trò nêu gương; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý các sai phạm; phải kiên quyết đấu tranh với tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm, tạo sự tin tưởng, đồng thuận trong nhân dân.

5. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, các tầng lớp nhân dân trong xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng khu vực phòng thủ vững mạnh, chú trọng xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

6. Tăng cường công tác dự báo trong chỉ đạo, điều hành thực hiện nghị quyết, chương trình, kế hoạch; theo dõi sát tình hình kinh tế trong nước, trong vùng và trong khu vực, dự báo các diễn biến, các kịch bản có thể xảy ra nhằm thực hiện tốt nhất các mục tiêu đề ra với hiệu quả cao nhất.

Phần thứ ba

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH KHÁNH HOÀ ĐẾN 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I. BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN

1. Thuận lợi

- Thế giới hiện đang chứng kiến làn sóng dịch chuyển trong lĩnh vực chế biến, chế tạo; các lĩnh vực có giá trị cao sẽ trở lại quốc gia khởi nguồn, trong khi đó, phần lớn các hoạt động sản xuất thứ cấp sẽ được chuyển đến các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á. Đây là cơ hội cho Việt Nam nói chung và Khánh Hòa nói riêng trong việc trở thành trung tâm sản xuất của các tập đoàn hàng đầu trên thế giới.

- Các Hiệp định thương mại tự do giúp đưa hàng hóa Việt Nam vào sâu hơn thị trường thế giới; tại Việt Nam tầng lớp trung lưu ngày càng tăng khiến nhu cầu về hàng hóa, dịch vụ ngày càng lớn; tại Khánh Hòa với thị trường hơn 1,2 triệu dân, là cơ hội để đẩy mạnh hoạt động sản xuất, chế biến xuất khẩu, tham gia nhiều hơn vào thị trường trong nước và thế giới.

- Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho Việt Nam trong việc nâng cao trình độ, năng lực sản xuất và cạnh tranh trong chuỗi sản phẩm; tạo ra sự thay đổi lớn về lực lượng sản xuất. Sự phát triển nhanh của khoa học và công nghệ sẽ tạo điều kiện cho Khánh Hòa tiếp cận với những tiên bộ của khoa học và công nghệ thế giới, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển trên nhiều phương diện.

- Khánh Hòa có vị trí địa lý và gắn kết thuận lợi với các trung tâm lớn trong khu vực duyên hải Nam Trung bộ, Tây Nguyên, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng để phát triển thành trung tâm kinh tế lớn cấp vùng trên nền tảng phát triển kinh tế biển, là cửa ngõ giao thông hướng biển, liên vận quốc tế đường biển - hàng không.

- Khánh Hòa có tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp và du lịch. Có không gian biển rộng lớn để nuôi trồng đánh bắt thủy, hải sản; phát triển du lịch, đặc biệt là phát triển công nghiệp, cảng biển gắn với các khu đô thị ven biển. Khu kinh tế Vân Phong với diện tích trên 150 nghìn ha, đã được Chính phủ phê duyệt, đang trong quá trình hoàn thiện hạ tầng và thu hút đầu tư. Với các tiềm năng, lợi thế của Khu kinh tế Vân Phong và nếu được quan tâm ưu tiên đầu tư, Vân Phong hoàn toàn có thể phát triển bứt phá để trở thành một trung tâm phát triển kinh tế biển lớn, hiện đại của khu vực và cả nước với thế mạnh phát triển kinh tế cảng biển và dịch vụ logistics quốc tế; du lịch, vui chơi giải trí cao cấp; khu phát triển khoa học và công nghệ cao gắn liền với các đô thị hiện đại có dịch vụ y tế, giáo dục chất lượng cao; là cửa ngõ giao thương quốc tế, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa nói riêng và cả nước nói chung.

- Nhiều định hướng lớn đang mở ra cơ hội cho tỉnh Khánh Hòa như: (i) Thuộc tiểu vùng đô thị hóa Nam Trung bộ¹⁵⁹, giữ vai trò là trung tâm kinh tế - xã hội, công nghiệp, thương mại, du lịch và dịch vụ; là thành phố cảng biển, đầu mối giao thông quan trọng về trung chuyển vận tải trong nước và quốc tế; (ii) Hệ thống hạ tầng đường cao tốc kết nối liên vùng miền Trung, Tây Nguyên đang được xây dựng khi hoàn thành sẽ rút ngắn thời gian di chuyển từ Khánh Hòa đến các địa phương trong vùng, đến Tây Nguyên và đến TP. Hồ Chí Minh, mở rộng không gian phát triển liên tỉnh và thúc đẩy liên kết vùng; (iii) Là một trong 07 khu vực trọng điểm ưu tiên phát triển du lịch quốc gia, là một địa bàn du lịch có vị trí quan trọng đặc biệt trong hệ thống tuyến, điểm du lịch khu vực duyên hải Nam Trung bộ và Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung; (iii) Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định tập trung đầu tư 5 trung tâm nghề cá lớn tại các địa phương, trong đó có Trung tâm nghề cá lớn Khánh Hòa gắn với ngư trường Nam Trung bộ và Trường Sa; (iv) Khu vực vịnh Cam Ranh đang được đầu tư phát triển thành trung tâm hậu cần, cung cấp dịch vụ hàng hải cho các tàu quân sự, tàu du lịch của các quốc gia.

- Khánh Hòa là vùng đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, kiên cường, dũng cảm trong kháng chiến chống ngoại xâm, nơi lưu giữ nhiều giá trị di sản văn hóa; có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển đảo quốc gia; tỷ lệ trong độ tuổi lao động cao (khoảng 60%) và duy trì trong nhiều năm tới; người dân cần cù, sáng tạo là nhân tố quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội.

2. Khó khăn

- Tình hình Biển Đông có thể diễn biến phức tạp trước xu hướng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, gia tăng các tranh chấp biển, đảo và các vấn đề an ninh phi truyền thống; an ninh biển sẽ tiếp tục là một trong những vấn đề nổi cộm, chi phối quan hệ giữa các nước. Đây là vấn đề trực tiếp tác động tới tỉnh Khánh Hòa do huyện đảo Trường Sa nằm trong vùng ảnh hưởng. Kinh tế thế giới được dự báo sẽ duy trì đà phục hồi nhưng phải đối mặt với nhiều rủi ro; tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng và logistics còn kéo dài; bất ổn tài chính, nợ công gia tăng.

- Dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp với các biến chủng mới được phát hiện là thách thức lớn nhất cho phát triển kinh tế trên địa bàn, nhất là trong bối cảnh một lượng lớn nguồn lực đã được đầu tư vào các ngành du lịch, bất động sản trong giai đoạn trước. Thiên tai có nguy cơ xảy ra thường xuyên hơn và biến đổi khí hậu tiếp tục diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến hầu hết các ngành, lĩnh vực các địa phương ven biển, trong đó có tỉnh Khánh Hòa. Ô nhiễm môi trường từ sản xuất công nghiệp và phát triển các ngành khác, đặc biệt là ô nhiễm môi trường biển là thách thức lớn đối với sự phát triển bền vững của tỉnh Khánh Hòa, là một tỉnh ven biển.

¹⁵⁹ Theo định hướng quy hoạch vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang chủ trì xây dựng bao gồm: Tuy Hoà, Vân Phong, Nha Trang, Cam Ranh, Phan Rang Tháp Chàm và Phan Thiết. Trung tâm tiểu vùng Nam Trung Bộ là tỉnh Khánh Hòa (cụm đô thị Vân Phong, Nha Trang, Cam Ranh)

- Khả năng kết nối trực tiếp, thu hút đầu tư (về thời gian, chi phí và quãng đường) của Khánh Hòa với thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng còn hạn chế. Đóng góp chung của Khánh Hòa cho toàn vùng chưa tương xứng; chưa tạo được những lợi thế cạnh tranh nổi trội so với một số tỉnh trong vùng. Sự nhìn nhận và đánh giá của vùng, Trung ương đối với tỉnh, thông qua các quy hoạch, kế hoạch, chương trình phát triển là chưa rõ nét.

- Các tỉnh, thành phố trong vùng có vị trí thuận lợi, cơ sở hạ tầng đồng bộ, cũng đang thực hiện nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi, cải thiện môi trường kinh doanh sẽ cạnh tranh gay gắt về thu hút đầu tư. Điều này đòi hỏi Khánh Hòa cần nhanh chóng khắc phục những điểm yếu về liên kết vùng, tiếp cận đất đai,... đồng thời phải tận dụng, khai thác tối đa những lợi thế vượt trội, đặc biệt là Khu kinh tế Vân Phong, vùng đô thị sân bay Cam Lâm, hệ thống cảng biển, ...mà Khánh Hòa đang có thể mạnh.

- Kinh tế phát triển chưa bền vững, mặc dù tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu kinh tế cao nhưng sức chống chịu còn thấp khi dịch bệnh, thiên tai xảy ra, ảnh hưởng đến phát triển chung; đóng góp của công nghiệp chưa tương xứng. Chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao còn thấp. Khánh Hòa có rất ít khu công nghiệp có hạ tầng hoàn chỉnh để tiếp nhận các dự án, đa số các cụm công nghiệp chưa hoàn chỉnh hạ tầng. Về dịch vụ và đô thị, giải phóng mặt bằng thực sự là rào cản lớn để phát triển tỉnh. Kết cấu hạ tầng phát triển đô thị chưa hoàn thiện nên chưa tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; cơ hội việc làm, tiếp cận nhà ở còn hạn chế.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Xây dựng và phát triển Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trung tâm kết nối vùng, cửa ngõ chính ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ là nhiệm vụ chính trị quan trọng, có ý nghĩa nhiều mặt của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Khánh Hòa và cả nước.

- Xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa phải trên cơ sở bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhất là về phát triển bền vững kinh tế biển; phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ. Khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế cho phát triển với kinh tế biển là nền tảng; công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, dịch vụ logistics, công nghiệp năng lượng, kinh tế số là đột phá; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển đột phá vùng ven biển; phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng và miền núi.

- Xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa phải dựa trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên biển; bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản truyền thống, lịch sử; phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi

trường, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; giảm nghèo và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh xây dựng và phát triển huyện đảo Trường Sa trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước; là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc.

- Đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền; tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Khơi dậy và phát huy mạnh mẽ truyền thống cách mạng, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Khánh Hòa là thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở phát huy cao độ tiềm năng và lợi thế về biển, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao; là nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

3. Một số chỉ tiêu cụ thể

3.1. Giai đoạn 2021 - 2025

- Tăng trưởng GRDP đạt mức 7,1%/năm; tăng trưởng năng suất lao động đạt mức 6,1%/năm. Phân đầu thu ngân sách hàng năm đạt và vượt dự toán ngân sách Trung ương giao. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 354 nghìn tỉ đồng. Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm từ 1 - 1,5%/năm.

- Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người đạt 104 triệu đồng/người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 65%. Có 81,5% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40,2% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10,9% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 77,97%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31%. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 46,5%; tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị, dân cư nông thôn đạt 70%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom là 90% và xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải là 80%.

3.2. Giai đoạn 2026-2030

- Tăng trưởng GRDP đạt mức 8,8%/năm; tăng trưởng năng suất lao động đạt mức 7,8%/năm. Phân đầu thu ngân sách hàng năm đạt và vượt dự toán ngân sách Trung ương giao, từng bước tăng dần tỷ lệ điều tiết về ngân sách Trung ương. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 664 nghìn tỉ đồng.

- Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt 189 triệu đồng/người. Tỷ lệ đô thị hóa đạt 70%. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 81,91%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%. Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 46,5%; tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị, dân cư nông thôn đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom là 100% và xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải là 90%.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Khánh Hòa là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; là thành phố đáng sống, nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; là một trong những địa phương đi đầu trong bảo vệ môi trường và việc thực hiện phát thải khí nhà kính về mức không.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thống nhất nhận thức, đổi mới tư duy trong xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa trở thành đô thị trực thuộc Trung ương

- Tập trung quán triệt, tuyên truyền, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hòa trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc. Đổi mới tư duy phát triển, coi việc xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương là mục tiêu, động lực và giải pháp đối với phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên và cả nước.

- Khơi dậy và phát huy mạnh mẽ truyền thống cách mạng, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh Khánh Hòa vì mục tiêu xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; là thành phố đáng sống của cả nước, khu vực và thế giới.

2. Xây dựng và thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, nhất là quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa phải có tầm nhìn dài hạn, bảo đảm hiệu quả tổng thể, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch khu vực Nam Trung Bộ; có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý giữa bảo tồn và phát triển, giữa truyền thống và hiện đại, giữa thành thị và nông thôn; bảo tồn và phát huy bản sắc đô thị biển - đảo - sông - núi;

giữ gìn bản sắc cộng đồng thân thiện, hiền hòa, thuần hậu; quy hoạch đô thị theo hướng thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Điều chỉnh không gian đô thị hợp lý, gắn với phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, miền, địa phương. Trong đó, thành phố Nha Trang là đô thị hạt nhân; thành phố Cam Ranh là đô thị du lịch - logistics; huyện Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế; huyện Vạn Ninh trở thành đô thị du lịch biển cao cấp; thị xã Ninh Hòa là đô thị công nghiệp, huyện Diên Khánh là đô thị sinh thái, văn hóa truyền thống; huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh là các tiểu đô thị sinh thái núi rừng; huyện Trường Sa là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước, là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

- Phát triển các vùng kinh tế - xã hội theo hướng: (1) Phát triển đột phá 3 vùng trọng điểm là Khu vực vịnh Vân Phong, thành phố Nha Trang, khu vực vịnh Cam Ranh. (2) Phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng, có vai trò hỗ trợ các vùng trọng điểm. (3) Phát triển nhanh và bền vững vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với phát huy bản sắc văn hóa, giá trị tài nguyên bản địa, có vai trò bảo đảm an ninh môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, đại đoàn kết các dân tộc.

3. *Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của tỉnh trên nền tảng của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, theo hướng đa dạng hóa, gia tăng giá trị và hiệu quả; kinh tế xanh, tuần hoàn*

- Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ mới, nhất là những thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh chuyển đổi số; phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh gắn với cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng đa dạng hóa, gia tăng giá trị và hiệu quả; phát triển theo hướng kinh tế xanh, tuần hoàn.

- Tập trung phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, công nghiệp năng lượng thân thiện môi trường gắn với việc khai thác hợp lý, hiệu quả tiềm năng về tài nguyên, khoáng sản biển; ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, theo hướng tăng cường liên kết theo chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới; ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ logistics theo hướng đa dạng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch.

- Phát triển mạnh kinh tế biển theo hướng: (1) Dịch vụ, du lịch biển chất lượng cao. (2) Khu công nghiệp, khu kinh tế gắn với phát triển các khu đô thị ven biển; năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. (3) Nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, nhất là nuôi biển công nghệ cao, thân thiện với môi trường. (4) Dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng biển, vận tải biển - hàng không. (5) Kinh tế biển - đảo. (6) Thành lập Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương.

4. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại; hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số; làm cơ sở để Khánh Hòa phát huy vai trò là trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ chính ra Biển Đông, có vai trò trung tâm kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ với các vùng, miền trong cả nước và quốc tế

- Phân đầu hoàn thành và đưa vào khai thác: (1) Dự án Hàm Đèo Cả. (2) Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông qua địa bàn tỉnh Khánh Hòa gồm các đoạn: Vân Phong - Nha Trang; Nha Trang - Cam Lâm, Cam Lâm - Vĩnh Hảo. (3) Tuyến cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột (CT.24). Nâng cấp, duy tu, bảo trì 5 tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu chuyên đổi tuyến QL.1C thành đường địa phương. Đầu tư đường bộ ven biển từ Bãi Chùa đến ranh giới tỉnh Ninh Thuận; đường sắt tốc độ cao đoạn Thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang; đầu tư mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh. Phát triển hệ thống cảng khách thủy nội địa. Phát triển cảng biển loại I là cảng biển có quy mô lớn, như: Khu bến Bắc Vân Phong, Khu bến Nam Vân Phong, Khu bến Nha Trang, Khu bến Cam Ranh, Bến cảng huyện đảo Trường Sa. Đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Vân Phong.

- Ưu tiên bố trí phù hợp các nguồn lực từ ngân sách nhà nước để dẫn dắt và thúc đẩy thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn, trong đó có các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Chính phủ nghiên cứu giao cho tỉnh Khánh Hòa thẩm quyền triển khai một số dự án hạ tầng giao thông và hạ tầng khác bảo đảm chất lượng, tiến độ theo quy định.

- Nâng cấp, mở rộng các hệ thống cấp nước và xử lý nước thải tập trung quy mô lớn; đầu tư và nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, các công trình phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đầu tư mới, cải tạo các công trình thủy lợi đầu mối, phát triển thủy sản như hồ chứa nước và hệ thống dẫn nước Sông Chò 1, hồ chứa nước Sông Cạn, hồ chứa nước Sông Bung, dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng cá động lực trung tâm nghề cá lớn, Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng cá huyện đảo Trường Sa.

5. Tăng cường hợp tác, liên kết với các tỉnh trong khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước và quốc tế

- Đẩy mạnh liên kết phát triển khu vực Bắc Khánh Hòa - Nam Phú Yên và Đắk Lắk - Khánh Hòa, gắn với hành lang kinh tế Bắc - Nam và Đông - Tây. Lấy thành phố Nha Trang, Khu Kinh tế Vân Phong, thành phố Cam Ranh, Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh và các trường đại học, viện nghiên cứu có thế mạnh về kinh tế biển, y tế dự phòng, du lịch làm nền tảng để phối hợp, gắn kết với các địa phương trong và ngoài vùng, nhất là trong xúc tiến đầu tư và thương mại, kết nối du lịch, giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, huy động và phân bổ nguồn lực; đầu tư kết cấu hạ tầng, hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe.

- Tích cực, chủ động mở rộng, nâng tầm quan hệ của tỉnh với các địa phương nước ngoài, các tập đoàn kinh tế, tổ chức tài chính quốc tế nhằm phát huy tối đa nội lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

6. Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trên cơ sở đẩy mạnh cải cách hành chính; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư, tài chính và phân cấp quản lý đặc thù, phù hợp

- Xây dựng và phát triển chính quyền số, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến; tập trung nâng cao thứ hạng các chỉ số quản trị phát triển địa phương; đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến đầu tư; khuyến khích xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa, xã hội.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư, tài chính và phân cấp quản lý đặc thù, phù hợp để thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là của khu vực kinh tế tư nhân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, phát triển Khu kinh tế Vân Phong trở thành động lực phát triển của tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ; Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế, góp phần đưa Khánh Hòa sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; thực hiện tốt chủ trương kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo, nhất là đối với huyện đảo Trường Sa và khu vực ảnh hưởng của khu căn cứ quân sự Cam Ranh.

- Sớm có chủ trương, cơ chế giải quyết các khó khăn, vướng mắc đối với các dự án ngoài ngân sách sau thanh tra, kiểm tra nhằm giải phóng nguồn lực xã hội, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Tập trung phát triển nguồn lực con người và khoa học - công nghệ, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe nhân dân; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo

- Đổi mới mạnh mẽ, toàn diện giáo dục, đào tạo và dạy nghề; củng cố và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học đạt chuẩn khu vực và quốc tế; phát triển các khu công nghệ cao; đầu tư kết cấu hạ tầng trung tâm ứng dụng khoa học và công nghệ, trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, vườn ươm công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực các cơ sở nghiên cứu về thủy sản, hải dương học. Thành lập trung tâm công nghệ phần mềm, trung tâm đào tạo nhân lực công nghệ thông tin.

- Phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở và mạng lưới khám, chữa bệnh bao phủ rộng khắp, có chất lượng; đẩy mạnh đào tạo chuyên sâu về y học cổ truyền, vật lý trị liệu. Xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa trở thành bệnh viện tuyến cuối của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ; hoàn thành và đưa vào hoạt động các Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện Đa khoa Nha Trang, Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh Khánh Hòa.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, du lịch, khoa học và công nghệ, y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân; tạo nền tảng để Khánh Hòa trở thành trung tâm của khu vực và cả nước về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

- Xây dựng và phát triển toàn diện con người Khánh Hòa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững. Đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử trọng điểm của tỉnh. Tăng cường đầu tư các thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao gắn với quy hoạch trở thành đô thị trực thuộc Trung ương. Thực hiện tốt chính sách, pháp luật về lao động việc làm, an sinh xã hội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hỗ trợ người yếu thế trong xã hội; triển khai đầy đủ các chính sách trợ giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo đảm thoát nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; thực hiện tốt bình đẳng giới. Chú trọng thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh, tạo sự đồng thuận giữa chính quyền với tổ chức, chức sắc tôn giáo, đồng bào dân tộc.

8. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

- Lồng ghép chính sách về bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính trong các dự án phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài để thực hiện mục tiêu trở thành địa phương đi đầu trong việc đưa phát thải khí nhà kính về mức không.

- Thực hiện đánh giá tác động biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với các dự án đầu tư quan trọng, nhất là các dự án vùng ven biển, cửa sông; khu vực đồi núi có nguy cơ sạt lở, lũ, lụt và thiên tai. Ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ mới, tiên tiến trên nền tảng công nghệ thông tin trong dự báo, cảnh báo, điều tra, đánh giá, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

9. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững chủ quyền biển, đảo quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội

- Nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng - an ninh phải được thể hiện xuyên suốt trong từng chủ trương, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội; bố trí lồng ghép các nguồn lực bảo đảm đầu tư xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Ưu tiên xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh tuyến biển, đảo. Tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ dân sự, du lịch biển, đảo, phát triển ngư nghiệp để xây dựng huyện đảo Trường Sa trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước; khu vực phòng thủ vững chắc, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

- Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Chủ động nắm chắc và xử lý tốt các vụ việc về an ninh, trật tự ngay từ khi mới phát sinh, không để xảy ra tình hình phức tạp, không để bị động, bất ngờ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác đấu tranh và phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm công nghệ cao, ma túy, tội phạm về môi trường, "tín dụng đen"...

10. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

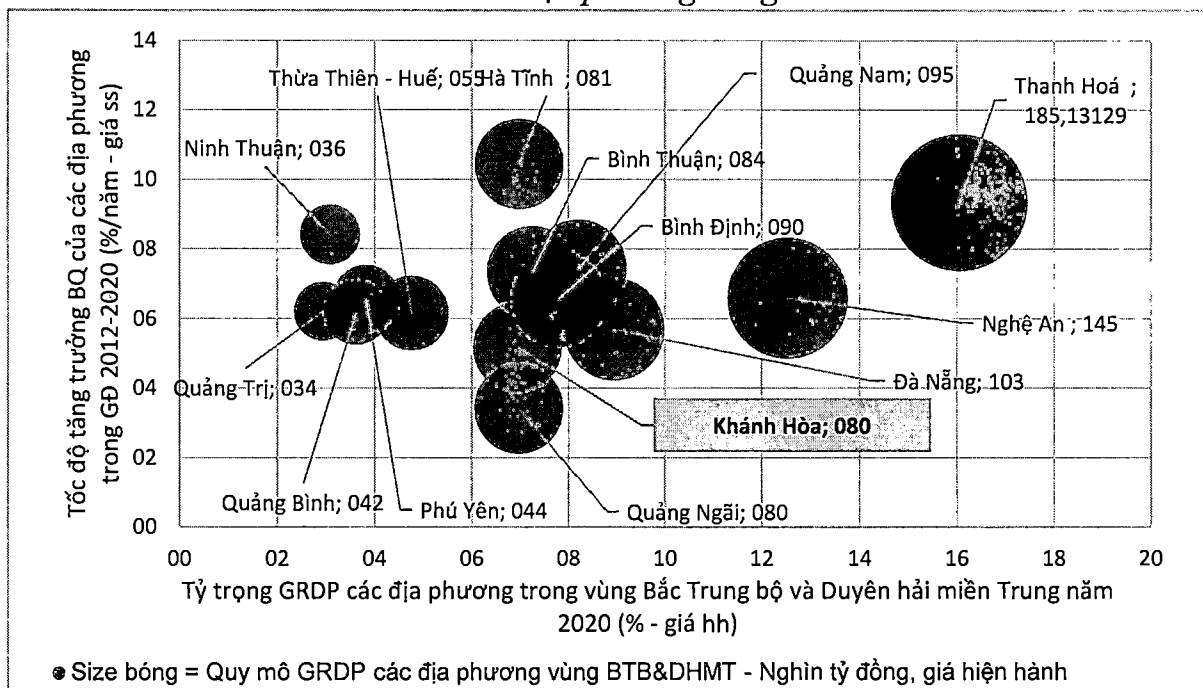
- Xây dựng Đảng bộ tinh đoàn kết, trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; trọng tâm là ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa", gắn với đẩy mạnh thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các nghị quyết, kết luận của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

- Xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, chính quyền cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín; siết chặt kỷ cương, kỷ luật, đồng thời khuyến khích bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo vì sự phát triển chung của tỉnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp; tăng cường quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Đổi mới mạnh mẽ, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng, hiệu quả công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

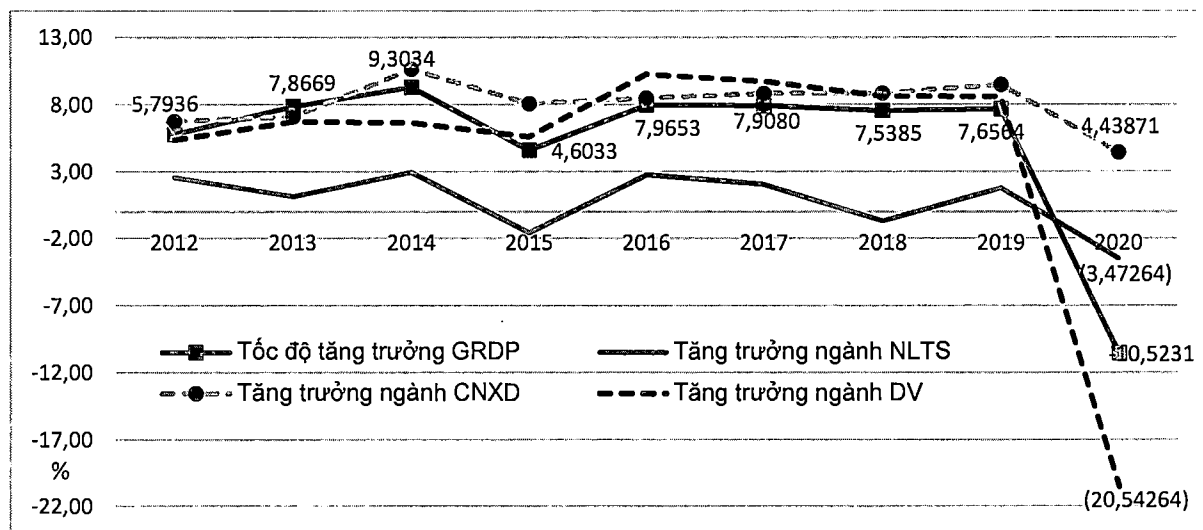
Phụ lục: Tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hoà, giai đoạn 2012-2020

Hình 1. So sánh quy mô và tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2012-2020 của các địa phương vùng BTB&DHMT



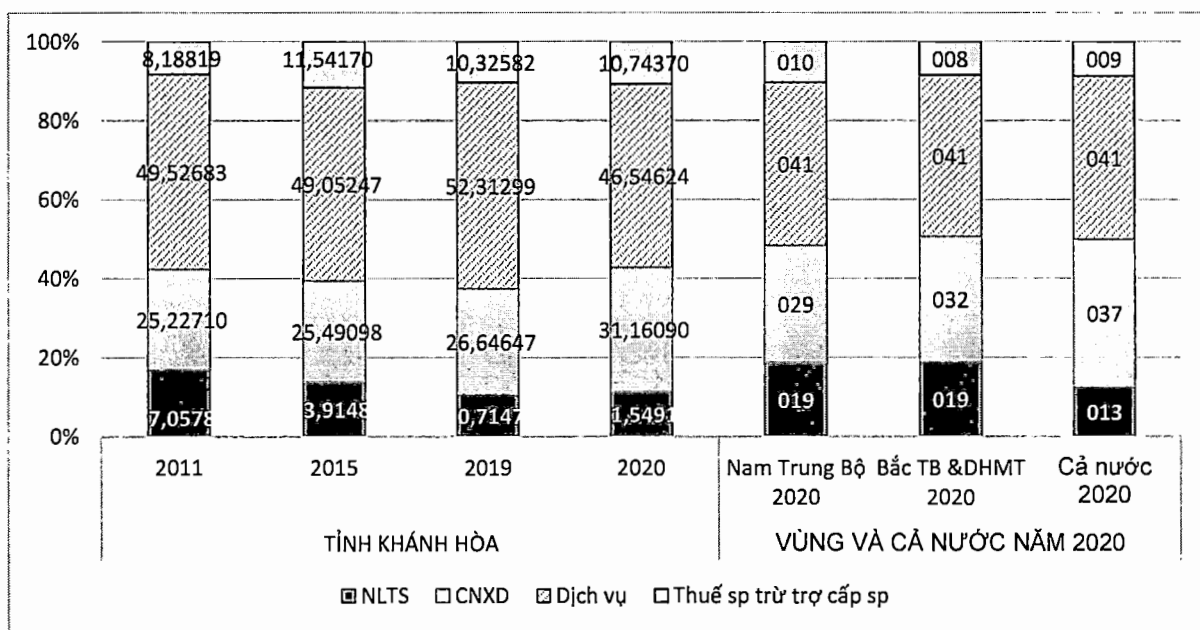
Nguồn: Tính toán từ số liệu của TCTK

Hình 2. Tốc độ tăng trưởng GRDP tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2012-2020



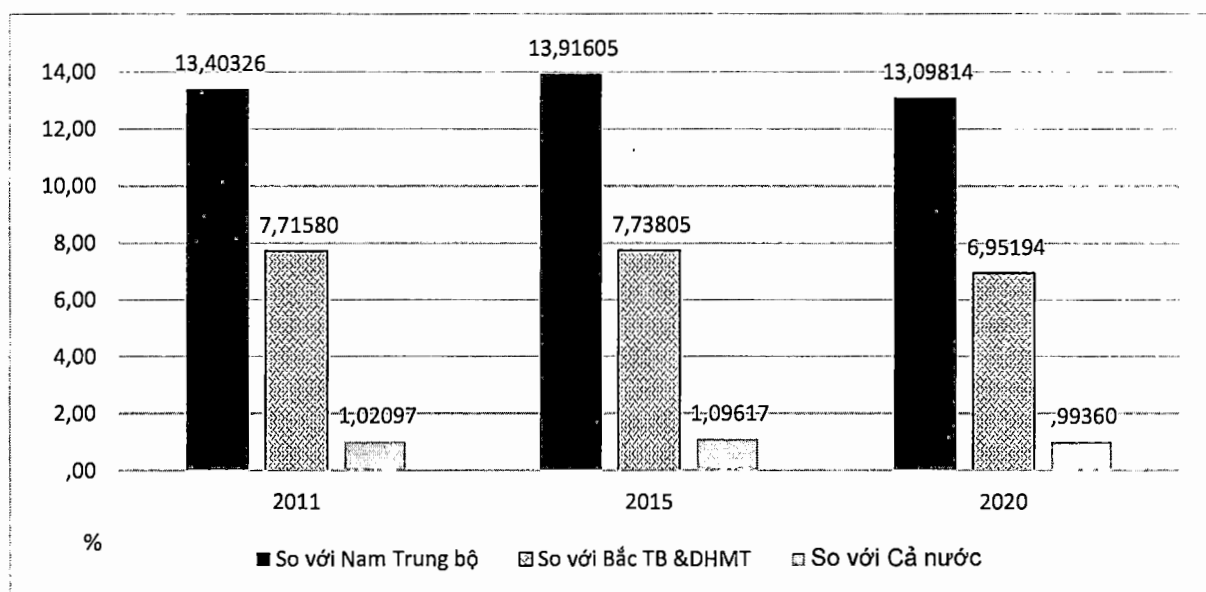
Nguồn: NKTK tỉnh Khánh Hòa

Hình 3. Cơ cấu kinh tế và dịch chuyển cơ cấu kinh tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2011-2020 (so với cơ cấu kinh tế Vùng và cả nước)



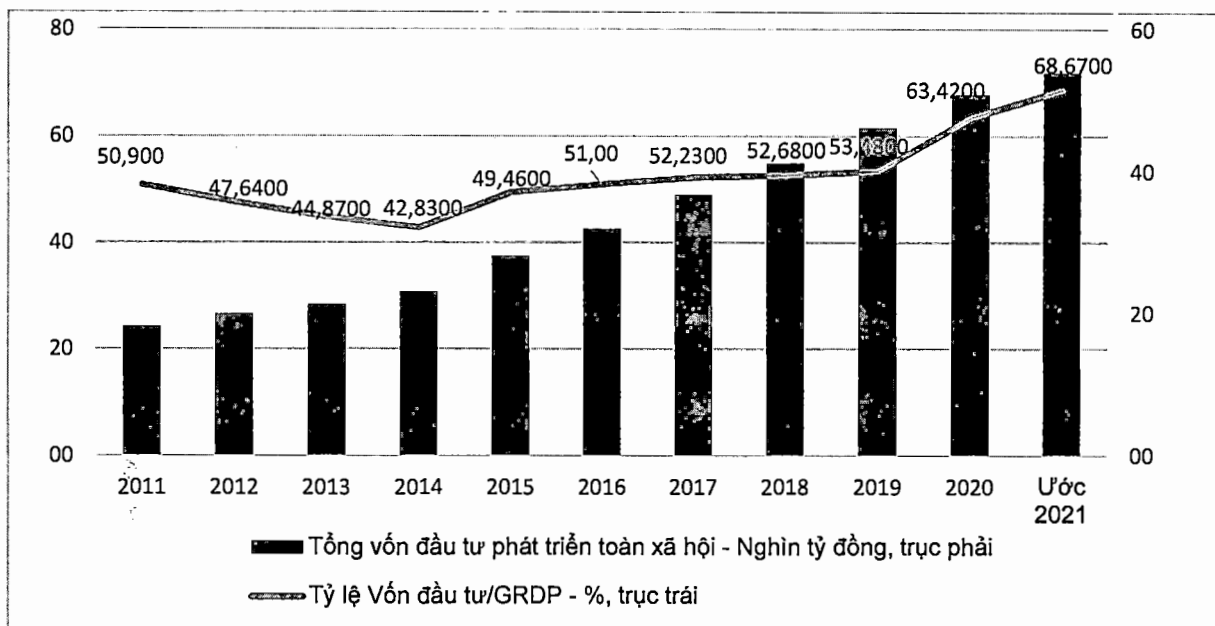
Nguồn: NGTK tỉnh Khánh Hòa và số liệu của TCTK

Hình 4. Tỷ trọng GRDP tỉnh Khánh Hòa trong tổng GRDP toàn Vùng và cả nước



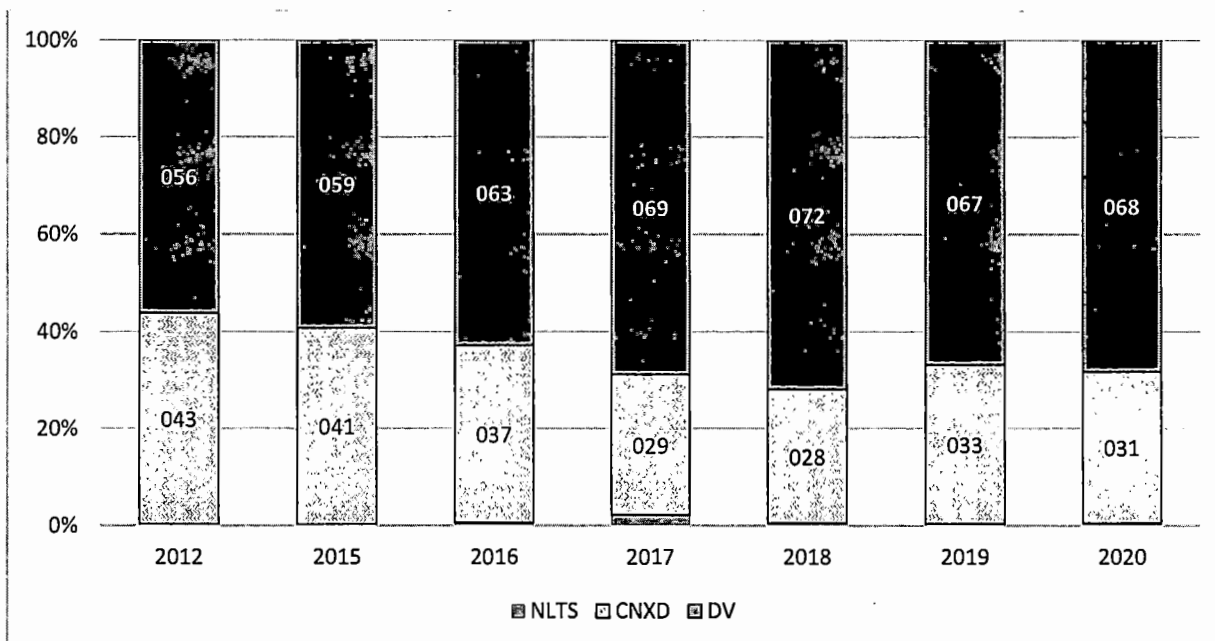
Nguồn: Tính toán từ số liệu cân đối của TCTK.

Hình 5. Tỷ lệ vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên GRDP tỉnh Khánh Hòa



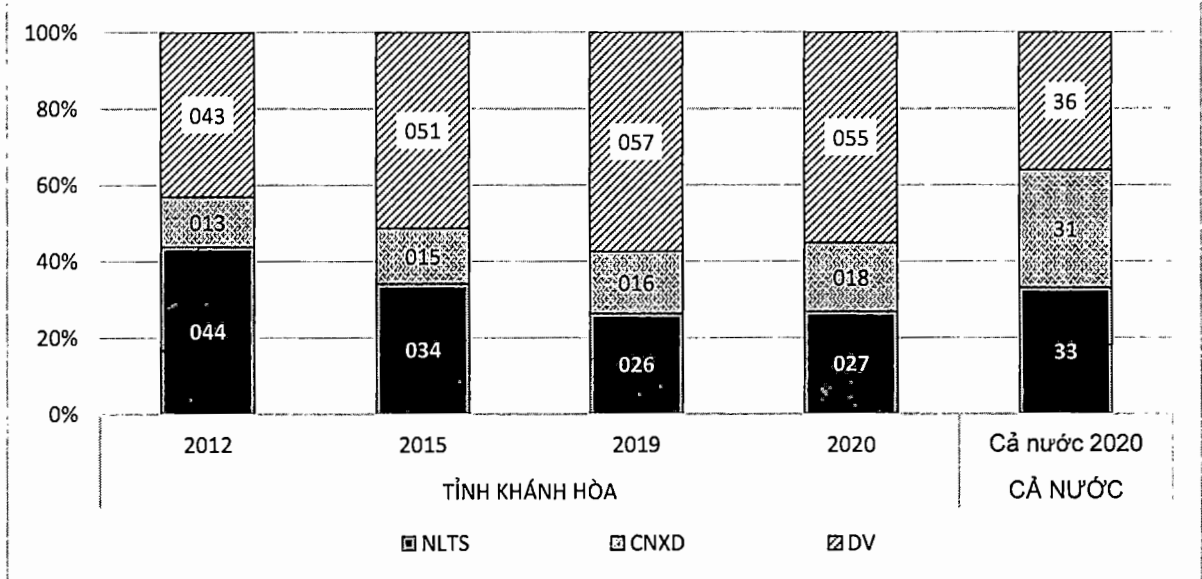
Nguồn: NGTK tỉnh Khánh Hòa và số liệu báo cáo của tỉnh Khánh Hòa

Hình 6. Cơ cấu vốn đầu tư phát triển toàn xã hội các ngành kinh tế tỉnh Khánh Hòa



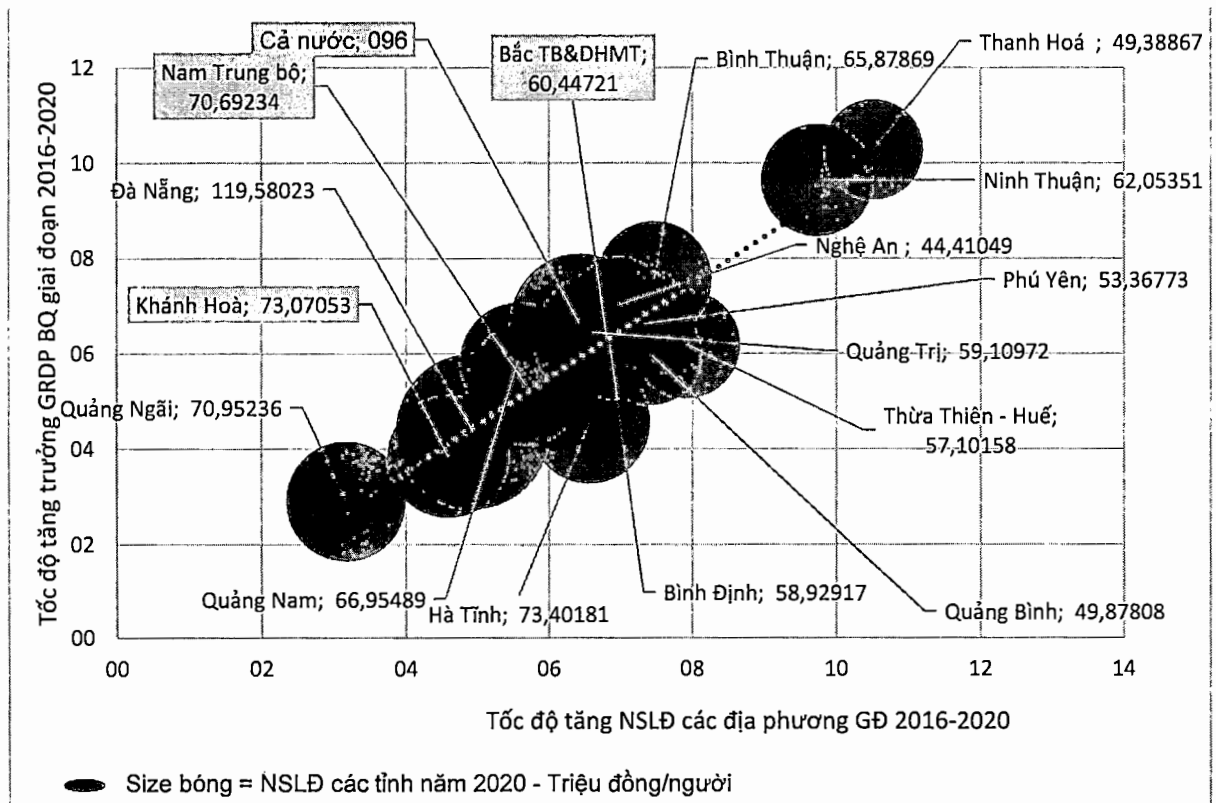
Nguồn: NGTK tỉnh Khánh Hòa.

Hình 7. Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế tỉnh Khánh Hòa



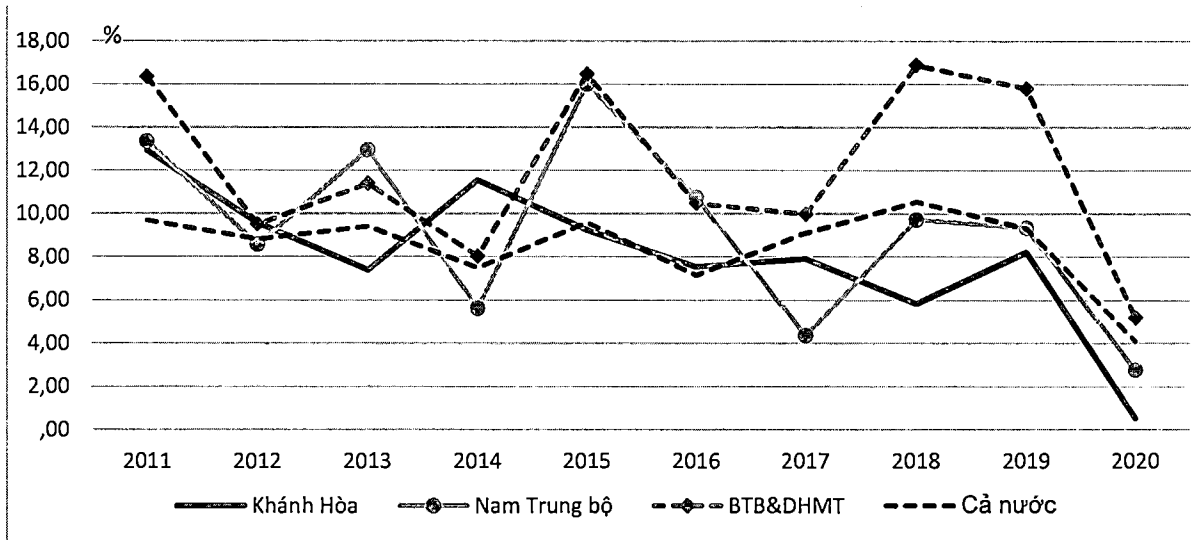
Nguồn: NGTK tỉnh Khánh Hòa và NGTK cả nước năm 2020

Hình 8. Năng suất lao động và tốc độ tăng NSLĐ tỉnh Khánh Hòa so với các địa phương vùng BTB&DHMT và cả nước



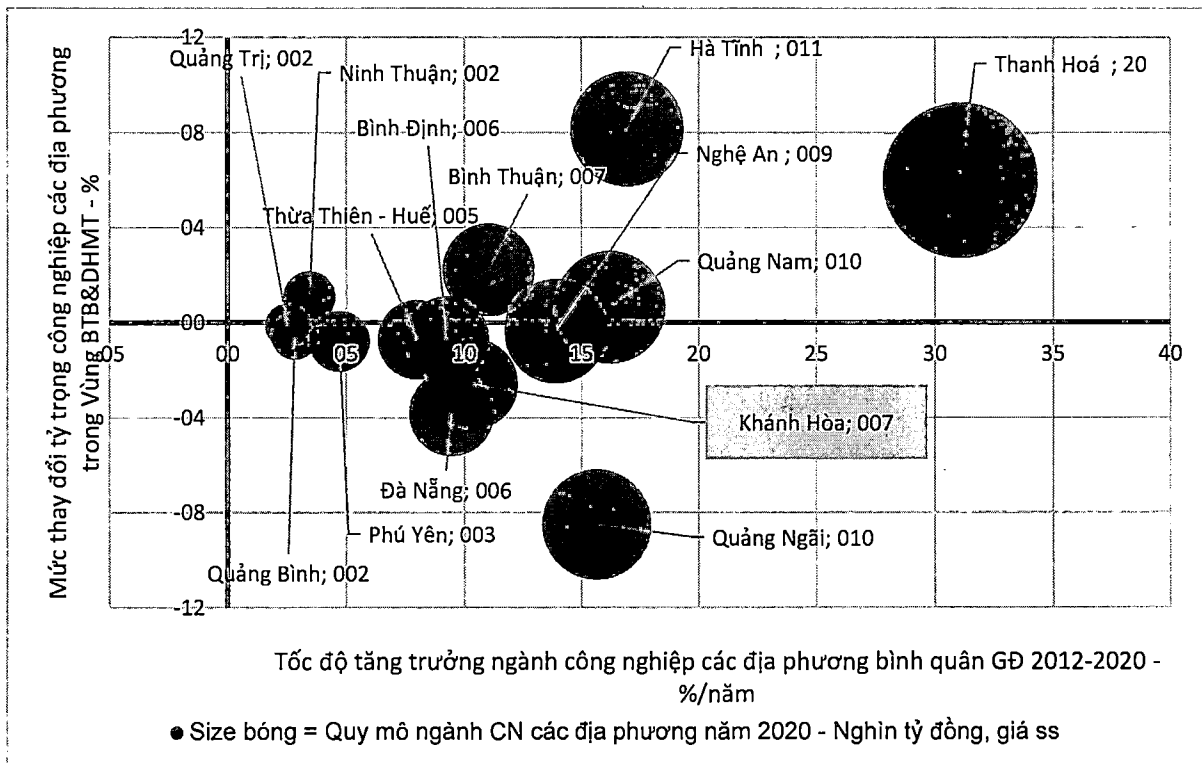
Nguồn: Tính toán từ số liệu NGTK năm 2020 và số liệu cân đối của TCTK năm 2020

Hình 9. Tăng trưởng GRDP ngành công nghiệp tỉnh Khánh Hòa so sánh với mức trung bình của Vùng và cả nước



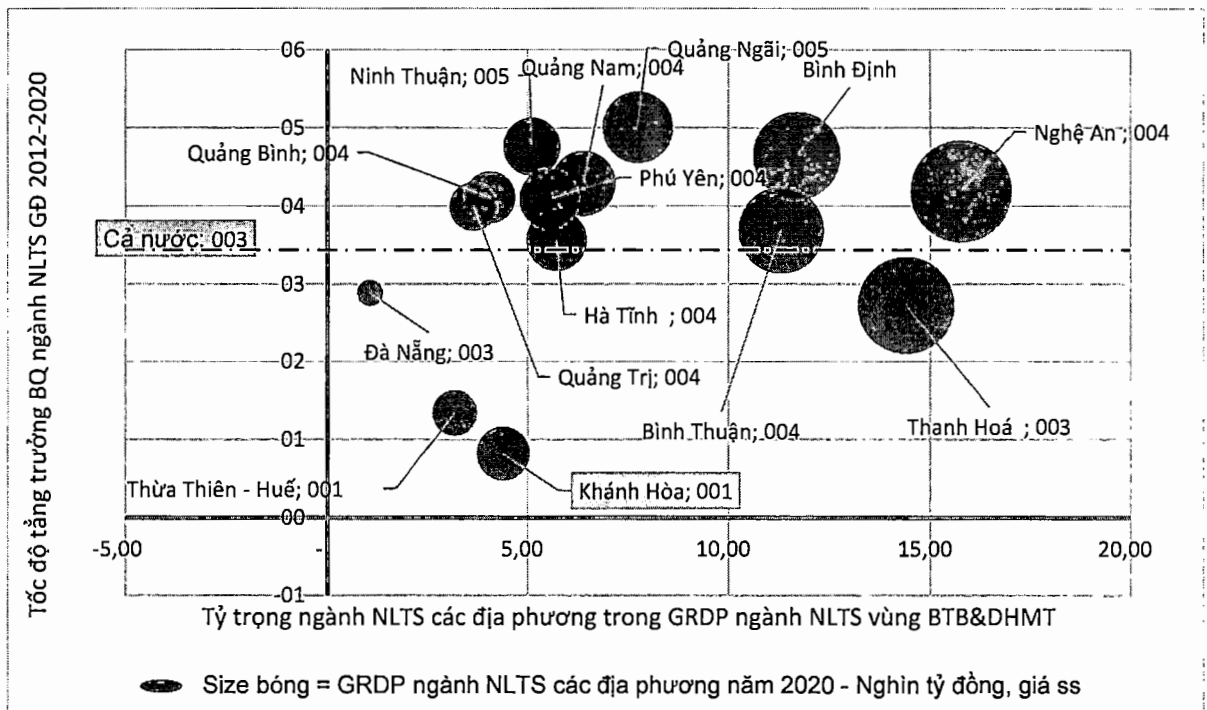
Nguồn: NGTK Khánh Hòa và số liệu cân đối của TCTK.

Hình 10. Quy mô và tốc độ tăng trưởng GRDP ngành công nghiệp các địa phương vùng BTB&DHMT



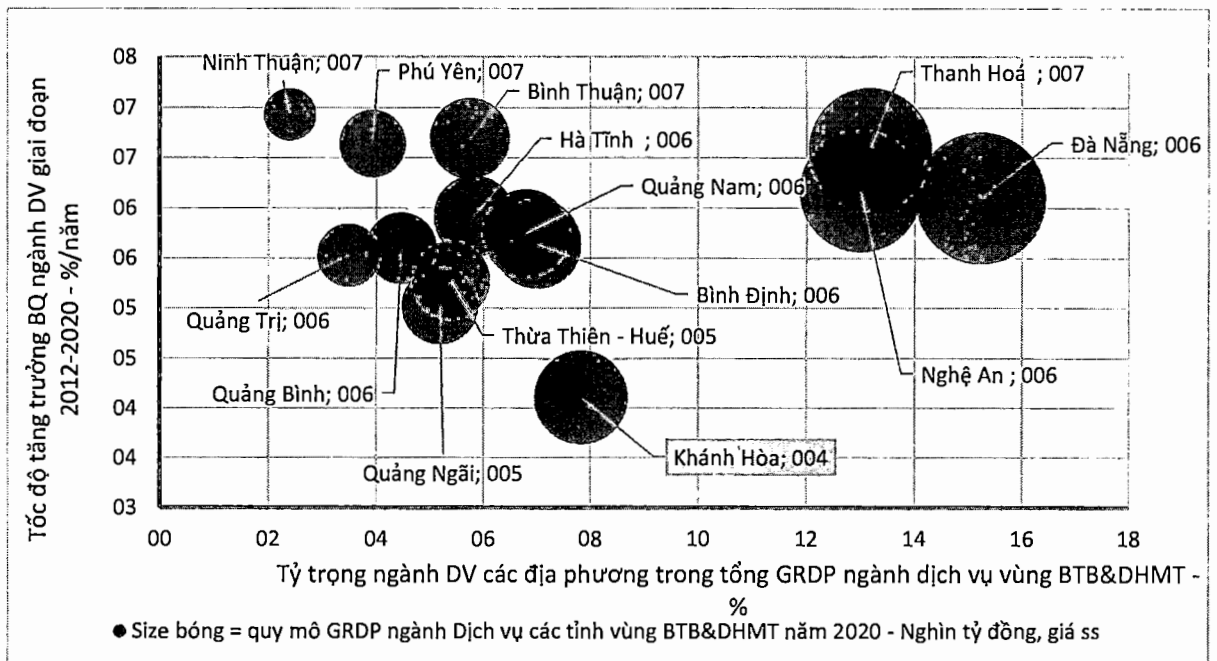
Nguồn: Số liệu NGTK các địa phương và số liệu cân đối của TCTK năm 2020.

Hình 11. Quy mô và tốc độ tăng trưởng GRDP ngành NLTS tỉnh Khánh Hòa (so sánh với cả nước và các địa phương trong vùng)



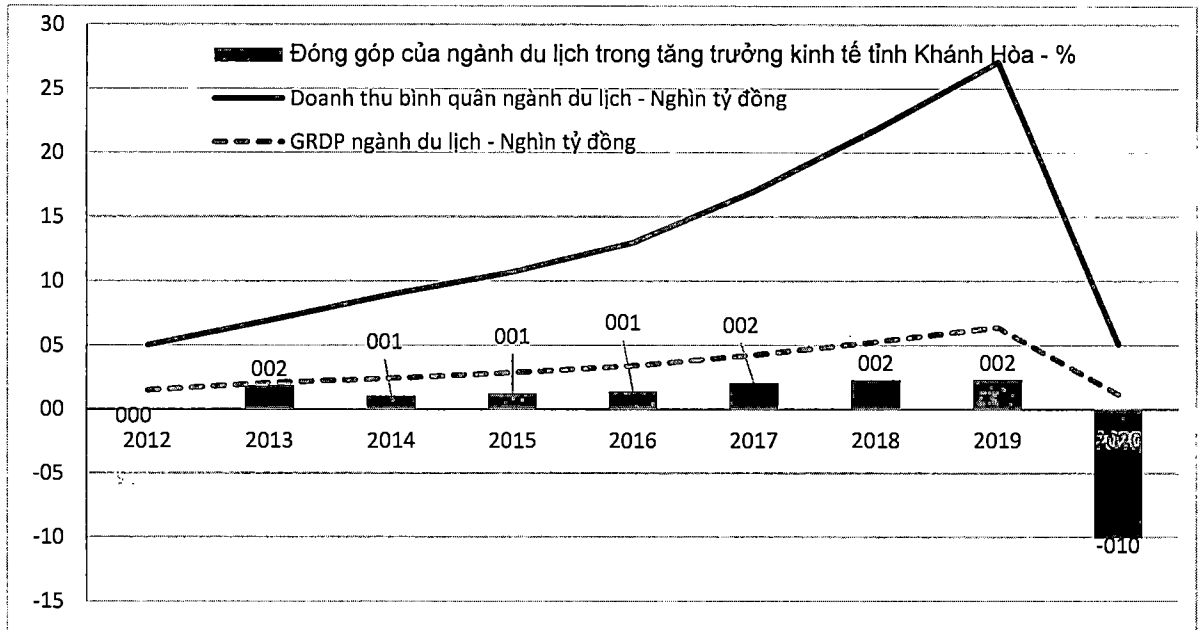
Nguồn: NGTK các địa phương và số liệu cân đối của TCTK năm 2020.

Hình 12. Quy mô và tốc độ tăng trưởng GRDP ngành dịch vụ các địa phương vùng BTB&DHMT



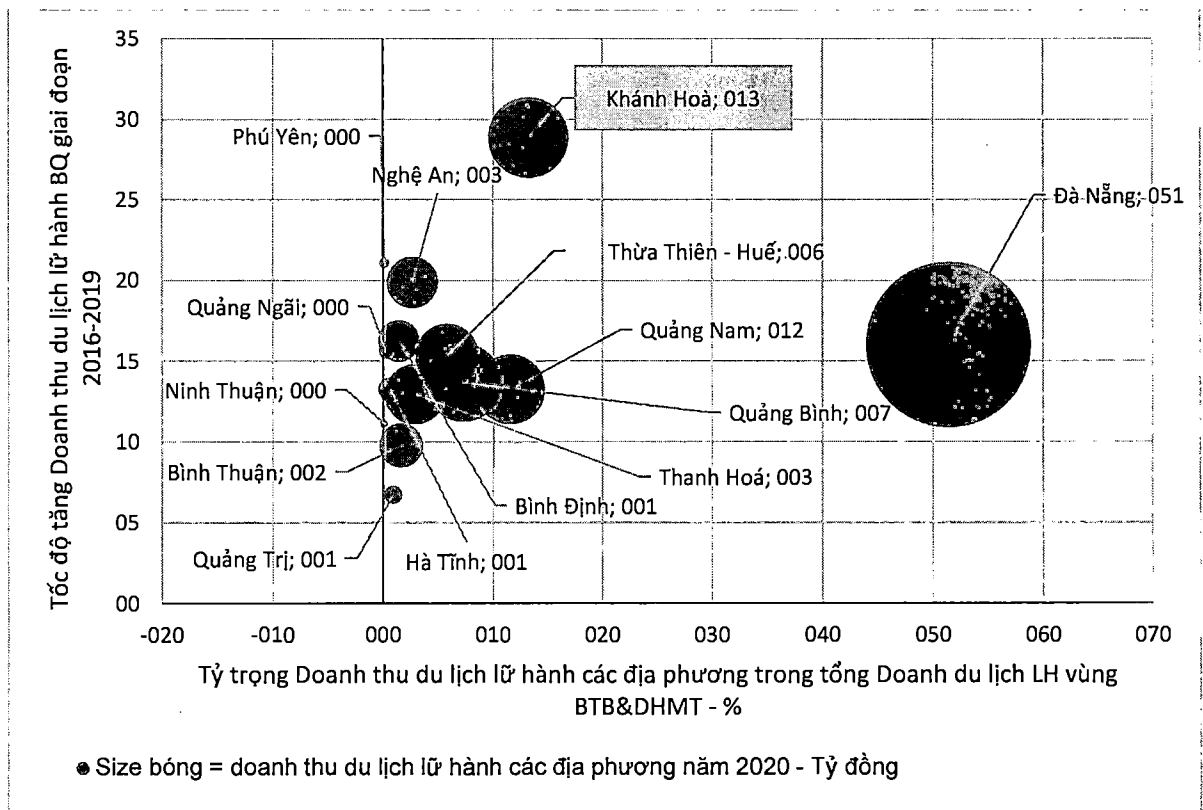
Nguồn: Số liệu NGTK các địa phương và số liệu cân đối của TCTK năm 2020.

Hình 13. Đóng góp của ngành du lịch trong tăng trưởng GRDP tỉnh Khánh Hòa



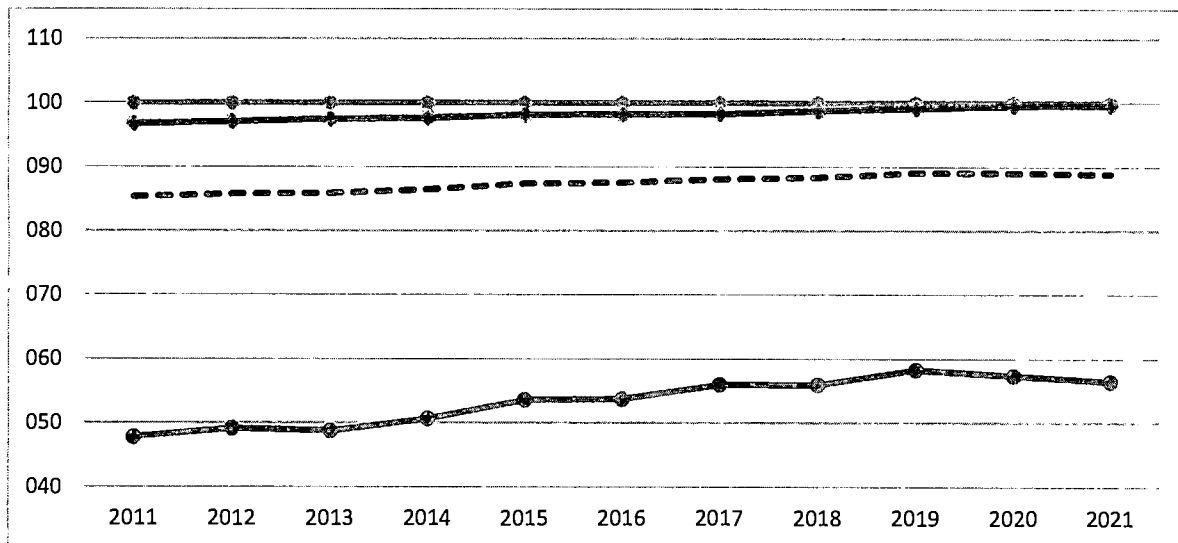
Nguồn: Số liệu báo cáo của tỉnh Khánh Hòa

Hình 14. Quy mô doanh thu du lịch lữ hành các địa phương vùng BTB&DHMT



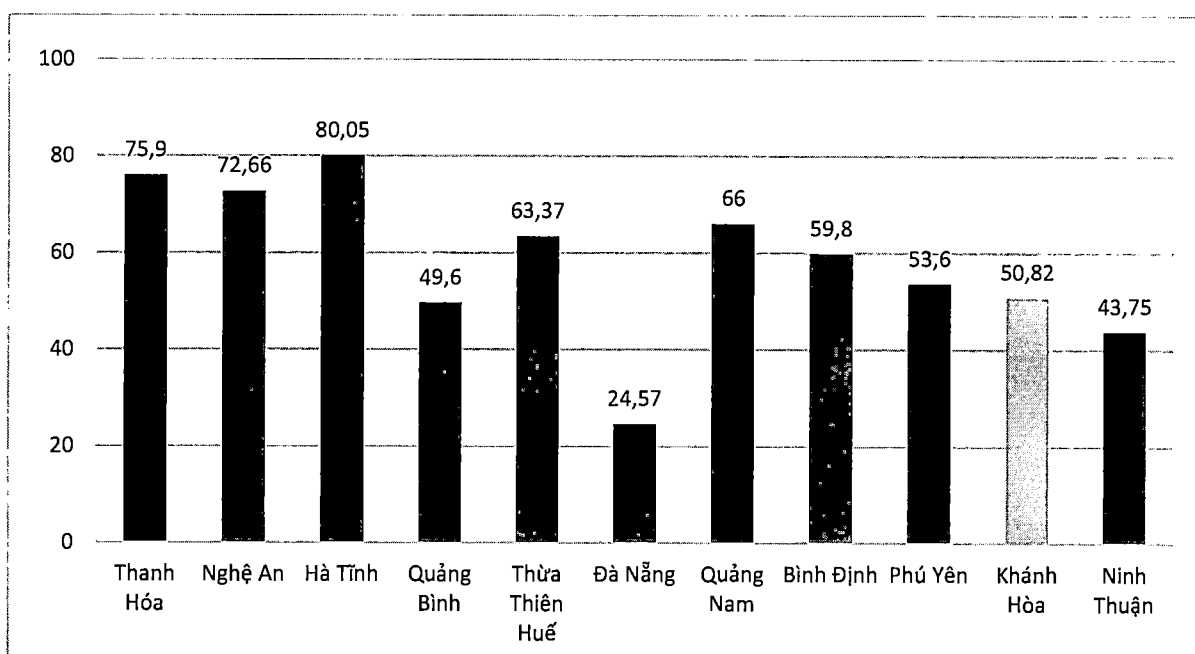
Nguồn: NGTK năm 2020

Hình 15. Tỷ lệ học sinh đi học các cấp của tỉnh Khánh Hòa



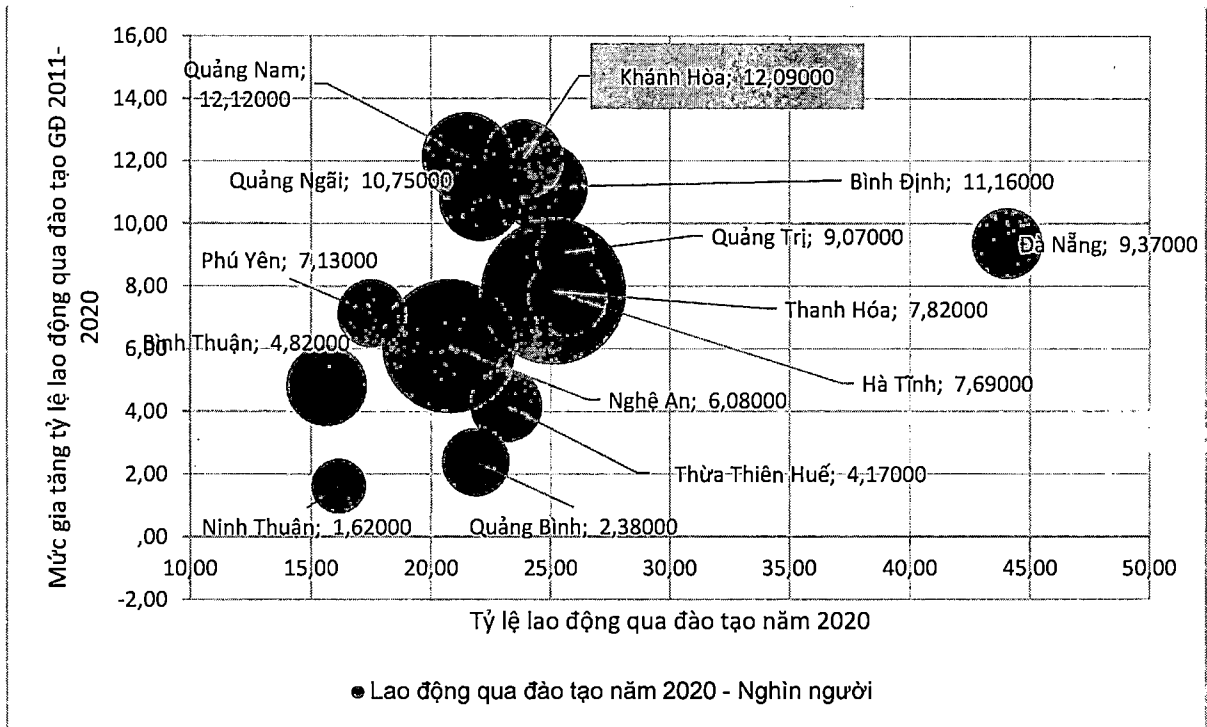
Nguồn: NGTK tỉnh Khánh Hòa

Hình 16. Tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia năm 2020



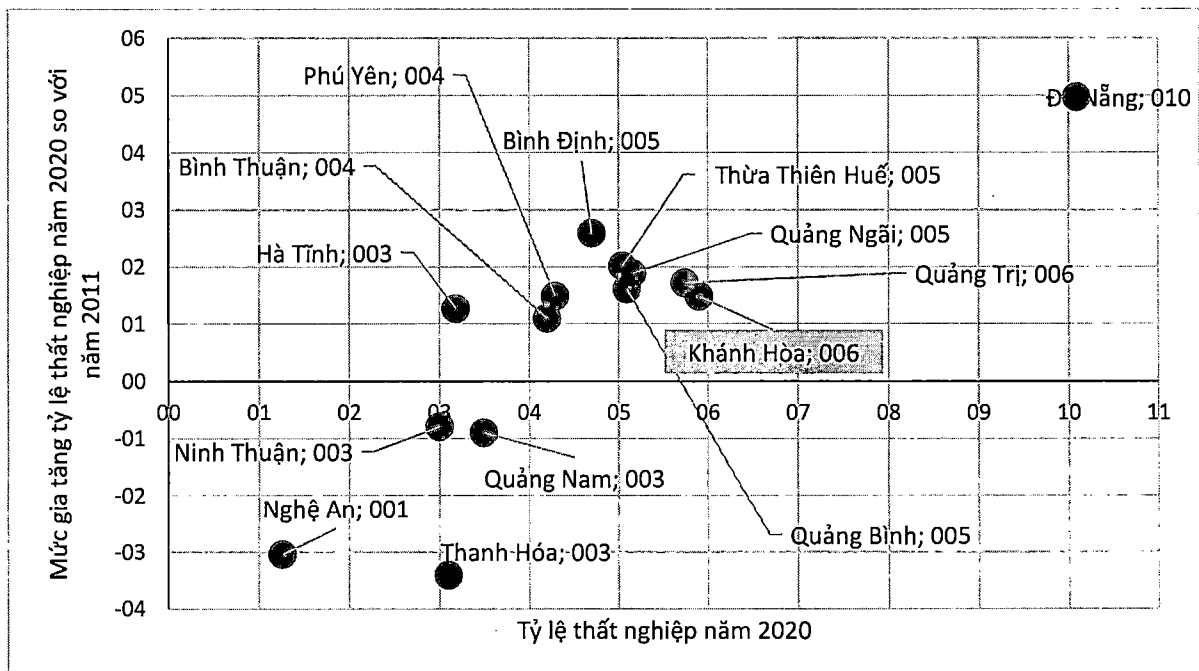
Nguồn: NGTK các địa phương

Hình 17. Tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh Khánh Hòa so với các địa phương vùng BTB&DHMT



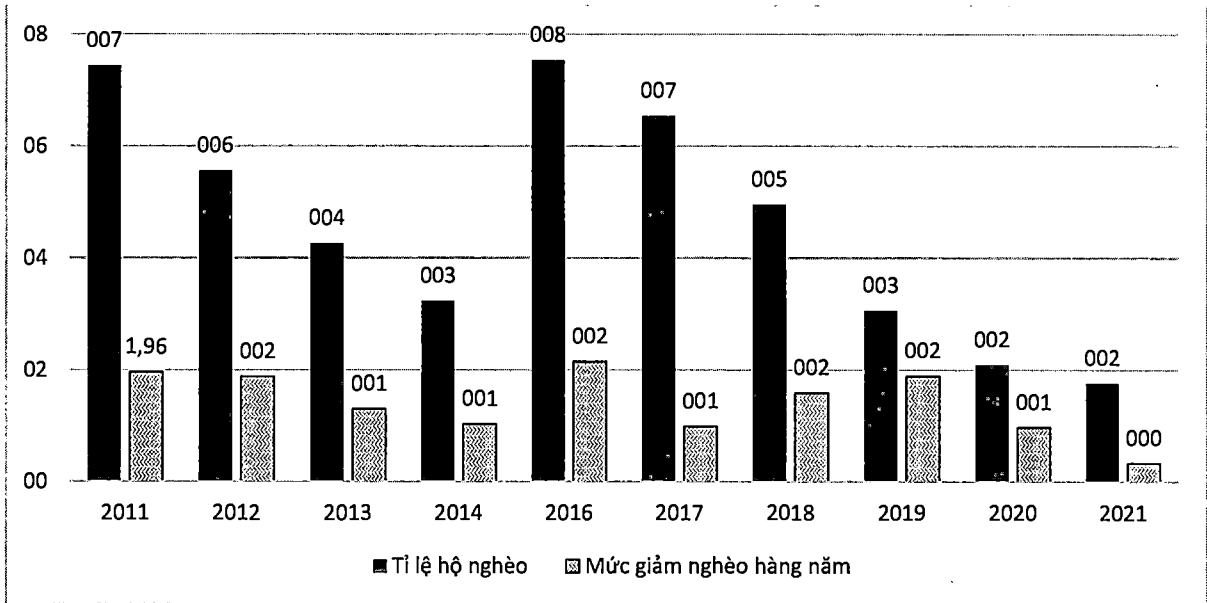
Nguồn: NGTK năm 2020

Hình 18. Tỷ lệ thất nghiệp của tỉnh Khánh Hòa và các địa phương vùng BTB&DHMT



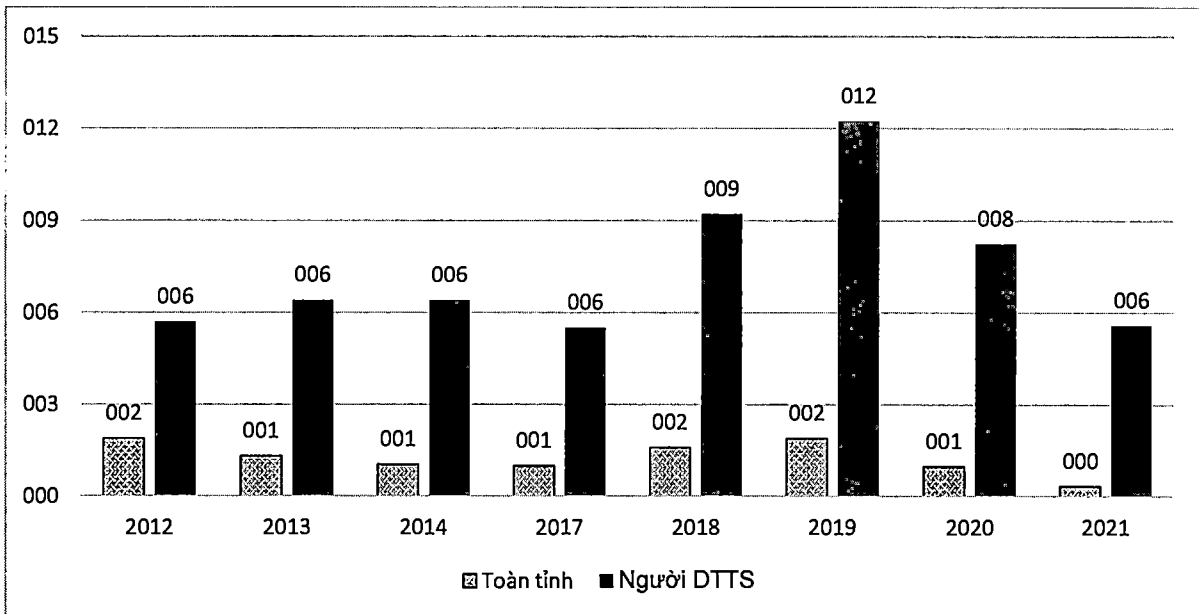
Nguồn: NGTK năm 2020

Hình 19. Tỷ lệ hộ nghèo và mức giảm nghèo hàng năm của tỉnh Khánh Hòa



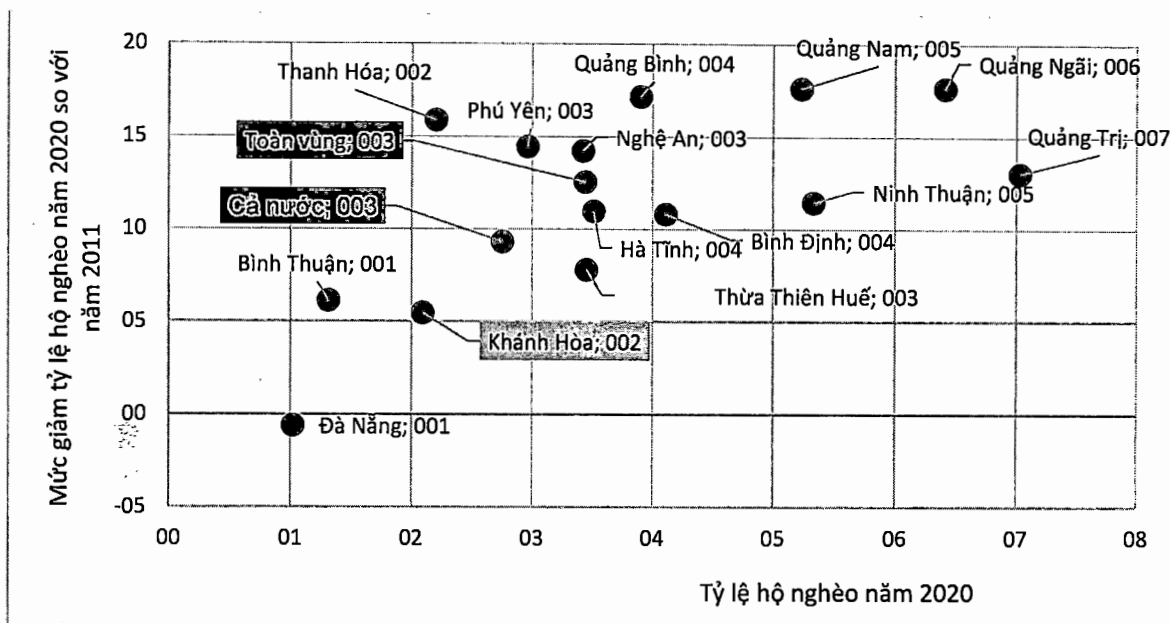
Nguồn: NGTK tỉnh Khánh Hòa

Hình 20. Tỷ lệ giảm nghèo người DTTS so với tỷ lệ giảm nghèo toàn tỉnh



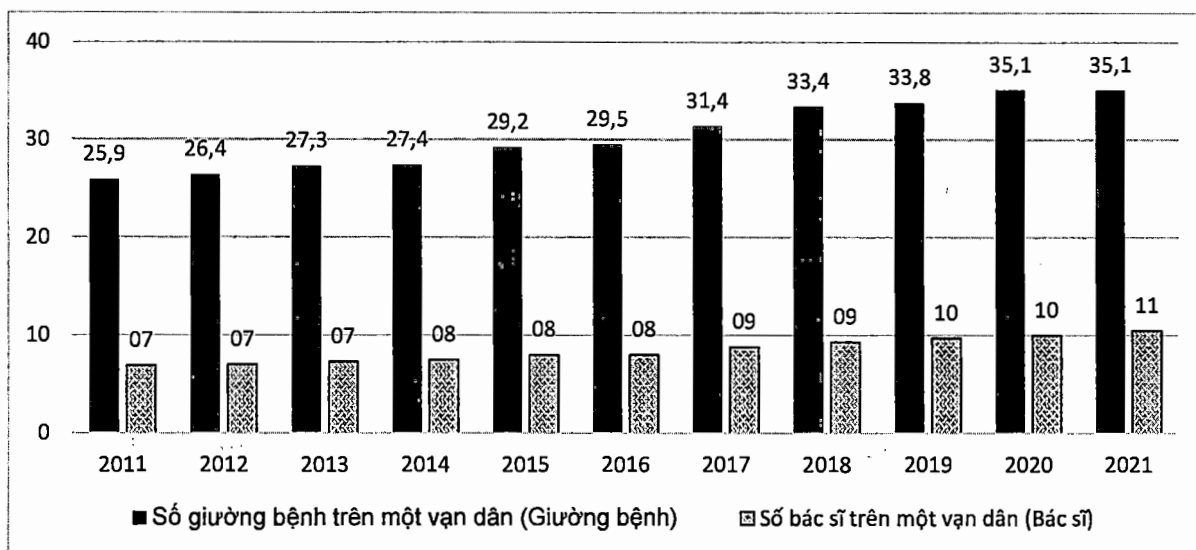
Nguồn: NGTK tỉnh Khánh Hòa

Hình 21. Tỷ lệ hộ nghèo và mức giảm tỷ lệ hộ nghèo các địa phương vùng BTB&DHMT



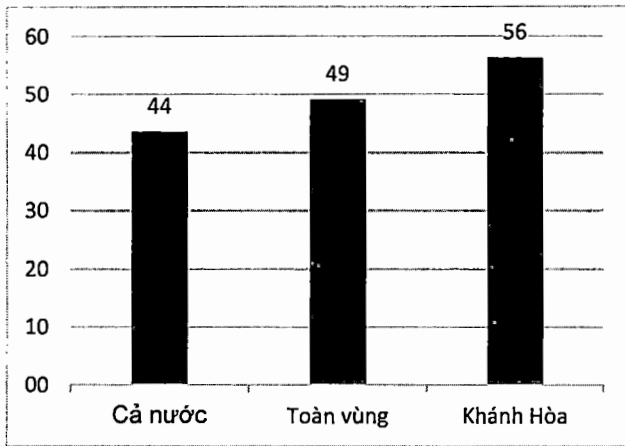
Nguồn: NGTK các địa phương

Hình 22. Một số chỉ tiêu về y tế tỉnh Khánh Hòa

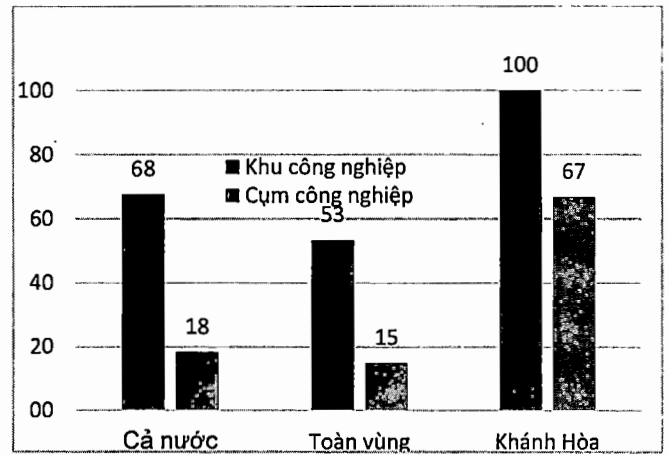


Nguồn: NGTK tỉnh Khánh Hòa

Hình 23. Tỷ lệ các KCN, cơ sở SXKD lắp đặt hệ thống tiêu chuẩn môi trường



Hình 24. Tỷ lệ KCN, CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung tiêu chuẩn





BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*
Số 09-NQ/TW

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hoà đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2045

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Sau gần 10 năm thực hiện Kết luận số 53-KL/TW, ngày 24/12/2012 của Bộ Chính trị khoá XI về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hoà đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Khánh Hoà đã khai thác và phát huy tương đối tốt các tiềm năng, lợi thế, nhất là lợi thế về biển cho phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế tăng trưởng khá, giai đoạn 2012 - 2019 đạt mức bình quân hơn 7,32%/năm. Năm 2019, quy mô nền kinh tế tăng 1,76 lần so với năm 2011; tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt mức 70,07 triệu đồng, tăng 2,3 lần so với năm 2011; thu ngân sách tăng nhanh, bảo đảm tự cân đối ngân sách địa phương và có điều tiết về Trung ương. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông được chú trọng đầu tư, nâng cấp. Hệ thống đô thị ven biển được hình thành tương đối hiện đại. Khu kinh tế Vân Phong từng bước tác động tích cực đến phát triển kinh tế của tỉnh và vùng. Du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Khánh Hoà là trung tâm du lịch biển quốc gia, có thương hiệu quốc tế; từng bước trở thành một cực tăng trưởng trong khu vực.

Phát triển văn hoá, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, công tác dân tộc, tôn giáo, an sinh xã hội, chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ người dân đạt được nhiều tiến bộ. Tỷ lệ hộ nghèo đạt mức thấp; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao. Bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu đạt được nhiều kết quả tích cực. Phát triển kinh tế - xã hội được kết hợp chặt chẽ với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc được bảo vệ vững chắc. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được quan tâm; hoạt động của bộ máy hành chính được đổi mới theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, tiềm năng, lợi thế của tỉnh chưa được khai thác hợp lý, phát huy hiệu quả, chưa tạo ra sự đột phá cho phát triển. Khánh Hoà chưa đạt được các tiêu chí để trở thành đô thị trực thuộc Trung ương; chưa thực sự trở thành đô thị hạt nhân, động lực phát triển, cửa ngõ chính ra Biển Đông của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Khu kinh tế Vân Phong phát triển chưa tương

xứng với tiềm năng, lợi thế. Quy mô kinh tế còn khá nhỏ, sức chống chịu không cao. Du lịch phát triển chưa bền vững. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông chưa đồng bộ. Phát triển và quản lý đô thị còn nhiều bất cập. Kết quả hợp tác, liên kết với các địa phương khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên còn hạn chế.

Phát triển văn hoá - xã hội còn một số bất cập; chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng được yêu cầu; thu nhập bình quân đầu người thấp, chênh lệch phát triển trong nội tỉnh còn cao; nguy cơ tái nghèo cao, nhất là tại những huyện có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Một số chỉ số về bảo vệ môi trường ở mức thấp; ứng phó với biến đổi khí hậu còn bị động. An ninh tuyến biển và một số địa bàn trọng điểm còn tiềm ẩn yếu tố phức tạp. Công tác cải cách hành chính chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị và quản lý nhà nước trên một số lĩnh vực, ở một số giai đoạn còn yếu kém và khuyết điểm lớn.

Hạn chế, yếu kém nêu trên là do: Công tác quán triệt, triển khai thực hiện Kết luận số 53-KL/TW của một số bộ, ngành Trung ương và tỉnh Khánh Hoà chưa được quan tâm thường xuyên, còn thiếu chủ động, chưa sáng tạo, quyết liệt. Thiếu các cơ chế, chính sách đặc thù, nhất là về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý phù hợp để tạo ra động lực mới cho phát triển. Chất lượng quy hoạch chưa cao, thiếu sự liên kết, đồng bộ, thống nhất, thậm chí xung đột, mâu thuẫn, chông chéo giữa các quy hoạch; thiếu kết nối chiến lược - quy hoạch - kế hoạch - đầu tư. Định hướng phát triển đô thị chưa rõ nét và thiếu giải pháp tổng thể để hiện thực hoá mục tiêu xây dựng tỉnh Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Vốn đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông còn thấp, cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, dàn trải, hiệu quả sử dụng chưa cao. Các nguồn lực, nhất là nguồn lực đất đai chưa được quản lý và sử dụng hiệu quả. Chưa có giải pháp mang tính đột phá để thu hút các nhà đầu tư chiến lược; chưa huy động hiệu quả nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư vào tỉnh. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị chưa được quan tâm đúng mức; trách nhiệm nêu gương của một số cán bộ chủ chốt còn hạn chế.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Xây dựng và phát triển Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương phù hợp với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trung tâm kết nối vùng, cửa ngõ chính ra Biển Đông của vùng Tây Nguyên và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ là nhiệm vụ chính trị quan trọng, có ý nghĩa nhiều mặt của Đảng bộ, chính quyền, nhân dân tỉnh Khánh Hoà và cả nước.

- Xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hoà phải trên cơ sở bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhất là về phát triển bền vững kinh tế biển; phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia và khu vực duyên hải Nam Trung Bộ. Khai thác và phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế cho phát triển với kinh tế biển là nền tảng; công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, dịch vụ logistics, công nghiệp năng lượng, kinh tế số là đột phá; du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn. Phát triển đột phá vùng ven biển; phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng và miền núi.

- Xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hoà phải dựa trên cơ sở khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên biển; bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hoá, di sản truyền thống, lịch sử; phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; giảm nghèo và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Đẩy mạnh xây dựng và phát triển huyện đảo Trường Sa trở thành trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội trên biển của cả nước; là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc.

- Đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền; tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết các dân tộc và phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Khơi dậy và phát huy mạnh mẽ truyền thống cách mạng, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của nhân dân tỉnh Khánh Hoà.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Khánh Hoà là thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở phát huy cao độ tiềm năng và lợi thế về biển, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế; là trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; là một cực tăng trưởng, trung tâm của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và cả nước về kinh tế biển, công nghiệp công nghệ cao, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khoẻ chất lượng cao; là nơi nhân dân có mức sống cao, hiền hoà và hạnh phúc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

3. Một số chỉ tiêu cụ thể

3.1. Giai đoạn 2021 - 2025

- Tăng trưởng GRDP đạt mức 7,1%/năm; tăng trưởng năng suất lao động đạt mức 6,1%/năm. Phân đầu thu ngân sách hằng năm đạt và vượt dự toán ngân sách Trung ương giao. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 354 nghìn tỉ đồng. Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm từ 1 - 1,5%/năm.

- Đến năm 2025, GRDP bình quân đầu người đạt 104 triệu đồng/người. Tỷ lệ đô thị hoá đạt 65%. Có 81,5% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, 40,2% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 10,9% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 77,97%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 85%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31%. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 46,5%; tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị, dân cư nông thôn đạt 70%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom là 90% và xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải là 80%.

3.2. Giai đoạn 2026 - 2030

- Tăng trưởng GRDP đạt mức 8,8%/năm; tăng trưởng năng suất lao động đạt mức 7,8%/năm. Phân đầu thu ngân sách hàng năm đạt và vượt dự toán ngân sách Trung ương giao, từng bước tăng dần tỷ lệ điều tiết về ngân sách Trung ương. Tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội đạt 664 nghìn tỉ đồng.

- Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt 189 triệu đồng/người. Tỷ lệ đô thị hoá đạt 70%. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 81,91%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%. Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 46,5%; tỷ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị, dân cư nông thôn đạt 100%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom là 100% và xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác thải là 90%.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Khánh Hoà là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; là thành phố đáng sống, nơi nhân dân có mức sống cao, hiện hoà và hạnh phúc; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc; là một trong những địa phương đi đầu trong bảo vệ môi trường và việc thực hiện phát thải khí nhà kính về mức không.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thống nhất nhận thức, đổi mới tư duy trong xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hoà trở thành đô thị trực thuộc Trung ương

- Tập trung quán triệt, tuyên truyền, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức ở tất cả các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hoà trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc. Đổi mới tư duy phát triển, coi việc xây dựng Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương là mục tiêu, động lực và giải pháp đối với phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh khu vực Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên và cả nước.

- Khơi dậy và phát huy mạnh mẽ truyền thống cách mạng, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức tự lực, tự cường và khát vọng vươn lên của cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh Khánh Hoà vì mục tiêu xây dựng Khánh Hoà trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, là đô thị thông minh, bền vững, bản sắc, ngang tầm khu vực Châu Á; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; là thành phố đáng sống của cả nước, khu vực và thế giới.

2. Xây dựng và thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, nhất là quy hoạch tỉnh Khánh Hoà thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Quy hoạch tỉnh Khánh Hoà phải có tầm nhìn dài hạn, bảo đảm hiệu quả tổng thể, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch khu vực Nam Trung Bộ; có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý giữa bảo tồn và phát triển, giữa truyền thống và hiện đại, giữa thành thị và nông thôn; bảo tồn và phát huy bản sắc đô thị biển - đảo - sông - núi; giữ gìn bản sắc cộng đồng thân thiện, hiền hoà, thuần hậu; quy hoạch đô thị theo hướng thông minh, bền vững, bản sắc và kết nối quốc tế, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Điều chỉnh không gian đô thị hợp lý, gắn với phát huy tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, miền, địa phương. Trong đó, thành phố Nha Trang là đô thị hạt nhân; thành phố Cam Ranh là đô thị du lịch - logistics; huyện Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế; huyện Vạn Ninh trở thành đô thị du lịch biển cao cấp; thị xã Ninh Hoà là đô thị công nghiệp, huyện Diên Khánh là đô thị sinh thái, văn hoá truyền thống; huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh là các tiểu đô thị sinh thái núi rừng; huyện Trường Sa là trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội trên biển của cả nước, là pháo đài vững chắc bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

- Phát triển các vùng kinh tế - xã hội theo hướng: (1) Phát triển đột phá 3 vùng trọng điểm là Khu vực vịnh Vân Phong, thành phố Nha Trang, khu vực vịnh Cam Ranh. (2) Phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bằng, có vai trò hỗ trợ các vùng trọng điểm. (3) Phát triển nhanh và bền vững vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gắn với phát huy bản sắc văn hoá, giá trị tài nguyên bản địa, có vai trò bảo đảm an ninh môi trường sinh thái, an ninh nguồn nước, đại đoàn kết các dân tộc.

3. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng của tỉnh trên nền tảng của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, theo hướng đa dạng hoá, gia tăng giá trị và hiệu quả; kinh tế xanh, tuần hoàn

- Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ mới, nhất là những thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh chuyển đổi số;

phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh gắn với cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng đa dạng hoá, gia tăng giá trị và hiệu quả; phát triển theo hướng kinh tế xanh, tuần hoàn.

- Tập trung phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, công nghiệp năng lượng thân thiện môi trường gắn với việc khai thác hợp lý, hiệu quả tiềm năng về tài nguyên, khoáng sản biển; ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, theo hướng tăng cường liên kết theo chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng gắn với xây dựng nông thôn mới; ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ logistics theo hướng đa dạng, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao; đa dạng hoá và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch.

- Phát triển mạnh kinh tế biển theo hướng: (1) Dịch vụ, du lịch biển chất lượng cao. (2) Khu công nghiệp, khu kinh tế gắn với phát triển các khu đô thị ven biển; năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. (3) Nuôi trồng, khai thác, chế biến hải sản, nhất là nuôi biển công nghệ cao, thân thiện với môi trường. (4) Dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng biển, vận tải biển - hàng không. (5) Kinh tế biển - đảo. (6) Thành lập Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương.

4. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống giao thông vận tải đồng bộ, hiện đại; hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số; làm cơ sở để Khánh Hoà phát huy vai trò là trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ chính ra Biển Đông, có vai trò trung tâm kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ với các vùng, miền trong cả nước và quốc tế

- Phân đầu hoàn thành và đưa vào khai thác: (1) Dự án Hầm Đèo Cả. (2) Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông qua địa bàn tỉnh Khánh Hoà gồm các đoạn: Vân Phong - Nha Trang; Nha Trang - Cam Lâm, Cam Lâm - Vĩnh Hào. (3) Tuyến cao tốc Khánh Hoà - Buôn Ma Thuột (CT.24). Nâng cấp, duy tu, bảo trì 5 tuyến quốc lộ trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu chuyển đổi tuyến QL.1C thành đường địa phương. Đầu tư đường bộ ven biển từ Bãi Chùa đến ranh giới tỉnh Ninh Thuận; đường sắt tốc độ cao đoạn Thành phố Hồ Chí Minh - Nha Trang; đầu tư mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh. Phát triển hệ thống cảng khách thuỷ nội địa. Phát triển cảng biển loại I là cảng biển có quy mô lớn, như: Khu bến Bắc Vân Phong, Khu bến Nam Vân Phong, Khu bến Nha Trang, Khu bến Cam Ranh, Bến cảng huyện đảo Trường Sa. Đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh các công trình hạ tầng thiết yếu trong Khu kinh tế Vân Phong.

- Ưu tiên bố trí phù hợp các nguồn lực từ ngân sách nhà nước để dẫn dắt và thúc đẩy thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước cho đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng trên địa bàn, trong đó có các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Chính phủ nghiên cứu giao cho tỉnh Khánh Hoà thẩm quyền triển khai một số dự án hạ tầng giao thông và hạ tầng khác bảo đảm chất lượng, tiến độ theo quy định.

- Nâng cấp, mở rộng các hệ thống cấp nước và xử lý nước thải tập trung quy mô lớn; đầu tư và nâng cấp hệ thống đê sông, đê biển, các công trình phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đầu tư mới, cải tạo các công trình thủy lợi đầu mối, phát triển thủy sản như hồ chứa nước và hệ thống dẫn nước Sông Chò 1, hồ chứa nước Sông Cạn, hồ chứa nước Sông Bung, dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng cá động lực thuộc trung tâm nghề cá lớn, Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá, cảng cá huyện đảo Trường Sa.

5. Tăng cường hợp tác, liên kết với các tỉnh trong khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và các tỉnh, thành phố khác trong cả nước và quốc tế

- Đẩy mạnh liên kết phát triển khu vực Bắc Khánh Hoà - Nam Phú Yên và Đắk Lắk - Khánh Hoà, gắn với hành lang kinh tế Bắc - Nam và Đông - Tây. Lầy thành phố Nha Trang, Khu Kinh tế Vân Phong, thành phố Cam Ranh, Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh và các trường đại học, viện nghiên cứu có thế mạnh về kinh tế biển, y tế dự phòng, du lịch làm nền tảng để phối hợp, gắn kết với các địa phương trong và ngoài vùng, nhất là trong xúc tiến đầu tư và thương mại, kết nối du lịch, giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao và ứng dụng công nghệ, huy động và phân bổ nguồn lực; đầu tư kết cấu hạ tầng, hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khoẻ.

- Tích cực, chủ động mở rộng, nâng tầm quan hệ của tỉnh với các địa phương nước ngoài, các tập đoàn kinh tế, tổ chức tài chính quốc tế nhằm phát huy tối đa nội lực, tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

6. Thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trên cơ sở đẩy mạnh cải cách hành chính; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư, tài chính và phân cấp quản lý đặc thù, phù hợp

- Xây dựng và phát triển chính quyền số, nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm dịch vụ hành chính công trực tuyến; tập trung nâng cao thứ hạng các chỉ số quản trị phát triển địa phương; đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, xúc tiến đầu tư; khuyến khích xã hội hoá các lĩnh vực văn hoá, xã hội.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đầu tư, tài chính và phân cấp quản lý đặc thù, phù hợp để thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là của khu vực kinh tế tư nhân thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, phát triển Khu kinh tế Vân Phong trở thành động lực phát triển của tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ; Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái, đẳng cấp quốc tế, góp phần đưa Khánh Hoà sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; thực hiện tốt chủ trương kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo, nhất là đối với huyện đảo Trường Sa và khu vực ảnh hưởng của khu căn cứ quân sự Cam Ranh.

- Sớm có chủ trương, cơ chế giải quyết các khó khăn, vướng mắc đối với các dự án ngoài ngân sách sau thanh tra, kiểm tra nhằm giải phóng nguồn lực xã hội, bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, người dân, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Tập trung phát triển nguồn lực con người và khoa học - công nghệ, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; nâng cao năng lực chăm sóc sức khoẻ nhân dân; gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo

- Đổi mới mạnh mẽ, toàn diện giáo dục, đào tạo và dạy nghề; củng cố và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học đạt chuẩn khu vực và quốc tế; phát triển các khu công nghệ cao; đầu tư kết cấu hạ tầng trung tâm ứng dụng khoa học và công nghệ, trung tâm nông nghiệp công nghệ cao, vườn ươm công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; nâng cao năng lực các cơ sở nghiên cứu về thuỷ sản, hải dương học. Thành lập trung tâm công nghệ phần mềm, trung tâm đào tạo nhân lực công nghệ thông tin.

- Phát triển hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở và mạng lưới khám, chữa bệnh bao phủ rộng khắp, có chất lượng; đẩy mạnh đào tạo chuyên sâu về y học cổ truyền, vật lý trị liệu. Xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hoà trở thành bệnh viện tuyến cuối của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ; hoàn thành và đưa vào hoạt động các Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện Đa khoa Nha Trang, Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh Khánh Hoà.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo, du lịch, khoa học và công nghệ, y tế và chăm sóc sức khoẻ nhân dân; tạo nền tảng để Khánh Hoà trở thành trung tâm của khu vực và cả nước về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khoẻ chất lượng cao.

- Xây dựng và phát triển toàn diện con người Khánh Hoà đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững. Đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di tích lịch sử trọng điểm của tỉnh. Tăng cường đầu tư các thiết chế văn hoá, thể dục, thể thao gắn với quy hoạch trở thành đô thị trực thuộc Trung ương. Thực hiện tốt chính sách, pháp luật về lao động việc làm, an sinh xã hội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, hỗ trợ người yếu thế trong xã hội; triển khai đầy đủ các chính sách trợ giúp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo đảm thoát nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; thực hiện tốt bình đẳng giới. Chú trọng thực hiện các chính sách dân tộc, tôn giáo, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh, tạo sự đồng thuận giữa chính quyền với tổ chức, chức sắc tôn giáo, đồng bào dân tộc.

8. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng

- Lồng ghép chính sách về bảo vệ môi trường, giảm phát thải khí nhà kính trong các dự án phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài để thực hiện mục tiêu trở thành địa phương đi đầu trong việc đưa phát thải khí nhà kính về mức không.

- Thực hiện đánh giá tác động biến đổi khí hậu, nước biển dâng đối với các dự án đầu tư quan trọng, nhất là các dự án vùng ven biển, cửa sông; khu vực đồi núi có nguy cơ sạt lở, lũ, lụt và thiên tai. Ứng dụng công nghệ viễn thám, công nghệ mới, tiên tiến trên nền tảng công nghệ thông tin trong dự báo, cảnh báo, điều tra, đánh giá, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

9. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững chủ quyền biển, đảo quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội

- Nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng - an ninh phải được thể hiện xuyên suốt trong từng chủ trương, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội; bố trí lồng ghép các nguồn lực bảo đảm đầu tư xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Ưu tiên xây dựng các công trình quốc phòng, an ninh tuyến biển, đảo. Tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ dân sự, du lịch biển, đảo, phát triển ngư nghiệp để xây dựng huyện đảo Trường Sa trở thành trung tâm kinh tế, văn hoá, xã hội trên biển của cả nước; khu vực phòng thủ vững chắc, góp phần bảo vệ chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của Tổ quốc.

- Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Chủ động nắm chắc và xử lý tốt các vụ việc về an ninh, trật tự ngay từ khi mới phát sinh, không để xảy ra tình hình phức tạp, không để bị động, bất ngờ. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác đấu tranh và phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm công nghệ cao, ma túy, tội phạm về môi trường, "tín dụng đen"...

10. Tập trung xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Xây dựng Đảng bộ tinh đoàn kết, trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ; trọng tâm là ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá", gắn với đẩy mạnh thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các nghị quyết, kết luận của Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị.

- Xây dựng hệ thống chính trị tinh gọn, chính quyền cơ sở vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có đủ phẩm chất,

năng lực và uy tín; siết chặt kỷ cương, kỷ luật, đồng thời khuyến khích bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo vì sự phát triển chung của tỉnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp; tăng cường quản lý nhà nước trên các lĩnh vực. Đổi mới mạnh mẽ, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng, hiệu quả công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng và hệ thống chính trị tỉnh Khánh Hoà triển khai thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ sự đồng thuận của xã hội, vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị nhằm sớm đưa Nghị quyết đi vào cuộc sống.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo: (1) Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết. (2) Xây dựng, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính, trong đó có tách dự án giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư... và phân cấp quản lý cho tỉnh Khánh Hoà, bảo đảm tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước, phù hợp vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hoà trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trình Quốc hội khoá XV thông qua.

3. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương thường xuyên quan tâm, phối hợp, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để tỉnh Khánh Hoà phát triển theo tinh thần Nghị quyết.

4. Các tỉnh uỷ, thành uỷ trong cả nước, nhất là các tỉnh uỷ, thành uỷ trong khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên cần tích cực xây dựng và củng cố mối quan hệ liên kết, hợp tác với tỉnh Khánh Hoà để thúc đẩy cùng phát triển.

5. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ



Nguyễn Phú Trọng

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 826/VPCP-QHĐP
V/v triển khai thực hiện
Nghị quyết số 09-NQ/TW
của Bộ Chính trị

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bí thư Ban cán sự đảng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính có ý kiến như sau:

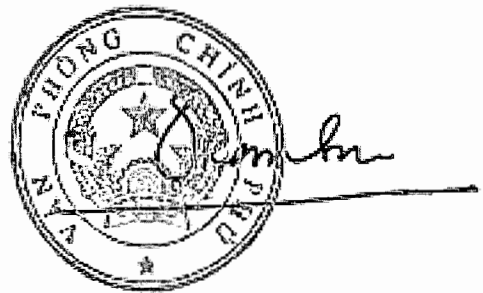
Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị, trong đó có nhiệm vụ xây dựng, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính và phân cấp quản lý cho tỉnh Khánh Hòa, bảo đảm tính tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước; báo cáo Chính phủ trước ngày 20 tháng 02 năm 2022.

Văn phòng Chính phủ thông báo đề Bộ Kế hoạch và Đầu tư biết, thực hiện (gửi kèm bản chụp Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các PTTgCP (để b/c);
- Các Bộ: TC, XD, GTVT, TNMT, VHTTDL, NV;
- VP Trung ương Đảng;
- Tỉnh ủy, UBND tỉnh Khánh Hòa;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, VPBCSDCP, các Vụ: KTTH, CN, NN, KGVX, NC, TCCV, TKBT, TH, V.I;
- Lưu: VT, QHĐP (03) vmd

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM



Trần Văn Sơn

QUỐC HỘI KHÓA XV
ỦY BAN PHÁP LUẬT

Số: 507/UBPL15

V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị về việc xây dựng, trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2022

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ĐẾN Số: ...4514.....

Ngày: 09.02.2022

Chuyên:.....

Số và ký hiệu HS:.....

- Bộ Tư pháp;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Chính trị đã đề ra các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để quy hoạch, phát triển tỉnh Khánh Hòa trở thành đô thị trực thuộc Trung ương, phát huy vai trò là trung tâm kinh tế biển, trung tâm kết nối vùng Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ với các vùng, miền trong cả nước và quốc tế, đồng thời, giao Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, tài chính và phân cấp quản lý cho tỉnh Khánh Hòa, bảo đảm tương đồng với các thành phố lớn khác trong cả nước, phù hợp với vai trò, vị trí và tầm quan trọng của tỉnh Khánh Hòa trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia về biển, đảo của Tổ quốc, trình Quốc hội khóa XV thông qua.

Để kịp thời thể chế hóa, triển khai thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, Ủy ban Pháp luật trân trọng đề nghị Quý Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, khẩn trương, chủ động phối hợp với các cơ quan có liên quan, nghiên cứu, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết của Quốc hội thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Khánh Hòa, báo cáo Chính phủ sớm trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, bổ sung vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội năm 2022 theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Thường trực Ban Bí thư (để b/c);
- Ban cán sự đảng Chính phủ;
- CTQH Vương Đình Huệ (để b/c);
- TTCP Phạm Minh Chính (để b/c);
- Các PCTQH (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực UBTCNS;
- Thường trực UBPL;
- Tỉnh ủy, UBND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu HC, PL.
- e-PAS: 8902.

TM. THƯỜNG TRỰC ỦY BAN
CHỦ NHIỆM



Hoàng Thanh Tùng